

Tác giả : Tràm Cà Mau

Tuyển Tập Truyện Ngắn

Tập 1

Tuyển Tập Truyện Tràm Cà Mau

Bìa: Võ Hương An
Xuất bản năm 2023

Lời mở đầu

Nhờ một số bạn bè và độc giả khuyến khích, tuyển tập truyện ngắn của Tràm Cà Mau này được đem in. Tuyển tập này chỉ để làm kỷ niệm. Phổ biến rất hạn chế.

Độc giả có thể tìm đọc các truyện ngắn này, lác đác đăng trong các trang mạng thân hữu. Cũng có thể nghe đọc qua các giọng đọc khác nhau trên youtube. Đặc biệt nhất là giọng đọc ấm áp, tình cảm của nghệ sĩ Nguyễn Hà.

Tuyển tập này cũng được bạn hữu chuyển thành dạng thức sách lật trang.

Xin độc giả thưởng thức các truyện ngắn của Tràm Cà Mau với tinh thần khoan dung, vui chơi, giải trí. Đừng xem gì là quan trọng. Tác giả không làm văn chương, chỉ kể lể chuyện vui buồn đã từng trải qua trong một thời đại đảo điên của lịch sử.

California tháng 8 năm 2023.

Triết Lý Củ Khoai

Năm học lớp Đệ Ngũ bậc Trung học, tương đương với lớp tám bây giờ, một hôm thằng bạn nhỏ ngồi cạnh tôi thì thầm: “Tại sao trong tiểu thuyết, mỗi khi có hai người ôm nhau, thì tác giả có đề cập đến hạnh phúc? Hạnh phúc là cái gì mà y có biết không?” Tôi liền tay dong tay rụt rè hỏi giáo sư đang dạy môn nghị luận luân lý: “Thưa thầy, hạnh phúc là cái gì?”. Hỏi mà run lấm, vì lỡ ra hạnh phúc là chuyện bậy bạ, thì e lãnh phạt đủ. Thầy liền ra cho cả lớp một bài luận văn, bình giải câu: “May thay, ngoài hạnh phúc ra, đời còn có cái gì khác nữa.” Thầy còn ghi chú thêm câu viết nguyên văn bằng tiếng Pháp để học trò có thể hiểu rõ hơn. Thầy giảng rằng, hạnh phúc như là cái bóng, mà mọi người trên thế gian này đều luôn luôn theo đuổi, cố chạy theo nhưng không bao giờ bắt gặp được cả. Bởi vậy, cho nên may mắn quá, cuộc đời này

còn có nhiều thứ khác nữa, để bù đắp vào cái thiếu thốn là hạnh phúc, mà con người như chẳng bao giờ tìm thấy, không bao giờ nắm được. Chúng tôi hiểu mập mờ rằng, hạnh phúc là cái gì đó xa lắm, là như thứ ảo ảnh, mà con người thế gian ai cũng mơ ước, quay quắt đi tìm, và chẳng bao giờ tìm thấy. Tôi thầm nghĩ, thầy bắt chúng tôi bình luận làm chi cái thứ không có và khó khăn, để thêm tốn giấy mực, tốn thì giờ. Thế là cả đám học trò nhí nhô đầu còn cắt tóc trọc, đau khổ nhăn nhó, nặn óc bình giải về hạnh phúc, cái thứ mà chúng mù mờ, chưa ý thức, chưa hiểu nổi vài ba phần trăm ý nghĩa. Thằng bạn ngồi sau lưng, thúi tôi hai cái đau điếng, để phạt cái tội hỏi thầy câu hỏi cắc cớ, làm cho cả lớp phải nhức đầu. Tôi biết tội, ngồi yên.

Tôi cứ yên chí là hạnh phúc không có thật trên đời này, và không tội gì uổng công tìm kiếm. Dù sách vở, thơ văn, có nói nhiều đến hạnh phúc, tôi e rằng đó là chuyện mơ mộng ao ước hão huyền, chuyện bánh vẽ của những người chuyên làm thơ văn.

Nhưng khi lớn lên, được đọc kinh Phật, kinh Thánh, và nhiều sách triết lý Âu Á, như Khổng, Lão, Chu... và luôn cả kinh Koran và kinh đạo Bahai nữa, thì tôi tìm cho tôi được một triết lý đơn sơ, mộc mạc, là cái món hủ

lớn vất ra từ tinh túy của các triết lý khác. Tôi tạm gọi là “ Triết Lý Củ Khoai”. Vì nó đơn sơ như củ khoai, rẻ tiền , mộc mạc, và dễ tìm thấy như củ khoai trong đời này. Triết lý đó được đơm gọn lại trong một câu ngắn ngủi : “ Nếu chỉ có một củ khoai thôi, thì hãy nướng nó cho thật thơm mà đớp”. Ý nghĩa của câu đó cũ mềm, hình như ai cũng biết, và có nhiều câu nói tương tự . Cái triết lý đơn giản này giúp tôi thấy được rằng, hạnh phúc là cái rất cụ thể, rất gần gũi , bất cứ ai, và bất cứ lúc nào, cũng có thể tìm được hạnh phúc rất dễ dàng. Ai cho rằng hạnh phúc là cái xa vời, thì vì họ chưa nắm hết phần tinh túy của các triết lý khác, hoặc chưa từng nghe một phần của triết lý củ khoai. Nhiều sách vở khác cũng có nói đến, nhưng người đọc vô tình hoặc cố ý làm ngơ, hoặc biết rất rõ nhưng chẳng bao giờ thực hành.

Năm 1975 tôi mang cái "triết lý củ khoai" vào nhà tù cộng sản. Cộng sản gạt rằng, đi học tập chính trị trong vòng một tháng, cho “thông suốt đường lối của cách mạng” rồi về. Nghe dễ quá, nên bà con miền Nam mắc bẫy. Trong tù, ai cũng nôn nóng, chờ “ học tập” cho xong, mà về với vợ với con, vì việc nhà còn trăm chuyện lu bu lắm, cả tháng trời ai mà lo cho. Lo nhất là hai

ba tuần đã qua rồi, mà chưa thấy bài vở, chưa thấy học tập chi cả. Không lẽ khóa học phải kéo dài thêm vài tuần? Trong tù, ngoài đau khổ vì thiếu tự do, còn bị cái đói hành hạ, cái lạnh cắt da thịt từng đêm và nỗi khó nhọc hàng ngày khi làm lao động tay chân không quen mà tình trạng sức khỏe thì quá suy yếu. Còn phải đau khổ tinh thần vì làm đi, làm lại bản tự khai tự thú, phải tự bịa đặt tội lỗi gán cho mình, để được cái gọi là “thành tâm cải tạo”. Nhưng nỗi mong chờ làm cho đám tù nhân phờ phạc mau hơn các nguyên nhân khác. Một hôm đi lao động bên ngoài vòng trại, có anh lượm được bản nháp bức thư của một lính cộng sản, trong đó viết cho cha mẹ ngoài Bắc rằng, dạo này con canh gác tù rất nhàn nhã, bọn chúng toàn cả cán bộ cao cấp ngụy quyền. Anh tái mặt và đem lá thư về cho vài người bạn xem, có người xem xong phát khóc vì biết mình đang ở tù chứ không phải học tập chi cả.

Phần tôi, sau một tháng chưa được về, tôi lờ mờ hiểu rằng “có cái gì không ổn đây”. Tôi chuẩn bị tinh thần để đón nhận những gì không thể tránh được. Một hôm, sau buổi cơm chiều, tôi chỉ ngọn đồi bên kia nói với người bạn tù : “Cứ xem như đó là nơi chôn chúng ta khi tóc bạc lìa đời, và xem đây

như là nơi chúng ta phải sống trọn đời còn lại. Hãy tìm và tạo những niềm vui nhỏ nhoi nhất mà chúng ta có được ở nơi này. Ráng tìm vui, buồn bã cũng vô ích, mà còn có hại cho sức khỏe.” Nghe thế, người bạn tù của tôi gần khóc vì sợ. Tôi đem triết lý củ khoai ra giảng giải. Về sau, nhiều người bạn tù khác gai, mắt bực tức vì thấy chúng tôi vẫn tỉnh khô, vẫn thản nhiên vui vẻ cười đùa như không phải đang ở tù, như không phải đang cực nhọc, thiếu thốn, đói khát. Mặc dầu sức khỏe của chúng tôi sút kém rất mau, gầy gò, răng vầu, mắt sâu. Chúng tôi cứ xem những bữa ăn thiếu thốn kham khổ kia là cao lương mỹ vị, tận hưởng từng miếng nhai nuốt. Khi chúng tôi bắt được con nhái bén nhỏ, ướp chút muối, nướng cho thơm ngậy, tổ chức một bữa tiệc thưởng trăng, xé con nhái làm ba. Ba anh em tù bí mật ăn trong đêm tối bên hè nhà, nhìn trăng chênh chếch, cười với nhau sung sướng và ngâm nhỏ vài đoạn cổ thi.

Ngoài những sinh hoạt công khai trong tù, chúng tôi còn tổ chức được các buổi văn nghệ bỏ túi, cấp tốc. Ba bốn tù nhân hẹn nhau ở đám cỏ cao bên cầu tiêu, một người canh chừng, mấy người kia hát “nhạc cũ” cho nhau nghe đỡ ghiền, sửa lại lời hát các

bản nhạc của cộng sản, để châm biếm cười chơi. Anh nào làm được bài thơ đặc ý, đem ngâm nga cho bạn tù chia xẻ, thưởng thức. Những khi đi lao động khổ sai như cuốc rẫy, khiêng đất, tôi và anh bạn, hai đứa hai đầu gánh nặng, vừa làm việc vừa đánh cờ tướng không bàn: “ Pháo hai bình năm, mã bảy tấn sáu, mã hai tấn ba, xa một tấn một, vân vân.” Mãi suy nghĩ để chuyển quân trong bàn cờ, chúng tôi quên cả nhọc nhằn, cả hôi hám, cả nắng cháy, và quên luôn thời gian. Buổi lao động nhọc nhằn qua đi lúc nào mà không hay. Chúng tôi chơi cờ không cao, nhưng chơi mãi rồi thành quen, không cần bàn, mà vẫn quần nhau từ sáng đến khuya. Cả những đêm học tập chính trị chán ngắt, chúng tôi ngồi như chăm chú lắm, không ai biết chúng tôi đang chơi cờ không bàn, đang dàn trận, bắt quân, dứ, chiếu, đang chống đỡ cho khỏi bị chiếu bí. Chúng tôi say sưa với trò chơi , chấp cán bộ cộng sản nói dai, nói dài, nói dở, nói đến khuya. Chúng tôi còn tổ chức các cuộc đua kiến, đấu dế. Bắt dế bỏ vào hộp cho chúng “học tập cải tạo”, cho chúng cắn nhau. Những con ngắt ngư sắp chết, chúng tôi thả ra và nói: “ Nhờ học tập tốt và thành tâm cải tạo, nhờ ý thức giác ngộ cách mạng cao, và nhờ chính sách khoan hồng của đảng và nhà

nước, nay cho về đoàn tụ với gia đình.” Chúng tôi nháy mắt cười với nhau. Chúng tôi tạo những cuộc giải trí nho nhỏ, những buổi văn nghệ bí mật để quên ngày tháng, và thấy lo buồn tan biến đâu cả.

Phương châm của chúng tôi là “không”, không mong ước, không hy vọng gì cả. Không hy vọng thì khỏi thất vọng. Không mong ước thì không bồn chồn nôn nao. Khi thấy vài người bạn tù được thả “theo lối làm kiếng của cộng sản” các anh khác buồn tủi, đau đớn thất vọng cho thân phận của mình, thì chúng tôi vẫn bình tĩnh ngồi đánh cờ, chẳng xôn xao, chẳng bàn tán chi cả. Chúng tôi biết, chưa đến phiên mình, thì có bàn tán xôn xao, đoán mò, suy diễn lạc quan hay bi quan, thì chỉ thêm buồn khổ mà thôi. Gạt hết ra ngoài tai cho yên lòng. Chúng tôi tập bình thản tâm trí, và luôn tìm cơ hội tận hưởng những thứ hạnh phúc nhỏ nhất nhất mà chúng tôi có thể có được.

Những khi có được một chậu nước nhỏ để tắm, chúng tôi cử hành cái lễ tắm, tận hưởng niềm sung sướng khi cảm giác của nước mát chảy trên da thịt, trên mình mẩy, trên tóc tai, và hạnh phúc đến rên lên thành tiếng. Nước tắm trong tù quý như nước cam lồ. Chúng tôi chia cho nhau vài cọng rau hái

được, và cảm được sâu xa nỗi hạnh phúc có thêm một miếng ăn trong tù, tận hưởng cái khoái khẩu, an ủi với cái tình bạn chân tình, vì ai cũng đói.

Đêm đêm trước khi ngủ, tôi nghe nhiều tiếng bạn tù thở dài náo lòng ngao ngán. Có lẽ họ đang lo cho vợ con bên ngoài, giờ này không biết làm sao mà sinh sống, mà tồn tại trong một xã hội đổi thay từ gốc rễ. Tôi biết rõ, ở trong tù lo ra cho bên ngoài, ở bên ngoài lo vào cho trong tù. Không có ích chi, cũng không giải quyết được việc gì. Không lo cho vợ con bên ngoài, không phải là vô tình bạc nghĩa, mà chỉ là không làm cái việc vô ích mà thôi. Để tránh suy nghĩ và lo âu, mỗi khi vào giường, tôi tìm cách giải một bàn cờ thế, hay làm vài ba câu thơ, cũng có khi ôn lại những kỷ niệm đẹp để êm đềm trong quá khứ mà thấy lâng lâng, hoặc ôn lại các chuyện tiểu lâm mà cười một mình trong bóng tối. Nhờ thế mà ngủ thiếp đi rất mau.

Chúng tôi tập coi thường những nhọc nhằn, khó khăn và đau đớn thể xác. Chấp nhận định mệnh khắt khe mà không cần than van. Tinh thần chúng tôi vững mạnh, sáng suốt. Chúng tôi cố gắng ý thức và hưởng thụ những hạnh phúc rất nhỏ từng ngày, từng giờ, từng phút, mà ít người cảm nhận .

Triết lý củ khoai đã giúp tôi qua được những tháng ngày tù đầy không quá nặng nề, khó chịu từ tinh thần đến vật chất.

Khi ra khỏi tù, sống trong chế độ cộng sản, người người cơ cực, thiếu thốn, sầu thảm, tinh thần bị đe dọa, sinh hoạt bị dòm ngó, rình mò. Trong cái giòng xã hội đó, chúng tôi cùng chung thân phận. Thân phận chúng tôi còn bạc bẽo, yếu kém hơn, thứ phó thường dân bên lề “xã hội chủ nghĩa tiên tiến”. Nhưng nhờ triết lý củ khoai, tôi vẫn tìm được hạnh phúc từng ngày. Hạnh phúc của mỗi sáng dậy sớm, pha một chén trà nóng, uống vào lòng ấm áp, ngâm vài câu thơ, vặn đài phát thanh BBC, VOA nghe nho nhỏ. Để biết biến chuyển quốc tế, tin tức quốc nội mà cộng sản cố tình bưng bít, ngăn chặn, che dấu. Hạnh phúc khi trao đổi tin tức quốc tế, quốc nội với bạn bè, bà con và ước đoán tình hình. Hạnh phúc nhất là cời trần nằm phơi gió hây hây ngoài công trường, có khi ngủ tới hai ba giờ chiều mới thức dậy.

Tôi đem cái triết lý thô sơ đó truyền bá cho vài anh em thân thiết, và khen xã hội cộng sản đã đem đến cho con người sự làm biếng vô cùng tận. Làm biếng cũng là một hình thức hạnh phúc nho nhỏ. Thật lạ lùng, nhà nước cho đến cán bộ to nhỏ, miệng ai

cũng lớn lối đại ngôn ca ngợi lao động siêng năng cần mẫn, mà tất cả mọi người đều biếng nhác, tà tà. Đúng là cha chung không ai khóc.

Trong xã hội cộng sản, con người không được sống yên ổn, nay chính sách này, mai chính sách khác, thay đổi lung tung, chẳng ai hoạch định cho đời sống riêng mình được cả. Chúng tôi vẫn tìm được nhiều hạnh phúc trong châm ngôn “ không ước mơ, không hy vọng”. Phải dập tắt mọi ước mơ, mọi hy vọng để mà sống, nghe thì như vô lý, nhưng thực vậy. Cứ thuận theo giòng khổ đau mà trôi nổi với tinh thần sáng suốt. Không than van, không kể lể, không bi ai. Khi có cơ hội bắt được niềm vui thì cứ tận hưởng hết mình chút hạnh phúc đang có. Chấp nhận nhưng không buông xuôi cho số mệnh. Tìm lối thoát với tinh thần nhẹ nhàng., lạc quan, sáng suốt.

Khi leo lên chiếc thuyền nhỏ bé để tìm đường đào thoát ra khỏi vòng tay cộng sản, chúng tôi cứ tự nghĩ như mình đang đi du lịch . Đề phòng tối đa, nhưng không quá nhiều lo âu sợ sệt. Cũng có sợ, nhưng sợ ở một mức độ nhẹ nhàng, đến nỗi đôi lúc còn cảm thấy thản nhiên và sung sướng, vì biết mình đang trên con đường đào thoát. Có gì

mà lo? Nếu bị bắt thì ở tù lại, mà ở tù lâu thì tìm cách vượt ngục. Chiếc thuyền nhỏ đi từ bến sông Sài Gòn về miền Tây, ra cửa Gành Hào. Trên đường đi, chúng tôi gặp nhiều trạm kiểm soát bắn súng kêu vào xét hỏi giấy tờ. Thấy chúng tôi vui vẻ, bình tĩnh quá, công an cộng sản không ngờ chúng tôi đi vượt biên .

Như những kẻ ham chơi, chúng tôi thoát ra được hải phận quốc tế. Thuyền chết máy giữa biển mênh mông nhiều ngày, nhưng sao trong lòng chúng tôi vẫn thấy vui, và còn cảm ơn Trời Phật đã giúp chúng tôi thoát được bàn tay cộng sản độc ác. Có chết cũng vui, thỏa nguyện. Được chết giữa biển trời tự do. Chúng tôi vẫn kể chuyện tiếu lâm, cười đùa và có khi còn cùng nhau ca hát.

Khi may mắn đến được trại tị nạn, thiên hạ ai cũng nóng lòng, ăn không yên, ở không yên, mong được đi định cư sớm. Họ cứ đưa ra giả thuyết này, giả thuyết kia để tự gây nên nỗi lo lắng cho chính họ và cho bà con chung quanh. Lo lắng về một bệnh dịch có thể phát ra, và phái đoàn Liên Hiệp Quốc sẽ không dám đến phỏng vấn. Lo lắng quốc tế thay đổi chính sách tị nạn. Họ lo để mà lo, không có đường lối và phương sách giải quyết các mối lo âu đó. Tôi bảo họ: "Hãy xem những ngày tháng này như đi cắm trại nghỉ hè dài hạn bên

bờ biển, cơm nước có Cao Ủy Liên Hiệp Quốc nuôi báo cô, chỉ cần cái xà lỏn thôi là đủ lịch sự như mọi người, cứ vui vẻ nhẩn nại chờ ngày đi định cư". Không ai nghe lời tôi, ngày ngày họ họp nhau bàn tán, uyên bác suy diễn, bày đặt đủ tin đồn để gây cho nhau lo âu thêm, rồi đêm về mất ngủ thờ dài thờ ngắn. Phần tôi, thì lên đồi mắc võng nằm ngủ mơ màng trong gió hiu hiu, thường thức tiếng chim ca, nhìn đám mây mỏng lơ lửng bay qua bầu trời xanh, khi nóng thì nhào xuống biển nô giỡn với sóng nước mát rượi, rồi nằm dài trên cát. Chán thì chơi vài ván cờ tướng, nằm nghe nhạc "chùa" vẳng từ các lều lân cận có máy hát. Buổi chiều về chòi, ăn một bụng no, uống ly trà, họp bạn bè, kể chuyện tiểu lâm, vui cười vang rân. Đêm nhóm vài cành thông khô đốt lửa ngồi quanh nhấc chuyện Việt Nam, chuyện cổ tích, chuyện vui lạ trong đời mỗi người. Nhiều người ngửa cổ, ca hát, ngâm thơ, cuộc vui kéo dài mãi đến khuya như một thời thanh bình nào đó ngồi bên lửa trại. Tôi thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng thanh thản. Không bận tâm lo âu sinh kế, thì giờ tự do không ai bó buộc, không có chuyện khẩn cấp phải làm, không ưu tư về tiền bạc, trong túi không có một xu, không bị công an dòm ngó, đe dọa, khủng bố, và không có bồn phận,

trách nhiệm gì cả. Thanh thoi, vui thú. Cuộc đời có lẽ chưa bao giờ có được những ngày tháng thần tiên như vậy. Săn đó, mà có mấy ai cảm nhận được? Một anh bạn trẻ đã nghe lọt tai cái triết lý củ khoai, đã cùng tôi gọi cái đảo tị nạn là miền đất thần tiên vô ưu. Nhưng với đa số, thì họ gọi đảo này là “ Buồn Lo Bi Đát” đọc trại ra từ tên đảo là Pulau Bidong, họ cho là nơi chật chội, thiếu thốn, nóng nực, chờ mong, khổ sở, lo lắng. Tôi khó truyền bá cái triết lý củ khoai ra rộng rãi, vì người nghe sẽ cho tôi là thằng khùng. Không ai tin câu nói của tôi rằng: "Dù có nóng lòng lo âu đến mấy, cũng không thể đi định cư sớm hơn một phút, mà dù tà tà vô lo đến đâu, cũng không chậm đi định cư hơn nửa giờ."

Tôi xem thời gian tại trại tị nạn như nửa năm đi cắm trại, còn sướng hơn là đi cắm trại. Trở về với thiên nhiên, quần xà lỏn, ở trần, đi chân đất, ngủ gốc cây, nằm trên cát biển, không lo âu sinh kế, và trong túi không có một đồng xu, mà cũng chẳng cần tiền bạc làm chi. Tôi chắc chắn trăm phần rằng, tôi là người sung sướng nhất đảo, vì tôi nhìn thấy được điều sung sướng, tôi cảm nhận được cái hạnh phúc to lớn thực sự tôi đang có. Còn đa số thì không thấy, không cảm được.

Tôi đến Mỹ, lang thang đi tìm việc, lội tuyết ngập nửa ống chân, rã cẳng, gió buốt lạnh cắt da thịt. Trong lòng vẫn vui, vẫn sung sướng, vì biết mình là kẻ may mắn, đang sống đời tự do. Đa số bà con bạn bè giờ này đang khắc khoải sống trong áp bức, xiềng xích gông cùm của cộng sản. Nhiều bạn bè đã ra đi, nhưng không đến, đã chết giữa biển khơi, chết trong rừng sâu, bị bắt bớ tù đầy, hành hạ. Biết bao nhiêu triệu kẻ mong được lội bão tuyết đi tìm việc như tôi mà không được. Tôi may mắn thế này, thế thì sao mà lòng không rộn rã niềm vui, ca hát cùng gió, cùng tuyết, cùng đất trời trắng phau phau .

Nhờ xông xáo, chỉ hơn mười ngày sau khi đến Mỹ, tôi tìm được một chân phụ bếp trong tiệm ăn Tàu. Làm việc hơn mười lăm tiếng mỗi ngày, làm không ngại nhọc. Cắt rau, gọt khoai, chặt thịt, xẻ cá, lạng tôm, chùi nồi, rửa bát, lau nhà, liền tay, liền chân suốt ngày từ sáng sớm cho đến khuya mịt. Di chuyển, nhảy nhót trong cái khu bếp sực nức mùi dầu ăn, tôi nghĩ có lẽ những cao thủ võ lâm khổ luyện bí kíp chờ ngày xuống núi tranh hùng trong các tiểu thuyết kiếm hiệp, cũng chuyên cần đến thế mà thôi. Trong lòng tôi cũng tràn ngập vui sướng, hạnh phúc, vì mới đến miền đất lạ chưa được bao lâu, mà đã tự

lập và sinh sống được. Tôi cũng tự phục mình, suốt đời ngồi văn phòng, mà thích nghi được việc lao động rất dễ dàng. Ông chủ tiệm rất bằng lòng cái vui vẻ, yêu đời, chăm chỉ của tôi.

Một khuya trên đường về, tuyết phủ mênh mông, băng qua công viên tối, tôi trượt chân té ngựa nằm dài. Nhìn lên trời thấy trăng vàng vạc sáng với ngàn sao long lanh. Tôi thấy trời đất đẹp quá, cuộc đời đáng yêu vô cùng, và thân thể khoan khoái vì cái xương sống được nằm trong thế nghỉ ngơi sau hơn mười mấy giờ lao động tay chân. Bao nhiêu mệt nhọc trong thân thể như chảy loãng tan biến, chạy thấm vào nền tuyết sau lưng. Tôi nằm yên rất lâu ngắm trăng, và ngâm vài câu cổ thi, ca ngợi trăng sao. Giá như có ai thấy được cảnh này, chắc họ tưởng tôi điên khùng. Cái lần té này, làm tôi bong gân, không đi được, phải nghỉ làm, nhờ đó mà tôi có thì giờ, tìm ra được một công việc trong nghề cũ.

Khi đi làm việc, đôi khi gặp những cấp chỉ huy dốt nát, hoặc đồng sự kém cỏi mà lương cao hơn mình, tôi không lấy đó làm điều bất mãn, thắc mắc như nhiều người khác. Vì công ty thì của tư nhân, họ muốn thuê ai, giỏi dốt, trả lương cao thấp là quyền

của họ. Mình chấp nhận làm việc, thì rán làm tròn bổn phận của mình, làm tốt tới đâu. Nếu không bằng lòng với đồng lương, thì cứ tìm nơi khác khá hơn. Vả lại, đất nước của họ, thì ưu tiên chút đỉnh dành cho họ là phải. Mình ganh tị thì hóa ra là kẻ không biết điều. Tổ tiên họ đã đổ xương máu ra khai phá, để bị đâm chết, lột da đầu, bệnh hoạn. Biết bao nhiêu thế hệ đã đóng thuế, xây dựng nên những tiện nghi ngày hôm nay. Mình là kẻ may mắn nhảy xồm vào chia phần. Thì cũng cứ vui mà hưởng cái phần chưa được hoàn toàn bình đẳng đang có.

Qua những cảm nhận, so sánh hàng ngày, tôi dễ dàng tìm được cho mình cái hạnh phúc của tâm hồn yên ổn. Ở sở, tôi gắng tạo cho mình một môi trường vui vẻ, thân thiện, cởi mở. Để cảm thấy tám giờ trong ngày là thời gian dễ chịu, vui, hạnh phúc, chứ không phải là thời gian "đi cày" khổ nhọc như nhiều người quan niệm. Mình chấp nhận công việc để được lãnh lương, thì để trả lại, ráng sức làm việc. Tập yêu thích công việc, làm việc với tinh thần vui vẻ, dù công việc có lập đi lập lại nhàm chán, thì cứ nghĩ rằng sướng quá, công việc quen tay, dễ dàng, khỏi phải suy nghĩ nhiều, khỏi phải lo âu sợ làm sai, khỏi phải năn nỉ hỏi ai. Cứ yên tâm

mà làm tới. Thế thì không phải sung sướng, hạnh phúc sao? Biến cái văn phòng của sở làm, thành một nơi ấm cúng, vui vẻ, yêu thích, thì đời mình có giá trị, hạnh phúc phong phú hơn nhiều. Nhưng khi gặp khó khăn, trắc trở, gặp những thay đổi bất thuận lợi, tôi cứ bình tĩnh chấp nhận chuyện không may, và tự bảo rằng, cuộc đời này như một chuỗi kết hợp giữa cái may mắn và xui xẻo, giữa hạnh phúc và đau khổ, giữa thuận lợi và trắc trở. Thì cứ từ từ mà giải quyết, sẵn sàng chấp nhận cái kết quả xấu nhất. Thế là yên tâm, và đôi khi cũng nhờ cái yên tâm, mà công việc được thuận buồm xuôi mái hơn.

Sống ở đất nước lạ, lòng hoài hương làm nhiều người thương nhớ không nguôi, làm đau nhức con tim. Tôi biến tình cảm đó thành một thứ an ủi dịu dàng, một thứ hạnh phúc êm đềm khi nhận được thư nhà, thư bạn bè. Những giúp đỡ nho nhỏ cho người cùng khổ bên quê nhà là một thứ an ủi cho những giây phút mệt nhọc khó khăn trong công việc nơi quê người.

Những buổi sáng, khi chuông đồng hồ rền rĩ đánh thức dậy đi làm, nhất là những sáng thứ hai, ngày mùa đông rét mướt tới tấp, nhiều người cảm thấy quá mệt nhọc, quá khó chịu, và họ "giả như" hôm nay

được nghỉ thì sướng vô cùng. Còn tôi, thì mỗi sáng thức dậy với tràn ngập niềm vui, biết hôm nay sống thêm một ngày trong thế giới tự do, hôm nay còn công ăn việc làm, chưa thất nghiệp. Thế thì lòng đã phơi phới, sá chi đông giá, lạnh lẽo tối tăm. Con đường đi đến sở, nhạc trong xe dịu dàng rải rắc khắp không gian. Có lần tôi bị thất nghiệp, buổi sáng thức dậy, tận sâu thẳm trong lòng tôi, vẫn lâng lâng niềm hạnh phúc lạ kỳ, với ý nghĩ rằng, nhờ thất nghiệp mà còn được ngủ nướng, muộn màng, nằm dã dượi, nhìn nắng ảm dịu dàng len qua song, trải lên chiếu giường. Chốc nữa, sẽ nằm đọc truyện, uống trà, nghe nhạc cổ điển êm dịu. Chiều đi câu bên hồ. Tối nay thức khuya xem phim muộn về đêm, khỏi phải sợ ngủ gục trong sở. Việc chi mà quá lo âu về kinh tế gia đình, khéo co giãn nhu cầu tùy theo hoàn cảnh, thì không việc gì phải lo. Vả lại, công việc làm, thì cửa này đóng, cửa kia sẽ mở, đâu đến nỗi chết đói mà sợ.

Nhiều người hỏi tôi sao không mua nhà để được trừ thuế mà cứ sống trong nhà thuê chật chội. Tôi trả lời là tôi đang mua hạnh phúc. Hạnh phúc mua được rẻ hơn tiền đóng thuế. Mua cái nhà khi chưa vững chắc về tài chánh là mua cả khối lo lắng lớn lao vào thân,

làm mất đi cái an bình quý báu của cuộc sống. Nhiều người, vì mua nhà, sợ mất việc, cho nên hèn cả con người. Khi tôi đủ sức mua nhà mà không phải lo âu vì nợ nần, thì cũng có nhiều bạn bè bà con hỏi, sao dư khả năng để mua những căn nhà lớn hơn, khu sang trọng hơn, mà lại mua căn nhà nhỏ. Tôi nói với họ là tôi không có nhu cầu sang trọng, căn nhà nhỏ cũng đủ cho gia đình tôi trú ngụ yên ấm. Nhà càng lớn, càng phải chăm sóc, quét tước, chùi dọn nhiều, sửa chữa nhiều, mất thì giờ hưởng thụ những thú vui khác của cuộc đời. Lại nợ nần nhiều thêm lo lắng, có hại đến hạnh phúc bình thường. Căn nhà nhỏ của chúng tôi, nếu chẳng may cả hai vợ chồng thất nghiệp, cũng không có chút bối rối nào. Có thể, tôi không khôn ngoan trên nhãn quan kinh tế, nhưng tôi chắc chắn không sai lầm chút nào trên quan điểm hạnh phúc nhân sinh. Vợ chồng chúng tôi thường nói với nhau, nếu bây giờ có thêm vài triệu đồng tiền mặt, thì có lẽ đời sống chúng tôi cũng chẳng thay đổi gì hơn. Cũng không ăn được nhiều hơn một miếng, cũng không ngủ được một lúc hai giờ. Thức ăn thì bò, heo, gà, tôm, cua, cá, rau cải, bất cứ thứ nào cũng thừa khả năng mua. Không cần phải giàu lắm mới mua được. Ngồi ăn trong nhà hàng sang

trọng đất tiền, chắc chi ngon miệng hơn ngồi chồm hồm bên góc đường húp bún riêu cua.

Vợ tôi thường trách tôi bạn bè quá đông, bạn tốt cũng đông mà bạn xấu cũng đông. Tôi thì thấy không ai hoàn toàn tốt, mà cũng không ai hoàn toàn xấu. Đã là con người thì có xấu tốt lẫn lộn. Chơi với bạn thì chỉ nên nhìn vào cái tốt bạn có, đừng để ý đến cái xấu. Ngay cả bản thân mình, cũng đầy cả nét hư tật xấu mà chưa chữa được. Chắc chắn, cũng không ít người chê bai sau lưng mình, nhạo báng mình, mà mình không biết đó thôi. Nếu họ có chê trách mình, thì họ cũng đúng phần nào dưới nhãn quan của họ. Bởi vậy, tôi thường để vài giờ tự chế giễu mình, ghi lên giấy những lỗi lằng, những kỳ cục, những khả ố của mình. Để mình thấy rõ mà tha thứ cho cho mình, tha thứ cho người khác dễ dàng hơn.

Thế mà người gần gũi tôi nhất, thân thiết nhất, là vợ tôi, thường chống báng cái "triết lý củ khoai" nhiều nhất. Nhưng nàng đâu hiểu, những hạnh phúc bình thường tràn đầy mà gia đình tôi thực sự có được, cũng nhờ cái triết lý củ khoai ấy. Thường thường ít ai thấy và cảm được những hạnh phúc mà họ đang có, chỉ khi mất đi rồi, mới nhận chân ra, và chép miệng tiếc thương. Nhiều khi vợ tôi

làm những điều không phải, nói những lời khinh bạc, tôi không nổi giận la hét làm dữ như những người khác. Tôi thề bảo, nhiều người đàn bà còn tệ hơn vợ mình cả trăm lần, mình phải chấp nhận cái tương đối để vui sống. Vả lại, mình có hoàn toàn đâu mà buộc người phối ngẫu của mình phải hoàn toàn. Thế là mọi sự đều qua.

Điều tôi thường hay nghĩ đến là nếu. Nếu tất cả sự thực hôm nay là giấc mộng, sáng mai thức giấc, thấy mình đang còn nằm trong nhà tù cộng sản, thì thật có nhiều điều điều đáng ân hận và tiếc. Và nếu đời là một giấc mơ, thì sao chúng ta không mơ cho thật đẹp ./.

Phiên Phiên Tuổi Già

Bạn tôi, tự xưng là Hai Hô, bởi hàm răng ông hô. Ông thích thú với danh xưng này. Ông thường nói rằng, ngày xưa trẻ, còn hăng tiết vọt, ai nói gì, đúng hay sai, cũng tìm lời cãi lại. Bây giờ già rồi, nghe thiên hạ nói gì cũng dường như xuôi tai, và đúng. Khi tuổi cao, nhiều kinh nghiệm, thấy được cái đúng, sai, có nhiều mặt khác nhau.

Mẹ ông 92 tuổi, thường hay nói: “Mai mốt tôi già rồi thì...” Mỗi lần nghe câu đó, ông vội cắt ngang lời mẹ, và hỏi lại: “Hơn chín mươi tuổi rồi mà chưa già hờ mẹ? Thế thì khi nào mới là già?” Bà cụ chỉ cười, không đáp lại. Vợ ông thường nháy mắt ra dấu cho chồng, đưa tay che nụ cười bí mật. Người em của ông nói: “Theo tôi, thì không có ai già, và cũng chẳng có ai trẻ. Già hay trẻ, là một khái niệm rất tương đối. Hồi tôi mười bốn, mười lăm tuổi, thấy các chị hàng xóm mười bảy hay mười tám tuổi là đã già khú đế. Già như sắp mua hòm được rồi. Đến khi sáu mươi tuổi, tôi thấy các bà năm mươi là trẻ, và các

bà bốn chục tuổi là bọn con nít. Thế thì già hay trẻ, không phải tùy theo số tuổi của họ. ”

Ông Hai nói, có một lúc nào đó, người ta hoá ra già. Này nhé, mỗi khi đi ra đường, nếu chỉ thấy các bà già nhìn mình, mà các cô gái trẻ không dòm mình nữa, thì phải hiểu là đã già rồi. Lại nữa, mỗi sáng đứng trước gương, thấy trán cao hơn, tóc rụng nhiều, đừng tưởng mình trở nên thông thái, mà phải biết đó là dấu hiệu già. Cũng như nếu thấy mọi người dường như trẻ lại, thì chính mình đã già đi, vì so sánh thiên hạ với cái bóng của mình trong gương soi mỗi ngày.

Ông nói thêm, tuổi già báo hiệu khi sinh lý bắt đầu yếu. Nhịp độ “gần gũi” của vợ chồng thưa dần. Nhiều khi cố gắng, muốn làm vừa lòng vợ theo định kỳ, mà không có hứng khởi. Những khi đó, nếu bà vợ gạt ra, không cho gần gũi, thì trong lòng lại mừng húm, vì có cái cớ để không làm tròn “bổn phận” mà chẳng áy náy. Ông nói thêm, bực nhất là những lúc đang hăng, nóng máu, sắp xáp chiến, mà bà vợ cứ cần nhần những chuyện không đâu, như cái hàng rào bị gió vật nghiêng, cây hoa hồng lá bị bạc mốc, con chó bị rận bọ chết. Thế là cả cái thân già nó xiu xuống như cọng bún thiêu. Chẳng làm ăn

chi được nữa cả. Đành bỏ cuộc vui nửa chừng. Khi còn trẻ, vào những lúc sắp gay cấn như thế, thì dù cho sét nổ trên đầu, cũng không nghe, không biết. Cũng lạ, khi già, biết rõ đàn bà như đọc sách, thì giống như đã đánh mất cái thẻ thư viện rồi.

Có người hỏi ông sao không dùng viên thuốc thần kỳ, cho vợ chồng vui, hăng như thuở ba mươi. Ông nói đừng tin mà chết sớm, đau tim dùng thuốc này, thì lẫn dùng ra mau lắm. Hồi trước, ông cũng xin bác sĩ cho toa thuốc này, mà bác sĩ không chịu. Ông cũng hơi giận, nhưng bây giờ thì cảm ơn, vì biết được cái nguy hại của nó. Vui chốc lát, mà bỏ mạng, lãng nhách. Theo ông nghĩ, thì vợ chồng già, ghiền cái hơi của nhau hơn chuyện vật nhau lẫn lộn trên giường. Chỉ cần luồn tay vào áo vợ già, mà tìm trái mướp, cũng đủ làm cho bà ấy vui rồi.

Một ông bạn già khác tâm sự rằng, lắm lúc ngồi bên cạnh những người đàn bà đẹp, mà lòng thì dửng dưng, hoàn toàn vô cảm, mới chợt nhận ra mình già. Khi cao tuổi, thấy đàn bà đẹp, cũng không khác chi đàn bà xấu.

Ông Hai bàn về cái tai lắng: “Có một lúc nào đó, mình nghe nhạc, cứ tưởng là các anh

chị ca sĩ dạo này không còn hát hay như ngày xưa. Không phải vậy đâu. Thời nào cũng có ca sĩ với giọng hay. Nghe không hay vì cái tai mình đã nặng. Rồi cứ tưởng hát dở. Đó là dấu hiệu già. Nhất là khi nghe truyền thanh, truyền hình, thì con cái, hàng xóm, cứ than phiền mở âm thanh quá lớn. Theo mình, âm thanh như vậy chỉ vừa đủ nghe, mà họ bảo oan cho mình là quá lớn!”

Ông Hai nói với một bạn già rằng, khi lắng, điếc tai cũng có cái lợi lớn. Vì khi nào vợ nói lời êm ái, dịu dàng, yêu thương, thì nghe cho sướng tai. Khi nào bà trở chứng trách móc, chê bai, than vãn, nói nặng lời, thì cứ nhẹ-nhẹ gỡ cái máy trợ thính ra, chỉ thấy bà nhóp nhép cái miệng, trông tức cười lắm. Không nghe thì khỏi bực mình, không giận hờn, mà còn cười, đôi khi nụ cười rất rạng rỡ, rất dễ thương nữa. Bà vợ nói như gió vào phòng trống, thấy ông chồng không giận, mà còn cười vui, thì đành im miệng cho đỡ tổn hơi. Đôi khi còn thương thêm, vì tưởng ông chồng khéo nhịn. Nhưng một ông bạn khác, nói rằng, khi bà vợ trách móc và thở than, thì để bà ấy nói, cho xả ra, nhẹ bớt bực tức trong lòng. Bởi vậy, mỗi khi vợ ông than vãn, trách móc, thì ông mừng và lắng nghe. Nếu bà ngưng nói, thì hỏi: “Em có gì cần nói, than

vẫn thêm không, hãy nói cho hết đi, anh nghe đây.” Thế là bà dụ xuống, và bà cảm thấy hơi quê quê, nên thôi.

Ông Hai nói, khi già, mắt yếu, cầm cuốn sách lên, là móc túi tìm cái kiếng. Không có kiếng thì đành chịu thua. Khi đó, mình ít đọc sách hơn ngày trước. Rất nhiều bạn ông than phiền rằng, dạo này, sách vở, báo chí họ in chữ nhỏ hơn, khó đọc. Không phải đâu. Mắt mình mờ, kém, chứ không phải chữ in nhỏ lại. Mấy anh trẻ hỏi ông có bực vì mắt kém không, ông Hai nói: “Việc chi mà bực? Phải mừng chứ. Mừng và cảm ơn khoa học tiến bộ, giúp cho mình còn thấy, nghe rõ hơn, nếu mình sống vào mấy trăm năm trước, thì đã mù lòa, điếc đặc rồi. Dù cho nghe ít, thấy không rõ hoàn toàn, nhưng vẫn thấy, còn nghe, đã là quá quý rồi. Tuổi cao, mà còn thấy bóng dáng người thương yêu, con cháu, bạn bè. Vẫn còn xem truyền hình, phim truyện, thì đã nhận được rất nhiều ân phước của trời ban cho. Phải biết cảm nhận và cảm ơn trời.”

Bây giờ, đi đâu xa ông cũng ngại. Khi đi du lịch, điều nghĩ đến trước tiên của nhiều người già như ông, không phải cảnh đẹp, cái hay, lạ, mà nghĩ đến cái cầu tiêu. Không biết nơi đó có hay không. Cứ vào quán xá, hội trường, thì có thói quen, trước tiên xem cầu

tiểu nằm đâu. Quán nào không có nơi tiêu tiểu, đừng hòng được nhiều ông bà già bước vào. Ông rất sợ mai đây xui xẻo, bị tôn lên làm lãnh tụ. Vì thấy mấy ông này đứng đọc diễn văn, họp báo, duyệt binh, diễn hành, đứng hàng giờ, phải nín tè cả buổi, khó chịu, mệt và khổ lắm. Ông cũng rất ngại ngủ nhà lạ, cứ nửa đêm, nhiều lần mò mẫm trong bóng tối dậy đi tiểu. Xối nước ào ào làm người khác mất ngủ. Chưa kể lạ nhà, đêm tối, lạc đường mở nhầm cửa phòng vợ con người ta, thì cũng bẽ bàng. Ông nghĩ, tuổi già, thì mỗi đêm thức giấc nhiều lần bằng một anh tài tử trẻ, đẹp trai, lãng mạn, nhưng không phải cùng một mục tiêu.

Một lần, bà vợ đề đầu xuống nhuộm tóc cho ông. Mấy hôm sau, lên xe công cộng, ngồi vào ghế dành cho người cao niên. Ông thấy có một “lão trượng” đứng nhìn ông chăm chăm, như ngằm hỏi, sao không nhường ghế ngồi cho người già cả. Ông đoán chắc, chín mươi phần là “lão trượng” kia còn nhỏ tuổi hơn ông. Ông cứ ngồi lì, làm lơ. Nhưng khi thấy hành khách chung quanh nhìn, như thúc dục, như nhắc nhủ bằng ánh mắt khó chịu, thì ông nhột quá, đứng dậy nhường ghế cho lão. Ông nghĩ, không lẽ phải thét lên là tôi còn già hơn lão, và phải móc cấn cước ra chứng

minh? Thôi thì đứng dậy, cho bớt nhột và ngượng ngùng. Rồi tự an ủi rằng, đứng cũng là một cách tập thể dục tốt.

Khi có ai hỏi tuổi, ông Hai Hô cũng tự cộng thêm gần chục năm. Thế là thiên hạ rồi rít khen trẻ, xuýt xoa hỏi làm sao giữ được trẻ trung như thế. Ông cười, nói đùa rằng, cứ theo đúng lời dạy vàng ngọc của người xưa để lại, là “đêm bảy, ngày ba, vào ra không kể” cho khí huyết lưu thông, điều hoà, thì cơ thể trẻ trung mãi. Có ông bác sĩ nọ, giải thích rõ ràng, rằng đêm ngủ bảy tiếng, ngày ăn ba bữa, vào ra uống nước, thì không kể.

Ông cho rằng, nếu có khai trụt đi năm ba tuổi, cũng chẳng có lợi ích gì, vì mình đâu có toan tính chinh phục, tán tỉnh ai. Khai tụt tuổi, đôi khi người ta còn chê, là trông già trước tuổi. Lại nữa, phong tục của mình kính trọng người lớn tuổi. Nhưng các bà, các cô thì khi nào cũng muốn giấu tuổi, cứ 18 tuổi thì khai 16, khi 20 khai 18, và lúc 23 khai 20. Cứ nói trụt vài ba tuổi, rồi cảm thấy sướng. Khi phải đoán tuổi ai, ông Hai thường rộng rãi hạ xuống cho các bà, các cô từ năm đến bảy tuổi, để họ sướng, mà ông không mất chi cả, cũng là làm một điều thiện nho nhỏ trong ngày, làm cho người khác vui, yêu đời hơn.

Đạo sau này, khi ông ăn uống, thức ăn thường bị đổ vung vãi. Nhiều lần ông tự bảo là cẩn thận. Nhưng hình như cái tay nó không hoàn toàn theo mệnh lệnh của cái đầu nữa. Đưa cơm vào miệng không gọn gàng, cứ rớt ra vài chút. Đôi khi tay run, mà ông không biết. Ông cho đó là dấu hiệu của tuổi già. Nhiều lần bà vợ ông nhăn nhó, la nạt, vì làm đổ thức ăn. Hôm nọ, ông nhớ lại câu chuyện đứa bé đeo cái chén gỗ, cha mẹ hỏi đeo làm gì, nó nói để sau này cho cha mẹ ăn, như cha mẹ đã cho ông nội ăn chén gỗ. Ông Hai bèn nhỏ nhẹ nói với vợ rằng, nhờ bà đeo cho ông một cái chén gỗ, rồi mỗi bữa dọn cho ông ăn sau vĩa hè, bên thềm. Nghe thế, bà vợ nhìn ông một lúc lâu, rồi rưng rưng nước mắt. Từ đó, bà hết cần nhần khi ông làm đồ thức ăn.

Ông hay quên. Đôi khi đi xuống nhà kho, rồi ngẩn ngơ không biết định xuống để làm gì. Quên trước, quên sau. Một bạn già của ông nói, nếu “cái đó” mà ông trời không bắt dính chặt vào người, thì có khối ông già để quên trên xe buýt, trên tàu điện, ngoài công viên, và khi cần đi tiểu, thì chạy quanh, quỳnh lên, tìm không ra. Còn triệu chứng khác nữa, là làm biếng tắm, đôi khi hai ba ngày chưa tắm. Cứ nghĩ có làm chi dơ đâu mà phải tắm. Nhưng rồi nhận ra, tuổi già sợ lạnh, nhạy cảm

với cái lạnh, nên ngại tắm. Vì thế mà nhiều cụ già có mùi, họ đâu biết. Ông phải rón tập thói quen, nóng lạnh chi cũng ráng tắm mỗi ngày một lần, ngoại trừ trường hợp đặc biệt.

Bà mẹ ông 92 tuổi, đi ăn tiệm, cắn càng cua-rang-muối nghe rau rầu. Thực khách trong tiệm tròn mắt ra mà nhìn. Còn ông, thì ngay cả bánh mì mềm của Mỹ cũng không dám cắn, dùng tay xé nhỏ ra rồi bỏ vào miệng. Bà mẹ ông, ăn uống không kiêng cử chi cả. Thịt heo quay, vịt quay, cá chiên, gà chiên, bún bò giò heo, phở, nước béo, các thứ ‘độc địa’ đó đều ăn tuốt. Thế mà bà không cao mỡ, đường, áp huyết bình thường, dù thân thể tròn quay. Cái đó nhờ trời cho. Nhiều bác sĩ cũng khuyên bà, cứ ăn uống thả dãn, cho sượng cái miệng, đừng kiêng cử làm chi nữa khi ở cái tuổi này.

Nhiều người bạn ông, kiêng khem kỹ càng, kiêng đủ thứ. Họ xem ba thứ “ngọt, mặn và béo” ngang hàng với thuốc độc. Họ ăn nhạt, không muối, đường, dầu mỡ. Thấy đồ chiên, thì tái mặt. Ai mời chè, họ rùn vai ớn lạnh. Cứ ăn nhạt mãi quen miệng, nên thấy các thứ thức ăn không mùi, không vị kia cũng ngon. Bởi khi đói, thì dù cơm thiêu, cháo cũng thành ngon. Có kẻ bảo, uống quá, phí thức ngon của trời cho. Nhưng những người kiêng

cữ này nói rằng, không tội chi đem chất độc vào người, rồi bệnh hoạn, hối hận không kịp.

Một người bạn cho ông Hai biết rằng, theo nghiên cứu của đại học Rockefeller, thì có ba điều kiện để cho người già khỏe mạnh và ít bệnh là: 1) ăn bằng một nửa của bữa ăn bây giờ, 2) thể dục thường xuyên, và 3) làm tình đều đều. Ông không tin, và nghĩ rằng, cái đó có thể chỉ đúng cho người Mỹ mà thôi. Mỗi bữa, họ ăn miếng thịt to bằng bàn tay, một bữa của họ, mình có thể ăn ba bốn ngày chưa hết. Nếu mình chỉ ăn bằng một nửa của bây giờ, thì sẽ suy dinh dưỡng, sớm đau ốm mà chết. Còn chuyện thể dục thường xuyên, thì đúng trăm phần trăm. Phần làm tình đều đều, có lẽ không ai chắc, vấn đề là còn làm được hay không, mà đòi đều đều. Mình cứ ăn bình thường, đừng quá no, cũng đừng ăn đói. Cứ theo cái đạo trung dung của người xưa bày ra từ mấy trăm năm nay. Rượu chè, nếu uống được, thì uống vừa vừa, cũng tốt cho sức khỏe. Đừng say sưa là được. Lâu lâu cũng rán vui vợ, vui chồng cho khỏi lạt lẽo. Ông Hai đã chữa bệnh biếng ăn cho nhiều bạn bè khá công hiệu. Đó là đừng ăn vặt, và chờ cho khi thật đói mới ăn, chưa đói rồi thì chưa ăn. Như vậy thì ăn gì cũng thấy ngon.

Ông có quan niệm phóng khoáng về sự sống và cái chết. Ông cho rằng, chết là một tiến trình của đời sống, hợp với luật thiên nhiên của tạo hóa. Sợ chết là vô lý. Không ai tránh khỏi cái chết, không sớm thì muộn. Ai cũng sẽ chết. Ngay cả Phật, Chúa, thần thánh cũng phải chết, huống chi mình là người trần mắt thịt. Chúa Giê-Su chết lúc mới 33 tuổi. Phật cũng chết, thọ không bằng các cụ bây giờ. Cứ thử nghĩ, nếu già mà không chết, thì ngày nay trên thế giới có đến hơn chín mươi phần trăm người già, cụ nào cũng mấy trăm tuổi, mấy ngàn tuổi, ho hen, run rẩy, chậm chạp. Lấy ai làm lao động mà nuôi các cụ? Nhân loại sẽ đói cho vêu mả ra. Già phải chết để cho thế giới được trẻ trung hoá. Kẻ nào nghe tin một người già chết, mà lòng không buồn, không thương tiếc, thì họ đã được giác ngộ rồi đó. Có chi mà buồn?. Nếu người chết không để lại gánh nặng gia đình, mấy đứa con dại cần nuôi dưỡng, dạy dỗ, một bà vợ chân yếu tay mềm, thì mừng cho người ta thoát được cái hệ lụy của trần gian. Khỏi lo công ăn việc làm, thôi lo nhà cửa, hết lo thương ghét, ghen tuông, giận hờn, chẳng còn lo khai thuế cho đúng hạn kỳ. Khoẻ re. Nếu người chết đã cao tuổi, trong nhiều năm nằm một chỗ, không nói năng, bại liệt, ăn

bằng ông nổi với bao tử, nghe họ chết mà mình khóc lóc, tiếc thương, bị ai, thì hoá ra không biết điều. Muốn người ta bị kéo dài thêm cái cực hình đó lâu hơn nữa, rồi mới được chết sao? Nhiều khi, con cháu mừng cho thân nhân họ được chết, mà mình thì sứt sùi thương tiếc thì hơi lố.

Ông cho rằng, trong tuổi già, sức khỏe là quý nhất. Nhưng nếu ai đó, có sức khỏe tốt, không hề đau ốm, thì cũng là một sự nhàm chán. Họ đâu biết đang có cái quý báu nhất trong đời. Lâu lâu, phải đau vài trận, để nhắc nhở, và nhớ rằng, không ốm đau là sung sướng, hạnh phúc vô cùng. Làm sao bọn trẻ, và những người khỏe mạnh biết được cái hạnh phúc, sung sướng của người già, khi buổi sáng ngủ dậy, mà thân thể không đau râm, nhức nhối? Cũng như nếu chưa sống dưới chế độ kềm kẹp, hà khắc, khủng bố, thì làm sao biết nổi sung sướng khi được đặt chân lên miền đất tự do?. Nên quan niệm rằng, với sức khỏe nào cũng tốt cả, đừng so sánh với trường hợp khác hơn. Cứ vui với cái sức khỏe mà mình đang có. Được khỏe nhiều thì sướng nhiều, khỏe ít, cũng sướng, vì chưa đến nỗi tệ hại lắm. Nhớ đi khám bác sĩ đều đều, để khám phá ra bệnh, kịp thời chạy chữa. Một người bạn ông ngại, không dám đi

khám bệnh thường niên, vì sợ “bói ra ma, quét nhà ra rác”. Thế nào bác sĩ cũng moi ra bệnh này, bệnh nọ trong cơ thể cho thêm lo, cứ để thế, rồi khi bệnh nặng thì chết. Bà vợ ông này khổ sở lắm, nhưng không thuyết phục ông được. Ông còn nói, bác sĩ thường cho uống thuốc chữa bệnh này, thì sinh ra thêm bệnh khác. Hoặc bác sĩ chẩn đoán sai bệnh là thường. Có người đọc báo cáo y khoa, cho biết trên nước Mỹ, mỗi năm có đến hai trăm ngàn người chết, hoặc thương tật vì bác sĩ kém hiểu biết, hoặc sơ suất gây ra. Theo ông Hai Hô thì đừng sợ. Vì bác sĩ giỏi nhiều hơn bác sĩ dở, và bác sĩ có lương tâm nhiều hơn bác sĩ thiếu lương tâm. Đừng vì một số trường hợp xấu, mà sợ đi khám bệnh. Khám để biết trước mà đề phòng, để chữa trị khi bệnh mới chớm, còn kịp, ngăn chặn dễ dàng hơn. Để ung thư ăn tràn lan ra rồi, thì chỉ có phép lạ, mới cứu được. Người ta, có thể mạnh khỏe cho đến khi chết. Trường hợp đó hiếm hoi. Nhưng đau yếu trong tuổi già là thường, không đau yếu là bất thường. Có một người than rằng, cứ đi vào, đi ra trong nhà hoài, chán quá. Ông Hai bảo rằng, được đi vào đi ra như thế là sướng lắm rồi, sao mà chán, vì có nhiều người khác mong được đứng dậy đi vài bước, mà không làm được, vì

bệnh. Nhưng theo ông, thì cái người nằm liệt trên giường, cũng tìm được cái thú vui riêng, khi nghe nhạc, nằm mơ mộng, nghĩ đến các kỷ niệm thời còn vàng son, nhớ đến những tội lỗi nho nhỏ mà họ đã cố ý phạm ngày xưa.

Ông Hai Hô tập thể dục đều đặn. Ông nói, chẳng ai chối bỏ được ích lợi của thể dục, dù già dù trẻ. Không bao giờ trễ để bắt đầu tập thể dục. Thiếu thể dục, thì tám thân nhão nhệch ra, rất dễ làm mồi cho bệnh hoạn. Trong tuổi già, đi bộ là tốt nhất. Còn khỏe, thì đi nhanh, yếu thì bước chậm hơn, yển hơn nữa, chống gậy mà đi. Có vận động là tốt. Đi bộ, xương bớt rỗng, đỡ gãy tay chân khi vấp té. Đi bộ cũng làm cho mặt mày trẻ ra, lưng bớt còng, thân thể đỡ đau đớn, mệt mỏi. Đi bộ cũng vui, nhất là khi đi với vợ, với chồng, nói đủ thứ chuyện vui buồn. Nhưng lúc bà vợ bắt đầu cần nhằn vì những chuyện không đâu, thì phải giả vờ chạy, để bà lại phía sau, cho bà nói với cột đèn, cần nhằn với cây cỏ. Không có vợ đi cùng, thì đi với bà cụ hàng xóm cũng vui. Bà ấy sẽ không bao giờ dám cần nhằn vì những chuyện không đâu. Bà sẽ lịch sự hơn. Ông bảo rằng, nếu đi với bà hàng xóm, đừng sợ thiên hạ dòm ngó, cũng đừng sợ chính bà ấy hiểu lầm. Không hiểu lầm thì tốt. Hiểu lầm thì càng tốt hơn, vì làm cho bà ấy vui, để bà

ngiht là còn sáng giá, còn có người ngưỡng mộ đến cái nhan sắc mùa thu của bà. Bà sẽ yêu đời hơn, ăn ngon, ngủ được, thế thì ông cũng đã làm được một điều thiện nho nhỏ. Ông nghe chuyện một bà cụ 88 tuổi, bà nói rằng, phải đi bộ, nên tập thể dục để chống lại bệnh hoạn. Mỗi ngày bà đi bộ hơn một giờ. Bà nói: “Mình phải biết tự thương mình. Con cái có thương mình, chúng có thể cho tiền bạc, quà cáp, chứ không cho mình sức khỏe được. Mình phải tự lo lấy, để mà sống cho vui, sống cho có chất lượng.” Ông đọc thống kê, cho biết thể dục làm tăng tuổi thọ, chứ không làm giảm. Ngoại trừ ham tập, tập quá sức, thì lặn kền ra mà chết, mau lắm. Bơi lội là tốt nhất, vận động đủ các thứ bắp thịt. Nhưng tuổi già, thường sợ nước, sợ lạnh. Cái gì sợ thì không nên làm, hại cho sức khỏe, hại thần kinh.

Mỗi lần nghe có ai than mất ngủ, ông thường nói say sưa về bệnh này. Theo ông thì những người mất ngủ vì đã ngủ đủ, thừa, nên không ngủ thêm được, mà tưởng là mất ngủ. Bởi ban ngày, họ thấy mệt, mắt riu lại, bèn ngủ những giấc ngắn. Nên biết, ngủ một giấc chừng 15 phút lúc ban ngày, có thể tương đương với giấc ngủ 1 hay 2 giờ ban đêm. Người già bình thường, mỗi đêm chỉ

cần ngủ ngon chừng 3 hay 4 giờ là đủ mạnh như gấu bắc cực. Nếu không ngủ ngày, thì đêm về ngủ dễ lắm. Không phải tuổi già nên mất ngủ, bằng chứng cho thấy chó mèo già ngủ li bì, ngủ ngày, ngủ đêm, ngủ liên miên. Người già dư thì giờ, ban ngày ngủ rồi, nên ban đêm khó ngủ là chuyện tất nhiên. Ông thường nói rằng, đừng sợ mất ngủ. Khi không ngủ được, nên dậy đọc sách, viết thư, làm thơ, xem truyền hình, gõ máy vi tính, đọc thư bạn bè, hãy tận hưởng cái thời gian quý báu đang có. Rồi chờ cho thật buồn ngủ, không thức nổi nữa, vào giường nằm, sẽ ngủ được ngay, và ngủ một giấc ngon lành cho đến sáng. Đừng ép giấc ngủ, ép giấc ngủ sẽ khó ngủ hơn. Cũng đừng uống thuốc ngủ. Đại kỵ. Uống thuốc ngủ nhiều, làm hư hại hệ thống thần kinh. Đừng nằm nhắm mắt mà đếm cừu, nếu phải đếm, thì đếm những người tình cũ. Mau ngủ hơn. Nếu đời chỉ có một hai người tình thôi, thì đừng đếm một hai, một hai, không có lợi. Hoặc nằm mà hát trong trí những bài ca du dương, đẹp, gợi nhiều kỷ niệm êm ái, thân thương. Bà chị ông, cứ than phiền bị mất ngủ, nhưng khi đi chơi, cứ leo lên xe thì queo đầu ngón khò khò, ngủ suốt buổi, suốt ngày, ngủ quên ngắm phong cảnh. Ngủ như thế thì no rồi, dư rồi, nên khi đến

khách sạn, làm sao mà ngủ thêm được nữa. Bà chị nói, đi chơi xa sợ mất ngủ. Bà ấy thực sự ngủ nhiều hơn ai cả, mà bà tưởng bị mất ngủ. Một chị khác than là mất ngủ kinh niên, ghé nhà ông chơi. Ông nói sẽ chữa bệnh mất ngủ cho chị. Ông dẫn chị kia đi chơi, suốt ngày lội bộ, chị vừa đi vừa ngủ gật, ông không cho ngủ. Ông nhờ hết việc này qua việc nọ, không để chị có thì giờ mà ngủ gật. Đêm không cho đi ngủ sớm. Mới mười giờ đêm, mệt quá chị năn nỉ xin đi nằm, và đánh một giấc dài ngon lành đến sáng hôm sau. Trong mấy hôm liên tiếp đêm nào chị cũng ngủ li bì, ngủ ngon, không cần thuốc thang chi cả. Ông truyền bí quyết, là đừng ngủ ngày, mệt mấy cũng không ngủ, ban đêm đừng vào giường sớm, phải chờ cho mắt riu lại, mở không ra, mới đi ngủ, thì ngủ ngon.”

Nhiều người già tự đặt cho họ một kỷ luật để sống. Theo ông, thì có kỷ luật cũng tốt, mà không kỷ luật lại càng khỏe hơn. Nhiều người tính tình nghiêm khắc, mọi sự đều phải rằm rắp đúng như quy định mới chịu. Tội chi vậy, nếu không rằm rắp, mà không chết ai, hại ai, thì rằm rắp làm chi cho khổ mình, khổ người? Nên dễ dãi với mọi sự, dễ dãi với chính bản thân mình, kéo tội nghiệp nó. Khắc kỷ cũng là điều hay. Nhưng tội gì mà tự khắc

khe với chính mình. Người khác còn chưa khắt khe với mình kia mà. Nên cứ xem mọi sự như trò chơi. Chơi vui nhiều thì tốt, vui ít cũng tốt luôn. Ông không mong cái tuyệt đối, hoàn hảo. Trong một cuộc chơi, ông không hy vọng được tất cả mọi người tham gia, có ít vui ít, có nhiều vui nhiều. Hai ba chục người cũng vui, mà năm bảy bạn bè cũng vui luôn. Nếu hụt một cuộc chơi, một cuộc gặp gỡ, ông cũng không tiếc, chẳng sao cả, ông về nhà vặn nhạc, mở TV ra mà thưởng thức. Ông cứ nghĩ, được thêm một dịp nghỉ ngơi, yên tĩnh. Có lần đi trễ máy bay, ông bình tĩnh xin đi chuyến sau mà không được. Ông cũng cười, không bực mình, quay về nhà, pha một bình trà, đem một tập thơ ra mà ngâm vịnh. Rồi nằm ngửa thưởng thức cuộc tranh tài thể thao. Ông nói, đôi khi nhờ trễ một chuyến máy bay mà sống sót, nếu máy bay rớt. Chiều ra quán uống cà phê xem sinh hoạt phố phường. Nói chuyện tào lao với chủ quán cũng vui.

Ông không bao giờ tranh luận gay gắt với ai. Ông nói, tranh luận làm chi cho mệt, rồi giận nhau?. Trong tuổi già, khi có cuộc tranh luận, thì tránh là tốt nhất. Nếu không tránh được, thì chịu thua đi, thắng làm chi, để cho đời ngắn lại. Thắng tranh luận, làm thiên hạ

ghét, dễ mất lòng bạn bè, làm người bị thua tức giận, và nóng mặt, không ưa mình. Không ai ghét người thua trong cuộc tranh luận. Người thắng cuộc, dễ bị ghét hơn. Thử đánh một ván cờ xem, nhường cho đối phương thắng, làm họ vui, không chừng mình được đãi đằng hậu hỉ hơn. Đến nhà người ta, mà cãi nhau, tranh thắng, làm họ mất mặt với vợ con, với bạn bè, thì đừng mong chi được tiếp đãi thắm thiết. Khi thua, mình không thiệt thòi, chẳng mất mát chi cả, mà lại được thương, tại sao không chọn tình thương, mà chọn cái bị ghét. Thắng tranh luận, cũng chưa chắc mình đã giỏi hơn người, mà giỏi hơn để làm chi? Và cũng chưa chắc người ta đã chịu cái lý của mình là đúng. Trong tình vợ chồng cũng vậy, nhiều ông bà tranh hơn thua từng ly, từng tí, cãi vã từng bừng về những điều không ích lợi chi cho ai cả. Rồi giận hờn, nói nặng lời, làm nhau đau đớn vì ngôn từ thiếu tử tế, kém lịch sự. Có ích lợi gì đâu. Tranh nhau thắng thua, tạo sự mệt mỏi hạnh phúc gia đình, làm mất đi thì giờ quý báu bên nhau, để không khí căng thẳng, nặng nề. Đừng bao giờ nói là phải làm cho ra lẽ, không thì hoá “lùng”. Hãy cứ để cho chồng mình, vợ mình “lùng” đi, cho họ sướng. Tại sao đi ra ngoài, không dám “lùng” với thiên hạ, mà về nhà lại

“lùng” nhau làm chi cho mất vui. Ông Hai thường cứ chịu thua là khỏe nhất. Ông đã thua, thì không việc chi mà ai đó gây hấn thêm. Đúng hay sai, ông tự biết. Không cần tranh luận nhiều. Có tranh luận, thì cũng chưa chắc đã thuyết phục được đối phương mà không gây mất mát. Mỗi lần phải tranh luận với ai, thì ông nhớ lại chuyện ông Pol Pot. Ông này đã giết chết hơn hai triệu dân vô tội, tức khoảng một phần ba dân số Kampuchia của ông thời đó. Thế mà cuối đời, khi sắp chết, ông Pol Pot nói với một phóng viên Tây phương rằng, những điều ông đã làm, là vì lợi ích của dân tộc ông. Nhớ chuyện đó, làm ông Hai đỡ ngửa miệng xen vào những cuộc tranh luận.

Khi có ai chê bai ông, ông chẳng bực mình, không giận hờn, mà cứ cười, và xem như không. Ông tự nhủ, biết đâu ông cũng đáng chê, đáng trách. Nghe thiên hạ chê, để mà sửa mình, biết mình còn cái chưa hay, sai sót. Không phải mặt ông dày chẳng biết xấu hổ, nhưng thiên hạ chê, mà không phản ứng, thì như gió qua truông. Có một ông khác, bị vợ chê bai hoài, chê đủ thứ. Ông này chỉ cười, nói với bà vợ rằng, ông không ngờ bà xui xẻo đến thế, lấy phải một thằng chồng tệ

hại như vậy, tội nghiệp cho bà quá. Bà vợ nghe mà chột dạ, và biết đã ăn nói quá trớn.

Khi nghe ai khoe khoang, ông Hai cũng không bắt bẻ, không lật mặt thật của họ ra, sợ làm cho họ xấu hổ, bẽ bàng. Ông cứ giả vờ tin, để mà đãi họ vài phút vui sướng, cũng là làm được một việc thiện nho nhỏ. Ông không mất gì, và chẳng thiệt hại cho ai, mà cuộc đời này thêm vui, thêm tử tế. Bởi nghĩ thế mà ông làm.

Ông Hai Hô quan niệm rằng, trong tuổi già, có hoài bão cũng tốt, mà không hoài bão chi cả, lại tốt hơn, khôn ngoan hơn. Khi trẻ, nhiều thì giờ, dư năng lực, mà chưa có hoài bão nào làm xong, thì khi già rồi, mong chi đạt được. Tội chi đeo vào thân cái hoài bão cho khổ. Già rồi, đừng nên xem cái gì là quan trọng cả. Từ danh vọng, tiền tài, tình yêu. Ngay cả cái mạng sống của mình, cũng đừng xem quá trọng. Có lần, ông đến thăm một nhà văn đang nằm thoi thóp, miệng ngậm một cái que gỗ có thấm nước cho đỡ khát, sắp chết vì ung thư. Ông nhà văn còn thao thức vì một tác phẩm để đời chưa khởi đầu được. Chết chưa an lòng. Ông nói: “Thôi bác ơi, chuyện gì mình chưa làm được, thì thế nào con cháu mình sau này cũng làm. Yên tâm mà dưỡng bệnh đi.”

Ông Hai Hô cho rằng, cứ năm ba ông bà bạn già gặp nhau, uống vài ly trà, cà phê rồi nói chuyện nhằm cũng là một thứ hạnh phúc trong đời. Ông nói, dù đến để nghe thằng bạn già nó chửi mình, cũng cứ vui, được người ta chửi, tức còn có người quan tâm đến mình, còn hơn là không ai khen, ai chửi cả. Những dịp ra mắt thơ, sách, ông thường tham gia cho cuộc họp thêm xôm tụ. Cho tác giả sướng. Ông khoái các buổi ca nhạc cây nhà lá vườn, tài tử. Cũng có những cái hay riêng của nó. Những buổi họp mặt anh em bạn cũ, ít khi ông bỏ qua, ông nói nếu không tham dự thì uổng lắm. Ông cho rằng, tuổi già, mà còn gặp lại được bạn xưa, thì không còn gì quý báu hơn. Nằm nhà xem sách, xem truyền hình, đá banh, đâu vui bằng gặp bạn cũ. Gặp dịp vui, thì cứ vui kéo uống, biết mình còn sống được bao lâu nữa mà mãi phí ngày giờ chạy theo lợi lộc.

Mỗi khi đi đám cưới, tiệc tùng, ông đến đúng giờ, mà thiên hạ tà tà đến trễ, ông cũng không bực mình. Bởi người ta quen giờ cao su rồi. Họ có cả trăm ngàn lý do để biện minh. Ông đến sớm, cũng có cái lợi khác, được nói chuyện, gặp gỡ, tâm sự với những bạn bè mà từ lâu ít dịp gặp nhau. Cũng vui và quý. Để chi có cơ hội thuận tiện để gặp. Đến khi thức

ăn dọn ra, không còn cơ hội để nói nữa, vì ai nấy, lo gấp, nhai, không rảnh để nói chuyện. Khi ăn xong, bạn bè vội vã ra về, vì đường xa, đêm khuya, mệt nhọc. Bởi vậy, ông cứ vui với cái bê bối của thiên hạ, và bằng lòng với câu “Không ăn đậu không phải Mễ, không đi trẽ, không phải Việt Nam.”

Ông Hai Hô thường tâm niệm, tuổi già, cứ phiên phiên với mọi sự, cho khỏe, sượng cái thân già của mình ./.

Ơn Đời Chứa Chan

Có kẻ cho ông Tư là người bất bình thường, đại gàn, bởi ông thường hay nói: “Tuổi già, buổi sáng thức dậy, nghe gân cốt đau rêm mà mừng, vì biết mình còn sống.” Đại ý câu này được viết trong một cuốn sách nào đó mà ông đã quên tác giả, nhưng nó làm ông thấm thía cái hạnh phúc lâng lâng của từng sớm mai khi vừa tỉnh giấc. Bận bè cùng trang lứa với ông, nhiều người đã về với Diêm Vương khi còn trẻ măng, vì cuộc tương tàn khốc liệt dài ngày trên quê hương. Nhiều người khác gục ngã trong trại tù vì đói khát, bệnh tật, mồ hoang vùi cạn. Một số khác nữa, vì khao khát tự do mà chôn thân dưới đáy biển, hoặc chết khô giữa rừng sâu. Không ít người còn lại, tử thần cũng đã đón mời vì bạo bệnh, khi tuổi năm sáu mươi. Phần ông vẫn

còn dai dẳng sống sót cũng là ân huệ trời ban, không vui hưởng tháng ngày, cũng uống lắm sao!

Ý nghĩ đó làm ông mỉm cười sung sướng. Ông vẫn trùm thân trong chăn ấm. Tội chi mà dậy sớm cho mệt. Mỗi khi nghe tiếng máy xe khởi động từ hàng xóm vọng qua trong buổi tinh sương, ông càng vui sướng hơn, vì không còn phải vùng dậy giữa đêm đen, lặn lội đi kiếm cơm hàng ngày như mấy gã trẻ tuổi ở cạnh nhà. Về hưu rồi, mỗi tuần hưởng bảy ngày chủ nhật, bảy ngày thanh thoi. Hết áp lực của công việc hàng ngày, không phải lo lắng bị thất nghiệp khi kinh tế khủng hoảng xuống dốc. Khoẻ re.

Cứ nằm trùm chăn ấm nghe nhạc mềm văng vẳng ru đưa, phát ra từ cái radio nhỏ, có khi ông chợp thêm được một giấc ngủ ngắn ngon lành. Ngủ chán thì dậy. Bước xuống giường, dù khớp xương sưng đau, đi khắp khểnh, ông cũng thầm cảm ơn cái chân chưa liệt, còn lê lét được. Chưa phải nằm dán lưng vào giường như một số người bất hạnh khác. Những kẻ này mà nhích được vài bước cà thọt như ông, thì chắc họ cũng sướng rân người. Ông thầm bảo, có thêm được một ngày để sống, để vui, để yêu đời. Bệnh hoạn

chút chút, thì phải mừng, chứ đừng có nhăn nhó than vãn ỉ ôi.

Mỗi khi đánh răng rửa mặt, ông làm thầm: “Mình sướng như vua rồi, có nước máy tinh khiết để dùng. Giờ này, cả thế giới, có hơn một tỷ người thiếu nước để nấu ăn, để tắm giặt và nhiều tỉ người khác không có nước sạch, phải uống nước dơ bẩn.” Dù cái bàn chải đánh răng đang ngo ngoạy trong hàm, ông cũng ư ử hát ca. Khi áp cái khăn tắm đầy nước lên mặt, ông cảm được cái mát lạnh và niềm sung sướng chứa chan đang lan tỏa chạy khắp người. Ông biết đang được ân sủng của trời đất ban cho trong tuổi già. Ông cứ nhớ mãi thời đi tù Cộng Sản, mỗi ngày chỉ có được một lon nước chừng một lít, để rửa ráy tắm giặt. Chừng đó thôi, mà cũng xong việc. Khi ấy, thấm cái khăn ướt lau khắp người, nghe mát rượi, đã đời, và khi còn lại một phần nước cạn đen ngòm dưới đáy lon, cầm đồ lên đỉnh đầu, sướng đến rên lên được.

Ngồi lên cái bồn cầu êm ái, nhà cầu sạch sẽ, trắng toát, thơm tho, không vương một chút mùi vị hôi hám, đèn đóm lại sáng trưng, có nhạc văng vẳng từ radio, ông cầm cuốn sách thưởng thức chữ nghĩa của “thánh hiền”, tư tưởng của Đông Tây. Không bao

giờ ông quên cùng giờ phút này, có hơn ba tỷ nhân loại không có cầu tiêu để làm cái chuyện khoái lạc thứ tư. Có người phải ra đồng lồng lộng gió, mà làm chuyện “nhất quận công, nhì ị đồng”. Phải gấp gấp cho xong chuyện, không nhần nha được, vì hai tay phải múa lia lịa hát ra đằng sau, để xua đuổi lũ ruồi đồng đang vo ve “oanh tạc”. Xong việc, may mắn lắm thì có lá chuối khô mà lau chùi, còn không thì dùng đất cày, đá cục, nắm cỏ, que nhánh cây tươi, khô. Ông cứ nhớ thời làm việc ở quận lỵ, chỉ có nhà tiêu lộ thiên, hai tấm ván bắt ngang qua một hầm cầu, nắng xông hơi phân người lên nóng hừng hực rát cả mặt, bên dưới giòi bọ lúc nhúc lồm ngồm làm thành một tấm màn trắng-ngà chuyển động. Có con gà ở đáy hầm, nó đang thưởng thức ngon lành món giòi bọ, thấy ông xuất hiện bất thần, sợ hãi hoảng hốt đập cánh bay lên kêu quang quác và vung vãi ‘ám khí’ khắp trong không gian, làm ông cũng khiếp vía, ôm đầu phóng chạy dài. Nghĩ đến chừng đó thôi là ông đủ cảm được cái sung sướng đang có ngay bây giờ. Ngồi thật lâu, đọc cho xong mấy trang sách, mới nhởn nhờ rời phòng.

Ông Tư tự đãi một bình trà nóng, một ly cà phê thơm, rồi nấu nồi cháo gạo tẻ đặc rền

ăn với cá kho mặn. Dọn ra bàn, đèn vàng soi một khoảng ấm cúng. Ông thong thả vừa hớp nhâm nhi, vừa ăn từng muỗng cháo, chất gạo béo tạo vị giác đi qua trong cổ họng. Ông lầm thầm: “Ngon, cao lương mỹ vị cũng không bằng”. Ông thường ngâm nga hai câu thơ : “Vợ cũ, chó già, tô cháo nóng. Ba nguồn thân thiết dạt dào thương”. Mắt ông dán vào trang thơ đang cầm trên tay, gật gù thường thức ý lời hoa gấm. Ông trầm mình vào những dòng thơ, tim xao xuyến xúc động menh mang. Thỉnh thoảng ông dừng lại, và nói nhỏ cho chính ông nghe: “ Tiên trên trời cũng chỉ sướng và thong dong như thế này là cùng”. Ông nhớ đến cái thời “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa”, buổi sáng bụng đói meo, vác cuốc đi làm lao động tay chân nặng nhọc, ráng uống một bát nước lã để cầm hơi và đánh lừa cái bụng đang sôi sồn sột. Bây giờ được như thế này, phải biết cảm ơn ân sủng của trời ban cho. Biết bao nhiêu tỉ người trên thế giới này mơ ước được có một buổi sáng thanh thoi và no ấm như ông mà không được nhỉ?

Nhìn xuyên qua cửa phòng ngủ, ông thấy bà vợ nằm ngủ giấc yên bình, lòng ông dạt dào niềm thương. Bà đã cùng ông mấy mươi năm dặt dìu nhau trong phong ba bão

táp của dòng đời nghiệt ngã. Đã chia sẻ ngọt ngào cũng như đắng cay của một thời khói lửa điên đảo. Giờ này, may mắn vẫn còn có nhau trong cuộc đời, thương yêu thấm thiết, nhường nhịn nâng đỡ chăm sóc ngày đêm. Không như những cặp vợ chồng già khác, cứ lục đục gây gổ nhau, tranh thắng thua từng li từng tí, làm mất hạnh phúc gia đình. Ông thương bà biết an phận thủ thường, không đứng núi này trông qua núi nọ. Ông thấy bà hiền lành và có trái tim đẹp như thánh nữ. Ông muốn vào phòng, hôn bà lên trán, nhưng ngại làm vợ mất giấc ngủ ngon buổi sáng. Ông lại cảm ơn trời đã đem bà buộc vào đời ông. Ông cười và nhớ câu nói của một nhà văn nào đó: “Đời sống không thể thiếu đàn bà, nhưng sống được với một người đàn bà không phải dễ.”

Ông Tư ra vườn. một mảnh đất nhỏ trồng vài cây hoa, hương thơm thoang thoảng, có tiếng chim kêu đâu đó líu lo vọng lại. Mấy đoá hoa sặc sỡ còn đọng lóng lánh sương đêm. Nắng mai ấm áp phủ lên da thịt ông, tạo thành một cảm giác dịu dàng, êm ái. Ông vươn vai, xoay người trong thế thể dục chậm, xương sống được thư giãn kêu răng rắc, đã đời. Hít thở và phát tay chừng mười lăm phút cho máu huyết lưu thông. Loại thể

dục này đã giúp ông bớt được những cảm mạo thông thường, ông tin vậy.

Ông Tư thay áo quần để đi ra đường. Cầm cái áo lành lặn bằng vải tốt trên tay, ông thường nhớ đến thời đi tù, khâu bao cát làm áo, rách tả tơi, không đủ che gió lạnh thấu xương của núi rừng. Thế mà cũng có nhiều tù nhân khéo tay và nghịch ngợm, khâu bao cát thành bộ đồ lớn, đủ ba mảnh, và làm luôn cả cái “cà vạt”, mang vào trông cũng sang trọng như đi ăn đám cưới. Nhớ lại thời đó mà rung mình. Còn sống sót, và đến được đất nước tự do này, cũng là một điều mầu nhiệm lạ lùng. Ông Tư đi ra đường, xe cộ vùn vụt qua lại liên miên. Lề đường rộng, phẳng phiu, sạch sẽ. Bên kia là giao điểm của hai xa lộ, các nhánh cầu cao đan uốn éo chồng chất lên nhau, vòng vèo trên không, như những núi rôi. Ông Tư thầm cảm ơn tiền nhân đã đổ sức lực, mồ hôi, tài nguyên khai phá và xây dựng nên những tiện nghi này cho ông nhảy xổm vào hưởng dụng, mà không ai có một lời ganh ghét, tị hiềm. Ông, từ một trong những nước lạc hậu nhất của hành tinh này, bị chính quyền của xứ ông bạc đãi, kỳ thị, kèm cặp và lấy hết các tự do cơ bản. Đến đất nước này, ông được bình đẳng, có công ăn việc làm hợp với khả năng, con cái ông được đến

trường, học hành thành tài, có nghề nghiệp vững chắc và sống với mức trung lưu. Ông cảm thấy còn nợ quê hương mới này quá nhiều thứ, từ tinh thần đến vật chất, mà biết không bao giờ trả lại được một phần nhỏ nào. Ông Tư vừa đi bộ vừa ca hát nho nhỏ.

Một người cảnh sát cao lớn dềnh dàng đi ngược đường chào ông, ông chào lại bằng lời cảm ơn đã giữ gìn an ninh cho dân chúng sinh sống. Người cảnh sát cười và nói đó là bổn phận, vì lương bổng của ông ấy được trả bằng thuế của dân chúng, trong đó có ông. Ông Tư thấy trong lòng bình an, ông không làm điều gì phạm pháp, thì không sợ ai cả. Ông đọc trong báo, thấy có những xứ, dù không làm gì sai quấy cả, cũng bị cảnh sát giao thông chặn lại đòi tiền, nếu không cho tiền, thì bị quy kết đủ thứ tội mà mình không có.

Nắng chiếu hoe vàng cả dãy phố của một ngày thu, ông Tư bước đi mà lòng rộn rã. Gặp ai cũng chào, cười vui vẻ. Nghe ông chào hỏi nồng nhiệt, mọi người đều vui theo. Thấy một ông cụ mặt mày đăm đăm rầu rĩ đi ngược đường, ông Tư lớn tiếng: “Chào cụ? Có mạnh khỏe không? Hôm nay nắng đẹp quá!” Ông cụ trả lời qua loa: “Tàm tạm, chưa chết! Chán cái mớ đời.” Ông Tư nói to: “Việc

chi mà chán đời cho một cụ ời. Chưa chết là vui lắm rồi. Cụ có biết là chúng ta đang sung sướng phước hạnh, tội chi phí phạm thời gian để buồn nản?" Ông cụ thở dài: "Ai cũng có một cái thánh giá nặng để cõng trên lưng! Đời đâu có giản dị! À, này, mà hình như ông đau chân, bước đi không được bình thường? Thế thì vui nổi gì? " Ông Tư cười lớn: "Vâng, tôi đau chân, nhờ đau chân mà tôi thấy được niềm vui hôm nay lớn hơn, vì còn đi được, bước được, chứ chưa phải nằm nhà. Cụ ời, nếu lo âu mà giải quyết được những khó khăn, thì nên lo. Nhưng nếu lo âu, mà không giải quyết chi được, thì hãy vui lên, cho đỡ phí phạm ngày tháng trời cho." Ông cụ già lắc đầu bỏ đi.

Ông Tư xà vào ngồi trên ghế đá mát lạnh của công viên dưới tàng cây có bóng nắng lung linh. Nhìn bọn trẻ con chơi đùa la hét lẫn lộn trên bãi cát, ông vui lây với cái hồn nhiên của chúng. Bên kia đồi cỏ, có đôi nam nữ nằm dưới gốc cây, kê đầu lên tay nhau, tóc đổ dài óng ánh, thỉnh thoảng vắng tiếng cười rúc rích. Đất nước này ấm no và thanh bình quá, sao có nhiều người còn kêu ca đời sống khó khăn? Phải chăng những kẻ này chưa biết an phận, muốn được nhiều hơn điều đang có, đang đủ. Không thấy được

phước hạnh là lỗi tại họ. Ông dong tay bắt vài tấm lá rơi đang quay cuồng trong gió và lấy bút ghi lên mặt lá mấy dòng thơ vừa thoáng qua trong trí để ca ngợi cuộc đời. Thấy bãi cỏ êm mát, ông nằm dài, những vòng tròn sáng màu vàng rải rắc trên người ông. Gió hiu hiu mát từ hồ nước vờn qua làm mơn trớn thịt da. Ông Tư rút từ túi quần một cuốn sách nhỏ có nhan đề “14 ngàn điều làm nên hạnh phúc”. Tác giả tập sách nhỏ này, thấy đâu đâu cũng là hạnh phúc tràn đầy. Vấn đề là cảm nhận được cái sung sướng, cái hạnh phúc đang có. Từ việc đặt chân lên một tấm thảm mềm êm ái, đến việc cắn một trái ngọt chín mọng trong kẽ răng, đến mơ mộng được hát trên bục một hộp đêm, nghe một lời nói dịu dàng yêu thương...

Hạnh phúc và sung sướng cảm nhận được từ những điều rất nhỏ nhặt, đơn sơ, tầm thường nhất trong sinh hoạt hàng ngày. Không cần phải là ôm chặt người yêu trong vòng tay, cũng chẳng phải lúc vật nhau lăn lộn trên giường, cũng không cần đến việc cầm trong tay cái vé số độc đắc, hoặc làm chủ được một tòa lâu đài sang trọng... Ông nghĩ, chắc sẽ có người cho tác giả tập sách này là kẻ “lạc quan tếu”. Nhưng thà lạc quan tếu hơn là bi quan. Đời này, có nhiều người

đắm mình trong hạnh phúc, mà cứ tưởng đang ngập lặn trong bể khổ. Hoặc đang được phước hạnh mà không biết và xem thường, chỉ khi mất đi, hay đã trôi qua, mới biết, thì đã quá muộn màng.

Nắng đã xông hơi nồng nóng, ông Tư đón chuyến xe buýt ra về. Cái vé xe cho người già rẻ rẻ, chỉ bằng một phần ba vé bình thường. Ông nói lời cảm ơn tài xế, và cảm thấy mang ơn những người cùng đi xe công cộng này, vì xem như họ đã gián tiếp gánh một phần tiền vé cho ông.

Về nhà, bà Tư đã dọn sẵn cơm trưa, mời ông rửa ráy cho sạch sẽ mà ra ăn. Thấy ly nước chanh muối, ông cầm uống, chất nước ngọt ngào mằn mặn chua chua, ngon lành đi qua cổ họng. Ông nhìn vợ với ánh mắt thương yêu và nói lời cảm ơn cho bà vui. Chưa ăn, mà thấy bát canh bông bí nấu tôm đã biết ngon. Những món ăn thanh đạm này, với ông, còn ngon hơn sơn hào hải vị.

Ăn xong, còn chút cơm thừa, bà Tư bỏ vào chén, cất vô tủ lạnh, không dám đồ đi, vì sợ phí phạm của trời. Bà nhắc câu nói của ông: “Ngay giờ khắc này, trên thế giới có hơn năm trăm triệu người đang đói rã, không có một miếng gì để ăn, và có hơn vài tỉ người ăn chưa no bụng, và nhiều tỉ người khác quần

quạt ngày đêm, cũng chỉ mong có đủ no mà thôi.” Đã từng đói, nên ông bà không dám phạm thức ăn.

Ông Tư mừng vì ăn còn thấy ngon miệng, không như một số người khác, ăn gì cũng như nhai đất sét, không muốn nuốt, vì nhạt miệng, mất vị giác. Một số người khác còn tệ hại hơn nữa, họ không còn ăn bằng miệng được, mà ăn bằng bụng, nhờ ống dẫn thức ăn nối với dạ dày, như đồ xăng cho xe hơi.

Ông Tư ngồi vào bàn mở máy vi tính lướt mau tin tức thế giới biến động. Đôi khi thấy giá thị trường chứng khoán tụt dốc xuống thấp, làm nhiều nhà bình luận lo ngại. Nhưng ông Tư cười, ông chẳng thèm để ý, không cần quan ngại chi cả. Chứng khoán lên hay xuống, cũng thế thôi. Ông có lo ngại hay quan tâm cũng chẳng thay đổi được gì. Với số tiền hưu khiêm tốn, và cách ăn tiêu trong khả năng tài chánh, ông bà Tư chưa bao giờ thấy thiếu thốn cái gì. Có một ông bạn khoe rằng nay đã thành triệu phú. Bà Tư đùa và hỏi, triệu phú thì khác người không là triệu phú cái gì? Ông bạn lúng túng ấp úng không biết phải trả lời ra sao. Nhưng ông bà Tư chắc chắn rằng, họ ít tiền, nhưng được sung sướng, đầy đủ hơn nhiều người giàu triệu phú khác.

Ông Tư rà mắt qua các tin tức và những biến cố mới nhất. Thật là tuyệt diệu, thần kỳ. Chuyện vừa xảy trong giờ trước, đã được tường thuật ngay. Dạo một vòng tin tức xong, ông quay qua mở vi-thư của bạn bè. Có những người bạn xa cách hàng ngàn dặm, mấy chục năm nay chưa gặp lại nhau, mà thư từ qua lại liên miên, tưởng như gần gũi trong gang tấc. Tha hồ hàn huyên tâm sự. Tình cảm qua lại thân thiết chứa chan. Nhờ máy vi-tính, khi viết, tha hồ bôi xóa tẩy sửa lung tung, mà không cần phải xé tờ này, viết lại tờ kia, vô cùng tiện lợi. Thư viết xong, chỉ cần một cái nhấp con chuột, bạn ông nhận được ngay tức thì. Không cần phải nhờ bưu điện chuyển đi có khi cả tuần mới đến. Hàng chục lá thư của bạn bè khắp nơi trên thế giới chuyển đến ông những điều hay, lạ, nhiều bài thuốc hiệu nghiệm, trăm bản nhạc du dương, ngàn hình ảnh tuyệt vời của các thắng cảnh thiên nhiên, các đoạn phim ngắn đủ thể loại của nhiều vấn đề khác nhau. Ông cảm ơn khoa học kỹ thuật tiến bộ, đem thế giới minh mông lại gần gũi trong không gian và cả thời gian.

Mỗi khi nghe tin một người già bệnh hoạn qua đời, ông Tư mừng cho họ thoát được thời gian đau yếu sống không chất

lượng. Nhiều người nằm liệt vài ba năm, không sống, không chết. Còn có những kẻ phải cưa tay cưa chân. Ông vẫn thường mong sau này, nếu được chết, thì chết mau chóng, yên lành, khỏi qua thời gian bệnh hoạn lâu ngày.

Có một bạn già mĩa mai, cho ông Tư là “kẻ tự sướng” ông chỉ cười và nói : “Thà tự sướng hơn là tự khổ”

Ông Tư thường nghĩ rằng, ông đã và đang được quá nhiều phước hạnh của trời ban, nhiều ân nghĩa của nhân loại, xã hội, nhiều tình thương của gia đình, bạn bè, người quen và cả chưa quen. Ông thấy sung sướng hạnh phúc. Ông tội nghiệp cho những người suốt đời than van, nắng không ưa, mưa không chịu, và tự bôi đen ngày tháng đẹp đẽ của họ, và chìm đời vào bất mãn, khổ đau. /

Mài Dao Dạy Vợ Luyện Võ Trị Chồng

Lời kể của chị Thanh Mai:

“Khoan, xin anh đừng tưởng tôi là bà chằn lửa, múa dao lia lịa, bắn súng ào ào như cao bồi. Nói cho bạo mà nghe chơi, đừng sờn da gà.

Chắc ít ai quên câu chuyện của anh chàng có mẹ ở chung nhà. Mẹ và vợ thường không thuận nhau, gây bất hòa, mất hạnh phúc gia đình. Một hôm bà mẹ thấy anh mài dao mãi, hỏi mài làm chi kỹ thế, anh trả lời rằng, mài dao bén để giết vợ, cho mẹ con sống với nhau yên ổn hơn. Khi vợ về cũng hỏi, anh nói là mài dao sắc, giết mẹ để vợ chồng sống không sóng gió. Mẹ và vợ đều sợ, nên hết dám xích mích nhau. Đó là câu chuyện xưa. Bây giờ tôi cũng luyện võ trị chồng. Xin các ông đừng sôi gan lên khi nghe đến chữ "trị chồng". Cứ từ từ, đâu còn đó.

Mẹ tôi thường nói, tưởng tôi cao bồi, sau này e ế chồng, không ai dám mó vào. Mẹ còn bảo chú tôi đừng dạy võ nghệ cho tôi. Không chừng về sau, gia đình di họa, tai tiếng. Tôi được chú thương, đem tôi đến võ đường

tập luyện đều đặn. Từ quyền cước, múa kiếm, đánh côn, đủ loại. Tôi ưa thích Nhu Đạo nhất, vì môn võ này, theo chú nói : "Lấy yếu chống mạnh, lấy sức người làm sức mình. Như cây trúc, mềm dẻo thì không gãy, mà cứng như cây thông thì trốc gốc trước gió"ù. Sau này vào đời, tôi quên hết tất cả quyền cước võ nghệ, chỉ còn nhớ một câu trên, để áp dụng cho tất cả mọi hoàn cảnh trong cuộc sống nhiều gay go phức tạp. Có lần tôi tâm sự điều đó với chú, thì chú bảo đưa một câu rất chi kiếm hiệp rằng: "Con đã đạt đến tuyệt đỉnh võ học rồi đó. Người võ học tốt đỉnh, chỉ còn võ ý, chứ không còn võ thể, võ công nữa".

Không đúng như mẹ tôi ngại rằng sau này tôi ế chồng. Tôi lại có số đào hoa. Trong võ đường, có rất nhiều võ sinh ngắm nghé, không phải vì tôi là cháu cưng của võ sư, mà vì tôi biết sử dụng cái thế yếu của mình. Trong trường học, cũng có nhiều anh kín đáo dành cảm tình cho tôi, muốn làm quen. Anh trai của các cô bạn, cũng dịu dàng bày tỏ cảm tình. Tôi chưa muốn phiêu lưu tình cảm sớm, nhưng cũng không cự tuyệt ai. Cho đến khi tôi biết nhà tôi, một sinh viên vừa tốt nghiệp đại học, có nghề nghiệp vững vàng, thì tôi mở mặt trận, kín đáo tấn công. Nhà tôi, như các ông chăm học khác, khi mới ra trường, nhất

gái, ít kinh nghiệm về tình, chỉ biết sách đèn. Tôi biết, có ít nhất là hai cô cùng tấn công anh một lúc. Một cô thì nhan sắc mặn mà duyên dáng. Cô khác, vừa đẹp, vừa giàu, mà gia đình cô và anh là nơi thân tình quen biết. Còn tôi thì hơi thô, vai to vì học võ, nhào lộn nhiều, dáng đi thiếu uyển chuyển, phải nói là cứng. Cả ba đứa con gái kinh địch đều quen biết nhau, và biết tình cảm của anh chưa hẳn nghiêng về phía nào. Anh có quyền tìm hiểu nhiều người một lúc để chọn người bạn đường tương lai. Trong cuộc chạy đua, tôi như ở thế hạ phong. Vào thời đó, kiếm được một ông chồng có bằng cấp kỹ sư, bác sĩ, luật sư, không phải dễ dàng, mà là một vinh hạnh cho chính mình và cả gia đình nữa. Cái bằng cấp của anh ấy không phải là lý do chính mà tôi nhắm vào, mà vì tôi thấy anh hiền lành, có lòng, và thuộc gia đình gia giáo. Ít nhất, cũng có thể bảo đảm đời sống tinh thần, đời sống vật chất cho tôi sau này. Theo đúng tinh thần võ học, tôi tìm hiểu những điểm mạnh và điểm yếu của đối tượng lẫn đối thủ. Đối tượng thì có cái lý luận và xét đoán chính xác, vì dân kỹ thuật. Các đối thủ thì có nhiều nhược điểm chung của đàn bà, tự ái, kiêu, hay giận hờn, ưa cái hào nhoáng bên ngoài. Hai cô gái nói xấu nhau, và nói xấu tôi, nói

trực tiếp, nói gián tiếp với anh. Phần tôi thì chỉ nói tốt cho các cô, nói về những điểm tốt mà các cô có, tránh chê bai. Thực tình mà nói, khi khen các cô, thì trong lòng tôi cũng áy náy và thương cảm cho mình. Nhưng tinh thần nhà võ, không cho tôi làm khác. Không ngờ, như thế mà tôi được điểm tốt, vì anh đã so sánh giữa ba người, thấy ai tầm thường, ai cao thượng hơn. Tôi đã được đánh giá cao hơn về phương diện tinh thần. Cũng là một võ ý, bất chiến tự nhiên thành. Về phần các đối thủ, thì cô có nhan sắc ưa chuộng bằng cấp, xem bằng cấp là trên hết, tôi giới thiệu cho một anh du học từ ngoại quốc về. Cô kia con nhà giàu, ưa vẻ hào nhoáng bên ngoài, tôi giới thiệu cho một anh, nguyên là võ sinh đàn anh cũ, tướng người cao to oai vệ, học trường sĩ quan, ăn mặc lễ phục sang trọng, tua xanh tua vàng lông lánh quanh cầu vai. Như thế là tôi có thể tranh thắng dễ dàng không cần phải tốn công sức nhiều. Đúng theo võ ý, dùng một chút sức nhỏ đánh vào yếu điểm còn hiệu quả hơn dùng toàn lực đánh nhiều lần vào nơi khác. Kết quả rõ ràng, chiến thắng về tôi mà không phải cực nhọc, ra những chiêu thức thấp kém như nói xấu, mua chuộc, làm những điều thiên hạ chê cười.

Trong thời gian quen biết tìm hiểu nhau, tôi chưa bao giờ tỏ ra giận lẫy, trách móc, đòi hỏi anh điều gì. Cũng có những lúc, trong lòng tôi buồn giận lắm, nhưng tôi không tỏ lộ ra, vì đâu có lợi gì cho ai mà chỉ thiệt hại cho mình thôi. Vì người ta đến với mình, để tìm an ủi, tìm ấm áp cho tâm hồn, chứ không phải đến để nhìn cái mặt nặng nề, nghe lời trách móc chói tai. Cứ giận lẫy và làm mất vui vài ba lần thì ai cũng chán, lo cao chạy xa bay, bởi mình để lộ cái xấu ra quá sớm. Không có người đàn ông nào ưa nghe trách móc, chịu đựng những vô lý, những quá đáng của người bạn gái. Cái đó cũng nằm trong tinh thần võ học, không ra đòn bừa bãi, tốn công tốn sức mà không hiệu quả gì, làm đối phương thấy cái sơ hở của mình. Tôi quan niệm rằng, không đòi hỏi ai phải có bổn phận với mình cả, vì mình đã làm được chi cho ai chưa, mà đòi hỏi người ta phải có bổn phận này nọ với mình. Quan niệm được như vậy, làm cho người chung quanh thấy mình là kẻ biết điều, dễ gần gũi, dễ giao thiệp lâu dài.

Trước khi về nhà chồng, cô Út tôi đến ngủ lại hai đêm, dạy làm cách nào để nắm cổ ông chồng, để điều khiển, sai khiến, chỉ huy

chồng. Làm sao để phong tỏa kinh tế tài chánh, và quản lý giờ giấc chồng, làm sao để triệt mầm vợ bé, bỏ bịch lằng nhằng. Những điều cô nói, tôi cũng đã nghe nhiều bà lớn tuổi bàn tán nhiều lần, khoe nhau trong những khi ngồi lê đôi mách. Có thể hiểu đại khái là bắt nhốt chồng trong căn nhà tù vô hình, trói chồng trong cái ràng buộc chặt cứng của vợ con. Tôi không đồng ý quan điểm đó, nhưng không dám cãi. Những điều cô dạy, có vẻ ích kỷ, và theo tôi thì có thể làm cho người chồng thấy đời sống gia đình là tù ngục, không vui và không hạnh phúc bằng cuộc sống độc thân. Tôi nghĩ, mình có bốn phận làm sao cho chồng cảm thấy đời sống gia đình ít ra cũng hạnh phúc hơn cái thời độc thân chút xíu, dù ít cũng được. Ràng buộc quá, và làm mất tự do cá nhân cũng là cách làm suy mòn hạnh phúc lứa đôi.

Khi thành vợ chồng, tôi cố gắng tôn trọng tự do của chồng, tôn trọng những sở thích cá nhân, và cố gắng tìm hiểu những thứ anh yêu thích, và tôi tập thưởng thức những thứ đó. Có những môn triết lý, văn chương, mà trước đây tôi không bao giờ ghé mắt đến, thấy chồng thích, tôi tìm hiểu, cuối cùng tôi cũng cảm thấy thích thú khi thưởng thức. Tôi

đã tìm cách hòa đồng, để có những suy tư, những rung cảm đồng điệu, và do đó đời sống hạnh phúc hơn, phong phú hơn. Không như nhiều bà khác, chồng thích gì thì mặc chồng, mình giữ lấy cái sở thích riêng, không cần lý đến những cái chung, gây mâu thuẫn gia đình, và người chồng phải đi tìm bạn bè để chia sẻ. Sao vợ chồng không chia sẻ cùng nhau, có hơn không? Đạo đó, tôi thuộc tên tất cả những cầu thủ bóng tròn, anh nào chạy trung phong, anh nào hữu vệ, tả vệ. Chiến pháp 11/11 hay chiến pháp W. Biết tài năng của từng đội cầu. Trong những buổi họp bạn của chồng, khi nói chuyện về đá banh quốc tế, tôi cũng có thể hiểu, và bàn góp vào vài ý kiến ngộ nghĩnh, cho cuộc vui thêm đậm đà.

Có những lúc, tôi để chồng đi chơi một mình, cho anh được tự nhiên. Những khi anh về hơi khuya, tôi không tra hỏi, cầu nhàu, mà còn tiếp đón vui vẻ, săn sóc và gắng tỏ ra tin tưởng chồng. Mẹ tôi biết được, la rầy tôi, bảo đừng để cho chồng lờn mặt, không kiêng kỵ gì vợ con. Tôi thì hiểu chồng hơn, đàn ông thường không muốn bạn bè thấy họ yếu kém. Không lẽ trong lúc chưa xong cuộc họp, cuộc vui, đã bỏ ra về vì sợ vợ chờ. Yếu quá. Một số bạn bè tôi, càng khó khăn khắt nghiệt

với chồng, thì bị các ông cố làm cho hoang đường hơn, để phản kháng lại. Từ đó, chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh, làm mất hạnh phúc gia đình. Khi người chồng không tìm được êm ấm dịu dàng của gia đình, thì họ dễ sa ngã, ăn chơi để bù lại.

Một điều quan trọng bậc nhất là tôi không bao giờ tranh hơn thua với chồng. Nếu có tỏ ra hơn được chồng thì cũng chẳng ích lợi gì. Với người ngoài, thì họ cười chê mình đại. Với chồng, thì anh ta cảm thấy khó chịu. Có lẽ không người đàn ông nào muốn lấy một người tài giỏi hơn họ. Nếu có lỡ lấy rồi, thì họ cũng mặc cảm thua sút, làm hạnh phúc gia đình cũng kém đi. Huống chi mình không hơn chồng, mà luôn luôn gắng chứng tỏ là tài hơn, giỏi hơn, tranh thắng thua từng chút một. Được cái gì? Có lẽ, chỉ có mất mát chứ không được chi cả. Đàn ông, ít ai muốn vợ hơn họ. Nếu có chứng minh được rằng, ông chồng thua mình, thì cũng chỉ vô tình chạm đến cái tự ái, chạm đến cái nam tính của họ mà thôi. Ngoại trừ những hạng đàn ông quá bạc nhược, nhát cáy. Tôi biết chồng tôi hơn tôi nhiều thứ, mà cũng biết có nhiều thứ chồng không bằng mình, nhưng khi nào tôi cũng chịu nhận, chấp nhận tôi thua chồng tất

cả, để cho tự ái anh được vuốt ve, được thỏa mãn, và tôi biết mình sẽ chiến thắng. Chiến thắng là mưu cầu cho hạnh phúc gia đình được êm ấm hơn, được bền vững hơn. Khi mình đã chịu thua, thì không ai tranh hơn thua với mình, không cần cãi vã, ồn ào, mất lòng nhau. Vì dù tôi có chứng minh được chồng nói một câu không đúng, tôi cũng chẳng lợi được gì. Chẳng được ai khen, mà e nếu có người biết được, họ lại chê mình thiếu tế nhị, thiếu khôn ngoan. Nhiều bà, không cần biết mình đúng hay sai, khi nào cũng tỏ ra hơn chồng, điều khiển chồng, sai khiến chồng, không sai khiến được thì khóc lóc, vật vã, làm hành làm tội. Đó là những dấu hiệu khơi nguồn cho đổ vỡ, khơi dậy cái chán chường trong lòng người chồng. Để khi không còn chịu được nữa, thì như cái bong bóng nổ tung. Biết nhường nhịn để mưu cầu hạnh phúc, là mình đã chiến thắng rồi, chiến thắng lớn.

Thành tâm mà nói, tôi cũng điều khiển chồng rất nhiều, Nhưng điều khiển khéo léo, nên chồng tôi không hề hay biết. Anh tưởng chính anh làm, tự anh lấy quyết định. Có gì khó, tôi cứ đặt vấn đề, đặt những thắc mắc, những câu hỏi, và hướng anh về cái kết luận

mà mình muốn, anh tưởng chính anh đã nghĩ ra và lấy kết luận. Khi đó, thì tôi đề nghị theo cái kết luận để thi hành. Thế là vui vợ, vui chồng, không mất công bàn cãi. Cũng có khi, không hướng chồng về được những kết luận mà mình mong muốn, tôi không nóng lòng, cứ tạm thời chấp nhận cái khác, rồi chờ dịp thuận tiện, nêu lại vấn đề, gợi ý. Đồng thời, cũng sẵn sàng chấp nhận thất bại, thì không bức mình, không khổ sở. Đó cũng là một võ ý, lấy sức người làm sức mình.

Trong đời sống vợ chồng, không biết tương kính, thì rất dễ đi đến coi thường nhau. Khi vợ chồng mất sự tương kính, thì hạnh phúc cũng bắt đầu lung lay. Đừng bao giờ chê bai, xỉ vả ông chồng. Khi bị vợ chê, bất cứ chê gì, người chồng sẽ bị tổn thương nặng nề. Đừng tưởng sau khi xỉ vả người khác, và làm lạnh nhạt rồi, thì họ quên đi những xúc phạm. Bên ngoài thì như đã quên, nhưng như một vết thương khó lành, họ sẵn sàng nhớ lại khi có điều kiện. Kiên nhất là chê bai về khả năng tình dục, khi đã bị chê, thì không sớm thì muộn, người đàn ông cũng tìm cách xa lánh, vì mặc cảm, vì tự ái. Thêm vào đó, câu hỏi khó trả lời rành mạch: "Làm sao biết hay, hay dở mà chê, dựa vào đâu mà

so sánh". Chê chồng khi chỉ có hai người thôi, đã là sai lầm lớn, chê trước mặt người khác còn tệ hại hơn, gây thương tổn lớn hơn. Có những ông nóng tính, không kiềm chế được, làm liều, tát tai trước công chúng, và mặc cho kết quả tai hại vô lường sau đó. Đừng bao giờ xúc phạm đến người khác trước công chúng, chồng cũng như vợ. Tại sao mình biết lịch sự, không dám xúc phạm người khác mà lại không biết lịch sự với chồng. Các cụ xưa còn nói, xấu chàng hổ thiếp. Làm chồng xấu hổ, thì mình không xấu hổ theo chẳng? Phần tôi, thì tôi khen chồng, khen trước mặt, và khen cả sau lưng. Khi chồng làm điều gì sai trái, thì tôi chờ dịp, dịu dàng phân giải trong tinh thần tôn trọng vui vẻ. Đôi khi phải quy tội cho sự thiếu may mắn, hoàn cảnh bất lợi, chứ không phải vì chồng thiếu khôn ngoan, vụng về. Nhiều bà chê chồng lia lịa, việc gì cũng chê, sai cũng chê, mà đúng cũng chê. Hút bụi nhà cũng chê còn rác, rửa chén cũng chê không sạch, tỉa cây chê không đẹp, đi chợ chê mua thịt không ngon, áo quần chê giặt không sạch, chê làm biếng, chê tham lam, chê thiếu trách nhiệm.... Đủ thứ tội vạ. Trong lúc đó, bà tự cho mình hay, giỏi, thông thái lắm, không làm lỗi nào cả, hoàn toàn. Ai chê bai bà tí ti thôi, thì cũng đã lăn đùng ra khóc

lóc, vật vã, mất ăn, mất ngủ. Mình chê người ta thì dễ lắm, ai đụng đến mình thì như trời đất sập đến nơi. Tôi khen chồng với mọi người, khi khen, tôi thêm niềm tin tưởng, và thấy chồng mình tốt hơn, mình được sung sướng hơn. Cũng có thể chồng biết vợ khâm phục, nên cố gắng sửa mình cho tốt hơn, cho hoàn hảo hơn, không nỡ phụ lòng tin của vợ. Khen chồng không có hại, mà chỉ có lợi, chê chồng không có lợi, chỉ có hại, hại trực tiếp và gián tiếp, hại trong hiện tại và cả lâu dài về sau.

Nhiều bà chương kỳ, chương khủng khiếp, đòi hỏi những điều thậm vô lý, đòi cho được, không được thì dấy dựa như trời đất sập tận thế. Không có lợi gì cho ai cả, chỉ làm cho người chung quanh chán ngấy, ngán ngẩm. Đó là những trường hợp của những cô con cứng trong gia đình. Sau khi lấy chồng, thì phát huy tối đa cái chương ách, cái độc tài, cái đòi hỏi mọi người phải theo ý cô. Không cần biết sai đúng, miễn sao thỏa mãn cái chương ách của mình, đôi khi biết mình sai, nhưng vẫn khư khư giữ lấy cái sai trái đó. Các cô này là những người tự hủy hoại nội công, hủy hoại cái hạnh phúc gia đình, hủy hoại mối cảm tình tốt đẹp của người khác.

Nhiều bà cho rằng phong tỏa kinh tế là phương sách hữu hiệu nhất để cầm chân chồng trong gia đình. Không có tiền thì cứ cõm nhà quà vợ, không xoay sở đâu được cả. Ai nắm được kinh tế, thành kẻ mạnh. Nói thế là biết một, mà không biết hai. Vô sản hóa ông chồng không có lợi gì cả, vì kinh dịch có nói, cùng tắc biến, biến tắc thông. Các ông đâu có dại khờ chi để trở thành vô sản thứ thiệt. Có cả ngàn cách để các ông thủ một khoản tiền riêng, mà các bà không biết, và chi tiêu của các ông trở thành bí mật, không kiểm soát nổi. Nếu có khi mất tiền, các ông cũng không khai báo, không tỏ ra tiếc, vì sợ lộ tẩy. Phần tôi, thì thả nổi công quỹ, những việc lật vặt, chồng cứ tiêu, như tôi tiêu mà không cần hỏi ý kiến nhau. Những chi tiêu lớn, thì cả hai bàn luận, cùng thỏa thuận rồi mới thi hành. Khi có một trong hai không đồng ý, thì tạm hoãn vấn đề trong một thời gian để cho cái thích chín muồi, suy nghĩ chín chắn hơn mới thảo luận lại. Tôi thường áp dụng chiến thuật hoãn binh. Khi tôi không thích đề nghị của chồng, thì không từ chối ngay, cứ tạm thời nói bằng lòng, nhưng yêu cầu hoãn thời gian thi hành cho đến một ngày nào đó. Ngày ấy, biết đâu chồng tôi nghĩ kỹ lại, rút lui đề nghị,

hoặc chính tôi đã suy nghĩ chín chắn hơn, và sẽ vui vẻ chấp nhận. Như vậy, khỏi cãi vã, tranh luận nhiều sinh to tiếng, mất lòng nhau, giận nhau. Khi giận thì mất khôn, và làm liều, phạm sai lầm.

Vui vẻ trong gia đình là căn bản của hạnh phúc. Gia đình thiếu vui, thì thành nhàm chán. Có nhiều bà khi nào cũng nhăn nhó, than vãn hết chuyện này qua chuyện khác. Than đau yếu, than thiếu thốn, than trời nắng, than trời mưa. Khi nào cũng triền miên bất mãn. Dù nghèo khó, dù trời nóng, dù trời mưa, thì những lời than vãn trên chẳng thay đổi gì được tình hình cả. Chỉ tạo thêm mây mù bao phủ cuộc sống gia đình thôi. Cứ vui vẻ mà chấp nhận cái mình không thay đổi được, không cải thiện được, rồi bực dọc tự nhiên tan biến, khó khăn như hóa giải, muộn phiền như tiêu tan. Biến những cái bất hạnh, khó khăn thành tiểu lâm. Như cụ Nguyễn Công Trứ nói về cái nghèo của ông: "Cơm ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, tấm chăn thì lạnh làm mền, nức làm gối, đi ra thì quần làm quần, bốn mùa vui quá thú". Những lúc gia đình hoạn nạn, khó khăn nhất, là lúc cần có tinh thần hài hước, để bớt căng thẳng, bớt lo âu,

làm cho câu chuyện khó khăn, đau buồn bớt quan trọng.

Mình thương yêu gia đình, cha mẹ thế nào, thì ông chồng mình thương yêu cha mẹ gia đình ông ấy như thế đó. Ngăn cản tình thương của chồng đối với gia đình họ là điều thiếu khôn ngoan, thiếu hiểu biết, cái ích kỷ đó khó tha thứ. Không nên ganh tị tình thương. Nếu chồng vì mình mà bỏ bê gia đình, cha mẹ, thì cũng là một kẻ bất nghĩa bất nghĩa, chẳng ra gì, chẳng đáng cho mình kính trọng. Cứ nghĩ con trai mình sau này, vì vợ nó, mà lạnh nhạt với cha mẹ, thì cũng đau lòng. Tốt nhất là tranh thủ tình thương cả hai gia đình, xem cha mẹ chồng như cha mẹ mình, anh em chồng như anh em mình. Đem tình thương chân thật ra đãi gia đình chồng, rồi chính mình sẽ được chồng yêu thương hơn, kính trọng hơn. Đồng thời, gia đình chồng cũng sẽ trả lại cho mình tình thương yêu chân thật đậm thắm. Mình sẽ có thêm hai bố mẹ và nhiều anh em. Tôi biết có bà đối xử tệ với gia đình chồng, bây giờ gặp con dâu ngoại quốc, chúng nó ở cách nhà chừng nửa giờ lái xe, mà có khi cả năm không thăm viếng, muốn thăm cháu nội, cũng xin phép,

năn nỉ lắm, chúng mới cho thăm với giới hạn vài ba giờ thôi.

Từ ngày lập gia đình, tôi không còn tập luyện võ nghệ, nhưng vẫn trau dồi võ ý, cái tinh túy của ngành võ thuật. Tạo cho con người một quan niệm sống tích cực để thủ thắng cuộc đời, tìm cho mỗi cá nhân lòng tự tin, công bằng, nhân ái. Thắng cuộc đời chứ không phải thắng ai, và thắng thua là lẽ thường. Thắng không kiêu, bại không nản. Biết chuyển cái yếu thành mạnh, chuyển sức người làm sức mình, biết lấy tám lạng thắng nghìn cân. Và quan trọng nhất là tinh thần thượng võ, như trước khi ra chiêu thì phải lay tổ, với ý nghĩa: "Thấy bất bình không tha, giúp người hoạn nạn, cô quả cô đơn, lấy công bằng chỉ đạo cho hành động". /_

Tám Lòng Cậu Chó

(Có một truyện dài tên Cậu Chó mà tôi chưa được thưởng thức, chỉ nghe bàn tán xôn xao một thời. Câu chuyện sau đây chẳng có liên hệ gì với chuyện dài đó.)

Không biết vì lý do nào, nó bị chủ sa thải, và rơi vào nhà tôi. Nó là một con chó loại nhỏ bằng bắp chân. Hình dáng y hệt một con nai tí hơn có khuôn mặt con chồn. Hai mắt tròn, to, long lanh sáng như hai viên bi chai ướt át. Hai tai vểnh lên cao, chân dài, thân hình thon nhỏ, cân nặng chưa được ba ký lô. Nói theo ông anh tôi, thì chưa đủ một tô rựa mận.

Nó gia nhập gia đình tôi một cách tình cờ, vì thực sự tôi cũng chưa có ý định nuôi chó, mà chồng tôi thì có vẻ ớn và ngán loài chó một cách rõ ràng. Anh nại lý do là cả đời chó không bao giờ đánh răng, mà cứ thích liếm tay, liếm mặt người khác, bao nhiêu là vi khuẩn, vi trùng có dịp xâm nhập. Cứ thử nghĩ, có một giai nhân lộng lẫy như tiên, mà cả tháng chưa đánh răng, thì có anh chàng điên nào đủ can đảm dám ghé môi hôn chẳng? Hơn nữa, loài chó thường làm trung gian

mang bọ chết, rận, chấy, dễ lây lan qua cho người, rất khó tránh. Như thế thì có thể vô tình đem bệnh hoạn đến cho con người. Nhưng lý do chính, anh không nói ra, mà tôi biết rõ, là anh kỳ thị và có định kiến với loài chó. Bởi vì , thời anh mới chín mười tuổi, đã chứng kiến cảnh cô bé bảy tuổi hàng xóm lên cơn dại chó, gằm gù và chết thảm thiết. Cô bé này thường hay ôm ấp, vuốt ve con chó nhà láng giềng. Một hôm chó phát bệnh dại, thè lưỡi chạy chậm chậm ngoài đường, tấp huyệt nhiều người bộ hành. Lũ học trò nhỏ đi học về sợ hãi, rú lên, xô nhau chạy tán loạn. Bác cảnh sát phải nạp đạn hai lần, đến gần con chó khoảng một thước, bắn hơn cả hơn chục phát đạn mới trúng một viên, con chó quay mòng mòng và ngã lăn ra chết. Cả phố cười vang vì phục cái tài thiện xạ của bác cảnh sát. Mặt bác đỏ gay vì xấu hổ và leo lên xe đạp đi một nước, chẳng nói năng gì. Ngoài ra, chồng tôi cũng bị chó cắn đôi lần khi còn bé, nên có thành kiến về chó là phải.

Khi anh tôi đem con chó về, thì chồng tôi cũng không phản đối, mà cũng chẳng tán thành. Lần đầu tiên con chó gặp chồng tôi, nó vẫy đuôi chào mừng, anh chỉ mỉm cười nửa miệng rồi quay đi, không thềm ban cho nó một cái vuốt ve, một tiếng huýt sáo. Thế mà

sau một tuần, tôi thấy chồng tôi lẽ mề ôm về một bao thức ăn cho chó, loại ngon nhất, đắt nhất, và kèm thêm thức ăn trong hộp .Tôi không biết làm sao mà con chó chinh phục được cảm tình của chồng tôi mau lẹ thế. Bởi không ai hiểu chồng bằng vợ, khi đã có thành kiến về cái gì, thì khó ai mà lay chuyển anh nổi. Ban đầu, chồng tôi gọi con chó là nó, rồi gọi là em nó, sau nữa, gọi là cậu chó, thăng chức cho nó. Tôi và anh tôi, thấy cách xưng hô lạ, hay, cũng kêu bằng danh từ cậu chó. Từ không quen biết, cậu chó đã chinh phục mau lẹ cảm tình của cả ba người trong nhà . Phải công nhận cậu có tài, vì ông anh tôi cũng không phải là loại người yếu lòng, dễ lung lạc, và thường không ưa chăm sóc ai, cũng không ưa ai chăm sóc mình. Thế mà mỗi sáng, mỗi chiều, ông cẩn thận lấy mấy cục bò viên, gói vào giấy ni lông, bỏ vào lò hâm cho ấm, để lên cái đĩa sành nhỏ, lẽ mề bùng ra cho cậu xơi . Anh âu yếm thủ thi cùng cậu: "Thế là tiêu chuẩn cao hơn các đồng chí Trung Ương Đảng rồi đấy nhé, tem phiếu Tôn Đản cũng chưa có được thế này đâu. May ra chỉ có Mao Chủ Tịch vĩ đại mới sang trọng đến mức này". Cậu chó nằm dài trên tấm thảm chà chân mà thông thả nhai và thưởng thức vị béo, ngọt của thịt bò vò viên.

Đôi mắt cậu long lanh ướt át, đẹp hơn cả mắt các cô thiếu nữ đương thì. Những khi anh tôi nằm trên ghế dài đọc sách, thì cậu phóng lên, nằm kê mồm trên chân anh. Cả hai đều im lặng, anh tôi thì chăm chú đọc, cậu thì lim dim mắt, thỉnh thoảng nhúc nhích vành tai, như lắng nghe tiếng huyền diệu xa xôi nào đó trong không gian. Thường thường, khi thấy cảnh ấm cúng hạnh phúc đó, chồng tôi cười mà trêu anh tôi: "Cậu chó sượng quá nhỉ! Có khối cô mong được kê cái đầu lên chân đó để lim dim mắt mà không được . Phước phần nào tổ tiên để lại cho cậu thế?" Người và chó, cả hai trông hạnh phúc phát tiết ra ngoài mặt .

Có những lúc cậu chó đang ăn, vội chống tai lên, rồi bỏ ăn mà chạy ra hướng cửa. Tôi ngạc nhiên không biết tại sao, thì chỉ liền mấy phút sau đó, thấy xe anh tôi về đậu trước cổng. Thì ra cậu nhận được tiếng máy xe từ rất xa, cách đến mấy ngã tư đường, biết anh tôi về, vội bỏ ăn, chạy ra chào mừng. Cái hành động này, được chồng tôi khôi hài ví với chuyện các bậc minh quân bên Tàu đời xưa, đang ăn mà nghe có người hiền đến, thì vội nhả thức ăn, chạy chân đất ra mà tiếp đón .Mỗi ngày, anh tôi ra vườn ngồi nhả khói thuốc lên trời cao, cậu đến bên cạnh, cạ mình

vào anh tôi, đuôi ve vẩy, hình như cả hai đang mơ mộng, đang vui với trời đất, vui với một ngày bình an, thanh thản.

Cậu chó thường ngủ trong một cái chuồng nhỏ, đặt trong buồng anh tôi. Đã thành thói quen, mỗi đêm, khi anh tôi mở cửa buồng, thì cậu biết đã đến giờ đi ngủ, phóng vọt vào chuồng và nằm yên lặng cho đến sáng. Khi anh tôi dậy, mở cửa thì cậu vọt vĩa phóng ra vườn làm vệ sinh. Có khi đã vào trong chuồng mà cậu chó kêu ư ử nhỏ nhỏ như muốn đòi hỏi chuyện gì đó, anh tôi tăng hắng một tiếng, cậu im rờ, nằm yên cho đến sáng .

Mỗi khi anh tôi đi về khuya, thấy cậu chó cứ dương mắt nhìn ra ngoài chờ đợi, tôi nhốt vào chuồng cho cậu ngủ, cậu chỉ nằm yên chừng năm phút, rồi nhẹ nhẹ lén đi ra, ngồi trước cửa, buồn rầu chờ đợi anh tôi. Cậu nhất định không đi ngủ, nếu anh tôi chưa về. Anh tôi vốn là người rong chơi ngày tháng rộng, lang bạt giang hồ, đó ai biết anh đêm nào ngủ ở đâu, ngày nào rong chơi miền thảo dã nào, thế mà vì cái đợi chờ của cậu chó, mỗi đêm phải ra về, về sớm, không thì sợ cậu đợi chờ tội nghiệp. Như là sợ con mọn lo, sợ người vợ hiền mơn mõi trông chồng, anh phải về. Về cho cậu chó đi ngủ.

Anh tôi thương mến cậu chó, như cha thương con, chăm sóc từng bữa ăn giấc ngủ. Chồng tôi trêu rằng, anh tôi là nghiêm đường của cậu chó. Cậu chó rất lễ nghĩa phép tắc, khi nào cũng đi sau lưng anh, không bao giờ cậu dám đi trước mặt anh. Chồng tôi nói rằng, cậu chó “vừa kính, vừa thương” ông anh tôi .

Mỗi khi tôi đi làm về, cậu chó chồm lên, ôm lấy chân tôi, đuôi quẫy lia lịa và kêu ưng ửng trong cổ họng. Không phải cậu nịnh tôi, để tôi cho ăn, cậu vui mừng, tỏ tình thương, tỏ cái lòng chân thật, cậu không cầu mong gì cả. Nếu tôi cúi xuống vuốt lên lưng cậu, thì cậu nằm dài ra, chống bốn chân lên, nhõng nhẽo, nũng nịu.

Chồng tôi thường hay cho cậu ăn chút chút, khi thì cục xương gà, khi thì tép bò khô, khi thì miếng thức ăn thừa trong tủ lạnh. Bởi vậy, mỗi khi thấy chồng tôi, thì cậu chó thè lưỡi ra, liếm láp quanh mồm lia lịa, rồi nhảy cẫng lên, như hân hoan sung sướng lắm. Chồng tôi nói rằng, chắc cậu cũng chẳng có tình nghĩa gì đâu, chỉ hy vọng được ăn thôi, cứ nhìn cái lưỡi cậu liếm láp lia lịa thì rõ lòng dạ cậu. Thỉnh thoảng, chồng tôi cũng bỏ thì giờ ngồi vuốt ve cậu , nói chuyện triết lý với

cậu, như nói cho một người hiểu biết nghe. Tôi rình nghe mà cười.

Nhiều lần thấy tôi tắm cho cậu chó, chồng tôi nói lớn: “Thế mới biết em thương anh không bằng thương cậu chó. Lấy nhau mấy chục năm nay, mà có khi nào em tắm cho anh đâu?”. Lần tôi đem cậu chó đi chích ngừa bệnh, mua thuốc cho cậu uống, anh tôi vuốt ve cậu mà nói : “Cậu mày hơn ta rồi đấy, mấy chục năm nay, ta đâu có chích choác gì , đâu có thuốc phòng bệnh chống bệnh gì. Cậu mày ngon quá mà.”

Cả nhà không ai nói ra, nhưng ai cũng dành cho cậu một khoảng ấm áp trong tim. Ngay cả việc tình duyên của cậu, cũng được lo lắng lưu ý đặc biệt. Cậu được mai mối cho một nàng chó của ông bà Mỹ già ở thành phố kế cận . Nàng chó này, nhỏ thon, lông trắng như bông, môi mũi hồng hào, mắt tròn xoe, sáng đẹp dễ. Nàng chó này xinh xắn như cô tiên, được chủ cưng chiều như một tiểu thư đài các . Về mặt ngoại hình, thì cậu chó nhà tôi, với nàng chó này như đôi dưa lệch, như thằng bán than mà đeo bông công chúa. Ông bà già Mỹ chưa thấy dung nhan cậu chó. Chồng tôi sợ cậu bị nhà vợ chê, nên đặt kế hoạch làm đẹp cho cậu, mua thuốc nhuộm tóc màu vàng và màu đen, định tô cho đậm

hơn những vết vàng và vết đen có sẵn trên thân cậu, xóa những vết lem luốc không rõ vàng, không rõ đen. Nhưng tôi và anh tôi phản đối. Tôi bảo không muốn lừa dối ai bằng cách nhuộm chó. Chồng tôi hỏi tại sao đàn bà bôi xanh bôi đỏ được, nhuộm tóc được, sửa mắt sửa mũi, hút mỡ, độn ngực được, mà cậu chó nhà mình không có quyền trang điểm một chút cho ra vẻ hào hoa hơn ? Nếu nhà gái chê, lỗi duyên của cậu, thì ngàn năm một thuở, cậu đành ngậm ngùi làm kiếp trai già còn tân. Còn anh tôi thì vì “ thương con mà thành mù quáng”, anh thấy cậu chó đẹp lắm, cho là một loài hiếm, vì có lông vằn từng vết đen vàng xen kẽ, như bộ da ông cạp . Bởi thế, mà cậu chó còn có bí danh là Tiger (ông cạp). Khi ông bà Mỹ già nhắn đem cậu chó đến làm rể, thì chồng tôi tiếc cho cậu, chưa được trau chuốt lại cái dung nhan lem luốc, cho đỡ mang vẻ bần hàn con nhà ruộng, con nhà núi . Tôi chỉ vội vã đem cậu đi tắm cho sạch sẽ, để đi cưới vợ, mà cậu sợ nước, bỏ chạy trốn . Tắm xong, tôi sấy khô lông , và bôi chút nước hoa thoang thoảng lên đầu cậu.

Chồng tôi nằm nhà thở dài chờ tin buồn, là cậu bị từ hôn . Tôi và anh tôi cắm hai đóa hoa hồng bên cửa xe, dẫn cậu ra đi. Xem bộ cậu hí hửng lắm. Không biết cậu có linh tính

chi không. Khi dẫn cậu vào nhà, hai ông bà Mỹ cười, và vì lịch sự, nói rằng: “Không đến nổi tệ, không đến nổi tệ”.

Vừa thấy cậu, thì nàng tiểu thư chó vẫy đuôi, mắt sáng rạng rỡ nhìn cậu đăm đăm và liếm mép. Cậu thì tỉnh bơ, như không thấy người đẹp trước mắt, cứ nhìn dáo dác và đứng khấp nép bên chân anh tôi. Cậu ngượng chăng? Tưởng cậu e thẹn với người lớn, anh tôi bèn giả vờ đi ra ngoài cho đôi trẻ tự do làm ăn. Thấy anh tôi bước ra, cậu vội vã cong đuôi chạy theo. Tôi ẵm cậu quay trở lại để gần nàng tiểu thư chó đang làm điệu bộ, muốn làm quen. Tôi vuốt ve trên lưng cậu chó, cậu lại nằm chống cằm ra nhõng nhẽo. Có ai đi hỏi vợ mà như thế này bao giờ? Nàng chó thích thú đến gần và hôn nhẹ vào lưng cậu, rồi nàng liếm trên mặt cậu. Một lúc sau, hai bên làm quen, hôn hít nhau tự do trước mặt hai họ. Nàng chó nằm ép bụng xuống, hai chân cào lia lịa trên mặt thảm, kêu ư ử trong họng, thân mình uốn éo, mắt nhìn cậu đăm đăm, rồi đưa mõng về hướng cậu, như thúc dục, như gọi mời. Anh tôi thấy cậu tỉnh khô, chẳng làm ăn gì, bực mình mắng một câu: "Đúng là ngu như chó. Không biết cái chó gì cả". Nhưng rồi cuối cùng, mọi việc đều êm xuôi, cậu ban cho nàng tiểu thư chó hai lần

ơn mưa móc. Nàng tiểu thư chó xoắn xít lấy cậu. Ông cụ Mỹ khen cậu là bé ngoan (good boy). Xong cuộc tình, cậu đứng thờ dốc, anh tôi xót con, muốn đem cậu về, sợ cậu ở đây thì còn hao mòn thân xác hơn nữa . Ông bà cụ Mỹ đề nghị cho cậu chó ở rể một tuần, anh tôi không chịu . Tiểu thư chó đến bên cậu thè lưỡi âu yếm chăm sóc chồng, liếm lên mặt, lên vai. Cậu thờ người đứng yên lặng nhìn anh tôi như dọ hỏi . Khi anh tôi bước ra cửa, cậu vùng chạy theo, không thềm chia tay người đẹp chó, nàng chạy theo chàng ra đến tận cửa xe, cậu nhảy thốc lên ghế ngồi, không thềm ngó lại nàng đang vẫy đuôi cuống quýt. Anh tôi mắng: “Bạc tình đến thế kia à? ” Sau đó, ông bà già vợ của cậu còn nhần nhe nhiều lần, nhưng anh tôi thương cậu, sợ cậu mất sức, hẹn qua năm sau cho chúng gặp lại. Chồng tôi thì khuyên anh tôi cho cậu đi ở rể vài tháng cho sướng thân cậu, mấy khi cậu được cái hạnh phúc yêu đương, đời mà không tình yêu, thì cũng xem như chết rồi mà chưa chôn vậy.

Về mặt tình, thì cậu chó nhà tôi quả thật tệ, nhưng về phương diện thu phục lòng người, thu phục tình thương, thì cậu là thượng thặng. Cậu đã thu phục tình thương của ba anh em chúng tôi cấp kỳ, dễ dàng, tài

tình. Tôi nghiệm ra, nếu mình chân thành thương yêu ai, thì tình thương được đáp lại ngay. Trong tình thương cũng phải bày tỏ ra bằng cử chỉ hàng ngày, chứ không phải thâm trầm che dấu bên trong. Che dấu tình thương, dễ bị hiểu lầm là lạnh nhạt. Những câu nói rất thường của những kẻ mới yêu nhau, nhưng không bao giờ chán tai người nghe, những cử chỉ lập đi lập lại, nhưng vẫn làm người nhận vui thích và cảm thấy lòng ấm áp .

Cậu chó không bao giờ tranh đua với ai, không ganh tị, không trách móc, không giận hờn ai trong gia đình . Ngay cả khi chồng tôi vô tình dẫm lên đuôi cậu, cậu kêu la, bỏ chạy, nhưng ngay tức thì sau đó, cậu vẫy đuôi, quên giận hờn, quên đau. Thế thì ai mà không thương cho được?

Ngày xưa, khi các cụ đồ đi thi bị rớt quay về nhà, thì chỉ có con chó ra vẫy đuôi chào mừng mà thôi. Cụ ông đem so sánh, cụ bà bảo rằng: “Con chó nó có thức khuya dậy sớm, tần tảo nuôi ông ăn học đâu mà nó thấy buồn”. À thì ra loài chó còn là thứ quân tử, không màng đến bã công danh .

Loài chó, như mọi người biết, chủ có nghèo khó đói khổ đến đâu, cũng không bao giờ bỏ chủ. Khi chủ có xui xẻo bị tán gia bại sản, đói khát, rách rưới lang thang, thì nó chỉ

xin được đặc ân được lẽo đẽo đi theo chia sẻ cay đắng trong thời hoạn nạn, và sẵn sàng hy sinh cả tính mạng để bảo vệ người chủ. Trong lúc đó, con người, ngay cả vợ chồng, khi sa cơ thất thế còn có kẻ bỏ nhau, khi giàu sang có thể thay chồng đổi vợ .

Cái tài chinh phục lòng người của cậu chó cho tôi bài học quý báu. Tôi bắt chước cậu, bày tỏ tình thương với chồng tôi. Thỉnh thoảng tôi cúi đầu vào ngực chồng thật lâu, hít thở cái mùi thân thiết, và đem hết cái âu yếm tỏa ra trong mình, gồng truyền qua tấm ngực ấm áp của chồng. Chồng tôi vuốt ve triu mến trên lưng, trên tóc tôi. Tôi có cảm giác như thời mới biết nhau, mới quen, mới thương nhau. Sung sướng hạnh phúc tràn đầy .Tôi cũng bắt chước cậu chó, cho tình thương đi mà không đòi hỏi, không trách móc, không giận hờn. Tôi bỗng thấy nhận lại được tình thương nhiều vô tận. Hạnh phúc trong gia đình tràn đầy như nước triều dâng. Chồng tôi cũng cảm nhận được những thay đổi trong gia đình, những vui sướng, những ấm êm, những an bình. Tôi thầm cảm ơn cậu chó, đã cho tôi bài học vun xới tình thương tuyệt vời, mà sách vở chỉ là thứ lý thuyết suông, như nước chảy qua cầu, như ảnh hình nhìn xuyên qua cửa sổ con tàu .Bài học của cậu chó thực

tiền, tận mắt, đơn sơ, nhưng hiệu quả vô cùng. Bây giờ tôi mới nghiệm ra, tại sao những cao thủ võ lâm thời xưa, nhìn động tác chiến đấu của loài vật mà bắt chước, sáng chế ra các chiêu thức như hầu quyền, hổ quyền, xà quyền v.v... Có lẽ cái khôn ngoan và sinh hoạt của giống thú cũng có rất nhiều điều đáng cho con người học hỏi .

Cậu chó nhà tôi, và cả họ hàng nhà chó gần khắp nơi trên thế giới, (trừ các nước tự xưng là xã hội chủ nghĩa) chẳng cần lao động mệt nhọc chi cả, mà lại có đời sống ấm no, cơm bưng nước rót, chẳng hề nghĩ đến sinh kế, không sợ thị trường chứng khoán trời sập, không cần biết đến chỉ số Dow Jones, Nasdaq mỗi ngày, không cần biết đến chu kỳ kinh tế thăng trầm, suy thoái, cũng không cần lo, cần biết đến những chính sách đối ngoại đối nội của chính phủ, cứ phè cánh ra mà được thương yêu, cưng chiều , bảo bọc, an nhàn. Có những người giàu bạc tỷ, có kẻ quyền uy ngất trời, danh vọng ngút ngàn, cũng không mua, không có được cái an nhàn sung sướng hạnh phúc của cậu, trong lúc cậu không có một đồng xu lặn lạng, không có một chương mục ngân hàng, không một tư hữu nào cả . Cậu vốn thất học, mù chữ, chẳng hề biết đến một trang sách học làm người, một

chữ trong sách thánh hiền, mà cậu sành tâm lý, biết cách lung lạc lòng người hiệu quả. Toàn cả gia đình tôi đem hết tình thương ra mà hậu hĩ đãi cậu.

Ban đầu, chồng tôi gọi cậu chó bằng nó, với thái độ miệt thị, xem thường. Nhưng khi bị cậu chinh phục, bắt đầu thương yêu, thì gọi là em nó. Đến khi cảm cái tài, cái đức của cậu, thì gọi bằng cậu cho ù. Sau đó, anh thấy học được của cậu nhiều điều hay, lạ, bổ ích, hiệu nghiệm, làm cho gia đình hạnh phúc hơn, làm cho mọi người chung quanh thương mến nhau hơn, thì bèn tôn sùng, kêu cậu bằng ông thầy. Rồi anh nghiệm ra, những điều học hỏi từ cậu có thể còn đúng, còn có giá trị muôn đời, thì anh nâng cậu lên là “ông thầy vạn kỷ”.

Một hôm đi chợ về, tôi thấy sau vườn khói um mù, chồng tôi vừa đi vừa nhảy nhót quanh một cái thùng sắt lửa nghi ngút, như dáng múa của người da đỏ đang hành lễ. Theo sau là cậu chó vẫy đuôi chạy loăng quăng. Thỉnh thoảng anh quay lại vái cậu chó mấy cái và gọi cậu là ngài. Cậu thơ ngây vẫy đuôi gục gặc đầu chí thú, kêu ư ử trong cổ họng. Tôi nhìn vào thùng xem chồng tôi đốt gì, thì thấy cả mấy chục cuốn sách triết lý đang cháy. Nào là Khổng tử, Mạnh tử, Lão tử,

Trang Tử, Platon, Descarte, Hegel, Jean Paul Sartre... và cả mấy chục cuốn sách thuộc loại nhức đầu khác nữa. Toàn là loại sách triết học đông tây kim cổ mà thường ngày anh quý như vàng ròng, trân trọng gìn giữ. Tôi vốn không lạ gì với hành động đôi khi gàn dở của chồng, vì anh bị nhiễm nặng các tư tưởng triết lý, đạo giáo . Nhưng hôm nay tôi ngạc nhiên, không hiểu tại sao anh đem những cuốn sách quý báu đó ra hỏa thiêu và tôn cậu chó lên chức ngài. Tôi hỏi lý do. Anh đáp rằng: "Mấy chục cuốn sách triết học đông tây kim cổ này, chẳng ích lợi thiết thực chi cho hạnh phúc gia đình, cho cuộc sống nhân sinh bằng cái triết lý tình thương chân thật của ngài chó đây. Ngài là một bậc tuyệt khôn, đại trí. Loài người thường kiêu hãnh tưởng mình khôn ngoan nhất, nhưng biết đâu loài chó nó cười cho thối đầu . Khôn hơn sao phải lao động cực khổ để cung phụng, thương yêu, phục vụ kẻ ăn rồi nằm không? Loài chó chỉ ban cho loài người chút tình thương thôi, rồi phè ra mà sung sướng một đời. Thế thì ai khôn hơn ai ?"

Chồng tôi xá thêm cậu chó mấy cái cung kính lắm . Bao nhiêu sách triết lý đều thiêu thành tro bụi, tàn bay lả tả ./.

Biết Đâu Là Khởi Điểm Cuộc Rong Chơi.

Mẹ vợ ông Hàn mới chết, con cháu từ xa đổ xô về chịu tang. Các anh chị em vợ của ông chọn một cái hòm do nhà quàn đề nghị, với giá 12 ngàn đô. Ông Hàn chê đắt, bảo khoan quyết định, chờ ông khảo giá đã. Ông Hàn bình tĩnh ngồi bên máy vi tính, lục tìm khảo giá. Bà vợ ông thì chạy lui chạy tới trong phòng khách, dẫm chân đành đạch trên sàn nhà, khóc bù lu bù loa, rồi đến day áo ông mà nói:

“Giờ này mà anh còn ngồi đây thông dong khảo giá? Chuyện cấp bách. Có phải mua món hàng gia dụng đâu mà chần chờ? Tốn kém bao nhiêu anh em chúng tôi cũng chung chịu. Mẹ chết có một lần. Làm chi cái việc hà tiện xấu xa thế?”

Ông anh vợ cũng bối rối nói:

“Giờ phút này, thì nhà quán ra giá bao nhiêu, mình cũng phải nhận. Có đắt hơn ít trăm bạc, cũng không sao. Mình lựa chọn cái hòm đó, chứ họ có ép mình đâu?”

Ông Hàn quay ngoắt lại, nói với giọng cứng rắn:

“Ít trăm thì tôi khảo giá làm chi? Phải ít nhất là mấy ngàn đồng. Có thể tiết kiệm được từ 40% đến 60% toàn bộ chi phí tang lễ. Dù là tiền của ai đi nữa, tôi cũng không muốn phung phí.”

Bà vợ thét lên:

“Rồi mua phải thứ hòm giả mạo, không tốt. Nó đâu đem đến liền cho mình được, chờ đến bao giờ mới có? Chậm trễ việc ma chay. Mà lỡ nhà quán không chịu nhận hòm từ nơi khác đưa tới, thì đem hòm đi tặng ai, tôi nhất định không cho để trong nhà này.”

Ông Hàn cười hề hề, chậm rãi trả lời:

“Giả mạo làm sao được? Cũng hòm ấy, cùng hiệu, cùng tên, cùng nhà sản xuất. Nhà quán cũng mua tại các nơi đó thôi. Rồi cộng thêm chi phí, tiền lời, mà tăng giá lên. Ai dại mua thì ráng chịu. Nhà quán cũng không làm gì sai trái. Họ làm thương mãi, phải kiếm cho được càng nhiều tiền lời càng tốt. Họ chẳng gạt gẫm ai, nhưng nếu mình mua được hòm đúng giá, thì người bán sẽ chuyển ngay đến

nhà quàn trong vòng 24 giờ. Chắc chắn. Theo luật liên bang Mỹ, bắt buộc nhà quàn không được từ chối quan tài và các vật dụng cần thiết cho người chết do thân nhân mua và đem đến. Trường hợp đó, nhà quàn chỉ lo các dịch vụ tang ma, các lễ lạt mà thôi. Tôi còn phải kêu nhà quàn cung cấp cho mình bảng ghi giá cả của từng mục, gọi là FPL (Funeral Price List) theo luật định. Tôi sẽ so sánh thêm giá cả của từng mục dịch vụ để không bị hố, trả giá cao, đắt. Bà đừng lo, nếu nhà quàn không nhận hòm, thì tôi bán lại kiếm chút lời.”

“Bây giờ không phải là lúc đùa giỡn được. Anh có chắc hòm được giao đúng thứ mình muốn, và trong vòng 24 giờ không. Giao cho nhà quàn, họ tráo hòm khác thì sao? Anh đã có kinh nghiệm nào đâu?”

“Mình có thể đòi hiện diện trong lúc giao hàng, ai mà đánh tráo được?”

Cả nhà bực mình, xông xáo vì thái độ kỳ cục của ông Hàn. Một bà chị vợ gay gắt:

“Có phải vì không là mẹ ruột, nên cậu nhẫn nhor, và đòi làm những chuyện trái đời?”

Ông Hàn hơi giận, giọng cứng, gằn: “Này, chị đừng nói thế. Mấy năm nay ai chăm sóc mẹ? Ai đưa mẹ đi bệnh viện, làm đủ thứ giấy tờ, nhắc mẹ uống thuốc hàng ngày?”

Thằng này chứ ai. Thế thì bây giờ mẹ qua đời, tôi không có quyền phụ giúp mẹ và cả gia đình này, cử hành tang lễ đàng hoàng hơn, ít tốn kém hơn hay sao?”

Ông Hàn gầm gừ bỏ đi, lục lọi tìm tòi trong mấy chồng hồ sơ, và quăng ra một tờ báo “US News & World Report” và nói:

“Các anh, các chị đọc bài “Đừng Chết Trước Khi Đọc Bài Này” (Don’t Die Before You Read This) đi, để biết.”

Vợ ông Hàn la lên: “Trời ơi, giờ này còn bụng dạ nào để đọc báo? Mà nó viết gì? Sao anh không tóm tắt kể cho bà con nghe, xem có lọt tai không?”

Ông Hàn chậm chậm nói: “Tác giả Miriam Horn viết về chuyện linh mục Henry Wasielewski. Vị linh mục này đã vạch trần cách làm ăn thiếu lương thiện, bóc lột quá đáng của một số nhà quàn trong lúc tang gia bối rối. Đã bị những nhà quàn bắt lương hăm dọa, nhiều lần kêu điện thoại lúc nửa đêm đòi xin tí huyết, không những thế, ông còn bị cảnh sát địa phương săn đuổi, và cả vị Giám Mục địa phận cũng đày ông đi xa. Bài báo viết rất hay, kể rõ một số thủ đoạn của những nhà quàn thiếu lương thiện.”

Ngưng một lát, uống hớp nước xong, ông Hàn nói tiếp: “Tác giả viết thêm rằng,

người ta không kinh nghiệm, thiếu thì giờ trong thời gian cấp bách, chẳng có đủ bình tĩnh khi đang đau buồn, bối rối, cho nên nhà quàn và nghĩa địa làm giá rất cao. Tang quyền mệt quá, và nghĩ rằng người chết chỉ có một lần, nên giá nào cũng chịu. Còn kè giá cả trong lúc đau buồn này, thì thấy có cái gì lẩn cẩn trong lòng. Trong bài báo nói, giá cái hòm chỉ 675 đô, mà nhà quàn đưa giá 3495 đô, cũng phải gật đầu chấp nhận. Giá xe tang vào thời đó mỗi giờ chỉ 25 đô mà tăng lên 200 đô hay cao hơn nữa. Cũng như các món khác như là hoa, bia mộ, thiệp cảm ơn vân vân, tăng từ 3 đến 8 lần. Nếu giá chỉ tăng 100% thôi, đã là phước lớn cho tang chủ lắm.”

Ông Hàn cười, và tiếp lời: “Bài báo viết thêm rằng, trường hợp tang chủ kêu đắt, họ nói khéo lắm. Đề nghị bỏ xác vào thùng giấy đem chôn sẽ được rẻ hơn nhiều, tang quyền nghe mà xót xa, đau lòng, tủi thân, nghĩ rằng mình thương người quá cố không đủ, thế là cắn răng chịu giá cao.”

Bà Hàn hỏi thêm: “Còn gì nữa không?”

“Đây, tác giả viết rằng, có một bà đã khóc và xin bà con bạn bè trợ giúp tiền bạc để làm đám tang cho chồng. Nhà quàn đòi 995 đô cho cái hòm. Khi có người hỏi sao đắt

thế, họ bảo đó là loại hòm đặc biệt. Có người không tin, đi khảo giá, cũng hòm đó, loại đó, thì nơi sản xuất bảo rằng đó là loại rẻ nhất bằng ván ép. Người ta đến phàn nàn với nhà quản, thì họ giảm giá xuống 50%. Có nhà quản gián tiếp hối lộ cho tu sĩ, giáo sĩ, tặng những vé máy bay đi chơi, du lịch miễn phí, để họ dành cho nhà quản sắp xếp chương trình tang lễ. Có thể mới ra giá cao được. Có thể tưởng tượng được không, cùng một cái hòm, mà có nơi đưa giá chỉ 1495 đô, mà nơi khác cho giá 9910 đô. Một số nhà quản kiếm tiền của tang quyến quá dễ dàng, bằng cách bán các phụ kiện trong đám ma. Ví như gắn thêm một tượng kim loại nhỏ, hình Đức Mẹ Maria, giá mua chỉ chừng 3 đến 5 đô, mà tính đến một hai trăm. Người ta ngại, không dám hỏi về những biểu tượng thiêng liêng này.”

Ông Hàn đưa tờ báo cho mọi người và thúc hỏi : “Đọc đi, mọi người đọc đi để thấy việc tôi làm đây là đúng hay sai. Nếu không biết, thì để cho người khác làm, đừng cản trở”

Vừa lúc đó, thì có bà Kim đến. Bà này trước đây làm việc cho nhà quản, bà là trưởng giám đốc tang lễ, nay đã về hưu. Ông Hàn như bắt được của quý, xoắn lấy bà Kim, yêu cầu giúp đỡ, hướng dẫn để làm sao giảm

thiếu được chi phí đám tang . Bà Kim ngồi cười. Vợ ông Hàn chạy ra phân bua:

“Giờ này mà ông xã em còn khảo giá trên mạng để làm tang lễ. Ông ấy muốn giảm chi phí, vì nhiều nhà quản thường cho giá cao trên trời. Chị làm trong nghề, xin chị chỉ giúp tui em với”.

Bà Kim chậm rãi: “Không phải nhà quản nào cũng thiếu lương thiện, muốn nhân cơ hội tang gia bối rối mà moi tiền. Rất nhiều nhà quản đàng hoàng, uy tín, nhưng họ cũng thừa khôn ngoan, để tìm lợi tức tối đa cho cơ sở kinh doanh của họ. Giá cả cũng có cao, nhưng cao vừa phải, không quá lố. Nếu họ có đề nghị, quảng cáo khách hàng mua thêm mục này, mục kia, thì là lẽ thường trong việc kinh doanh kiếm lời. Với chủ trương không gạt gẫm ai, nhưng ai muốn có những thứ xa xỉ, đắt tiền, mà có khả năng tài chánh, thì tại sao nhà quản lại bỏ lỡ cơ hội? Nhà quản là nơi làm thương mại, kiếm lợi tức, chứ không phải nơi làm phúc thiện.”

Ông Hàn nhỏ nhẹ: “Chị có nhiều kinh nghiệm trong ngành này, chúng tôi xin chị vài lời vàng ngọc hướng dẫn cho, làm sao để giảm thiểu chi phí chôn cất thân nhân, tránh những sai lầm tốn kém vô ích.”

Bà Kim cười: “Sai lầm lớn nhất của tang quyến, là không chịu khảo giá năm ba nơi khác nhau. Người ta cho giá nào, thì cũng nhận, không dám hỏi mà cũng không dám mặc cả từ quan tài, cho đến đất chôn, và các nghi lễ tốn kém khác. Sai lầm kế tiếp là chọn lựa nhà quan. Thường chọn gần nhà, hoặc nơi đã có người quen làm đám tang rồi. Nếu không khảo giá vài ba nơi, tang quyến có thể trả giá gấp 3 lần nơi khác. Ví như cùng việc mai táng, có nơi cho giá 2500 đô mà chỗ khác đến 6500 đô. Cũng việc thiêu xác, có nơi chỉ 395 đô, mà nơi khác đến 5600 đô.”

Bà vợ ông Hàn bẽn lẽn nói nhỏ: “Nếu chị không nói ra điều đó thì em tưởng ông chồng em là người khùng, gàn dở, chướng ách. Nhưng em hỏi chị, thì giờ đâu mà đi khảo giá, thân nhân mình chết rồi, có nằm đó mà chờ được không?”

Bà Kim cười nhẹ nhàng:

“Cứ thông thả, để xác thân nhân tại bệnh viện, nơi đây có đủ phòng lạnh để tồn trữ, không ai đem xác quăng đi hoặc gởi hoá đơn xuống âm phủ đòi tiền người chết. Khi nào tìm được nơi làm tang lễ tốt, giá cả xứng đáng, chịu được, thì mới ký hợp đồng”

Một ông rể trong gia đình xen vào câu chuyện: “Trường hợp của gia đình tôi, ông bố

vừa tắt thở tại bệnh viện, thì khoảng mười phút sau có nhân viên của nhà quán đến tiếp xúc với gia đình, nói là họ được kêu điện thoại để đem thi hài thân nhân quý vị về nhà quán. Chúng tôi vừa ngạc nhiên, vừa mừng là tự nhiên có người lo cho mình, khỏi phải đi tìm, chạy ngược xuôi trong lúc bối rối này. Chị có biết tại sao nhà quán biết giỏi thế?”

Bà Kim cười: “Có gì lạ đâu? Nhiều nhà quán liên lạc mật thiết với các y-tá trong các khu cấp cứu, hồi sinh. Khi có người qua đời, thì y tá báo ngay cho nhà quán biết. Cũng là chuyện làm ăn thường tình”

Ông Hàn hỏi: “Làm sao giảm thiểu được chi phí tổng táng, mà tang lễ vẫn được trang trọng, bình thường?”

Bà Kim nói: “Đừng gồng mình lên mua tất cả các mục không cần thiết mà nhà quán liệt kê và khuyến cáo. Mua tối thiểu mà thôi. Vòng hoa trên ngực, vòng hoa trên quan tài, mình mua chỉ mấy chục đô, nhà quán sẽ tính đắt gấp năm, gấp mười lần. Nếu khôn ngoan, thì làm lễ tưởng niệm tại nhà, tại chùa, nhà thờ. Trang trọng và thân mật hơn.”

Bà Hàn lo lắng hỏi: “Chỉ có mua hòm và đất chôn thôi, là đã đủ. Còn chi phí gì khác nữa chẳng?”

Bà Kim cười: “Có lẽ ai cũng tưởng chôn cất là đơn giản như chị nghĩ. Không. Cả mấy chục thứ chi phí, tôi kể sơ ra đây mà thôi, nghe chán lắm. Này nhé, chi phí cơ bản tại nhà quàn để bàn định việc chôn cất, giấy phép chính quyền, khai tử, mua hòm, vải tẩm liệm, quách bao quanh hòm dưới đất, chuyển xác từ nơi chết về nhà quàn, tẩm xác bằng cách rút hết chất lỏng trong người ra và bơm chất hoá học vào, trang điểm cho người chết, áo quần liệm, giữ xác trong phòng lạnh, mượn phòng viếng thăm, đem xác ra vào, lễ viếng thăm, thức ăn, giải khát, tổ chức cử hành tang lễ, in chương trình tang lễ, cuốn tập ghi khách viếng thăm, vòng hoa trên ngực và vòng hoa trên giá, tụng niệm tôn giáo, ban nhạc, xe tang chuyển hòm từ nhà quàn ra huyệt mộ, xe lớn chở thân nhân theo quan tài, xe chở các vòng hoa ra nơi chôn, đất chôn, đào và lấp mộ, chuẩn bị mặt bằng để làm lễ hạ huyệt, căng lều, ghế ngồi, xếp đặt việc hạ huyệt, bia mộ tạm, đăng cáo phó, bia mộ, khắc chữ, dựng bia vân vân, mỗi mục là tính tiền riêng. Chưa kinh nghiệm thì tưởng chỉ có mua hòm và đất chôn là xong. Cộng tất cả lại, cũng là số tiền rất lớn, tang gia không ngờ được.”

Bà Hàn hỏi: “Thế thì mục gì mình có thể từ chối, không mua?”

“Còn tùy cách lựa chọn, thường thì mục này kéo theo mục kia, nhưng có nhiều mục có thể bỏ qua được. Nếu muốn tránh những chi phí linh tinh, thì tốt nhất là giảm bớt các nghi thức rườm rà, như thăm viếng nhìn mặt, làm lễ tại nhà quan. Thân nhân có thể làm lễ tưởng niệm tại nhà thờ, chùa hay tại tư gia trong khung cảnh nghiêm trang, và bà con đỡ phải cực nhọc thăm viếng. Người quá cố được đưa từ bệnh viện đến nhà quan, rồi thẳng ra huyệt mộ. Ngày nay, nhiều gia đình Mỹ tổ chức tang lễ đơn giản cho người quá cố, chỉ riêng trong vòng bà con thật gần gũi thân thiết, không tiếp bạn bè, quan khách, không vòng hoa, không phúng điệu”

Bà Hàn cắt ngang lời: “Thế thì không sợ người ta dị nghị, chê cười? Thiên hạ tưởng gia đình keo kiệt, bần tiện, không dám chi tiền, hoặc người ta chê mình nghèo?”

Bà Kim thở dài: “Quan trọng nhất là ước nguyện của người quá cố. Biết họ muốn gì, và mình làm được gì trong khả năng tài chánh của gia đình. Nhiều người chết, muốn tang lễ đơn giản, mà gia đình sợ bạn bè bà con dèm pha, phải gồng mình lên chi tiêu, nợ

nần, mua lo âu vào thân. Cách tốt nhất, là mỗi người làm sẵn di chúc, viết rõ ước muốn của mình, trong khả năng tài chánh có thể. Chuẩn bị trước khi chết một chương trình và lối tang lễ mà mình ưa thích, mong muốn, và hợp với khả năng tài chánh sẵn có. Đừng để gánh nặng đè lên vai người còn sống, và đôi khi thực hiện tang lễ trái với ý muốn của mình. Đừng có dặn miệng thôi, không có bằng chứng, con cháu nhiều người quên mà không ai nghe. Khi đó, gia đình đỡ bối rồi, vì kẻ muốn thế này, người muốn thế kia, gây gổ nhau. Nếu tang lễ có đơn giản, thì cũng không ngại ai chê cười. Nếu những người có dư tiền, muốn hoang phí đem chôn tiền xuống đất, thì cũng không ai trách móc. Bà nội tôi ngày trước, muốn con cháu mặc áo xô, thắt lưng rơm, dép cỏ, khóc lóc, nằm lăn lộn cản đường xe tang. Thuê thêm người khóc mướn làm điếc tai bàng dân thiên hạ. Thấy không đẹp, thiếu văn minh. Nghe đâu ông cố nội của tôi chết, hòm quan trong nhà gần một năm dài, tiếp khách viếng tang, chôn xong thì bà cố chết vì quá mệt nhọc, và gia đình sạt nghiệp.”

Ông Hàn hỏi: “Trẻ như chúng tôi, có nên viết di chúc không? Khi nào là lúc nên viết?”

“Trên năm mươi tuổi, thì viết được rồi. Những người bệnh nặng, nên viết ngay là tốt nhất. Tôi biết, nhiều người Mỹ giàu hàng trăm triệu, khi chết cũng muốn làm đám tang đơn giản, tối thiểu, không cho ai nhìn mặt, và chỉ có vài chục thân nhân tham dự. Trong nghề, tôi biết khá nhiều gia đình Việt Nam giàu có, khi chết cũng chuyển xác từ bệnh viện thẳng đến nhà thiêu luôn, khỏi phải qua nhiều giai đoạn, nghi thức rườm rà. Rồi bà con bạn bè đến nhà làm lễ tưởng niệm, nhắc chuyện vui buồn liên hệ đến người quá cố trong không khí vui vẻ, bình thường. Tôi nhấn mạnh ở điểm này, nếu không muốn cho thân nhân bối rối khi mình qua đời, thì mỗi người lớn tuổi, nên viết sẵn lời dặn dò cho gia đình”.

Ông anh lớn nói: “Theo tôi nghĩ, người Việt mình bắt chước Mỹ, trưng bày mặt người chết cho bạn bè thân nhân nhìn lần cuối trước khi đem chôn là một việc làm không nên. Vì dù có trang điểm cách nào đi nữa, thì khi đã chết, mặt mày cũng không còn dễ nhìn như khi còn sống, nếu không nói là xấu xí, rờn rợn, hốc hác, tái mét. Cái hình ảnh cuối

cùng trong trí của bạn bè rất quan trọng. Nếu không được đẹp đẽ, thiếu sống động như xưa, uổng vô cùng. Nhiều lần đi đám tang bà con, tôi thấy mặt mày người chết hốc hác, méo mó, miệng vầu, mắt sâu, mà cứ buồn và tiếc mãi, giá như tôi đừng nhìn thấy hình ảnh đó thì hơn, để tôi còn giữ mãi trong trí cái khuôn mặt vui tươi, rần rở, dễ thương ngày xưa. Nhất là nhiều người bạn, cứ nhắc đến tên, là tôi mừng tượng ra đôi mắt sáng, nụ cười như hoa tươi, mà được thay bằng một hình ảnh vêu vao khó nhìn. Tôi cứ muốn quên đi, để lấy lại hình ảnh đẹp đẽ xưa, mà không được. Tôi chắc không ai muốn bị bạn bè nhìn họ với một nhan sắc xấu xí cả. Tuy nhiên, cũng có rất ít trường hợp, thấy mặt người chết đẹp hơn khi còn sống. Đó là những trường hợp người chết chưa bị bệnh lâu dài, nhan sắc chưa bị tàn phá nhiều”.

Bà vợ ông Hàn nói: “Theo tôi, thì vì người trang điểm kém, hoặc chi ít tiền trang điểm, nên người chết không được đẹp”.

Bà Kim cười lớn: “Một chiếc xe Ford đời cũ, làm sao mà sửa lại thành đẹp bằng chiếc xe Mercedes đời mới. Tôi trát cũng có giới hạn thôi, ngoại trừ mang cái mặt nạ khác. Theo kinh nghiệm của tôi, thì không phải đám tang nào của người Mỹ cũng trưng bày mặt

người chết cho bạn bè nhìn. Nhất là những người đã đau yếu bệnh hoạn lâu ngày, ngay cả khi chưa chết, họ cũng không muốn ai thấy họ đã ốm o, hốc hác, xấu xí cùng cực.”

Ông Hàn thêm vào câu chuyện: “Khi làm mặt và trang điểm cho người chết, tôi xem chiếu trong phim tài liệu, mà sợ. Ngoài việc moi hết tim gan phèo phổi, dạ dày, ruột non ruột già, thấy người ta còn dùng mấy cây sắt dài chừng nửa thước, to hơn chiếc đũa, xiên từ trong miệng xuống cổ, vào thân, có lẽ để giữ cho cái đầu và xác ở vị trí thẳng. Rồi cắt trong nướu, để dùng dây kẽm may, khâu hàm trên và hàm dưới lại với nhau trong vị trí bình thường, cho miệng khỏi há ra, và may môi lại với nhau. Dùng chất dẻo đắp vào các nơi cần đắp. Sau đó, dùng phấn, màu, thoa lên mặt, tạo thành một lớp giống như da thường. Cắt tóc, cạo hay tỉa râu lại cho đẹp. Nếu mình chứng kiến tận mắt khi họ làm cho thân nhân mình, thì đau lòng lắm.”

Ông anh vợ cắt ngang: “Thôi, thôi, đừng đừng nói chuyện đó, nghe mà ghê. Khuất mắt, mình không thấy thì đỡ sợ. Sao không trở lại câu hỏi chính, là làm thế nào để chi phí tang lễ ít tốn kém nhất?”

Bà Kim cười: “Cách tốt nhất là thiêu xác, và nếu thiêu liền, chuyển xác từ nơi chết,

trực tiếp đến lò thiêu, tang lễ làm tại nhà, không nhìn mặt, thì đỡ được rất nhiều chi phí khác như tắm liệm, ướp thuốc, xem mặt, thuê phòng, xe tang. Thường phí tổn chỉ trên 1000 đô thôi.”

Bà Kim hợp thêm ngụm trà, rồi tiếp: “Có người nói sợ nóng, không dám thiêu. Nhưng khi chết rồi, thần kinh đã tê liệt, thì đâu biết chi nữa mà nóng hay lạnh. Nếu còn biết nóng lạnh, thì khi nằm dưới đất lạnh lẽo, tối om, chật chội, ngột, dòi bọ vi trùng đục khoét, mặt mày teo rúm, há hốc mồm miệng, nhăn răng, khô đét, hoặc rửa mủn ra, thì có khó chịu hơn không? Chưa kể điều mà chủ nghĩa địa bảo là đất ‘vĩnh viễn’, thì thường là 49 năm hay 99 năm thôi. Sau đó thì thông cáo trên báo chí là sẽ dời xác. Con cháu có bao giờ đọc đến cái thông cáo này, mà có đọc, cũng không biết đó là mộ của thân nhân mình. Bên Âu Châu, có nhiều hầm nhà mồ, xương chất đầy, xương của hàng trăm vạn ngôi mộ được đào lên, gom lại, xếp đặt hàng triệu miếng xương lẫn lộn, rất mỹ thuật. Luật lệ nhiều xứ, chỉ chôn 5 năm hay 10 năm, hoặc mấy chục năm thôi, sau thời gian đó phải bốc mộ. Ít có nơi nào là vĩnh viễn hoặc lâu vài ba trăm năm. Ngày nay tại Mỹ, người ta càng ngày càng ưa thích việc thiêu

xác. Các xứ khan hiếm đất đai như Nhật, và cả Trung hoa, Ấn Độ, đều thiêu xác. Ngoại trừ những vùng xa xôi, còn giữ lại việc chôn dưới đất. Theo thống kê năm 2009, thì mười tiểu bang sau đây, có tỷ lệ thiêu xác cao nhất ở Mỹ: Nevada 73.93%, Washington 69.62%, Oregon 69.24%, Hawaii 68.82%, Vermont 65.67%, Arizona 65.60%, Montana 64.81%, Maine 62.75%, Colorado 62.01%, Wyoming 61.76%”.

Bà Hàn xen vào: “Người theo đạo Chúa, có thiêu xác được không?”

Bà Kim cười và tiếp lời: “Mãi cho đến khi Đức Giáo Hoàng Phaolô Sáu tuyên bố việc hỏa thiêu là không trái với Giáo Luật vào năm 1963 và ba năm sau, các linh mục được phép làm lễ cho các đám tang hỏa thiêu, thì việc hỏa táng được phát triển rất mau. Ngày xưa giáo hữu Thiên Chúa tin rằng, phải còn xác, để chờ ngày phán xét cuối cùng, mà sống lại trên thân xác đó. Chỉ còn đạo Do Thái là cấm hỏa thiêu thôi, vì họ cho rằng, tro cốt nằm trong hũ, không thể “cát bụi trở về lại với cát bụi được”

Ông Hàn bưng bánh ra mời bà con, và nói: “Ông anh rể tôi kể rằng, thời mới chạy qua Mỹ mấy năm sau 1975, anh em đồng khóa Võ Bị Đà Lạt đi thăm viếng một người

bạn đang hấp hối vì bệnh ung thư trong khu chờ chết ở Viện Phục Hồi. Khi đó, đa số đều độc thân, hoặc vợ con còn kẹt lại ở Việt Nam, bơ vơ, không bà con thân thích. Anh em thấy ông bạn nằm thêm thiếp, bàn nhau đóng tiền thiêu xác. Tưởng hấn mê man không nghe được, nhưng bỗng hấn mở mắt ra và nói rõ ràng: “Ông cóc muốn thiêu, sợ nóng lắm. Chôn mà thôi.” Đám bạn bè giật mình nhìn nhau. Một ông bạn nóng tánh, gằn giọng: “Đưa tiền đây, tụi tao chôn cho. Thằng nào cũng rách mướp, tiền đâu mà chôn mày.” Một ông bạn khác nháy mắt, rồi nói: “Mày muốn chôn cũng được, yên tâm đi.” Khi đi ra ngoài, anh bạn nói: “Cứ hứa đại, cho nó yên tâm chết. Sau khi chết rồi, thì cóc biết chó gì nữa, thiêu hay chôn thì cũng thế”. Thời đó, mới đến Mỹ, người nào cũng đi làm việc lao động với đồng lương tối thiểu, lo nuôi thân chưa đủ, lại lo gởi tiền giúp gia đình bên Việt Nam, tiền đâu mà bỏ ra chôn cất bạn bè, đòi việc ngoài khả năng, làm sao mà thỏa mãn được? Nay chị Kim, chị biết tại sao ngày nay người ta chuộng việc thiêu xác hơn là chôn không?”

Bà Kim ăn bánh, uống nước, rồi thông thả nói: “Theo nghiên cứu của các nhà xã hội học, người ta chuộng thiêu hơn chôn vì càng

ngày người có học thức cao càng đông đảo hơn, việc thiêu xác được quần chúng chấp nhận xem như bình thường, đất chôn không còn dễ dàng và rẻ như xưa, tiết kiệm đất đai cho người còn sống, giáo luật không cấm thiêu, tiện lợi, giản dị và tiết kiệm được nhiều thì giờ, giảm thiểu chi phí không cần thiết.”

Cả nhà mời bà Kim ở lại ăn cơm, để tham dự cuộc họp gia đình và điện thoại khảo giá việc tang lễ. Cả gia đình bàn cãi sôi nổi, kẻ muốn chôn, người muốn thiêu, bà chị lớn còn muốn làm đám tang linh đình, đủ các nghi thức rườm rà. Cả nhà cãi nhau thành to tiếng, mãi chưa đi đến đâu, thì cô Út lấy trong xách tay ra một lá thư, nhìn mọi người và nói với giọng run run đầy nước mắt:

“Thưa các anh chị, em muốn cho mẹ có được một đám tang bình thường như mọi người. Em để các anh chị quyết định, nhà chúng ta không thiếu tiền, không cần tiết kiệm. Nhưng các anh chị không đồng ý với nhau, có thể sinh ra bất hoà, nên em xin trình lá thư của mẹ gửi cho em từ lâu, để anh chị xem. Đây, em xin đọc lá thư : “...Sau này mẹ chết, thì mẹ ước mong các con làm đám tang đơn giản. Không khăn xô, không tụng niệm, không để bà con xem mặt, không phúng điếu, không vòng hoa, và mẹ muốn được thiêu xác. Tro

cốt thì đem thả xuống Thái Bình Dương, để mẹ hoà tan vào biển cả, may ra thấm về thấu tận quê nhà bên kia đại dương. Đừng chôn tiền xuống đất. Tiền tiết kiệm được đem cúng cho hội từ thiện ..”

Cả nhà trách cô Út tại sao không đưa lá thư ra từ đầu, để khỏi bàn cãi lôi thôi, cô khóc mà không trả lời.

Sau khi nhờ bà Kim phối hợp, gia đình ký khế ước hỏa thiêu. Chi phí tang lễ chôn cất do nhà quản đề nghị tổng cộng 34,680 đô, chỉ còn tốn 1676 đô bao gồm toàn bộ thủ tục giấy tờ, chuyển xác, hỏa thiêu và bình tro tạm.

Toàn anh chị em trong gia đình góp thêm tiền, đem tặng hội từ thiện 35 ngàn đô. Cả nhà đều vui mừng, nhẹ nhõm. /.

Ngộ Đạo Đất Trời

Ông Tư bị ung thư và biết chắc không thể sống lâu hơn sáu tháng. Ông bình tĩnh chờ cái chết, và vui vẻ sống những ngày ngắn ngủi còn lại, mà không bị ai, không sợ hãi. Ông muốn sau khi chết, gia đình làm đám tang theo ý riêng của ông. Bà vợ nghe dặn dò cách thức làm đám tang kỳ dị, thì nói giọng buồn, với đôi mắt cầu khẩn:

“Em nghe nói ngày xưa ở Huế, người đàn bà đầu tiên đi xe đạp, bị cả thành phố phỉ nhổ, xem như là Me Tây, như kẻ phá hoại phong hóa nơi đất thần kinh. Cho đến khi chiếc xe gắn máy hiệu "Velo solex" ra đời, người đàn bà đầu tiên sử dụng, cũng bị xem như là thứ côn đồ, cao bồi du đãng, chẳng ai dám giao du thân mật. Đến như bà Thu, vốn là một công chúa, dù là con của vị phé đế, là người đàn bà có xe hơi, và lái xe hơi đầu tiên ở Huế, cũng bị thiên hạ nghi ngờ oan ức đến cái đức hạnh của bà, mà suốt đời không kiếm được một tấm chồng. Thế mà bây giờ, anh

bảo em làm đám tang khác thiên hạ, không giống ai, thì chịu sao nổi lời tiếu đàm của bà con, họ hàng!

Ông Tư cười, nhìn vợ và nói :

“Cái gì cũng phải có khởi đầu, có người làm trước, về sau thiên hạ thấy hay mà làm theo. Không ai khởi đầu cả, thì làm sao có tiền lệ để mà bắt chước? Thời trước nếu không có cô, bà nào dám tiên phong leo lên xe đạp, thì bây giờ đàn bà đi bộ cho rã căng ra. Ngày nay, còn có ai xì xầm khi thấy các cô, các bà đi xe đạp, xe gắn máy và lái xe hơi đâu?

“Sao anh bắt em phải làm cái việc khác đời, cho tội nghiệp em. Em đâu phải là hạng người thừa gan dạ, để có thể phớt lờ dư luận, khen chê của thế gian ?

Ông Tư trả lời với giọng rất bình tĩnh:

“Chỉ là ước mong nhỏ nhoi cuối cuộc đời của anh, mà em cũng không giúp anh được sao? Ai có nói gì, thì em cứ bảo đó là ý nguyện của anh trước khi chết. Mà có lẽ, mọi người đều biết anh muốn như vậy, em khỏi cần giải thích cho ai. Em không làm theo ý nguyện, anh chết không nhắm mắt, làm sao linh hồn siêu thoát? Như thế, em không sợ anh về quấy phá em mãi sao?

Nghe đến đây, thì bà Hoa tái mặt. Bà vốn sợ ma, sợ người chết, sợ bóng tối, sợ sự thiêng liêng. Bây giờ ông chồng còn sống, bà có thể lấn áp, bắt nạt ông được, chứ sau khi ông chết rồi, thì bà phải chịu thua, phải sợ ông. Ông Tư biết tính vợ, nên đem ma quỷ ra mà dọa trước, may ra sau khi ông chết, thì bà chịu theo lời ước nguyện của ông.

Nếu có ai biết ông Tư đang cận kề cái chết mà ái ngại cho ông, thì ông cười vui mà an ủi họ “chứ không phải là họ an ủi ông” rằng, nếu tin theo đạo Chúa, thì khi chết được về thiên đàng, ngồi dưới chân Chúa, sung sướng thế sao mà ai cũng sợ chết? Nếu theo đạo Phật, thì khi chết cũng sẽ về Tây Phương Cực Lạc, vĩnh cửu an bình, thì mừng vui chứ sao lại bi ai? Và nếu nói theo đức Đạt Lai Lạt Ma, thì cái xác thân ở trần gian, có thể ví như bộ áo quần ta mang, khi nó đã sờn cũ, xấu xí, rách rưới mục nát rồi, thì nên bỏ đi, mà mang bộ áo quần khác, đại ý nói đi đầu thai kiếp khác, mang thân xác mới hơn. Ông Tư nói với bạn rằng, thân xác ông bây giờ như cái quần đã mục mông, rách đáy, không còn che được cái muốn che, thì phải bỏ đi, không xài nữa là hơn. Bởi vậy, ông bình tĩnh đón chờ cái chết cận kề. Khi biết

ông bị ung thư sắp chết, thì phút đầu tiên, ông lặng người đi. Nhưng rất mau sau đó, ông nghĩ ra rằng bây giờ chỉ còn hai con đường để lựa chọn. Một là rầu rĩ bi ai, than thân trách phận, oán thán trời đất, làm cho những ngày ngắn ngủi còn lại trở thành u ám, khổ sở, muộn phiền. Hai là bình tĩnh chấp nhận điều không thể tránh được với thái độ tích cực, lạc quan, vui vẻ. Làm cho những ngày còn lại thành tươi vui, tốt đẹp và ý nghĩa hơn. Khi ra đi sẽ không có chút tiếc thương vướng bận. Ông chọn con đường sau, nên không buồn bã, không hoang mang, không bi ai. Ông thấy cuộc đời bỗng đáng yêu hơn, đẹp hơn. Ông mở lòng vui vẻ đón nhận từng thời khắc, từng ngày còn lại. Mỗi sáng dậy, ông ca hát nhạc vui, và nói chuyện khôi hài cùng vợ con. Ông cố làm đẹp lòng mọi người, vì ông nghĩ rằng, sau khi nhắm mắt nằm xuống, thì dù có muốn tử tế với những người thân thương, cũng không còn làm được nữa. Ban đầu, vợ con, gia đình, ai cũng ái ngại, nên cư xử tế nhị, dè dặt, gượng nhẹ với ông. Về sau, thấy thái độ bình tĩnh của ông, mọi người quên đi chuyện ông sắp xa lìa cõi đời này, mà cư xử với ông không khác gì người bình thường. Đôi khi bị vợ gắt gỏng, bị con giận hờn, bị bạn bè to tiếng, ông không buồn giận,

mà cảm thấy tức cười, và thấy thương họ hơn.

Ông Tư dặn thêm vợ rằng đừng đăng báo, không đăng cáo phó gì cả. Đừng làm rộn, bận trí bà con gần xa, buộc họ phải thăm viếng. Không nên để phiền ai phúng điếu chia buồn. Ông đưa tờ báo cho bà, và nói:

“Em nhìn vào mấy cái cáo phó này đây, đọc thấy buồn cười: “Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cho thân bằng quyến thuộc: Ông Nguyễn Văn Mỗ đã được Chúa gọi về vào ngày, tháng, năm, hưởng thọ 82 tuổi...” Được Chúa gọi thì phải vui mừng, sung sướng, chứ sao lại đau đớn báo tin? Về với Chúa là khổ lắm sao? Có đi tù cải tạo đâu mà đau buồn? Đáng ra phải cáo phó bằng câu : “Chúng tôi hoan hỉ báo tin cùng thân bằng quyến thuộc rằng, Ông Nguyễn văn Mỗ đã được Chúa gọi về vào ngày, tháng, năm,...”. Và đây, một cáo phó khác, cũng “khóc báo” với thân bằng quyến thuộc là thân nhân chúng tôi đã về cõi Phật. Về cõi ma vương quỷ sứ mới khóc báo, chứ về cõi Phật, sướng quá, mà khóc cái nỗi gì?”

Bà Hoa nhả mặt nói :

“Anh đừng chi li bắt bẻ từng câu từng chữ. Đó là một lối nói thôi. Vì có ai biết chắc đi về đâu mà dám vui, buồn. Nhưng cứ cho là về thiên đàng, cực lạc, về với Chúa Phật, cho người sống an lòng. Không lẽ báo tin ông nội tôi được quý sứ rước đi rồi. Dù sống có gian ác đến đâu, khi chết cũng có quyền hy vọng về nơi lạc phúc, bình an.”

Ông Tư lắc đầu nói tiếp :

“Em có thấy ông cụ Trương nằm liệt giường hai năm, không cử động được, như bị hành hình, cả nhà lao đao lặn đận chăm sóc. Hai vợ chồng bác Thu con cụ, vì khổ nhọc quá, gây gổ nhau, gia đình suýt tan vỡ. Khi cụ mất, cả nhà thờ phào sung sướng cho cụ, và cho cả mọi người trong gia đình. Thế mà khi cáo phó, cũng đau đớn báo tin. Bà con bạn bè đăng báo chia buồn, cũng là vô cùng thương tiếc, vô cùng đau đớn. Tang gia mừng, mà bà con lại chia buồn. Bà con muốn cụ nằm đó mãi, để khổ thân cụ, khổ con cháu cụ lâu dài hơn nữa hay sao? Hay là họ không phải khổ cực chăm sóc cụ, không phải đau lòng khi thấy cụ nằm liệt ra đó, nên cụ chết họ buồn đau? Bởi thế, khi anh chết, anh không muốn cáo phó, không muốn ai phân ưu chia buồn. Chết cũng là một tiến

trình của tự nhiên của trời đất, thì có chi mà phân ưu, chia buồn. Có ai sống mãi được?

Bà Hoa không đồng ý, nói lớn:

“Mất mát nào mà không đau buồn? Dù biết chắc rằng, ông cụ Trương chết là thoát được khổ đau đang hành hạ. Nhưng khi cụ mất, cả nhà cũng buồn vì mất cụ, mà vui vì cắt đi được gánh nặng, bớt được mối thương tâm khi thấy người thân yêu của mình khổ cực nằm đó.

“Thế thì khi cụ mất, chắc hẳn cả nhà vui nhiều hơn buồn, mừng nhiều hơn tiếc. Không ai dám nói mừng khi thấy thân nhân mình chết, vì sợ thiên hạ hiểu lầm, tiểu đàm. Thế thì đừng giả dối, nói là đau đớn, tiếc thương, mất mát. Mất cái gì mới ngại, chứ mất cái khổ đau hành hạ, thì cầu cho mất sớm, mất đi càng nhiều càng mau, càng tốt. Anh nghe nói người Lào có quan niệm rất hay về lẽ sống sự chết. Khi trong gia đình có người chết, họ không bao giờ khóc lóc rầu rĩ, mà bình tĩnh an nhiên, chắc rằng họ đã thấm nhuần cái lẽ thâm sâu của Phật giáo, biết chết là giải thoát, rũ sạch nợ đời.

Bà Hoa hỏi:

“Hay là đời sống dân họ đau khổ lắm than quá, nên chết đi là khỏe chẳng? Chết là hết lo cơm áo, khỏi đói khát bệnh tật?”

Bà Hoa nghĩ là ông Tư không thương bà đủ nhiều, nên cứ thản nhiên trước cái chết cận kề. Bà không biết làm sao chịu nổi cảnh cô đơn khi sống thiếu ông trên đời. Ông Tư thường nói với bạn bè rằng, rồi ai cũng phải chết. Không chết sớm thì chết muộn. Không chết lúc ba bốn mươi, thì bảy tám chín chục tuổi cũng phải chết. Cuộc đời, có thể ví như một đêm, không đi ngủ lúc chín mười giờ, thì mười hai giờ, một giờ sáng cũng phải đi ngủ. Nếu đêm không vui, thì tội gì không đi ngủ sớm cho khỏe, mà phải thức để nỗi buồn gặm nhấm. Nếu đêm nay đau răng thì cố thức làm gì, ngủ sớm đi mà quên đau. Nhiều người sống với thái độ như sẽ không bao giờ chết, cho nên tích tụ của cải, bao nhiêu cũng không vừa, làm nhiều điều không đúng, không phải. Bởi vậy, khi biết mình sắp chết, thì hốt hoảng khóc lóc, bi ai, mà vẫn không tránh được. Nhiều vị vua chúa đời xưa cũng muốn sống đời, nên uống thuốc trường sinh, mà ngộ độc chết sớm. Còn gia đình, thì thời gian đầu thấy thiếu vắng, mất mát, nhưng rồi sau cũng quen dần, vì phải lo lắng nhiều công

việc khác trong một cuộc sống bình thường, không còn có thì giờ mà tiếc thương, mà bi ai. Phần người chết, buông tay là xong tất cả, bình yên vĩnh viễn. Không còn phải lo công việc làm ăn, lo cơm áo gạo tiền, không còn lo làm giàu, lo tích trữ của cải, không còn ghen tuông, giận hờn, không còn phải thức khuya học hành, hoặc viết văn làm thơ mệt nhọc, không còn theo đuổi mộng lớn mộng bé, không ưu tư dằn vặt vì thời thế, vì đất nước, quê hương... Bỏ hết. Tất cả cũng chỉ là tro bụi. Thiên hạ còn ngưỡng mộ, còn khen ngợi những anh hùng liệt sĩ trong lịch sử, nhưng chính các người này có còn biết gì nữa đâu? Cũng là một mớ xương khô mục nát, đâu có nghe, có cảm xúc, hân hoan, vui thú gì. Có ca ngợi, nhắc nhở thì để các thế hệ con cháu về sau noi gương người đi trước mà gìn giữ quê hương, mà sống cho đàng hoàng, cho nên người, đừng làm việc xấu xa đê tiện.

Ông Tư dặn vợ làm một đám tang đơn giản, không mở nắp hòm cho bạn bè thăm viếng nhìn mặt. Hát nhạc vui trong tang lễ, không khóc lóc, mà vui cười tự nhiên. Sau khi thiêu xong thì gọi tro xương về quê nhà, đừng xây mộ, đừng đắp bia. Bà Hoa thì chỉ muốn làm giống như tất cả mọi người. Ai làm

sao mình làm vậy trong khả năng tài chánh của gia đình. Bà không muốn làm khác ai, để họ có thể dị nghị, bàn ra nói vào, thêm thắt thêm dệt. Nhưng bà cũng không nỡ từ chối ước nguyện cuối cùng của ông. Hai người con của ông bà, đứa con gái đầu thì tán thành, muốn làm theo ý kiến của bố, đứa con trai phản đối, vì sợ thiên hạ chê cười. Ông nói với con: “ Con nên vì bố, không nên vì thiên hạ.” Ông Tư xin nghỉ việc, đi thăm bà con họ hàng, đến đâu ông cũng nói chuyện khôi hài, vui vẻ, nong nân với bạn bè bà con, thức đêm, uống rượu, hát hò, ngâm thơ, ăn uống không kiêng cử. Theo ông, thì kiêng cũng chết, mà không kiêng cũng chết, chết sớm hơn vài tháng, vài tuần, cũng chẳng nghĩa lý gì. Còn chẳng bao lâu nữa, kiêng cử làm chi cho khổ thân, cho đời mất đi một phần ý vị. Ông cho rằng, đã sống đến trên năm mươi tuổi là quá lòi, quá đủ, không có gì để nuối tiếc. Thấy ông tươi vui, người biết ông có bệnh sắp chết, cũng quên mất là ông đang bệnh, người không biết bệnh trạng của ông, thì ông cũng không muốn nói ra làm gì. Ông đưa bà và hai con đi chơi một chuyến trên du thuyền. Ông tham gia các cuộc chơi tập thể trên du thuyền như hát hò, nhảy múa ca hát, tham gia các buổi hòa nhạc, uống rượu, cho

đến khi mãn cuộc. Ông vui vẻ, bình tĩnh đến nỗi nhiều khi bà quên mất là vợ chồng không còn bên nhau bao lâu nữa.

Ông Tư chuẩn bị tinh thần cho vợ, cho con, để chấp nhận một sự thực không tránh được. Chấp nhận với sự bình tĩnh, sáng suốt, không vui vẻ nhưng không bi ai. Có người nói cho ông Tư nghe về kinh nghiệm của những kẻ đã chết thật rồi, mà sống lại nhờ sự mầu nhiệm nào đó. Rằng khi chết, thì thấy mình đi vào một vùng ánh sáng lạ, rất hân hoan sung sướng, khoái cảm tràn trề. Bởi vậy, nên người đã trải qua cận tử, thì không còn sợ chết nữa, mà đón nhận như là một ân huệ của trời đất. Ông Tư không tin chuyện cận tử, vì ông vốn con người thực tế và lý trí, cái gì chưa kiểm nghiệm được thì chưa tin. Nhưng cho rằng, nếu được như vậy thì càng tốt. Nếu không được vậy, thì cũng thôi.

Cuộc đời ông Tư đã trải qua nhiều giai đoạn sướng khổ. Chưa xong đại học thì bị kêu đi lính, tham dự những trận chiến kinh hoàng, ngày đêm trấn đóng nơi ma thiêng nước độc, đã từng bị bắt làm tù binh, đã vượt ngục. Khi miền Nam thua trận, phải đi tù nhiều năm. Đã sống trong chế độ hà khắc kìm khóp, bữa đói bữa no. Đã đi qua biển tìm

tự do. Và ước nguyện rằng, được sống thêm một ngày trong xứ tự do, thì chết cũng không có gì tiếc nuối. Thế mà ông đã sống thêm được nhiều năm trong một xã hội có tự do, dân chủ. Con người được pháp luật bảo vệ, tôn trọng. Ông biết ơn trời đất đã cho ông cái phần thưởng vô cùng quý giá đó trong nhiều năm qua.

Ông Tư chỉ là một người bình thường, có đủ cả tốt xấu. Có chút rượu chè, nhưng không ghiền và say sưa. Khi vui bạn vui bè, thì ai đến đâu, ông đến đó. Ông hòa đồng cùng đám đông. Thỉnh thoảng ăn nhậu cùng bạn bè, nói chuyện trời đất, vui chơi. Cờ bạc ông cũng có chút chút, từ xì phé, bài cào, cờ tướng, cờ vua, đi sòng bài. Nhiều khi ông xoa mặt chược cùng bạn bè, một mạch từ sáng thứ bảy cho đến chiều chủ nhật mới thôi, ai về nhà nấy để chuẩn bị cho ngày đi làm vào thứ hai. Ông không mê, không lạm, biết dừng lại đúng lúc, không phải khi thua cờ bạc thì nóng mặt cố gỡ, và gỡ cho đến bán nhà. Trai gái ông cũng có, nhưng không làm hại đến ai, biết giới hạn của cuộc chơi. Không làm khổ vợ con, không gây khổ đau cho người khác phái. Thuốc lá, cà phê hàng ngày, ông không ghiền, nhưng cũng

không bỏ hút thuốc. Ông Tư còn có chút máu nghệ sĩ. Ông thổi kèn hắc tiêu rất đạt, nên thỉnh thoảng theo người bạn Mỹ gốc Phi Châu đến các hộp đêm thổi kèn chơi, không lấy thù lao. Ông có chân trong một ban nhạc tài tử, lâu lâu đi trình diễn ở các nơi công cộng. Ông Tư có sáng tác vài bản nhạc, nhưng không ai hát, và hát không ai nghe, không ai khen, nên ông không sáng tác nữa. Ông Tư cũng thích đọc truyện, đọc thơ. Ông cũng có làm thơ, nhưng bà Hoa là vợ ông, khuyên đừng để cho ai biết những bài thơ đó do ông viết, vì sợ người ta cười lây cả bà. Ông nghe vợ chê, nản lòng, không muốn làm thơ nữa. Tuy nhiên, có nhiều khi cao hứng, không cầm được cảm xúc, ông cũng làm thơ chơi, và dấu kín, vì sợ vợ đọc được chê bai.

Một người bạn của ông Tư cũng thích thơ phú, thường cùng ông ngâm vịnh khi nhàn tản, một hôm nghe ông nói về quan niệm cuộc đời, lẽ sống và cái chết. Ông này ngồi nghe mà chờ ra, và nói:

“Bác chờ chút, tôi lục tìm bài thơ của một ông bạn tôi, sao mà ý tưởng của bác với ông kia trùng nhau, như cùng học một sách. Kỳ lạ ghê. Lần đầu đọc bài thơ này, tôi khoái

quá, phải xin ông bạn cho tôi mượn, chạy ra phố, chụp lấy một bản, còn cất giữ đây.

Ông Tư cầm lấy bài thơ dài, vừa đọc vừa gật gù, đọc xong ông vỗ đùi sung sướng, nói:

“Tuyệt. Hoàn toàn giống hệt suy nghĩ của tôi. Bác đem tôi đến giới thiệu tác giả bài thơ này đi. Bác xem đây, đâu phải một mình tôi suy nghĩ khác đời đâu. Có nhiều người cùng một ý nghĩ, nhưng không dám nói ra, không dám thi hành. Đúng như cụ Nguyễn Công Trứ có viết là chỗ ta ngồi hiện tại, người xưa đã ngồi rồi. Tôi dốt chữ Hán, nhớ mang máng hình như là “Ngã kim nhật tại tọa chi địa, cổ chi nhân tần tiện ngã tọa chi” . Mấy ông Tây cũng từng viết là dưới ánh mặt trời này, không có cái gì mới cả. Những suy nghĩ của tôi về cái chết, sự sống, người xưa cũng đã viết nhiều, tàng ẩn tàng bày bạc trong kinh Thánh, kinh Phật. Ngày xưa khi còn nhỏ, bố mẹ tôi gọi tôi vào học nội trú trường đạo Thiên Chúa, mỗi ngày mỗi đêm đều đọc kinh Thánh. Hồi đó tôi không hiểu hết ý nghĩa của kinh, tôi tưởng làm đọc kinh là ngày đêm kêu gào sự xót thương của Chúa. Tuổi trẻ ngu muội và ngông cuồng nên tôi không có cảm tình với chuyện kinh kệ, nhưng khi lớn

lên, đọc lại kinh Thánh, tôi thấy hay quá ông ạ. Lời kinh an ủi, vỗ về con người trong khổ đau, trong bước đường hoạn nạn, khi gặp cam go chìm nổi, tìm được yên bình để chịu đựng mà hy vọng qua khỏi nghịch cảnh .

Ông bạn cười, nói:

“Tôi thấy nhà bác thờ Phật, mà lại nói chuyện Chúa rành rẽ. Bác có theo đạo Cao Đài hay không?

“Không phải đạo Cao Đài, nhưng Phật Chúa gì cũng hoan nghênh. Bà xã tôi vẫn thường đi chùa. Ngày xưa khi còn trong quân đội, đóng quân giữa núi rừng, mẹ tôi gởi cho mấy bộ kinh Phật, không có sách vở, báo chí, buồn mà đọc chơi. Không có tâm tu hành, nhưng đọc mãi, nó thấm vào trong tư tưởng lúc nào không hay. Bởi vậy, tôi có quan niệm rất rõ ràng về sự sống, cái chết, và bình tĩnh đón nhận như một lẽ thường của trời đất, tạo hóa.

Hai người đang nói chuyện, thì có bà bạn ghé chơi. Bà này yêu cầu ông Tư và bạn ông đóng tiền để mua đất chôn cất và xây mộ cho một người đồng hương Việt Nam nghèo mới chết. Gia đình không đủ tiền để

làm ma chay và mua đất chôn ở nghĩa trang. Ông Tư móc ví, đóng ba chục đồng, và nói:

“Kêu gọi thì tôi đóng tiền, chứ thực tình trong lòng tôi nghĩ khác. Chết thì hỏa thiêu là đẹp nhất, tốt nhất và lại vệ sinh. Chôn xuống đất cho dòi bọ nó rúc rĩa, cho sinh thối chứ có được gì. Một vạn cái xác, mới có được một cái không thối rữa, mà cũng khô đét nằm nhăn rãnh ra, hôi hám xấu xí. Nằm chật chội trong tối tăm âm u, dưới đất lạnh lẽo, chứ có sung sướng gì đâu. Rồi lâu ngày, thịt da cũng rửa, xương cũng mục. Được bao nhiêu năm? Mà cứ nghĩ kỹ xem, nếu mỗi người chết phải có một nắm mồ chùng hai thước vuông, thì trên thế giới này từ triệu năm trước đến nay, và nhiều triệu năm sau nữa, tỉ tỉ người đã chết và sẽ chết, lấy đâu ra đất mà chôn. Không lẽ cả thế giới này chẳng còn một tấc đất mà trồng trọt, nhin đói chết hết sao? Nhiều xứ văn minh hiện nay, người ta thiêu xác. Bên Nhật, bên Tàu, Ấn Độ và nhiều xứ khác nữa, người chết được hỏa thiêu. Đạo Phật chính tông, thì các tăng ni đều được hỏa táng, nhưng những người theo đạo Phật nửa vời, thì lại chôn cất. Bày đặt ma chay linh đình cho thêm tốn kém.

Bạn ông Tư hỏi:

“Có phải người theo đạo Chúa không dám hỏa táng? Nghe đâu họ tin có ngày phán xét cuối cùng, và được sống lại. Bởi vậy nên phải giữ thân thể, không muốn thiêu tan thành tro bụi.”

Ông Tư cười lớn nói:

“Chờ đến ngày phán xét cuối cùng, thì sắt đá cũng đã mủn ra tro bụi, nói chi đến cái thân xác mong manh? Có lẽ những kẻ mê tín, kém hiểu biết, diễn dịch sai ý nghĩa của kinh Thánh chẳng? Mà dù cho xương cốt có còn, thì cũng chỉ là bộ xương cũ mục, làm sao mà sống lại trên bộ xương đó được?

“Nghe đâu các nghĩa trang cũng chỉ bán đất trong vòng một trăm năm thôi “ Bà bạn bàn thêm “ Sau một trăm năm thì không biết họ có đào lên, đem chôn ở hố tập thể, hoặc đem thiêu đốt đi chẳng? Nhưng khi mua đất chôn, thân nhân, không nghe ai nói đến điều này. Mà dù cho chủ nghĩa trang có hứa miệng là bán đất vĩnh viễn, thì sau một trăm năm, họ đào bỏ đi, cũng chẳng ai hoài công đi kiện. Lời hứa trăm năm trước con cháu không nghe, không còn chứng cứ, cả người hứa hẹn lẫn người nghe hứa hẹn, đã chết từ lâu. Mà có lẽ con cháu cũng vì lo làm ăn, sinh kế, đi tứ tán, không ai còn

đoái hoài chi đến mấy ngôi mộ của tiền nhân trong các nghĩa trang đây đó.

Bạn ông Tư nói:

“Trong phim tài liệu về Tây Tạng, ở đó đạo Phật là quốc giáo, ông Phật sống cai trị dân như vua. Khi có người chết, thì họ quàng dây kéo lê xác lên núi, sau đó mấy ông chuyên môn chặt xác chết ra nhiều khúc, và ném cho chim kên kên ăn. Trông khiếp lắm. Không biết họ làm như thế, có đau lòng thân nhân ? Rõ như câu nguyên rủa ở xứ mình là “chim tha quạ rửa”.

“Chẳng có đau lòng chi cả “ Ông Tư bàn thêm – Bên đó toàn đá núi cứng. Muốn đào đá ra làm huyệt mộ cũng quá cực khổ. Thân nhân người chết, dẫu có muốn chôn cất đến mấy cũng không ai làm nổi việc đó. Cho chim ăn là tiện nhất. Có điều, không biết làm sao chim kên kên không lây bệnh người chết, biết bao nhiêu là bệnh nan y, vi trùng, vi khuẩn. Bởi thế, nên tôi cho hỏa thiêu là sạch sẽ và tiện lợi nhất.

Câu chuyện bàn rộng đến phong trào Việt Kiều về quê xây lăng mộ cho thân nhân, cho tổ tiên, đến nỗi có nhiều làng thi đua xây cất cho nguy nga, cho to lớn. Thấy lăng mộ

người khác lớn hơn, thì đập cái cũ ra, xây lại cho lớn, cho đồ sộ hơn. Có nơi người ta đặt tên là Làng Ma, vì toàn cả lăng mộ. Ông Tư cho rằng, xây lại mồ mả cho tổ tiên để báo hiếu, cũng là một hành động tốt, không có chi sai trái. Nhưng thi đua nhau xây và xây cất có tính cách phô trương thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Liệu những phần mộ kia đứng vững được bao nhiêu năm, và còn được con cháu chăm sóc đến bao giờ? Rồi cũng có ngày trở thành hoang phế, chẳng ai đoái hoài đến, mà mục rữa với thời gian. May ra, những nơi thiêng liêng như đền quốc tổ Hùng Vương, lăng mộ các bậc anh hùng giữ nước, dựng nước, mới được con cháu tiếp tục tu sửa chăm nom. Thế mà cũng còn tả tơi, tàn tạ, không ai chăm nom. Huống chi mình, là thứ thường dân, vô danh tiểu tốt, chưa làm được gì. Chưa kể những kẻ là tội đồ của dân tộc, bày đặt xây lăng ướp xác, như các ông lãnh tụ cộng sản từ Âu sang Á, từ từ rồi mồ mả cũng bị phá bỏ, san bằng. Bởi thế, ông Tư dặn vợ con đừng xây mộ, tạc bia cho ông làm chi.

Ông Tư mượn bài thơ của ông bạn về đánh máy và sắp xếp lại cho đẹp, in thành

nhiều bản, phóng ra một bản lớn, để dành khi ông chết sẽ sử dụng.

Chỉ bốn tháng, sau khi được báo tin ung thư, ông Tư qua đời mà không đau đớn nhiều, không dùng hóa học trị liệu trước khi chết. Có người mách cho ông nhiều loại thuốc ngoại khoa, ông cũng dùng thử. Trong giới bạn bè thân tình, có người nói là ông Tư đã tự chọn lấy con đường ra đi nhẹ nhàng, không để bệnh hoạn hành hạ trước khi chết. Ông Tư thường đùa rằng, còn nước thì còn tát, biết là dù có tát thì thuyền cũng chìm, thì quẳng gàu đi cho đỡ mệt trước khi thuyền chìm.

Bà con bạn bè đến viếng tang ông Tư tại nhà, khi bước vào cổng, họ cố sửa soạn lại bộ mặt cho có vẻ buồn rầu, nghiêm nghị, để hợp với cảnh tang ma, dù trong lòng họ không có chút bi ai nào. Nhưng họ nghe có tiếng nhạc vui đang rộn rã văng ra từ bên trong, hòa với tiếng nhạc là tiếng cười vui vang vang, tiếng ồn ào. Người nào cũng giật mình, vội vã xem kỹ lại số nhà, sợ đi lầm.

Vào nhà, mỗi khách viếng tang được phát một tờ giấy màu hồng, bên trên ghi bài thơ “ Khi Tôi Nhắm Mắt”. Bài thơ cũng được chụp phóng lớn, dán trên tấm bảng che kín

cả một bức tường. Khách và chủ đang vui vẻ chuyện trò, cười đùa. Không thấy quan tài ông Tư đâu cả. Trên bệ thờ có cái ảnh ông Tư phóng lớn, miệng cười toe toét, tóc bù gió lộng. Trước tấm ảnh có cái hộp vuông chứa tro xương của ông Tư. Tiếng nhạc vui vang vang từ máy hát. Bài thơ in đậm nét:

Khi Tôi Nhắm Mắt

*Khi tôi chết, viếng tang đừng buồn bã
Cười cho to, kể chuyện tếu vui đùa ,
Trong sáu tấm biết chắc tôi hả dạ,
Lên tinh thần, ấm áp buổi tiễn đưa,*

*Nếu làm biếng, cứ nằm nhà thoải mái
Viếng thăm chi, vài phút có thêm gì ?
Mắt đã nhắm. Lạnh thân. Da bầm tái .
Dầu bôi son, trát phấn cũng thâm chì .*

*Tôi đi trước, hẹn gặp nhau ở đó,
Ai thay da mãi mãi sống trăm đời .
Kể trước người sau, xếp hàng xuống mộ
Biết đâu là khởi điểm cuộc rong chơi .*

*Nếu có khóc, khóc cho người còn lại,
Bởi từ nay thiếu vắng nỗi đầy vơi .
Cũng mất mát, dáng hình , lời thân ái
Tựa nương nhau, huyệt hã giữa đất trời .*

Đừng đăng báo, phân ưu lời cáo phó
 Chuyện thường tình, phí giấy có ích chi ?
 Gởi mua gạo, giúp người nghèo đói khó
 Dịu đau buồn những kiếp sống hàn vi,

Trỗi nhạc vui cho người người ý thức,
 Cuộc nhân sinh sống chết cũng tương đồng,
 Khi nằm xuống, xuôi tay và nhắm mắt
 Thì đau buồn hạnh phúc cũng hư không .

Đừng xây mộ, khắc bia ghi tên tuổi
 Vài trăm năm hoang vắng, chẳng ai hoài .
 Vũ trụ vô cùng, thời gian tiếp nối,
 Tỉ tỉ người đã chết tự sơ khai

Khi tôi chết đừng ma chay đình đám,
 Hỏa thiêu tàn, tro xác gởi về quê
 Dẫu bốn biển, cũng là nhà, bầu bạn
 Trong tôi còn tha thiết chút tình mê

Thì cũng C, H, O, N kết lại
 Nắm tro xương hài cốt khác nhau gì
 Nhưng đất mẹ chan hòa niềm thân ái
 Cho tôi về, dù cát bụi vô tri .

Khi đọc xong bài thơ, có người thì mỉm cười, có người vui hẳn, và nói chuyện oang oang. Họ cho rằng bài thơ đã nói hết ý nguyện của người chết. Người chết không muốn bạn bè buồn rầu, thương tiếc, thì việc chi mà lại làm bộ, gượng gạo tạo ra nét buồn khổ trên mặt. Vợ con người chết cũng không tỏ vẻ buồn rầu, mà cũng không hờn hờ. Không một tiếng khóc lóc, thở than. Nhạc vui vẫn dồn dập phát ra từ máy vang dội. Khi khách đã đến chật nhà, và đúng giờ cử hành tang lễ, bà vợ ông Tư và đưa con trai mang áo quần trắng đứng chấp tay bên bàn thờ, cô con gái đứng bên tấm ảnh ông, cầm máy vi âm nhỏ nhẹn mỉm cười và nói:

“Thưa các cụ, cô bác chú dì, bà con bạn bè thân thiết xa gần, chúng tôi xin cảm ơn quý vị đã có lòng đến viếng tang Ba chúng tôi. Tang lễ này làm theo ý nguyện của người quá cố. Không làm tang lễ theo tục lệ bình thường, vì sợ trái với ước vọng cuối cùng của Ba chúng tôi. Chúng tôi xin nhận lấy mọi lời trách móc nếu có từ bà con bạn bè. Ba chúng tôi đã bình tĩnh và vui vẻ đón cái chết như một sự trở về không tránh được. Trong những ngày cuối của cuộc đời, Ba chúng tôi rất vui, chuẩn bị kỹ cho gia đình và cho

chính ông. Ông đã dặn dò chúng tôi, không nên khóc lóc, không nên buồn rầu, vì sự thực không có chi đáng buồn cả. Ông dặn chúng tôi vắn cuốn băng sau đây cho bà con cô bác nghe.

Người con gái đến bên bàn thờ, bật máy, có tiếng ông Tư cười hăng hắc vui vẻ, làm một số người không cầm được, cũng cười theo. Một vài bà yếu bóng vía sợ xanh mặt. Sau tiếng cười chào, thì có tiếng ông Tư đọc bài thơ dán trên tường, giọng đọc rất chậm rãi, rõ ràng, như đang nói chuyện thủ thỉ với bạn bè. Mọi người im lặng lắng nghe, người thì nghiêm trang, người thì mỉm cười. Giọng Huế của ông Tư đọc chậm và ngân dài những đoạn ông đặc ý : “Tôi đi trước, hẹn gặp nhau ở đó . Ai thay da mãi mãi sống muôn đời, Kể trước người sau xếp hàng xuống mộ, Biết đâu là khởi điểm cuộc rong chơi.” Cuối cùng, có một tràng cười ha ha của ông Tư để chấm dứt bài thơ. Sau bài thơ, có ba ông người Mỹ, hai ông da đen, một ông da trắng, cầm đàn và kèn thổi lên mấy khúc nhạc vui, các ông nhún nhảy uốn éo, nhiều lúc dậm chân xuống sàn. Ba ông cùng lúc lắc, làm hàng một, đi quanh phòng khách, như múa lượn trước bàn thờ ông Tư. Những ông

này, là bạn chơi nhạc với ông Tư tại các quán ca nhạc ban đêm.

Bỗng nhiên, bà chị ông Tư nhào ra, lăn lộn trước bàn thờ mà khóc lóc gào lớn:

“Cậu Tư ơi là cậu Tư. Chúng nó đem cái chết của cậu ra mà bêu rếu họ hàng. Vợ cậu muốn đi lấy chồng sớm nên bày ra cái cảnh chướng tai gai mắt này. Con cậu cũng là thứ bất hiếu bất mục, cha chết mà không có một giọt nước mắt, còn cười nói lung tung. Chỉ có tôi là chị cậu, thương cậu thật tình thôi, ruột đứt lòng đau, nên khóc than đây.”

Ông chồng chạy đến ôm bà kéo ra, và nhỏ nhẹ giải bày. Bà vùng vằng và càng khóc lớn hơn, xỉ vả bà Tư những câu tục tĩu nặng nề. Bà Tư ôm mặt khóc lóc. Bà chị chồng nói lớn: “Mai mốt chúng mày chết, bà đến phóng uế lên hòm chúng mày”. Nhiều người bà con đến phụ ông chồng lôi bà chị ông Tư ra xe chạy đi.

Khách viếng tang lãng ra, và có người lẳng lẳng ra về không chào hỏi ai, vì sợ gia quyến ngượng ngùng. Cô con gái ông Tư đứng ra xin lỗi mọi người vì chuyện không may, không vui vừa xảy ra.

Một bạn thân của ông Tư, quen nhau từ thuở trung học, đại diện bà con, đến trước bàn thờ, vỗ vào hộp tro xương, cười ha hả và nói:

“Tư ơi, ông là số một rồi đó, chả có ai bằng ông. Ông hiểu tận tường lẽ huyền vi của tạo hóa. Sống cũng vui, mà chết cũng vui. Sống cũng dám làm, mà chết rồi cũng dám làm, và làm được. Tôi cũng ước mong rằng, sau khi chết, vợ con làm cho tôi một đám tang như thế này, thì vô cùng sung sướng. Tưởng ông nói đùa chơi, ai ngờ làm thật.

Một vị mục sư là bạn thân của gia đình, cũng đến trước bàn thờ, và đoan chắc rằng bây giờ ông Tư đã được về với Thiên Chúa. Ông cho rằng thái độ của ông Tư trước cái chết rất sáng suốt, đáng khâm phục, và đáng được mọi người noi theo. Một vị sư già, có bà con họ hàng với ông Tư, đã từng viết nhiều sách Phật và rao giảng đạo từ bi, nói trước linh vị :

“Bàn đạo không cần đọc kinh cầu siêu cho thí chủ. Bởi linh hồn thí chủ đã thực sự siêu thoát trước khi chết. Thí chủ không vướng bận cõi trần, không hệ lụy vào cái thân xác tạm bợ. Thanh thản ra đi như kẻ đi chơi,

thong dong, dễ dàng. Thí chủ đã hiểu thấu đáo cái lẽ vô thường trong đạo pháp.

Mọi người ra về, lòng nhẹ nhàng, tưởng như đi trong mơ. Từ phía nhà ông Tư, còn vang vọng nhạc vui đưa tiễn đám tang khách.

Sau tang lễ, bà Hoa vợ ông Tư thở phào. Bà vui mừng vì đã làm được đúng lời căn dặn của chồng mà không bị tai tiếng. Bà chỉ sợ tai tiếng thôi. May mắn, đa số bà con đều tán thành nghi thức tang lễ, và nếu không tán thành, họ cũng im lặng, chỉ có bà chị ông Tư gây rắc rối thôi.

Năm tro xương của ông Tư được vợ con gói kỹ bốn năm lớp, bỏ vào hộp bằng chất nhựa dày, để cho khỏi vỡ, rồi gửi bảo đảm về Việt Nam. Chiếc xe chở hàng của hãng vận chuyển bị tai nạn trên đường ra phi trường. Xe rơi từ cầu xa lộ cao ba tầng xuống đất, thùng xe vỡ nát, hàng hóa tung vung vãi, rách nát, cháy xém. Anh tài xế gãy hết tay chân và xương sống, hấp hối. Người ta đồn rằng anh tài xế buồn vì bị vợ cấm sùng, đã uống rượu say xỉn, không điều khiển được tay lái. Cái hộp tro xương của ông Tư bị rách và cháy xém mất một phần địa chỉ, được gửi lầm đi ngao du qua xứ Namibia bên Phi Châu.

Cô con gái ông Tư hỏi tin tức bên nhà hàng ngày, qua liên mạng máy vi tính, về cái hộp tro xương, mãi đến hai ba tháng vẫn chưa nhận được. Bà Hoa viết nhiều thư khiếu nại hãng chuyên chở. Họ trả lời là sẽ bồi thường cho bà hai trăm sáu mươi tám đồng. Bà Tư khóc lóc, thuê luật sư đâm đơn kiện. Sáu tháng sau, nhờ còn có địa chỉ người gửi, nên cái hộp tro xương được hoàn trả cho gia đình, với ghi chú là không có địa chỉ người nhận. Bà Hoa mừng ôm cái hộp mà khóc ròng.

Lần này, bà Hoa quyết định tự tay đem hộp tro xương ông chồng về tận Việt Nam. Bà sợ thất lạc thêm lần nữa, thì tấm lòng hoài vọng quê hương của chồng bà không được mãn nguyện, và bên kia cõi đời, ông Tư không yên ổn mà an giấc ngàn thu.

Tuổi Già Là Thời Sung Sướng Nhất

Ông cụ Lê đã tám mươi lăm tuổi, vẫn còn khỏe mạnh. Cụ bà cũng tám mươi ba tuổi. Họ sống trong một căn nhà tiền chế có ba phòng ngủ và hai nhà tắm, rộng rãi. Hai vợ chồng ngủ riêng, mỗi người một phòng, cái phòng còn trống dành cho con cháu, bạn bè ở xa về chơi. Cụ bà nhất định ngủ riêng. Cụ ông nói với bà con rằng, cụ hay thức khuya đọc sách, báo và nghe nhạc, nên cụ bà không chịu được phải ngủ riêng. Cụ bà thì nói thẳng “Ông già, nhưng phá lắm, làm tôi mất ngủ”. Cụ bà lẳng tai, nên thường nói lớn tiếng như thét gào.

Tôi từ San Francisco về, ghé thăm hai ông bà cụ Lê. Thấy ông đang xem tờ báo Mỹ, trong đó nhiều trang quảng cáo in hình những thiếu nữ da thịt hồng hào, lồ lộ, ăn mặc ít vải, bụng ngực hở hang, chân tay dong ra hớ hênh..

Trong tình thân mật, tôi hỏi cụ:

“Bác cũng còn thích xem các thứ này nữa? Có còn “làm ăn” chi được nữa không? Bác “chay tịnh” đã bao nhiêu năm rồi? “

Cụ Lê nhướng mắt, cười toét miệng, để lộ hai hàm răng giả trắng nuốt, đều đặn, nhưng hơi móm, trả lời:

“Có chứ! Làm ăn đều đều chứ! Gì chứ cái đó đâu có nhịn được!

“Thật không bác? Hay chỉ nói đùa cho vui thôi? Có cần thuốc Viagra trợ lực không?

“Thuốc vớ thang, đâu cần! Tôi cũng đã thử cái thuốc đó mấy lần mà thấy công hiệu của thuốc quá chậm. Mình đã xong rồi, chiến trường đã tan, thuốc mới công hiệu. Thêm bực mình, khi đó thì dù còn sức, bà ấy cũng gạt đi. Phải hơn nửa giờ sau khi uống, thuốc mới công hiệu. Thế là quá chậm. Chuyện đó, phải tức thì, cơm nóng canh sốt mới ngon. Đâu phải đi câu mà thả cần chờ cá đớp mồi. Còn khi không có hứng thì uống thuốc đó vô làm chi?

“Bác dám thử thuốc đó, không sợ đứng tim bất thần chẳng? Tôi cười và hỏi.

”Sợ gì! Tuổi này có đứng tim mà chết mau lẹ, thì cũng mừng, khỏi phải sợ bệnh hoạn lâu ngày.

“Thuốc đó có sinh ra phản ứng phụ gì không?

“Có! Uống vào, cái mặt mình nó căng căng làm sao ấy.. Giống như khi mình nói láo, ngượng quá, mặt căng lên. Cứ thế cả giờ không hết. Tôi quăng vào thùng rác cả ống thuốc từ lâu.

Cụ Lê vốn vui tính, ưa nói đùa. Tôi nghĩ là cụ nói chuyện cho vui thôi. Đêm đó, vợ chồng tôi ngủ lại nhà cũ. Buổi khuya tôi thức dậy, đi xả nước thừa trong cơ thể, phải đi qua phòng ngủ của bà cụ Lê mới vào được phòng tắm. Tôi thấy tấm chăn bà đắp lệch ra, gần rơi xuống đất. Bà vẫn ngáy đều. Mùa đông lạnh, nếu chăn rơi ra, bà có thể cảm lạnh. Tôi nhẹ nhàng đến kéo tấm chăn lên, đắp lại cho bà. Bỗng bà nói thật lớn, hai tay chấp lại mà xá tôi lia lịa:

“Thôi, thôi ông ơi, tôi lạy ông, tôi lạy ông, nhà có khách, không được đâu!

Tôi khiếp hãi, lạnh cả người. Chưa kịp đi tiểu, mà tôi vội vã chạy về giường mình nằm yên, tim đập thình thịch mãi chưa hết sợ. Tuy không ai dám hiểu lầm là nửa đêm tôi đi mò mẫm bà cụ già, nhưng cứ sợ. Tôi nhịn đi tiểu, mắt ngủ cho đến gần sáng. Bây giờ thì tôi tin những gì ông cụ Lê nói không phải là chuyện đùa chơi. Sáng hôm sau, tôi kể lại chuyện sửa mền cho vợ tôi nghe, vợ tôi ôm bụng cười mà không tin.

Buổi sáng, cụ Lê tập thể dục theo lối cử động chậm và phát tay cùng hít thở. Thấy tôi ngồi đọc báo, cụ nói:

“Anh thường không tập thể dục? Thể dục làm tan biến hết mệt mỏi của một đêm dài nằm trên giường. Không cần tập nhiều, tập cho khí huyết lưu thông, thấy mình sảng khoái hơn. Anh có tin rằng tuổi già là giai đoạn sung sướng nhất trong một đời người không? Nhiều người không tin đấy. Lạ quá!

Vợ tôi đang đứng trong bếp, chỉ tấm hình có đứa bé nằm trong nôi và nói vọng ra :

“Cháu nghĩ trẻ con nằm trong nôi, vô tư, ngây thơ sung sướng nhất. Bác có nghĩ vậy không?

Cụ Lê xì một tiếng và nói:

“Con nít trong nôi biết khi gì mà sung sướng? Ai dám bảo là chúng nó vô tư? Có chắc không? Có chắc là chúng nó không lo nghĩ, không có mối khổ tâm riêng khi không biết nói, không biết tự làm cho mình những việc tối cần thiết. Được cho món gì thì ăn món đó, không có quyền lựa chọn. Dở ngon chi cũng phải nuốt, ưa hay không cũng phải ăn. Chỉ biết khóc, khóc và khóc . Đói cũng khóc, mà đau cũng khóc. Khi bị con kiến, con trùng tấn công, cũng không biết làm sao mà tự vệ, hất nó đi. Cha mẹ nghe khóc, cũng

không biết là nó đói hay đau, hay ngứa.. Tiêu tiểu cũng nằm trên nôi, phóng uế ra cả chiếu giường, hôi hám, sung sướng cái nôi gì. Nóng lạnh cũng không biết làm sao cho dễ chịu hơn. Người lớn không biết thì tưởng đâu nó vô tư sung sướng. Thử cho anh chị nằm liệt ra đó, có người mớm cơm ăn uống, chăm sóc, và moi phân từ quần ra, thay tã cho khi tiểu tiện, thì thấy khổ hay sướng mà dám bảo là trẻ con vô tư sung sướng? Sướng và khổ là phải cảm nhận được mới có giá trị. Có ai còn nhớ và nghĩ là thời nằm trong nôi sướng đâu. Nay, nếu tôi có phép, cho chị lựa chọn, cứ bé bỏng và được nằm trong nôi mãi, chị có chịu hay không? Hay là trông mau lớn, để khỏi nằm nôi?

Vợ tôi tiếp:

“Thế thì, trẻ con lớn hơn chút nữa, biết đi biết chạy, biết chơi, ở nhà chưa đi học, vui vẻ với gia đình, không lo nghĩ, không bận rộn, không ưu tư gì cả, và chưa biết cái khổ của cuộc đời, thì có phải là sướng không?

Cụ Lê cười khà khà, và nói lớn, vọng vào bếp cho vợ tôi nghe rõ hơn:

“Trẻ con, sướng chứ, nhưng làm sao sướng bằng người già được. Trẻ con cũng có những nỗi khổ tâm riêng của chúng mà mình không chịu nghĩ đến. Khoảng này là tuổi chơi,

mà bị cấm đoán nhiều nhất, cha mẹ anh chị chăm nom canh chừng từng phút một. Cấm chơi cấm nghịch, cấm thức khuya, bắt phải ăn món này, ăn món kia, dù thích hay không. Bị canh chừng, kèm kẹp ngày đêm. Câu chuyện khôi hài kể rằng, một em bé đi chơi với bố, thấy một vũng nước mưa bên đường, hỏi bố rằng “Có phải Bố có quyền muốn làm gì thì làm chẳng ai cấm đoán, la mắng bố cả, phải không ?” Ông bố trả lời là phải. Em bé mở tròn mắt hỏi: “Thế thì tại sao Bố không nhào xuống vũng nước mà lăn lộn cho sướng?” Đó, còn trẻ con, là không được làm điều gì mình muốn cả. Không có một xu dính túi, mà có tiền, cũng không có quyền mua những thứ mình thích.”

Vợ tôi cười, và hỏi tiếp:

“Thế thì trẻ con lớn hơn chút nữa thì sao? Có sướng hơn người già không?

“Làm sao mà sướng bằng tuổi già được. Anh chị cứ nghĩ và nhớ lại mà xem. Tuổi đó thì làm biếng và ưa chơi hơn là học. Trẻ nào cũng vậy. Thế mà cha mẹ, thầy giáo bắt học hành. Ban ngày thì học ở trường, ban đêm về nhà phải học bài, làm bài. Truyền hình và nhạc có chương trình hay đến mấy, cũng không được xem, nghe, phải học bài xong, làm bài xong đã. Mà học xong, thì đâu còn

những chương trình đó cho chúng xem nữa. Khi đó thì khuya rồi, bố mẹ bắt đi ngủ để sáng hôm sau đi học. Chưa kể những đứa con nhà khá giả, cha mẹ thường bắt phải đi học đàn, học nhạc, học múa. Và có khi phải đi học thêm những lớp đêm, lớp ngày, cho giỏi hơn.... Bị kềm chặt trong cái thời khóa biểu của cha mẹ. Em bé không thể tự quyết định riêng cho nó điều gì theo sở thích cả. Bởi vì nếu để cho em tự quyết định hành động từ tuổi thơ, thì mai sau lớn lên chỉ có nước đi ăn mày hay ngồi tù sớm mà thôi.

“Thế thì bác cho rằng tuổi trẻ khổ nhọc và tù túng lắm phải không? Vợ tôi cắt lời.

“Không hẳn như thế, nhưng cũng gần thế. Không phải lo cơm áo, tiền bạc, công việc làm ăn, là sướng, khỏe, nhưng trẻ con đâu ý thức được cái khỏe, cái sướng đó. Chỉ thấy cái khổ của việc học hành. Đôi khi đi học, còn mệt hơn đi làm nữa, đó là sự thực. Khi lớn hơn nữa, ý thức được là phải học hành, để mai sau có nghề nghiệp may ra đời sống khá hơn, tương lai vững chắc hơn, thì lại khổ hơn nữa. Phải lo âu, chăm chỉ, hy sinh các sở thích khác để mà trau dồi tương lai. Học hành đôi khi cũng có cái thú, nhưng chắc chắn ai cũng thích chơi, thích giải trí hơn là cầm cúi cần mẫn học hành. Bằng chứng là có nhiều

người phải đóng bạc trăm bạc ngàn đi học các khóa đặc biệt, mà khi giáo sư cho nghỉ sớm vài phút cũng mừng hóm, sung sướng thấy rõ ra mặt.. Đi học, mà học cho đàng hoàng thì không phải chuyện dễ, không phải nhẹ nhàng, mà học qua loa thì sợ thi rớt, sợ học xong mà không biết gì. Có kẻ hỏi một anh tuổi gần ba mươi rằng: “Anh có muốn trẻ lại như thời mười lăm mười sáu không?” Anh rùng mình mà trả lời : “Không bao giờ, phải đi học lại trung học, đại học, cực quá, thà chết còn hơn.” Khi lớn hơn nữa, thì thêm nỗi lo, nỗi khổ vì tình yêu. Không có người yêu thì cô đơn, buồn khổ. Có người yêu thì lo sợ cuộc tình tan vỡ, lo ghen bóng gió, lo người yêu không trung thành, và buồn khổ vu vơ, lãng nhách. Trong thời trẻ trung, thì tình yêu là đẹp dễ nhất, vui thú nhất, nhưng cũng làm con tim đau đớn nhất và còn có nhiều kẻ đã chết vì tình yêu. Chết mà không hối tiếc chi cả. Không lấy được nhau thì đau khổ đến như trời sập núi tan, mà lấy nhau được thì cũng chiến tranh cãi vã triền miên không ngớt, và chán nản bức bối nhau.

Vợ tôi từ bếp ra ngồi trong phòng khách, để nghe cụ Lê luận về nỗi sướng khổ cuộc đời. Vợ tôi hỏi thêm :

“Vậy khi học xong, có gia đình, có nghề nghiệp, có sức khỏe, là giai đoạn sướng nhất trong đời chứ, thưa bác?

“Ừ, thì giai đoạn đó cũng có sướng, có khổ, chứ không phải sướng nhất như khi vào tuổi già. Anh chị thấy đó, sau khi có gia đình, thì phải làm lụng vất vả nuôi con cái, sống vì đàn con, không còn lý gì đến cái thân mình nữa. Lo dạy dỗ con cái, lo đưa đón, lo bệnh hoạn, lo cho nó ăn học, lo cho nó đừng hư hỏng. Có hạnh phúc, nhưng cũng có nhiều lo lắng. Chưa kể có người vì tình, tiền, danh vọng, mà khổ. Khi còn trẻ, hăng hái, thì ai cũng nuôi tham vọng, muốn giàu sang, muốn nổi tiếng, muốn xa hoa, nên cứ tự dìm mình vào những sinh hoạt khó khăn, làm mất đi những an bình của cuộc sống. Xưa nay đã có nhiều người vì tham vọng mà bỏ vợ, bỏ con, bỏ gia đình, dấn thân vào những nơi xương rơi máu đổ, có khi chết bên chân trời góc bể chẳng ai biết, có khi tù tội rục xương. Không tham vọng nhiều thì ít, ít nhất cũng làm tiền, cất tiền, lo cho bất trắc trong tương lai, lo cho tuổi già. Lo, lo đủ thứ. Có khi vì lo mà phát điên, có khi vì quá lo mà vợ chồng bỏ nhau. Lo nuôi nấng con cái, lo chạy theo danh vọng hão, mà khổ, mà mất đi cái sinh thú ở đời.

“Thế thì theo bác giai đoạn nào trong đời cũng không sướng bằng tuổi già. Làm sao mà sướng được? Bác nói cho cháu nghe với. Tuổi già yếu đuối, bệnh hoạn cô đơn, sướng ở chỗ nào? Vợ tôi hỏi.

Cụ Lê thông thả tiếp:

“Khi đã lớn tuổi, thì con người được nhiều tự do hơn, được thông thả hơn để sống. Không còn phải như em bé bị cha mẹ ép buộc, bây giờ thì muốn làm chi thì làm, muốn thức khuya dậy sớm gì, cũng chẳng còn ai la mắng dọa nạt, rầy la. Nếu vợ vì thương, sợ mất sức khỏe, thì cũng cần nhằn chút chút thôi, mình không nghe thì cũng chẳng bị roi đòn gì. Không còn phải khổ công học tập, lo lắng cho tương lai mai sau, chẳng phải học thêm chi cho mệt trí, biết quá nhiều, biết quá đủ rồi. Nếu đã nghỉ hưu, thì học thêm làm chi. Nếu còn đi làm, thì cũng đã rành nghề, quen tay quen việc, làm việc dễ dàng. Khi già tình yêu cũng không còn là mối bận tâm, không quan trọng quá, chưa nghe báo đăng các cụ già trên dưới sáu mươi tự vẫn chết vì thất tình. Tội chi mà chết vì tình trong tuổi già, vì cũng sắp thấy Diêm Vương rồi, việc chi mà đi sớm hơn.. Khôn quá rồi, chết vì tình yêu là nông nổi.. Đời sống tình cảm của tuổi già êm đềm hơn, ít đau đớn ít sôi động, và bình lặng.

Tuổi già rồi, các ông không còn tính chuyện mèo mỡ lằng nhằng, khỏi phải lo lắng sợ vợ khám phá ra chuyện dẫu diếm mà nhà tan cửa nát. Đỡ tốn tiền quạ cáp, đỡ tốn thì giờ lui tới các nơi bí mật. Hồi hộp, đau tim. Các bà khỏi phải lo chuyện đi đánh ghen, không còn cần phải chăm chút nhan sắc làm chi nữa, vì như chiếc xe cũ rệu, có sơn phết lại cũng xộc xệch, cũng méo mó. An tâm và chấp nhận, thì khỏi băn khoăn mà vui. Cũng có một số ít những cặp vợ chồng già đem nhau ra tòa chia tay, vì khi già cả hai đều trở thành khó tính. Hậu quả của li dị trong tuổi già không trầm trọng như khi còn trẻ, vì con cái đã lớn, đã tự lập, không còn ảnh hưởng nhiều đến tương lai chúng và tương lai của chính mình. Vì còn sống bao lâu nữa mà lo lắng chi cho nhiều. Xa được ông chồng khó tính, độc tài là mừng. Dứt được bà vợ đánh đá, bạc ác là phải sung sướng. Khỏe trí. Tuổi già, cố giữ cho còn có nhau, khi đã đến nước li dị, thì hai bên đều đúng, đều có lý. Đây là hành động tự cứu mình, và cứu người ra khỏi cảnh khổ lúc cuối đời, khi mà mộ bia đã thấp thoáng trước mắt, không còn bao nhiêu ngày nữa. Có điều ít ai nghĩ đến, là càng già, thì càng dễ tìm một người bạn đời để nói lại, để an ủi nhau trong tuổi xế chiều. Vì chung

quanh họ, có thiếu chi người đứt gánh nửa đường. Chồng chết, vợ chết, li dị. Vấn đề là không sao tìm được một người có chung nhiều kỷ niệm, nhiều tình nghĩa, nhiều chia sẻ như người phối ngẫu cũ. Tình già cũng nhẹ nhàng, thông thả, ít khổ đau, ít sôi nổi hơn tình khi còn trẻ trung. Sức lực cũng có còn bao nhiêu mà ghen tương nhau chi, mà lo lắng chi cho thêm mệt, những người lớn tuổi kinh nghiệm và biết rõ như vậy. Nhiều người trẻ, sau khi gia đình tan vỡ thì xuống tinh thần, uống rượu đánh bài tìm quên, đôi khi không phải vì họ quá thương yêu người cũ mà tự hủy hoại đời mình, mà chính vì họ tự thương thân, tự ái bị xúc phạm, và rồi sa lầy vào rượu chè cờ bạc. Người lớn tuổi thì suy nghĩ khác. Họ nghĩ rằng ta cũng đã gần đất xa trời rồi, có sống thêm bao lâu nữa mà sầu khổ cho mệt. Mất củ khoai lang, thì kiếm củ khoai mì bù vào. Tuổi già biết giá trị tương đối của tình yêu nên không tìm tuyệt hảo, không tìm lý tưởng, và nhờ vậy không bị thực tế phũ phàng làm vỡ mộng, đau khổ. Khi già rồi, có ai hỏi tuổi, thì cũng không cần dấu diếm, không cần sụt đi năm bảy tuổi làm chi. Sượng lắm. Vì có sụt tuổi, cũng không dấu được những nếp nhăn, mà chẳng có ích lợi gì. Nếu tự cộng thêm cho mình chừng chục tuổi, thì

không chừng được thiên hạ nức nở khen là còn trẻ, trẻ quá, và họ mơ ước được như mình. Các ông có vợ đẹp, khi lớn tuổi cũng đỡ lo bọn dê xồm dòm ngó, lăm le dụ dỗ vợ mình. Con người, ai mà không nhẹ dạ, ai mà không ưa lời nói ngon ngọt êm tai, ai mà không có khi thiếu sáng suốt. Vợ chồng cũng có khi bất hòa, buồn giận nhau, và những khi này, lòng người dễ chao đảo lắm.. Bởi vậy, các ông đỡ nghe các bà hăm he li dị, hăm he bỏ nhau. Tuổi này các bà cũng thừa khôn ngoan để biết những tên ngon ngọt, hứa hẹn nhiều, thường chỉ là những tên phá đám, chứ không thể tin tưởng được. Đàn bà có chồng hào hoa, đẹp trai, khi lớn tuổi cũng bớt lo, vì các ông cũng bớt máu nóng, bớt chộn rộn và khôn ngoan hơn thời trẻ trung. Biết kiềm chế hơn, và biết rõ giá trị hạnh phúc gia đình cần gìn giữ hơn là chơi ngông. Tuổi già, vợ chồng sống chung với nhau lâu rồi, chịu đựng nhau giỏi hơn, quen với cái thói hư tật xấu của nhau. Không còn thấy khó chịu nhiều nữa. Dễ dung thứ cho nhau, chấp nhận nhau, vì họ biết rõ bên cạnh cái chưa tốt của người bạn đời, còn có rất nhiều cái tốt khác. Vợ chồng, khi đó biết bao nhiêu là tình nghĩa, bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu thân thiết, cho nên hạnh phúc hơn, vui hơn. Tình yêu trong tuổi già

thâm trầm, có thì giờ bên nhau nhiều hơn, chia sẻ nhiều hơn. Cũng có nhiều ông bà già ư a cãi vã nhau, cũng dễ hiểu, khi đó tai của cả hai ông bà đều lảng, người này nói một đường, người kia hiểu nẻo khác, cho nên buồn nhau giận nhau, không gây gổ sao được?

Nói đến đây, cụ Lê xuống giọng nhỏ, chỉ đủ cho tôi nghe thôi, và cụ nói với nụ cười trên môi:

“Tôi biết chắc nhiều phần, những vợ chồng già hay gây gổ nhau, vì thiếu ăn nằm với nhau, thiếu tình dục. Không phải tôi nói đùa đâu. Có tình dục đều đặn, cơ thể sinh sản ra kích thích tố, làm cân bằng tình cảm. Làm con người thấy dễ tính, cởi mở hơn, và ít bực bội hơn. Những vợ chồng trẻ dễ tha thứ dễ bỏ qua cho nhau, vì họ có chuyện đó đều đều. Anh cứ nghiệm mà xem, sau khi ra khỏi giường, các bà vợ thường dịu dàng hơn, tử tế hơn, cho mình ăn ngon hơn. Đừng bảo khi về già các bà hết ham muốn. Sai toét. Các bà sợ chuyện đó, sợ chứ không phải hết ham muốn đâu. Sợ là phải, đau quá mà. Xe chạy lâu ngày khô nhớt máy, làm sao mà chạy được. Mấy ông già thiếu hiểu biết, phải hỏi bác sĩ, có gì mà xấu hổ, ngượng ngùng. Ai mà chẳng làm chuyện đó, che dấu làm chi.

Một ống thuốc nước trơn, chỉ có mấy đồng bạc mà mua được vạn cái hạnh phúc gia đình. Chuyện này mà nói ra, có người cho là thiếu thanh lịch. Tôi ghét bọn đạo đức giả, vừa ngu xuẩn, vừa ích kỷ. Đừng quá lộ liễu, đừng quá lố lăng thì thôi. Tại sao chuyện tốt, hiểu biết ích lợi cho cuộc sống con người, mà phải dấu diếm? Tôi tin rằng, người Mỹ thì mười người, có đến tám, biết chuyện thuốc thang này, còn người mình, thì mười người, may ra chỉ có hai ba người biết mà thôi.

Vợ tôi không nghe được lời cụ Lê, quay qua hỏi:

“Bác nói gì làm thắm nhỏ quá, cháu không nghe được.

Cụ Lê cười khà khà đáp:

“Chuyện tào lao ấy mà. Đàn ông nói riêng cho nhau nghe thôi.

Cụ cười, nháy mắt với tôi, rồi đổi giọng lớn hơn, nói tiếp:

“Tuổi già, thì tất cả mộng ước điên cuồng của thời trẻ trung đã tan vỡ, đã lắng xuống, không còn kích động trong lòng, không còn thao thức nhức nhối. Họ biết sức mình đến đâu, và không tội chi mà ôm cao vọng cho khổ thân. Họ còn biết thêm rằng, nếu những cao vọng điên cuồng ngày xưa mà có thành đi nữa, thì e cũng chỉ là hư

không, chẳng đáng gì.. Khi tuổi già, thì biết khôn ngoan mà an phận, biết vui với bình thường.. Biết đâu là hạnh phúc chân chính. Nhiều người già rồi mới tiếc suốt một thời son trẻ không biết sống, phí phạm thời gian theo đuổi những huyễn mộng, làm đau khổ mình, làm điêu đứng người khác. Tuổi già, vui khi thấy mình hết nông nổi, nhìn đời bằng cái tâm tĩnh lặng hơn. Ai khen không hớn hở mừng, ai chê không vội vã hờn giận. Vì biết rõ mình không có gì xuất chúng để thiên hạ khen nịnh. Và biết mình cũng có nhiều cố tật không chữa được, đáng chê. Chê thì chê, khen thì khen. Khen cũng thế, mà chê cũng thế, thì ta vẫn là ta, là một kẻ già, đáng được khoan thứ hơn là trách móc. Lúc này, không còn muốn làm giàu, không bị con ma tham lam thúc bách để kiếm và tích trữ cho nhiều tiền nhiều bạc. Con cái cũng đã lớn, không phải chi tiêu nhiều thứ, thì tiền bạc, chỉ cần đủ sống thôi, cũng là thỏa nguyện. Họ cũng không cần se sua, tranh hơn thua với ai, tinh thần họ vui vẻ, dễ chịu và khỏe khoắn hơn.. Mỗi lo âu về tài chánh cũng nhẹ gánh. Bởi khi đó, nhiều người đã tích trữ được một số tiền nhỏ. Nhà cửa cũng đã có. Nợ nhà, nợ xe cũng ít đi, hoặc không còn nữa. Con cái cũng đã lớn, không còn là gánh nặng cho mình. Chúng nó đã có nghề

nghiệp, đã làm ăn được. Chắc chắn tương lai chúng khá hơn mình nhiều. Người già không chi tiêu nhiều, ăn cũng ít đi rồi, chơi cũng không còn phung phí đại dột như tuổi trẻ. Khi già, thời gian mới là thực sự của mình, vì không còn phải chạy ngược chạy xuôi kiếm sống nữa. Không còn bị bó buộc bởi trách nhiệm bốn phận. Có thể ngồi mơ mộng hàng giờ trên ghế đá công viên, thưởng thức thiên nhiên tuyệt thú, có thể tìm được an bình tuyệt đối, không như thời còn trẻ, đi nghỉ mát, mà thỉnh thoảng cũng bị công việc nhà ám ảnh, nhắc nhở. Tuổi già về hưu, là một mong ước của gần như của tất cả mọi người. Nhiều người gắng làm sao kiếm cho nhiều tiền để được về hưu sớm hơn. Nhiều thanh niên, ngày về hưu còn xa lắc, xa lơ mà vẫn mơ ước. Người Mỹ, trẻ già chi cũng nghĩ đến hưu trí. Hưu trí trong tuổi già là một phần thưởng của tạo hóa, của xã hội. Cho sung sướng, nghỉ ngơi. Già là nghỉ ngơi, là khỏe khoắn. Mỗi buổi sáng nằm dài trên giường, sáng nào cũng là chủ nhật trong tuần, muốn dậy lúc mấy giờ cũng được, muốn nằm cho đến trưa đến chiều cũng không sao. Nằm thoải mái, không ai chờ, ai đợi, không có việc gì gấp gáp phải làm, ngoại trừ cái bụng tiểu nó thúc dục, không cho mình nhịn lâu thêm được

nữa..Thế thì sao mà không sung sướng. Nếu chưa về hưu, còn đi làm việc, thì cái tâm của người lớn tuổi cũng nhẹ nhàng, ít bị những sức căng, bị áp lực đè nén. Vì tài chánh cũng quan trọng, nhưng không quá quan trọng đến nỗi khi thất nghiệp thì mất xe, mất nhà, mất vợ mất con như những người còn trẻ. Khi này, nhiều thứ trong cuộc sống đã ổn định, nhu cầu tiền bạc cũng không quá nhiều. Vả lại, già rồi, kinh nghiệm công việc nhiều, cho nên giải quyết mọi sự trong dễ dàng, thông thả. Bạn đồng sự cũng có chút nể nang, phần vì tuổi tác, phần vì kinh nghiệm. Có trường hợp, còn có việc thì tốt, mất việc thì mừng hơn, vì có lý do chính đáng để về hưu cho khỏe. Vì nếu việc có hoải, việc lại dễ dàng, thì tiếc, không muốn về hưu. Tuổi lớn, không cần thăng tiến, không cần đua chen với ai, cho nên tinh thần thoải mái, được bạn bè chung quanh thương mến hơn. Những người về hưu rồi, trở lại làm việc, thì đi làm, như đi chơi, chứ không phải “đi cày” như nhiều người khác quan niệm. Vui thì làm tiếp, chán thì về nhà nghỉ ngơi. Người lớn tuổi, thì sức khỏe xuống, bệnh hoạn ồ ạt đến tấn công, không ai thoát khỏi bệnh hoạn. Nhưng họ lại cảm được cái sung sướng của một ngày khi bệnh thuyên giảm. Một ngày khi cảm thấy gân cốt ít

nhức mỗi hơn, dễ chịu trong từng khớp xương hơn. Người trẻ đâu có thấy được những nỗi sung sướng này? Vì họ chưa kinh nghiệm, chưa trải qua, nên chưa biết. Họ có sức khỏe, nhưng họ không biết đó là sung sướng, cho nên, xem như chẳng có giá trị gì. Anh chị xem, nếu anh chị có một tảng ngọc to bằng cái bàn nằm trong vườn, mà anh chị không biết đó là chất ngọc, thì không biết quý, không biết mình sung sướng có tảng ngọc, mà chỉ quý và sướng vì viên ngọc nhỏ xíu nằm trên chiếc nhẫn mà thôi. Có người viết sách rằng, tuổi già, buổi sáng ngủ dậy, nghe xương cốt đau nhức mà mừng, vì biết mình chưa chết. Tôi thêm rằng, biết mình còn sống là mừng, biết mình đã chết nhẹ nhàng, càng mừng hơn.... Đây anh chị có nhớ câu chuyện Thượng Đế khi đuổi tổ phụ loài người là ông Adam và bà Eva xuống trần gian, có chỉ mặt mà phán: "Từ nay chúng mi phải đổ mồ hôi trán mới có hạt cơm vào mồm". Đó là câu nguyên rủa độc địa nhất, là lời phán ý nghĩa nhất, là con người phải sống trong nhọc nhằn. Sách Phật cũng có viết đời là đau khổ, và tu để tránh khổ. Đó, đời này đáng sống lắm, nhưng cũng nhiều khổ đau lắm. Bởi vậy nên tôi nói, được sống là mừng, mà được chết, cũng mừng. Tôi đi đám ma ông bạn già, thấy

gia đình khóc lóc, rên rỉ thảm thương, con cháu mếu máo kể lể. Tôi cười trong bụng, nghĩ rằng bọn này không biết luật của tạo hóa. Có sinh thì có diệt. Chúng nó muốn thân nhân của chúng sống đời đời sao? Biết đâu chết là khởi điểm của một cuộc rong chơi. Này, tôi đọc cho anh chị nghe một đoạn thơ của anh bạn tôi:

Tôi đi trước, hẹn gặp nhau ở đó

Ai thay da mãi mãi sống muôn đời ?

Kẻ trước, người sau xếp hàng xuống mộ,

Biết đâu là khởi điểm cuộc rong chơi

Khi tuổi già, thì xem cái chết như về.. Ai không phải chết mà sợ. Sống qua khỏi tuổi năm mươi, là đã lờ lẫm. Tuổi trung bình của con người trên thế giới này chưa được con số năm mươi. Thì mình nên tự xem như được sống thêm đời thứ hai. Đời trước đã hoàn tất, có cả khổ đau lẫn hạnh phúc. Đời sau này, thì chắc chắn là sung sướng hơn hạnh phúc hơn đời trước. Vì đã từng trải, đã gom được kinh nghiệm của đời trước, để thấy đâu là hạnh phúc chân thật, đâu là phù du huyền ảo.. Chết là về.. Nhưng chỉ sợ không về được đến nơi đến chốn, mà như chiếc xe hư máy dọc đường. Làm khổ chủ xe, bắt nằm liệt mê man, không sống mà cũng không chết, đó mới là cái đáng sợ. Tôi biết

vậy, nên đã làm di chúc, khi nào tôi bị mê ba ngày, thì xin rút ống cho tôi đi. Đi về bình an. Này, anh chị nghĩ sao về ông bác sĩ mà người ta đặt cho tên là bác sĩ tử thần? Già rồi tôi không nhớ rõ tên, hình như ông ta tên là “Ker-Vô-kien” phải không? Cái tên gần gần như vậy. Theo tôi, thì ông này là một vị Bồ Tát, cứu độ cho chúng sinh mau qua khỏi khổ đau, để bị ra tòa, bị tù tội. Chỉ có cái tâm Bồ Tát thật lớn mới làm được việc đó. Tôi cố tìm một cái ảnh ông ta để thờ sống, mà không có. Tôi nghĩ, trong tương lai, luật pháp sẽ không ngăn cấm việc cho người đau đớn ra đi sớm hơn, vì đảng nào cũng chết, tại sao phải kéo cái đau đớn ra dài hơn mới được chết. Trừng phạt người ta hay sao? Trong tuổi già, người ta biết ơn sự nhiệm màu của tạo hóa. Có bộ máy nào, không phải là gang thép, bạch kim, mà chạy một mạch sáu bảy chục năm không ngưng nghỉ, mà vẫn còn hoạt động như quả tim, buồng phổi, trái thận, cái bao tử, não bộ. Có hệ thống ống dẫn nào hoạt động sáu bảy chục năm mà chưa thay thế như các mạch máu của hệ thống tuần hoàn. Thì dù có rò rỉ van tim, chất mỡ đọng nghẹt trong vài ba mạch máu, thì cũng là sự thường tình, và mừng là còn sống, còn sinh hoạt được. Dù có phải liên liên đi vào cầu tiểu mỗi ngày nhiều

lần, thì họ vẫn sung sướng là cái vòi xài mấy chục năm mà vẫn chỉ mới rò rỉ sơ sơ. Mấy cái vòi nước trong nhà, bằng kim khí cứng, không rỉ sét, thế mà năm bảy năm đã phải thay rồi.”

Buổi trưa, tôi lái xe mời ông bà cụ Lê đi ăn tiệm. Đi qua khu phố có nhiều tiệm Việt Nam, khách bộ hành đông đúc tấp nập. Tôi để ý thấy cụ cứ ngấm nhìn những người đàn bà con gái trên đường. Tôi hỏi nhỏ cụ:

“Bác cũng còn thích nhìn đàn bà đẹp? Thế là trái tim bác còn trẻ lắm đó.. Bác nhìn họ, với tâm trạng nào?”

Cụ Lê cười và nói tự nhiên:

“Mình nhìn họ, như ngấm một bức tranh nghệ thuật. Thường thức một vẻ đẹp thiên nhiên của trời ban cho thế gian. Ngấm nhìn cái đẹp, không có gì là sai trái cả. Chỉ khi nào nhìn, rồi trong lòng mình nảy sinh ra tư tưởng gian tà, đen tối, ham muốn, thì khi đó mới đáng trách. Có ai kết án một người thường thức bức tranh Vệ Nữ không? Chắc là không.”

Tôi nói nhỏ :

“Nhưng nếu có điều kiện cho phép, bác có muốn “gần gũi” với những người đẹp đó hay không? Có còn đủ sức không?”

“Này, tôi nói cho anh biết, có ai cho tôi lái chiếc xe đời mới, tân tiến, tôi cũng không khoái bằng khi lái chiếc xe cũ, cổ lỗ sĩ của tôi. Vì đã quen tay lái, quen nhịp máy, quen tốc độ, quen sử dụng, thì mình thấy thoải mái và dễ dàng hơn chứ. Lái chiếc xe lạ đâu thích bằng lái chiếc xe quen thuộc của mình. Anh có đồng ý không? Tắm ao ta vẫn khoái hơn tắm ao người chứ !”

Cụ Lê cười, tôi cười theo. Cụ bắt lại câu chuyện cũ:

“Bây giờ anh đã đồng ý với tôi rằng tuổi già là thời gian sung sướng nhất chưa? Nếu ai già, mà không biết tuổi già là sung sướng, thì lỗi tại họ. Họ có cái sướng, cái quý, mà họ không biết hưởng.” ./.

Vợ Hiền

Chuyện kể của ông Hùng:

Vợ tôi không phải là một người đàn bà có nhan sắc khuynh nước đổ thành. Bởi tôi, vốn tài mạo tầm thường và cũng không có nhiều may mắn bất ngờ để lọt mắt xanh những cô có nhan sắc chim sa cá lặn. Vả lại tôi cũng thường nghe bố tôi tuyên truyền nhồi nhét trong cái đầu từ nhỏ rằng, đẹp đến mấy rồi cũng trở thành méo mó xấu xí, và vợ đẹp là vợ người ta. Vợ tôi cũng không có tài ba xuất chúng, bởi tôi vốn nể sợ và có thành kiến với những người đàn bà tài giỏi, vì họ thường kiêu ngạo và hay thành độc tài vợ trị. Độc tài đảng trị thì có thể bỏ nước chạy ra biển chết, chứ độc tài vợ trị thì không chạy đâu cho thoát cả. Vợ tôi chỉ là một người đàn bà trung bình trên tất cả mọi mặt. Với một vóc dáng tầm thường bên ngoài, không vêu vao xấu xí khó nhìn. Bên trong nang mang một tấm lòng hiền hậu, bao dung, biết hành xử khôn ngoan khéo léo, để đem lại cho gia đình

hạnh phúc êm ấm lâu bền mà tôi vô cùng biết ơn mỗi khi nghĩ đến. Trong nhiều năm chung sống, chưa bao giờ nàng nặng lời với tôi, chưa bao giờ có cử chỉ hay ngôn ngữ thiếu lịch sự, cũng chưa lần khóc lóc giận hờn đòi hỏi điều này điều kia, hoặc đặt điều kiện làm khó, hay so đo chuyện nhà với gia đình người khác. Ngoài tình cảm thấm thiết chia sẻ của vợ chồng, nàng âu yếm như một người tình, khoan dung rộng lượng như một người mẹ và hiểu biết như một người tri kỷ.

Năm tôi hai mươi tám tuổi, mẹ tôi nóng ruột thúc hối ép tôi lập gia đình. Bà đưa cái công thức cổ xưa của mấy ông Tàu bày ra là "tam thập nhi lập." Tôi cũng chưa đến ba mươi, mẹ tôi cứ gán đại thêm cho hai tuổi để bề nói ép uống. Tuổi đó, thích được quen nhiều bạn gái, bạn thôi thì được, nhưng nghe đến chuyện hôn nhân là xanh mặt. Vì qua kinh nghiệm bạn bè, kinh nghiệm giao tiếp trong sở, tôi thấy đa số mấy anh có vợ rồi thì dường như bị khép chặt trong cái vòng chuyên chính của bà vợ nhà. Cái vòng tuy lỏng lẻo và êm ái, nhưng bằng sắt, rất chặt và siết cứng. Một anh bạn thân, lâu lâu giận vợ, đến nhà tôi ở lại, nằm rũ ra trên giường như đồng mền rách rầu rồi nói với tôi. 'Tao chỉ

mong có được một ngày an bình, sung sướng như mây, một ngày thôi cũng đủ.” Nghe thế thì không sợ sao được? Trong sở tôi, có mấy anh bạn bị vợ cào rách mặt và phải lấy có là dao cạo râu cắt. Ai cũng biết chuyện gì đã xảy ra, vì mặt mây các anh lằng lầy, trơn tru, có sợi râu nào đâu mà phải cạo cho dao cắt! Một ông lớn tuổi khác, vợ vào tận sở xé áo và kêu bằng mây tao, còn tố cáo ông mang bằng kỹ sư giả bên Pháp về. Nhan nhản những tấm gương gia đình u ám trước mắt như vậy, thì chỉ có ngu quá hoặc liều mạng mới không sợ mà thôi.

Tôi khát lần mãi không được, phải bẽn lễn theo mẹ, đi ra mắt, và xem mặt nhiều cô con gái các gia đình mà bà quen biết. Tôi theo lời dạy của một anh quân sư quạt mo, cứ mang bộ mặt đưa ma đến nhà người ta và ăn nói nhát gừng cộc lốc, thì không ai muốn gả con gái cho, và các cô thấy vậy thì cũng ớn lạnh mà dạt ra. Thế mà cũng có nhiều nhà khen tôi hiền lành, ít át, muốn gả con gái cho. Tôi tìm đủ lý do nói riêng với mẹ để chê bai, từ khước. Cô thì chê mặt dài, cô thì chê mũi lớn, cô khác chê mắt có đuôi, cô thì mồm như có râu. Toàn cả những lý do vu vơ. Mẹ tôi phiền muộn thở dài, vì biết con trai bà cũng chẳng có sự nghiệp gì sáng giá, chẳng có một

phong cách đặc biệt nào, mà đòi hỏi quá đáng chẳng?

Không nỡ để thấy mẹ buồn, tôi đem Lam, người bạn gái thân thiết nhất về giới thiệu với mẹ, bà vui vẻ chịu ngay. Bà khen Lam láu lỉnh, bắt thiệp và xinh đẹp. Mẹ tôi đến thăm xã giao nhà Lam hai lần để dò xét gia thế, và quyết liệt chống đối cuộc hôn nhân, lấy lý do là mẹ Lam dữ dằn và có cách cư xử thiếu lễ độ với chồng. Tôi nói: “Con cưới Lam chứ cưới bà ấy đâu mà mẹ sợ?”. Mẹ tôi nhất quyết tin rằng, mẹ hổ thì khó sinh được con cừu. Vì cách đối xử của cha mẹ, ảnh hưởng đến tính tình con cái. Cha mẹ dữ dằn, con cái khó mà hiền lành được, vì ngày ngày học cách ăn nói, cách đối xử, tiêm nhiễm những thói quen của cha mẹ, và đem ra xử sự với đời, mà không biết đó là xấu. Tôi cố bào chữa cho Lam, nhưng mẹ tôi đã nhất quyết, không lay chuyển được. Bà nói: “Mẹ thương con, mẹ không muốn sau này con khổ vì đời sống gia đình thiếu hạnh phúc. Vì không có gì khổ bằng có vợ dữ dằn, hỗn láo, có thể làm người chồng buồn phiền sinh ra rượu chè, cờ bạc, trai gái hư hỏng. Mẹ thương con, lo cho tương lai con nên mẹ không chịu”. Tôi định nói với mẹ rằng, con trai của mẹ cũng chẳng hiền lành chi, mà chê thiên hạ. Nhưng sợ mẹ

buồn nên im lặng. Mẹ của Lam biết được ý kiến của mẹ tôi, nổi tự ái, nói nhiều lời tàn nhẫn, tổn thương đến gia đình tôi, và tuyên bố không bao giờ gả Lam cho tôi.

Khi bị trắc trở, ngăn cấm thì tình yêu càng thêm tha thiết bốc lửa, và hai đứa tôi càng quyết vượt qua hàng rào ngăn cản của gia đình. Muốn sống cho nhau, và sống chết vì tình yêu.

Một lần chịu ý mẹ, tôi miễn cưỡng đi xem mặt một cô mà mẹ tôi gọi là gia đình phúc hậu đang hoàng. Tôi chẳng tha thiết gì, chỉ giữ đủ lịch sự tối thiểu để cho mẹ khỏi mất mặt. Lần đó Lam biết được, nàng giận dữ xỉ vả tôi: “Anh là một thằng đểu cáng, xấu xa đê tiện, một kẻ hèn nhát núp váy mẹ, không dám làm gì cả. Anh không xứng đáng với tình yêu của tôi.” Tôi nghe mà bàng hoàng, như bị sét đánh. Hai đứa giận nhau. Tôi chợt nhớ tới lời nhận xét của mẹ, và thấy bà cũng có lý phần nào. Nhưng tim tôi vẫn nát tan xót xa vì chuyện tình đổ vỡ. Ngay sau đó, Lam có người yêu mới là Tuấn. Tuấn cũng là trong đám bạn bè quen biết lâu dài với tôi, tính tình Tuấn hiền lành, chịu đựng, và Tuấn đã bền bỉ theo đuổi Lam từ lâu. Năm sau, tôi đi dự đám cưới Tuấn, Lam với trái tim vỡ nát, nhưng cũng vui mừng vì Lam lấy được chồng

hiền lành và đàng hoàng có thể bảo đảm đời sống tinh thần vật chất cho gia đình sau này. Tôi thật tình nghĩ rằng, tôi không bằng được Tuân về nhiều mặt. Lam bỏ tôi là phải.

Mẹ tôi làm như lấy vợ cho bà, cứ khóc lóc thúc dục mãi. Tôi tâm sự với một người bạn cũ. Anh cười và nói : “ Hay là cậu thử tìm hiểu Mai, em gái tôi xem sao. Nó cũng sẵn có cảm tình với cậu đó. Mai hiền lành lắm”. Được bạn khuyến khích, tôi bắt đầu tìm hiểu Mai. Nàng không đẹp, không xấu, chăm chỉ, hiền lành. Trước đây, đến nhà bạn chơi, tôi chỉ thấy Mai thấp thoáng đâu đó sau bàn học, hoặc lảng lảng rút lui sau khi cúi đầu chào lễ phép. Dẫn Mai đi chơi, tôi không tìm hiểu được chi nhiều về Mai, vì nàng quá thụ động, khi nào cũng nhẹ nhàng chịu đựng, ít đưa ý kiến riêng. Khi hỏi ý, nàng thường bảo: “Dạ, anh cho em đi đâu cũng thích cả, anh vui thì em cũng vui”. Tôi đem nhận xét về cái hiền lành của Mai nói với một người bạn. Anh cười hô hố và nói: “Trời ơi, khi mới quen thì em nào mà không hiền lành như thánh mẫu, dịu dàng như tiên cô. Khi cưới về thì cái đuôi dài thòng mới lòi ra, và dữ như chằn tinh. Em nào cũng vậy cả.” Tôi hỏi thẳng anh của Mai, anh trả lời: “Con nhỏ hiền lành, biết nhường nhịn và rất dịu dàng. Cậu có phước lắm mới gặp

nó. Không phải vì nó là em gái mà tôi khen đâu."

Mẹ tôi đến thăm gia đình Mai nhiều lần, khen mẹ của Mai phúc hậu, hiền lành, cư xử lịch sự, phải phép với chồng. Bà nghĩ rằng, nhất định Mai cũng học được nề nếp gia đình của mẹ, không nhiều thì ít. Bà thúc tôi làm đám cưới ngay. Tôi xin hoãn một thời gian để tìm hiểu thêm, mẹ không chịu, và bảo: "Lấy vợ thì lấy liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha." Tôi nói rằng, nếu nghe được lời dèm pha đúng, thì cũng là điều tốt, mình khỏi phải xét đoán lắm người. Mẹ tôi lại giảng cho tôi rằng, chín mươi phần trăm cách cư xử của con cái là do ảnh hưởng sinh hoạt tốt xấu của cha mẹ. Cha mẹ gieo vào đầu con cái thứ tư tưởng nào, thì nó sẽ hành động theo lối đó. Thương mẹ, tôi tạm quên kinh nghiệm ghê gớm trong đời sống gia đình của bạn bè và đồng sự, liềm thân lấy vợ cho mẹ vui lòng. Có một ông bạn bảo rằng, lại thêm một thằng đàn ông ngu muội đi vào vết xe đổ nghìn năm của nhân loại.

Tôi cưới Mai, nàng như cái bóng dịu hiền bên tôi. Tôi thấy mình tan loang vào tình yêu êm đềm, và chợt nhận ra đời sống gia đình êm ái, thoải mái và hạnh phúc hơn nhiều lần đời sống độc thân. Không thấy gò bó tù

túng trong dây ràng buộc của gia đình như nhiều người thường bảo. Mai lo lắng cho tôi những thứ cần thiết lặt vặt trong cuộc sống bình thường, bổ khuyết cho tôi những thiếu sót, dịu dàng an ủi tôi những khi lo buồn. Tôi nói với vợ: “Anh ngu quá, biết lấy vợ mà sung sướng hạnh phúc như thế này, thì đâu để độc thân đến gần ba mươi tuổi. Uống thật.” Những khi chúng tôi có ý kiến trái ngược, Mai dịu dàng phân tích thiệt hơn cho tôi nghe, rồi để cho tôi quyết định. Sau khi quyết định xong, dù có trái ý nàng, Mai cũng vui vẻ cố gắng giúp tôi hoàn thành công việc. Không như các bà khác, những lúc chồng làm trái ý, thì các bà mong cho ông chồng thất bại để chứng tỏ ý kiến của bà là đúng, là hay. Mai thường nói: “Thuận vợ thuận chồng tát nước bể Đông cũng cạn. Nếu ai cũng khăng khăng giữ ý của mình, thì chẳng làm nên được việc gì cả.” Cũng có khi quyết định của tôi sai lầm, đưa đến kết quả không tốt. Những lúc này, Mai thường hết lời dịu dàng an ủi tôi, và cho rằng tôi không có lỗi gì cả, vì ai cũng có thể sai lầm, và Mai cho rằng nàng cũng có một phần lỗi, vì chưa tận tình giúp tôi đầy đủ ý kiến để làm quyết định. Từ đó, tôi cảm thấy mình phải lắng nghe ý kiến của vợ nhiều hơn. Tôi nghĩ, nếu những lúc này mà Mai dằn vặt,

nặng nặc buộc tội tôi, thì chưa chắc tôi đã thấy mình lầm lỗi. Mai không như một số đàn bà khác, đúng hay sai cũng đổ lỗi cho chồng, và những khi chồng thất bại trong đời, là cái dịp cho các bà chê bai, mai mỉa, nói những lời tàn nhẫn. Ngoài xã hội, có những lúc tôi vô tình hoặc thiếu may mắn, gây nên những sai lầm với người khác, Mai tự đứng ra, gánh vác hết trách nhiệm thay tôi. Tự ái đàn ông, đâu cho phép tôi để vợ gánh vác trách nhiệm thay mình. Tôi thấy thương và quý vợ nhiều hơn. Mai bảo : " Chuyện nhỏ, để em gánh vác giúp, anh để tâm trí làm những việc khác ích lợi hơn." Tôi thầm nghĩ, tôi thì làm chi có việc lớn mà gánh vác .

Những năm mới lấy nhau, tài chánh gia đình khó khăn, đắp trước bù sau hàng tháng. Áo quần đơn sơ, ăn uống dè xẻn. Thế mà Mai bao giờ cũng vui vẻ, chưa bao giờ nghe Mai thở than hoặc so sánh với các bạn bè khác. Nàng thường nói: "Chúng ta nghèo vật chất, nhưng giàu hạnh phúc, tinh thần thanh sạch, thế là đủ. Đời sống biết đủ là đủ."

Chính vì Mai không than thở, nên tôi thấy mình có trách nhiệm nhiều hơn về tài chánh gia đình. Buổi chiều về, tôi đi dạy thêm cho các lớp đêm. Ngày nghỉ, tôi mở lớp dạy kèm luyện thi cho từng nhóm nhỏ. Tài chánh

gia đình nhờ đó mà dồi dào hơn, có thêm tiền, nhưng Mai không vui, mà chỉ lo cho tôi thiếu sức khỏe sinh bệnh hoạn.

Năm đó, tôi không chịu theo bè cánh với nhóm tham nhũng, chúng đày tôi về một tỉnh nhỏ xa xôi. Tôi buồn phiền lắm. Không đi thì không được, đi thì bỏ hết công chuyện làm ăn riêng tư. Mai khuyên tôi nhẫn nại, và gắng tìm vui trong hoàn cảnh mới. Khi chúng tôi về tỉnh nhỏ, Mai thường an ủi và nâng đỡ tinh thần tôi, đặt mua các thứ sách báo tôi thích, để giải trí và quên đi phần nào nỗi buồn nơi tỉnh nhỏ. Mai xin được việc ở một nhà dạy trẻ, để phụ thêm kinh tế cho gia đình. Mỗi ngày, Mai thường đọc báo, và khoanh cho tôi các bài hay, các tin tức cần thiết. Nàng ghi danh cho tôi học ở Đại học Luật khoa Sài gòn, mua bài gởi về tỉnh. Nàng đọc và làm tóm tắt từng bài học, ghi các ý chính của từng đoạn vào bên lề giấy. Nhiều đêm trước khi đi ngủ, Mai đọc bài cho tôi nghe, và nói lại đại cương của vấn đề. Ban đầu, tôi chịu vợ mà nghe những bài học khô khan đó. Nghe lơ là, không quan tâm lắm. Nhưng về sau, tôi thấy cũng hiểu được nhiều điều hay của luật pháp, kinh tế, các vấn đề xã hội khác. Tôi thành chăm chỉ. Nhờ vậy mà ngày tháng ở tỉnh lẻ thành bận rộn trong êm đềm. Sau bốn năm, hai vợ

chồng đều tốt nghiệp cử nhân Luật khoa và tôi xin chuyển ngành. Tôi thường nói đùa với bạn bè rằng, vợ tôi là giáo sư duy nhất mà tôi theo học trong chương trình cử nhân luật khoa. Tôi thật sự khâm phục vợ, vừa đi dạy trẻ kiếm thêm tiền, vừa chăm sóc con cái, nấu nướng, và học bài, ôn bài cho tôi mà khi nào cũng vui vẻ, dịu dàng, không than phiền, kêu ca.

Khi chạy vội về Sài Gòn vào năm 1975, chúng tôi mất tất cả, trở thành trắng tay. Tôi lo lắng và muộn phiền lắm, nhưng nhờ thái độ trầm tĩnh và chịu đựng của Mai mà tôi bớt bối rối. Trước ngày miền Nam sụp đổ, chúng tôi bàn nhau là nên ở hay đi. Ý Mai thì nên đi để bảo toàn tính mạng cho gia đình, khi yên ổn thì quay trở về cũng chẳng mất mát gì. Phần tôi thì vì yêu mến quê hương một cách lãng mạn, quyết ở lại, muốn cùng chia xẻ khổ đau, sống chết cùng quê hương. Chủ nghĩa đối với tôi không quan trọng, tôi nghĩ chính thể nào cũng thế thôi, cũng cùng là người Việt, cùng giòng giống tổ tiên, thì việc gì mà phải bỏ chạy? Tôi đã lầm to. Thảm họa trùm xuống khắp miền Nam. Đau khổ, lao tù, đói lạnh, đè nén, áp bức. Tôi cũng ôm gói đi tù như mọi bạn bè. Trong tù, tôi vô cùng ân hận về quyết định sai lầm, để thân xác mình bị tù đầy, để

vợ con bơ vơ, đau khổ, đói rách, không vốn liếng không tài sản. Ba tháng sau khi tôi đi tù, Mai thấy chồng chưa được thả về, đã xoay xở rất mau. Nàng mua áo quần cũ, cắt ra may thành áo quần trẻ em đem bỏ mồi bán tại các chợ trời hè phố. Đêm nào cũng may đến mười hai giờ khuya. Một mình nuôi chồng tù tội, nuôi con thơ dại, ngược xuôi trong cuộc đời. Những năm tháng nằm tù, có nhiều thì giờ suy nghĩ, tôi mới sâu sắc nhận ra mình mang ơn vợ quá nhiều. Tình cảm nàng dành cho tôi tràn đầy dịu dàng, bao dung, âu yếm và hy sinh. Tôi biết mình là kẻ có phước được vợ hiền.

Bằng tiền bạc, Mai mua chuộc được tên cán bộ cai tù, cho nó một cái đồng hồ, hứa hẹn cho thêm cái đài (radio) và hứa thêm khi tôi được thả về, sẽ cho một chiếc xe đạp. Đó là ba niềm ước mơ cao sang của nhân dân anh hùng miền Bắc dạo đó : “Đạp, đồng, đài” , ai có ba thứ này thì được xem như tốt đỉnh giàu có. Thanh niên có đủ "đạp đồng đài" thì có thể cưới bất cứ cô gái nào trong xứ. Tên cai tù đã tiếp tế cho tôi thuốc men, mì gói và các thức cần thiết, và phục vụ tôi như một tên đầy tớ trung thành. Nhờ thuốc từ gia đình, tôi thoát chết qua hai lần bệnh nặng không hy vọng sống sót. Sau này, gã cai tù tội nghiệp

đã trở thành kẻ chịu sự sai khiến của tôi trong trại cải tạo. Tôi đã sai nó mua cho anh em nhiều thứ cần thiết, bí mật đưa tin tức về cho gia đình. Trong thời gian tôi đi tù, một người bạn cũ của ông anh Mai, trước kia có theo đuổi nàng , sau vào bưng biền theo cộng sản, hắn đã đến viếng thăm và nói xa gần, rằng muốn giúp đỡ nếu Mai chịu hắn. Hắn sẽ xin việc làm cho Mai và sẽ tìm cách bảo lãnh cho tôi. Mai đã khéo léo nói cho nó bỏ đi và về sau tránh tiếp xúc.

Khi tôi được ra tù, thể xác tiêu tụy, tinh thần suy nhược, đời sống bất ổn, bị đe dọa thường trực. Hàng tuần bị tên công an khu vực đến thúc dục đuổi đi về vùng kinh tế mới, và nói lời hăm dọa. Tôi nản lòng bàn với Mai để dọn về vùng kinh tế mới cho yên thân. Nàng đã khôn ngoan giải thích rằng, bằng mọi giá phải bám vào thành phố, để sống còn và để bớt bị độc tài áp bức, bớt khổ nhọc vì cái u mê của chế độ hành hạ. Nàng thường khuyên tôi :”Mình hãy xem cuộc đời này như một trò chơi không vui, đừng quá quan tâm đến những gì xảy ra cho mình, cho thiên hạ chung quanh. Những đau khổ mà mình đang chịu đựng cũng là một thứ thử thách, làm cho mình lớn thêm lên, trưởng thành hơn, và cứ vui với những gì nhỏ nhoi nhất có thể có trong

thời gian này. Không xấu xa nào có thể tồn tại mãi mãi được, ánh sáng tương lai sẽ có ngày chiếu rọi trên quê hương.” Mai đã an ủi, khuyên nhủ và dịu dàng dắt tôi đi qua quãng đời đau khổ trong chế độ lạ lùng vô nhân kỳ quái này. Chúng tôi bữa đói bữa no dắt nhau đi trong đời sống mịt mù của xã hội chủ nghĩa trá hình. Khi tôi ngỏ ý tham gia một tổ chức phục quốc chống lại chính quyền cộng sản trong thành phố, thì Mai đồng ý ngay. Nàng nói: “Chúng ta đã vất súng đầu hàng, chỉ mong được bình yên sống và góp phần dựng xây lại quê hương. Những kẻ chiến thắng dọa dẫm nhân dân xuống vực thẳm. Không cho ai yên sống. Chính họ đã buộc chúng ta đứng dậy, cầm lại súng. Việc đáng làm thì phải làm. Nếu ai cũng trốn tránh cả, thì đau khổ này biết bao giờ dứt được ?. Nhưng phải thận trọng để khỏi phí thân làm việc dã tràng.”

Cùng với bạn bè cũ mới, chúng tôi tổ chức mua súng, liên lạc với các nhóm kháng chiến khác. Ra một tờ báo bí mật chuyển tay. Mai đã ngược xuôi giúp đỡ chúng tôi, mang tin tức, chuyển vận hàng hóa. Chúng tôi mơ mộng một ngày ánh sáng tự do chiếu rọi trên quê hương, trở lại đời sống không áp bức kẹp kềm.

Một vài người trong nhóm bắt cần, tổ chức bị đổ bể, đa số anh em bị bắt. Tôi chạy thoát được với cái áo có nhiều lỗ đạn bắn thủng bên hông. Mai nhờ người nhấc tôi bình tĩnh chờ nàng sắp đặt.

Nàng vay mượn và bán hết đồ đạc trong nhà, đóng tiền cho tôi bí mật vượt biên. Ngày chia tay, Mai rất bình tĩnh, mà tôi thì trong lòng nhũn ra vì yếu mềm, cố cầm dòng nước mắt cho khỏi tuôn trào. Mai dặn dò: “Anh phải giữ gìn sức khỏe. Em đủ sức lo cho các con và bản thân. Đừng bao giờ quên cả dân tộc đang khổ đau, đợi chờ! Thôi anh đi. ”Tôi ôm vợ vào lòng, nước mắt chảy tràn đầy gò má. Tôi cố cầm tiếng nấc cho Mai đừng biết tôi đang khóc. Lời dặn dò của vợ làm tôi cứ ngỡ mình đang ôm cả khối hào quang sáng rực, ôm cả mặt trời chói lọi trong vòng tay. Tôi tự hứa sẽ không phụ lòng kỳ vọng của vợ trong phút chia ly. Tôi tự hứa, ra đi không phải chỉ để tìm tự do riêng cho bản thân mình thôi.

Chuyến đi không thành, phải dờ lại một tháng sau. Nhiều người bỏ cuộc nên thuyền trống. Phút cuối chủ thuyền cho vợ con tôi cùng đi với lời hứa trả tiền sau. Tôi cảm ơn Trời Phật đã xui khiến cho chúng tôi còn có bên nhau trong đời.

Trên biển đói khát Mai muốn nhường phần ăn uống cho con, cho chồng, với lý do là tôi cần sống hơn nàng, tôi có thể làm được nhiều việc ích lợi hơn. Nhưng theo ý tôi, thì chính Mai mới xứng đáng để sống sót vì đời sống nàng có nhiều ý nghĩa, tốt đẹp hơn.

Những ngày khó khăn nắng cháy cực khổ tại trại tị nạn, nàng dành lấy hết tất cả việc vặt vãnh như lãnh thức ăn, xách nước, nấu nướng, chăm sóc con cái. Để cho tôi có thì giờ tham gia tiếp tay phụ giúp các công tác chung trong trại. Mai dặn tôi tránh xa những nơi có tranh dành, có chút quyền lợi, chỉ kê vai gánh vác những việc có ích chung mà không ai làm. Với khuyến khích và an ủi của vợ, tôi làm được nhiều việc hữu ích cho cộng đồng. Trong lúc đó, một vài anh bạn tôi, tham gia việc cộng đồng mà như làm việc quốc cấm, bị vợ cản nhằn, ngăn cản, mĩa mai rằng việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng. Nhiều người than vãn về những thiếu thốn, khó khăn cực khổ trong trại tị nạn. Mai thì khi nào cũng vui vẻ, lạc quan, và cho rằng tương lai được sống đời tự do đang rõ ràng trước mắt. Những thiếu thốn, khó khăn trong trại tị nạn là đương nhiên. Ở đây cũng còn sung sướng hơn những ngày tháng sống với chế độ cộng sản u ám, bất trắc, chèn ép, sợ hãi.

Những khi con tôi chê cơm, Mai nhắc nhở cho chúng những ngày khoai sắn qua bữa, những ngày đói khát trên biển khơi, thì chúng vội vàng ăn ngon lành những chén cơm trong trại tị nạn.

Chúng tôi đến Mỹ vào mùa đông, tuyết phủ ngút ngàn, trắng xóa cả đất trời. Chưa biết có thể làm gì để nuôi sống gia đình trong miền đất mới, nhưng nhờ trợ cấp xã hội trong thời gian đầu, đắp đổi tạm sống qua ngày. Dù không dư giả, tiền trợ cấp xã hội được Mai chia ra làm ba phần, hai phần ba nuôi sống gia đình với chi tiêu dè sẻn tiện tặn, một phần ba gởi về nuôi những bạn bè đang đói khổ khắc khoải trong lao tù, trong các vùng kinh tế mới. Trong vòng ba tháng, chúng tôi đi xin việc cả trăm nơi khác nhau, đâu cũng gõ cửa, đâu cũng xin việc. Hai vợ chồng lội bộ dắt nhau đi tìm việc, và không nản lòng. Tôi tìm được một chân rửa chén bát tại khách sạn Holiday Inn. Mai tìm được một chân làm bánh ngọt Donut. Chúng tôi tự túc được rồi, và từ đó mà tiến lên, tôi tìm được công việc khác trong hãng tiện có đồng lương khá hơn. Chúng tôi bắt liên lạc với bạn bè xa gần, và ao ước được đóng góp phần nào vào nỗ lực làm vui khổ trên quê nhà. Thơ của bạn bè hồi âm với lời lẽ bi quan, nhiều người khuyên tạm

quên chuyện quê hương đi, mà lo cho đời sống bản thân và gia đình trước đã. Khi bỏ nước ra đi, hầu như ai cũng mang trong lòng một hứa hẹn, một trách nhiệm âm thầm, không nói ra nhưng vô cùng tha thiết. Nhiều đêm Mai thì thầm: “Chúng ta có yên lòng hưởng hạnh phúc, tự do khi cả quê hương đang chìm đắm trong khổ đau ? Chúng ta có quên được bao nhiêu người đang kỳ vọng chúng ta nơi quê nhà? Liệu chúng ta có làm được gì không, hay chỉ mãi mê lo cho đời sống riêng tư?” Một hôm, Mai đưa tất cả tiền dành dụm cho tôi làm lộ phí, để đi một vòng quanh nước Mỹ dò xét tình hình, xem việc kháng chiến phục quốc có cơ may nào không. Tôi đi một vòng từ Boston về New York, Washington DC, Philadelphia, New Orleans, Florida, Houston, San Diego, Los Angeles, San Jose, Seattle và về lại. Chuyến đi mất gần hai tháng. Tôi trở về với khuôn mặt sallow muộn không dấu được, Mai không hỏi han nhiều, chỉ an ủi: “Thôi, mình ráng làm ăn, rồi làm được những gì nhỏ nhất có lợi cho quê hương thì làm. Em tin tưởng sẽ có một ngày nào đó, chúng ta sẽ có cơ hội đóng góp cho quê hương nhiều hơn.”

Chúng tôi đi làm việc toàn thời gian, và làm thêm những việc sửa chữa lặt vặt cho

các gia đình trong nhà thờ họ đạo. Các bà cụ dành việc làm cho tôi với tinh thần giúp đỡ, trả cho tôi những thù lao nhiều hơn trị giá thực sự. Chúng tôi chỉ để dành một số tiền nhỏ phòng khi bất trắc và ăn tiêu hết sức tiện tặn. Hàng tháng, Mai gửi tiền giúp đỡ các gia đình bà con, bạn bè đang đói khó, gia đình những người đau khổ trong tù đầy, các bạn đang quay quắt ở các vùng kinh tế mới. Giúp nhiều nhất cho những người tù không có thân nhân bới xách, thiếu thốn thuốc men, thiếu thốn chất bổ dưỡng. Vợ tôi thường bảo, dù cho những giúp đỡ này như muối bỏ biển trong một quê hương đầy đói rách, nhưng có còn hơn không. Mai vui sướng trong việc xẻ chia chút dư thừa vật chất cho những người cùng khổ.

Chưa bao giờ tôi nghe Mai phàn nàn, sanh nạnh với tôi về công việc trong nhà. Chưa bao giờ nàng lên giọng sai bảo tôi hút bụi, quét nhà, rửa chén bát. Nếu rảnh, thì tôi làm, nếu tôi bận xem những trận thể thao hấp dẫn, thì thôi. Nhiều lúc Mai không cho tôi rửa chén bát, dành lấy mà làm, vì những lúc đó nàng rảnh rang. Chúng tôi cùng làm việc nhà trong tinh thần chia xẻ, không phải trong trách nhiệm phân chia việc nào chồng làm, việc nào vợ làm. Mai chưa bao giờ tranh hơn thua

với chồng. Nàng quan niệm rằng, vợ chồng không cần tranh hơn thua nhau, hơn chồng cũng không được gì mà chỉ tổ tình yêu bị thương tổn. Chưa bao giờ Mai lớn tiếng hay khẳng khái quyết đoán việc gì. Khi nào cũng dịu dàng thảo luận và sẵn sàng chờ lúc thuận tiện để thuyết phục thêm. Tôi đã nghe thấy vợ nhiều người bạn, sẵn sàng xẵng tiếng với chồng, mở miệng ra là nói nặng lời, nói điều chua chát khó nghe, và tôi biết mình may mắn có vợ hiền. Tôi đem nhận xét này nói với Mai, nàng cho rằng những người đàn bà đó, chỉ đáng thương, vì không ai dạy cho họ điều khôn ngoan phải đạo mà có lợi cho họ hơn là có hại.

Những lúc tôi gặp khó khăn ngoài xã hội, mang bực bội và cái không vui về nhà, Mai thường khuyên tôi rằng: "Mục tiêu tối thượng của đời người là đi tìm hạnh phúc. Đi làm kiếm tiền cũng chỉ để mua hạnh phúc. Hạnh phúc đích thực của cuộc sống là gia đình vui vẻ, ấm êm và dễ chịu. Không tội chi đem cái khó khăn bực bội của bên ngoài về nhà cho mất vui, mà phí phạm ngày tháng yên ấm của gia đình. Dù giàu sang danh vọng đến mấy, mà gia đình thiếu hạnh phúc thì đời không còn ý nghĩa gì." Thế là tôi tìm được nguồn vui và yên tĩnh tâm hồn.

Khi tôi bị thất nghiệp, Mai càng an ủi vỗ về tôi nhiều hơn, để tôi không có cái mặc cảm mình vô tích sự, sống nhờ vào người khác. Nàng nói, cứ từ từ tìm rồi việc khác, đừng nóng lòng, không gấp chi, vì một người đi làm, nếu ăn tiêu tiện tặn lại, thì cũng không thiếu thốn. Vả lại công việc, thì cửa này đóng, sẽ có cửa khác mở. Mai khuyên tôi ở nhà nghỉ ngơi một thời gian cho khỏe. Bởi vậy nên tôi không hốt hoảng lo âu như vài người bạn khác. Một anh nói chuyện trong lúc trà dư tửu hậu, đùa rằng: “Phải đi tìm việc gấp chứ, không thì ăn được của vợ một miếng cơm, thì phải mửa ra ba miếng máu”. Tôi không tin và không vui khi nghe câu đùa cợt đó.

Nhiều khi nằm bên nhau, tôi hỏi Mai: “Sao hơn mười mấy năm sống bên nhau, chưa bao giờ em làm cho anh buồn lòng, chưa bao giờ em làm cho anh phải nổi giận. Em có khi nào buồn giận anh không?”. Nàng nói: “ Ngày xưa đọc sách, em không nhớ tác giả nào đã viết rằng, con chó suốt đời không làm gì cả mà được mọi người thương yêu, vì cách xử sự của nó. Nó không giận hờn, không đòi hỏi, không trách móc. Cho đi tình thương chân thành, thì được nhận lại bằng tình thương . Nhiều người đàn bà đòi hỏi ở chồng quá đáng, ngoài khả năng của chồng.

Bao nhiêu cũng không thỏa mãn cả. Họ không nhìn thấy sự hy sinh của người khác, mà chỉ cố bươi móc lỗi lầm của con của chồng để mà trách móc, giận hờn. Làm thế không có lợi gì cả, mà chỉ là cách phá hoại hạnh phúc gia đình hữu hiệu nhất.”

Tôi thành thực mà nói rằng đã học rất nhiều điều tốt của vợ tôi. Nàng càng dịu dàng, càng thu mình nhỏ lại, thì tôi càng thương yêu trang trải bù đắp cho vợ nhiều hơn. Mỗi khi đi làm về, thấy nét mặt tươi vui hân hoan của vợ, thì bao nhiêu mệt nhọc bực bội trong ngày đều tiêu tan.

Khi tôi phạm phải lỗi lầm, hành động sai quấy, vợ tôi thường an ủi rằng, mình là con người chứ đâu phải là thần thánh chi, mà không có sai lầm. Đừng buồn, cái thiệt hại này cũng là bài học tốt về sau. Những an ủi, khuyến khích tinh thần của vợ, làm cho đời sống tôi nhẹ nhàng, êm ái, thư giãn, không bị dồn ép, không bị áp lực cuộc sống, không có căng thẳng gia đình như nhiều bạn bè khác.

Trên bước đường tha hương, một lần vợ chồng Tuấn Lam ghé thăm chúng tôi. Tuấn là bạn cũ, Lam là người xưa. Vợ tôi biết rõ mối tình cũ giữa tôi và Lam, nhưng nàng tin chồng, và rất lịch sự, vồn vã đón tiếp họ hết lòng. Có lẽ Mai cũng biết chuyện xưa của

chúng tôi đã nguội lạnh từ lâu, chẳng ai còn tiếc thương chi. Tuấn vẫn hiền lành phúc hậu như xưa, nét mặt chịu đựng. Đêm khuya tôi vắng nghe tiếng Lam đay nghiến dần vật chồng ở phòng bên cạnh, nói những lời thiếu lễ độ. Về sau, mỗi lần nghĩ đến Lam, lòng tôi phoir phoir, vì may mắn, cuộc đời không phải gắn liền với một người đàn bà như Lam. Tôi biết ơn mẹ nhiều hơn. Kinh nghiệm sống của mẹ đã giúp cho cuộc đời tôi có hạnh phúc hơn. Và tôi biết thương yêu, nể trọng vợ hơn nhiều.

Một chị bạn gia đình không được hạnh phúc, hỏi vợ tôi bí quyết để được chồng thương yêu nể nang. Mai cười mà nói: “ Không có bí quyết nào cả. Chỉ có câu chuyện sau đây, tôi thuộc nằm lòng từ thời còn đi học. Chuyện ở trong sách tập đọc của Pháp. Rằng, có một anh nông dân đem bò ra chợ tỉnh bán. Suốt ngày không bán được dẫn bò về. Đường xa mệt nhọc, con bò trở chứng không chịu đi. Có người gạ đổi con bò lấy con ngựa hồng tung tăng. Anh tưởng được ngựa sẽ thông thả dong cương ra về, nhưng con ngựa lạ chủ không chịu cho anh cưỡi và cũng trì kéo dằng dai. Một người khác dẫn con heo nái ngoan ngoãn đi qua, gạ đổi heo lấy ngựa, anh đổi liền. Đường xa mệt nhọc, con heo

cũng nằm ì không chịu đi, bí quá, anh đổi heo lấy một con dê nái. Con dê càng cứng đầu khủng khiếp, anh vật lộn với dê phờ phạc. Đêm đã tối mịt mù, một hành khách đề nghị đổi dê lấy một con gà trống lớn. Vừa đói, vừa khát, vừa mệt, anh ôm con gà vào quán đổi lấy một bữa cơm. Thế là một bữa ăn trả giá bằng một con bò. Ăn xong, anh nông phu thông thả ra về, vừa đi vừa ca hát khỏe khoắn. Khi về đầu làng, có bạn quen hỏi đi đâu, mà về khuya thế. Anh kể chuyện đi bán bò, và đổi con gà lấy bữa cơm. Người bạn hết hồn, khuyên anh khoan về nhà, mà bà vợ nổi cơn tam bành lên, không khéo vợ chồng xô xát gây ra án mạng. Anh nông dân bảo rằng, chắc vợ tôi cũng thấy việc làm của tôi là có lý. Anh bạn ức quá, đánh cá một con bò, nếu chị vợ mà không gây gỗ, thì anh nông dân sẽ được một con bò, còn ngược lại, thì phải mất một con bò khác. Người bạn đi theo núp bên ngoài nghe cuộc đối thoại của vợ chồng anh nông dân. Chị vợ hỏi anh, đã ăn gì chưa, đi đường có mệt lắm không, bò bán có được giá không? Anh đáp rằng đã ăn rồi, con bò không bán được mà trên đường về nó không chịu đi nên đã đổi con bò lấy con ngựa. Chị vợ nói rằng, có con ngựa cũng tốt, nó sẽ kéo xe, giúp mình di chuyển mau chóng hơn. Anh

chồng cho biết con ngựa không chịu cho anh cưỡi nên đã đổi lấy con heo nái. Chị vợ cũng tán thành ngay và còn dự trù con heo mùa sau sẽ sinh ra một bầy heo khác, rất có lợi. Anh chồng cho biết thêm, con heo cũng trở chứng không chịu đi nên đổi lấy một con dê cái. Chị vợ tiếp liền, là con dê cũng rất có lợi, từ nay mỗi sáng gia đình sẽ có sữa dê mà uống. Anh chồng lắc đầu và cho biết đã đổi con dê ương ngạnh lấy con gà trống lớn. Chị vợ anh nông phu tiếp rằng, có con gà cũng tốt, mỗi sáng nó nghe gáy cũng vui tai. Anh chồng bảo là buổi sáng ra đi không đem tiền theo, đói quá, đã vào quán đổi con gà lấy bữa cơm.

Nghe xong, chị vợ anh nông phu đến quàng hai tay, ôm vai chồng và nói rằng, anh làm như thế là phải. Lấy của che thân, chứ đừng lấy thân che của. Đi cả ngày mệt nhọc đói khát, không ăn chịu sao nổi. Em đã để sẵn khăn, múc sẵn nước, anh đi tắm cho khỏe."

Mai kết luận rằng: "Muốn được chồng thương cũng rất dễ, đừng bao giờ tranh hơn thua với chồng, việc gì đã lỡ, thì cho qua luôn, vui vẻ chấp nhận, và dịu dàng, nhường nhịn chồng là yếu tố căn bản để được chồng thương."

Ngoài song thân ra, người tôi biết ơn nhiều nhất là vợ tôi. Đời sống tôi có ý nghĩa

hơn, sung sướng hơn, hạnh phúc hơn nhờ vợ khôn ngoan, dịu dàng. Nhiều đêm thức giấc tôi nhẹ hôn lên mắt vợ, thầm so sánh tấm lòng hiền chân của vợ với trái tim của một vị nữ thánh. Phần nàng, thì luôn luôn: "Em chỉ muốn làm cái bóng nhỏ và âm thầm bên đời anh thôi". Mai chưa hề đọc thánh kinh, nhưng nàng đã biết chọn chỗ ngồi thấp nhất để được nâng lên cao nhất trong lòng chồng con. /.

Mặc Áo Đêm Vương

Nhằm lúc vợ con đi thăm người chị ở tiểu bang xa, tôi xin sở nghỉ phép một tuần. Nằm nhà đọc sách, an dưỡng tinh thần trong thanh vắng. Chỉ một mình tôi ở nhà, tự nấu ăn, tự lo liệu lấy. Một buổi chiều, có lẽ vì đọc sách nhiều, tôi cảm thấy hơi nhức đầu, mở tủ thuốc lấy một viên uống. Nhưng vừa uống xong chừng mười phút, thì tôi nổi cơn nóng lạnh. Toàn thân lạnh ngắt, da bụng run bần bật như máy rung với tần số thấp, đầu óc như có nước đá tắm đông cứng. Tôi trùm mền điện vắn số nóng nhất, nhưng cũng không làm sao dịu được cơn buốt giá. Tôi cố gắng cầm cự với cơn lạnh. Khi đã quá mệt trong cuộc chiến đấu chống lại cơn lạnh lẽo, thì tôi thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nề. Lúc trời đã về khuya, tôi tỉnh dậy loạng quạng vịn giường lảo vào phòng tắm để đi tiểu. Vừa xả xong thứ nước dư thừa trong thân thể, thì tôi không còn biết gì nữa, mắt thẳng bằng, lăn ra bất tỉnh. Trong một thoáng rất mau, tôi không còn thấy đau đớn khó chịu nữa. Như trong mộng, nhưng rõ ràng hơn, tôi thấy lại tất cả quá khứ của đời tôi, giống một cuốn phim,

chiều lại từ đầu đến cuối. Từ lúc mới lọt lòng khóc oe oe, nằm trên tay mẹ, bú mớm, rồi lớn lên, thời tiểu học, trung học, đại học, thời bước chân vào đời, khi mới biết yêu đương, những kỷ niệm vui buồn, đau khổ, sung sướng, những việc làm xấu tốt trong đời, những ngày bôn ba chạy tìm đường trốn ra ngoại quốc, những ngày lênh đênh gần chết khát trên biển cả, những ngày đầu lang thang giữa đất lạ quê người, đầy đủ không thiếu một giai đoạn nào. Cho đến những hình ảnh cuối cùng, khi uống thuốc, bị cơn lạnh hành, vào cầu tiêu và té nằm bên bể tắm, đầu kê trên tấm thảm chùi chân.

Tôi thấy rõ ràng tấm thân của tôi đó, nhưng hình như linh hồn và thể xác không còn dính liền chặt chẽ nữa. Rồi bỗng có tiếng động nhẹ ở cánh cửa thông gió của nhà cầu, tôi thấy hai người chui qua cửa, mang toàn đồ đen, trên đầu có sừng cong như sừng trâu, mặt mày dữ dằn, khó coi, thở ra khói mỏng màu trắng, tay cầm đinh ba làm vũ khí. Hai người nắm hai tay tôi, kéo bừa băng qua khung cửa sổ, như bay là là trên mặt đất. Vừa ra khỏi cửa, thì có tiếng nhạc thoảng êm đềm, có mùi thơm đầu đó vọng lại. Rồi bỗng có hai người mang áo trắng, vai có cánh như chim, từ trời hạ xuống. Hai người

mặc áo trắng này, mặt mày đều đặn, hiền hậu, ánh mắt dịu dàng, mỗi người nắm lấy một tay tôi kéo đi. Tôi bị giằng co giữa hai phe áo đen và áo trắng, kéo qua kéo lại không bên nào chịu thua, như họ đang tranh giành tôi. Bàn tay của hai gã áo đen nắm tôi đau đặng, như muốn bóp tan nát thịt xương, nhưng hai người áo trắng thì tay mát mẻ, êm ái, dịu dàng, song không phải vì vậy mà yếu thế trong cuộc giằng co. Tôi nghiệm ra, nếu sự việc này kéo dài, thì chẳng có bên nào thắng bại, chỉ làm cho tôi càng khó chịu thêm, đau đớn thêm mà thôi. Tôi hỏi nhỏ nhỏ, các ông là ai, tại sao lôi kéo tôi làm chi vậy, sao không dùng lời hơn lẽ thiệt mà nói chuyện, việc chi phải dùng sức mạnh, tranh chấp nhau, chỉ có khổ cho tôi. Hai người áo đen cho biết, họ là quỷ ở địa ngục, được lệnh bắt tôi về cho Diêm Vương phán xét, đền tội lỗi đã phạm khi đang sống ở trần gian. Hai người áo trắng bảo rằng, họ là thiên thần, xuống dẫn lối cho tôi về thiên đường hưởng đời cực lạc. Tôi thầm nghĩ rằng, đáng tối cao vô cùng sáng suốt, soi rọi đến muôn vật mọi loài, chắc có sự lầm lẫn nào đây trong việc thi hành mệnh lệnh. Bởi vậy cho nên có cuộc giằng co giữa quỷ sứ và thiên thần để dành lấy linh hồn tôi. Tôi tự xét mình, khi sống ở

trần gian cũng đã phạm nhiều tội, thì có lẽ hai ông thiên thần trong trắng quá, nhìn lầm tôi với người khác chẳng. Tôi cũng ham được về thiên đường, ở đó đời đời vui thú, tôi cũng sợ về địa ngục, bị xét xử và hành tội đau đớn. Tôi nhẹ nhàng trình bày với các vị thiên thần rằng, có tội hay không, thì không thể lọt qua lưới trời, và sự phán xét của đấng tối cao vô cùng phân minh. Bây giờ giằng co mãi cũng chẳng đi đến đâu, thôi thì hãy để các ông quỷ sứ này đưa tôi về địa ngục trước, nếu tôi được xét là vô tội thì xin hai vị về dẫn đường sau cũng không muộn. Nếu được đưa về trời trước, mà sau khi xét xử lại, thấy có sự làm lẫn, đuổi tôi xuống địa ngục thì ê mặt xấu hổ, và khi đó đã lỡ biết thiên đường rồi, chỉ thêm khổ tâm mà thôi. Hai vị thiên thần áo trắng thoáng hiện nét buồn trong ánh mắt, thở dài, bảo rằng, thôi cũng được, ta chỉ sợ sau này người ân hận không kịp đó thôi. Thiên thần buông tôi ra, và như hai vệt khói, bay khuất vào chân trời. Tôi đi theo cuộc dẫn độ của quỷ sứ, gió lạnh về đêm xuyên qua thân thể tôi như dao cắt. Đi qua một vùng tối đen mù mịt không thấy cảnh vật, rồi ánh sáng tỏ dần. Ngang qua một con sông có chó ngao, đang cắn giằng xé xác người, miệng đàn chó đỏ rờn rờn

máu me, những người bị hành hình kêu khóc vang dậy, làm tôi lạnh ớn ớn. Họ đẩy tôi đi qua cây cầu bắc bằng một thanh gỗ tròn nhỏ, lắc lư, thanh gỗ trơn như bôi mỡ. Tôi chao mình, nhiều lần cố giữ cho khỏi ngã xuống sông, mà bên dưới chớ ngao đang cắn xé người có tội. Tôi quay lại hỏi hai ông quỷ sứ rằng, làm khó nhau mà chi ? Nếu có tội thì sau khi xét xử, đem ra hành hình, việc chi bắt tôi đi trên cây cầu khắp khểnh trơn trượt này. Hai ông quỷ sứ im lặng không nói. Tôi lại hỏi, ở dưới này chắc cũng không thiếu gì kỹ sư công chánh, sao không kêu họ làm lại cây cầu khác, tiện nghi hơn, đi lại dễ dàng hơn. Những người bị dẫn độ như tôi, đang đi đông lắm, và nhìn tôi bằng con mắt ngạc nhiên như ngầm bảo tôi sắp bị hành hình mà còn hỏi lời thôi. Đi qua một đoạn khác, thấy một cánh đồng rộng lớn, chông mọc tua tủa cao đến nửa ống chân, hàng trăm ngàn người đang nhảy bàn chông. Cứ co chân này lên, thì đạp chân kia xuống, đau quá chịu không nổi, phải vội co lên lại, và chân kia đạp xuống, cứ thế co lên đạp xuống, máu me ròng ròng. Dưới mặt bàn chông là thép nóng lửa đỏ, khói da thịt cháy kêu xèo xèo. Khiếp quá, tôi muốn nhắm mắt lại không dám nhìn, nhưng một hình ảnh làm tôi chú ý,

một ông già đội nón cối, râu ba chòm, trên túi áo có đeo ngôi sao vàng, đang nhảy bàn chông, nhảy mau hơn ai hết, và bên cạnh ông, cũng những người ăn mặc tương tự, đang cãi nhau, chửi nhau ầm ĩ bằng những lời thô tục bẩn thỉu nhất. Thỉnh thoảng túi đầu trâu mặt ngựa đứng bên ngoài, cầm roi gai quất túi bụi vào đầu, vào mặt cả bọn, máu me tuôn dầm dề.

Ông già râu ba chòm rất quen, tôi sức nhớ hình ảnh ông treo cùng khắp xóm làng, những nơi công cộng. Tuy trong lòng chán ghét và ghê tởm ông lão, nhưng tôi cũng thấy bất nhẫn. Đám người đội nón cối cùng chịu cực hình quanh ông già đều quen mặt cả. Tôi cúi đầu đi, thấy vạc dầu sôi sùng sục, vạc dầu to lớn bằng cả năm bảy cái sân vận động cộng lại. Dầu đang sôi, bên trong hàng ngàn người la hét kêu gào vì nóng bỏng. Da thịt bỏng lột, có đoạn trơ xương. Những người này mặt mày lem luốc, lồi mắt, miệng vỡ, tôi khó mà nhìn ra có ai quen biết. Quỷ đầu trâu mặt ngựa cho tôi biết sau thời gian nhảy bàn chông, sẽ được đưa qua tắm vạc dầu, và sẽ đưa đi nơi khác chịu cực hình, tùy theo tội nặng nhẹ. Đến một đoạn khác, tôi thấy một ông mày rậm râu thép, tóc chải ngược vuốt ra

đằng sau, đang bị trói ké theo một thể quỳ mặt ngẩng lên trời. Hai con quỳ đang mức từng gàu nước thép chảy màu hồng đổ vào miệng ông, khói lên nghi ngút. Nước kim loại chảy ra từ hậu môn tội nhân thành từng vũng lớn, được thu lại đổ vào nồi nấu sôi. Tôi nhớ ra ông này có hình tượng nhiều nhất ở nước Nga. Đã một thời làm điêu đứng hàng triệu người. Đã đầy hàng triệu dân Nga đi Tây Bá Lợi Á, đã thủ tiêu nhiều chục triệu người mà ông ta nghi ngờ. Dù chẳng cảm tình chi với ông già tàn bạo kia, nhưng tôi cũng cảm thấy đau đớn trong lòng. Qua một nơi khác tôi thấy một ông Á đông, mắt sụp, mập mạp, đang nằm trên một cái thớt gỗ lớn, tôi nhận ra ông Mao ngay. Ông này đã viết cuốn Hồng Thư hay gì gì đó, và đã cai trị cả tỷ người. Một bày quỳ cầm đại đao quanh cái thớt, hô một tiếng lớn, chúng nó đồng loạt nhảy vào băm vằm tội nhân nát nhừ, đến khi thịt xương nhỏ nát như chả băm, thành một đồng như đất sét. Tôi nghĩ ông này may mắn, vằm nát một lần rồi thôi, không phải chịu cực hình lặp lại như mấy ông kia. Nhưng không, con quỳ đầu đàn đưa hai tay lên cao niệm thần chú, thân hình tội nhân từ từ hồi phục lại vóc dáng cũ. Chờ đến lúc tội nhân mở mắt nhìn đám quỳ với tất cả sợ hãi, thì tiếng thét lớn, lũ quỳ lại nhảy

vào bầm vằm. Tôi không hiểu lũ quỷ này thích thú gì với trò chơi dã man như thế. Tên quỷ áp giải tôi nói rằng, ông cụ Mao kia phải chịu bầm thây hàng triệu lần. Ở thế gian ông giết bao nhiêu người thì ở đây ông chịu bấy nhiêu lần bầm thây.

Bên góc phải, một ông tóc vàng mắt xanh, râu cụt mũi, bị lũ quỷ cầm kềm rút từng miếng da, từng miếng thịt, cho đến khi chỉ còn bộ xương. Quỷ lấy kềm kẹp xương vỡ rôm rốp, cả cái đầu cũng vỡ, tan nát vì bị búa tạ nện. Sau đó, được hóa phép lại toàn thây, rồi kềm kẹp lột da tiếp. Quỷ địa ngục cho biết, ông này gây nên thế giới đại chiến lần thứ hai, đã sáu mươi năm qua, mới chịu có ba cực hình. Còn chịu cả ngàn cực hình khác nữa. Quỷ dẫn tôi tiếp tục đi. Tôi thấy những cực hình khủng khiếp, những lò lửa nóng đỏ hừng hực (có lẽ là hỏa ngục), hàng ngàn người lăn lộn trong đó. Tôi nhận diện được một số người, gồm cả những danh tướng thế giới, những người mà ở trần gian gọi là vĩ nhân, những tỷ phú, những thương gia, luật sư, đủ cả các thành phần của xã hội. Tôi hỏi quỷ dẫn độ rằng tại sao những vị danh tướng cũng bị hành tội nơi đây? Ông quỷ bảo rằng, làm tướng là giết người nhiều hơn ai cả. Giết người ở thế gian mà còn được ca ngợi, giết

đối phương, giết quân của chính họ. Đi tới nữa, tôi thấy cả Nã Phá Luân, Alexander, Thành Cát Tư Hãn. Tôi ngạc nhiên, quỷ sứ cho tôi biết có những kẻ phải đời đời chịu tội. Năm ba ngàn năm chịu cực hình đâu đã thấm gì. Bây giờ thì tôi bắt đầu thực sự run sợ, và ân hận đã nói với thiên thần là cho tôi theo quỷ sứ về địa ngục trước. Thôi thì lỡ rồi ! Tôi tự trách mình ngu dại. Quỷ sứ dẫn tôi đi qua hàng ngàn nơi, có hàng ngàn thứ cực hình dã man mà đầu óc tôi có tài ba đến đâu cũng không thể tưởng tượng được .

Khi quỷ sứ dẫn tôi đến gặp Diêm Vương, thì tội nhân xếp đến mười hàng, mỗi hàng dài cả cây số. Chờ phân xử. Việc xét xử hình như mau lắm, mỗi người chỉ vài giây đồng hồ là xong bản án.

Tôi thấy Diêm Vương râu dài, ngồi mệt mỏi trên ngai vàng, soãi người ra trong thế nửa ngồi nửa nằm. Đầu Diêm Vương quẹo qua một bên, hai mắt lim dim như ngủ gật, thỉnh thoảng đưa lưỡi móc giòong nước bọt đang chực rơi bên mép. Áo ông đóng ghét dơ dáy, bụi bặm, dưới tà áo có con nhện giăng đã chết khô từ lâu, mà tơ nhện thì rách rưới, chứng tỏ ông ta đã nhiều năm chưa rời ghế. Trong lòng tôi bỗng nổi lên cơn giận không kiềm được. Xử án mà lơ mơ ngủ như thế

này thì làm sao công minh được! Thế nào cũng đã xử oan cho bao nhiêu triệu người, và sẽ xử oan cho cả tôi nữa. Đến phiên xử tôi, hai con quỷ xô tôi ngã sấp trước chân Diêm Vương, tôi gào lên thật to:

“Thưa Diêm Vương cho tôi hỏi một câu.”

“Câm miệng lại. Hỏi gì mà hỏi?” Diêm Vương nói như giọng người nằm mơ ngủ say.

“Không! Tôi muốn được hỏi vài câu trước khi chịu tội.”

Tôi gào xong rồi hai tay nắm chặt lấy chiếc hài của ông, nhất định không buông ra.

“Thằng nhãi này cứng đầu, lời thôi! Thôi, thì cho mày hỏi một câu. Một câu thôi nhé!”

“Thưa Diêm Vương, luật xử ở đây ai đặt ra, và có từ bao giờ?”

Diêm Vương có vẻ lúng túng, sửa người, và ngóc đầu dậy, đưa tay bóp trán, rồi nói lơ mơ trong miệng:

“Luật đây là luật trời! Không biết ai soạn thảo. Đã có từ hàng triệu năm!”

Tôi không để mất cơ hội, đứng thẳng dậy và la lớn, đưa tay chỉ trỏ:

“Luật ở đây đã man quá! Con người ở thế gian ngày nay, luật lệ còn nhân đạo hơn ở

đây ngàn lần. Luật pháp không cho hành hạ thể xác tội nhân. Không cho phép tra tấn cực hình. Có nơi còn bỏ cả án tử hình. Hành xử những thứ luật lệ xưa đến triệu năm, tàn ác như thế này, thì ông hãnh diện lắm sao?”

Diêm Vương bống đỏ mặt, hai mắt nhướng lên, ngồi thẳng dậy, nhìn vào tôi:

“Thằng nhãi này gan quá nhỉ! Hàng triệu năm nay chưa ai dám cãi lại ta một lời, dù chỉ một lời nhỏ! Người bảo sao, luật lệ ở đây cổ hủ và dã man ư ?

“Phải ,dã man lắm lắm. Hành hạ thể xác con người bằng đủ thứ tàn ác! Luật lệ nào cũng phải thay đổi cho hợp thời hợp cảnh. Con người ở thế gian, luật lệ đã tiến hóa rất nhiều. Có những điều cách đây trăm năm là có tội, mà nay luật pháp không kể là tội nữa, và ngược lại .Những điều ở thế gian chúng tôi được phép làm, thì ở đây cũng kết tội nữa sao? Phải hợp tình hợp lý. Phải dung hòa phối hợp luật lệ cả hai cõi âm dương may ra mới có chút công bằng.”

Diêm Vương nhếch môi cười mỉa:

“Một trăm năm! Dài không bằng cái xỉ mũi của ta. Nhưng hình như người cũng có lý phần nào đó! Máy triệu năm nay, ta chưa hề nghe ai đề cập đến cải sửa luật lệ! Mà sửa bằng cách nào mới được chứ! Này! Người

còn điều gì muốn nói nữa không? Cho nói luôn thể”

“Thưa Diêm Vương tha lỗi cho tôi! Hình như Ngài ngủ gật trong lúc xử tội. Hình như ngài không thèm nhìn đến tội nhân và xử tội một cách lơ la,ø cầu thả. Chắc chắn án oan nhiều vô số. Hình như ngài mệt mỏi lắm!”

Diêm Vương cười, tiếng khà khà đặc quánh trong cổ, rồi chậm rãi nói:

“Phải! Ta mệt mỏi lắm. Ngồi xử kiện cả bao nhiêu ngàn năm nay, không có thì giờ ăn uống, tắm rửa, thay áo quần, hôn vợ. Liên tu bất tận, không ngơi nghỉ. Không mệt sao được. Người xem vai áo ta bụi đóng đen kịt mà không có thì giờ phủi. Còn oan thì không ai bị oan đâu!”

“Ngài nửa ngủ nửa thức, thì làm gì sáng suốt để xử kiện? Mà hình như mỗi người xử một vài giây đồng hồ, chưa kịp ho, đã lãnh bản án đem đi.”

“Này này!” Diêm Vương ngắt lời tôi. “Đừng làm tưởng. Ta mệt quá nên đôi khi có chợp giấc đi thật. Nhưng xử oan thì không. Xử mỗi tội nhân, chỉ cần một phần ngàn giây đồng hồ là quá đủ. Người không biết đó thôi! Ngồi trên ghế này, ta chỉ cần một phần triệu giây thôi, là thấy đủ chi tiết, đời sống hành động của bất cứ ai. Đến một cái gãi đầu, một

tiếng ho cũng không sót. Tất cả công đức và tội lỗi được xếp thành hai cột rõ ràng, có điểm âm dương và điểm tổng cộng, có thăng bằng tội lỗi với công đức. Chỉ cần một phần triệu giây là bản án ghi xong theo định lượng tội lỗi.”

“Có phải ở đây cũng có máy vi tính (computer) như ở thế gian? Máy ở đây bộ nhớ được bao nhiêu?”

“Xì! Cái kiến thức về máy vi tính ở thế gian mà ra cái thá gì? Chỉ đáng so như một hạt bụi với một tinh cầu. Với kỹ thuật ở nơi đây, không ai bị oan đâu! Người ngu dốt nên phát ngôn bừa bãi.”

Tôi cố cãi, kéo dài thời gian thụ hình càng lâu càng tốt, và định lung lạc Diêm Vương:

“Oan hay không thì chưa chắc. Nhưng điều chắc nhất là luật lệ ở đây quá cổ hủ, quá dã man tàn bạo. Ngài thấy người ta bị hành hình mà trái tim không xúc động sao? Có kẻ bị hành hình liên tiếp cả mấy trăm năm! Sao ngài không sửa đổi luật lệ lại cho hợp tình hợp lý. Xử kiện máy móc thì chỉ có lý chứ không có tình. Con người, không phải là vật vô tri, yếu tố “tình” phải được cứu xét chung với lý, may ra thêm chút công bình!”

“Sửa đổi luật lệ, lý, tình?” Diêm Vương càu nhàu lẩm bẩm. “Ai sửa cho bây giờ, luật đã ra thì cứ theo. Lý và tình phải hòa hợp? Cũng là một ý hay. Còn những tội đồ thụ hình cả mấy trăm năm ư? Thế cũng chưa trả được một phần của tội lỗi chúng gây ra. Phải là đời đời chịu tội cũng chưa đủ. Mà này, người vừa đề cập đến sửa đổi luật lệ! Người có sửa được không? Sửa làm sao bây giờ?”

Tôi trình bày cùng Diêm chúa rằng, kiến thức của tôi hẹp hòi, không đủ để điều chỉnh lại các bộ luật. Tôi có ý kiến là tạm ngưng tất cả những hình phạt tàn ác như nhẩy bàn chông, rút lưỡi, uống kim khí nóng chảy, bầm da xẻ thịt, tất cả hình phạt gây đau đớn thể xác đều tạm ngưng, chờ khi luật sửa đổi xong sẽ áp dụng luật mới. Đồng thời thành lập một ban nghiên cứu sửa đổi luật lệ, có đại diện của các thành phần tội nhân, các thành phần quý sứ, và Diêm Vương làm chủ tịch.

Diêm Vương có vẻ giận nói:

“Đại loạn! Chủ tịch cái mốc khô! Nghe cái danh từ chủ tịch là ta đã buồn nôn, muốn đem tất cả cái lũ chủ tịch cho nhẩy bàn chông, tẩm vạc dầu cả. Mà này ta nói cho người rõ, ta đã chán ngán cái ghế Diêm Vương này

đến ứ tận cổ. Cả mấy ngàn năm nay ta muốn thôi, hiềm không ai thay thế. Nay ta thấy người có ý hay, ta muốn giao cho người chức vụ này một thời gian. Người ráng làm cho tròn bổn phận.”

Tôi hết hồn, hốt hoảng thưa:

“Thưa Diêm Chúa! Làm sao tôi có thể xử tội thiên hạ được? Ngay cả bản thân, đôi khi tôi cũng không tự phán xét mình được, làm sao mà phán xét thiên hạ. Tôi không muốn phán xét sai lầm cho ai. Tôi nghĩ rằng, không đủ khả năng để ngồi ghế Diêm Vương, mà có đủ khả năng thì tôi cũng không muốn nhận. Thà tôi đi chịu cực hình còn hơn.”

Nói thế, nhưng nghĩ đến cực hình thì tôi run lảo. Diêm Vương chạy từ ngai vàng xuống, cởi áo máng lên vai tôi. Xô tôi ngồi ngã ngựa trên ngai vàng. Ông đề tôi xuống:

“Không có lỗi thôi gì cả! Mặc áo Diêm Vương này, ngồi đây xử tội giúp ta một thời gian. Làm được ta giao luôn. Ta cũng cần nghỉ ngơi, vui thú gia đình, an dưỡng tâm trí.”

Tôi vùng vẫy dữ dội, gắng thoát ra khỏi ngai vàng. Nhưng Diêm Vương quá mạnh, đè tôi sát lên ghế, ngực đau như xương sườn sắp gãy. Diêm Vương cười ửng mang vào chân tôi, rồi nói:

“Người không từ chối được đâu. Người rời cái ngai vàng này thì ta cho quỷ sứ bắt đi hành hình. Chịu tất cả những cực hình thảm khốc ghê gớm nhất ở địa ngục này. Bị hành hình đời đời kiếp kiếp. Bây giờ, cho người toàn quyền xử lý.”

Nghe vậy tôi sợ khiếp vía. Ngồi trên ngai vàng, tôi thấy rõ cả ngàn dặm bốn phía địa ngục, một cảnh xa hàng ngàn dặm mà thấy rõ như cách vài ba bước chân. Thật lạ lùng. Đâu đâu cũng đầy cả tội nhân bị hành hình. Nhiều hình ảnh tàn ác, khủng khiếp, quay qua bên nào, tầm mắt cũng bắt gặp. Trái tim tôi đau nhói, muốn tan vỡ. Lũ quỷ ở địa ngục hướng về tôi tung hô vạn tuế. Một số tội nhân a dua dong tay ngoác miệng hô theo. Tiếng hô vang dội không ngớt. Tôi đỏ mặt vì xấu hổ. Ngồi trên ngai vàng này, tôi hướng mắt về bất cứ một người nào, thì thấy hết toàn thể cuộc đời của người đó, từ khi mẹ thụ thai, cho đến hiện tại. Thấy cả từng chi tiết nhỏ, từng ý nghĩ vụn vặt, từng toan tính, từng sinh hoạt. Trong phần triệu giây là thấy hết, thật lạ lùng, khó tin. Tôi nhìn quanh, thấy Diêm Vương mặc áo lót, vì cái áo quàng đã mặc vào cho tôi, đang ngồi thoải mái và cười khoái trá.

Sau một thời gian ngưng trệ, việc xử án lại bắt đầu. Hai con quỷ đầu trâu mặt ngựa xô một người đàn ông té sấp trước chân ghế! Người đàn ông mặt mày đau đớn sợ hãi. Tôi nhìn xuyên thấu cuộc đời ông ta trong nháy mắt. Thuở bé, nhà nghèo, đói khát, bị gia đình bạc đãi, xã hội ruồng rẫy. Lớn lên làm đủ điều tội lỗi, trộm cắp, lường gạt, đâm chém, đánh nhau. Hắn lấy vợ, chém vợ lòi ruột, hắn trốn đi. Hắn tiếp tục đời sống xấu xa. Chết lúc bốn mươi lăm tuổi. Bản ghi hình phạt dành cho hắn, có cả mục nhầy bàn chông năm mươi năm, tẩm vạc đầu hai năm, bị đưa vào lò luyện thép mười năm, bứt da thịt hai năm. Tôi ôm đầu, nghĩ rằng tiêu chuẩn hình phạt nặng nề quá. Nếu tôi chấp thuận bản án này, thì tôi phải chịu trách nhiệm trên nỗi đau đớn của nạn nhân. Diêm Vương thấy tôi chậm chạp, nhắc chừng rằng thời gian trung bình để xử mỗi tội nhân chỉ có một phần tư giây thôi. Xử chậm cái đuôi sẽ dài cả chục dặm. Tôi đánh bạo truyền lũ quỷ đem tội nhân đến một nơi vắng vẻ, ẩm cúng, cho ăn uống tử tế, cấm hành hạ, để tội nhân suy nghĩ, sám hối tội lỗi đã làm. Tôi xử tiếp, bản án nào cũng đề nghị quá khắc nghiệt, khủng khiếp, không hợp ý tôi. Tôi cho tất cả tội nhân đi sám hối, cùng một cách. Tạm thời, những tội nhân mới

được giải xuống địa ngục, được đưa đến một nơi tiện nghi, ấm áp, được đối xử tử tế. Mỗi người được xem đi xem lại cuốn phim chiếu lại tất cả đời sống họ, từ sơ sinh cho đến chết, đủ tất cả các chi tiết, các cảm xúc đau buồn vui sướng. Rồi mỗi người tự xét lấy lỗi lầm, tự đề nghị lấy bản án. Trong thời gian tạm ngưng xử, tôi truyền quỹ sứ giải tất cả các bạo chúa, độc tài đến cho tôi phỏng vấn. Chỉ trong khoảnh khắc, có cả vạn người đứng trước mặt tôi. Những bạo chúa từ vài ba ngàn năm về trước cũng hiện diện. Đứng đầu là đám cùng hung bạo chúa. Gồm có ông râu kẽm mày rậm, đeo phù hiệu búa liềm người nước Nga. Kế đến là ông Mao và đông đảo người mang dấu búa liềm. Có cả ông già râu xù Việt Nam tôi. Cả ông người Đức râu cứt mũi. Những ông Đại Đế của Nga, của La Mã, của Mông Cổ, Trung Hoa, Thổ Nhĩ Kỳ, đều có mặt. Tất cả đều khép nép, run cầm cập, mắt nhìn xuống đất. Không còn có nét hào hùng nào của một thời ngang dọc, coi mạng người như cỏ rác. Trông họ thật tả tơi, có lẽ thấm đòn tàn độc hành hạ thể xác và tinh thần nơi địa ngục.

Tôi cho gọi đám lãnh tụ mang dấu búa liềm của thế giới ra để hỏi chuyện. Bọn họ xếp hàng ngang, mười mấy người, cả Âu, Á,

Phi đều hiện diện. Tôi hỏi ông già trán hói, râu xồm, thấp người:

“Ai cho ông bày ra cái Đảng kỳ cục, làm đau khổ, đói khát dân Nga bảy mươi năm, làm các dân tộc khác trên thế giới đau khổ theo? Bày ra để làm chi vậy?”

“Thưa Ngài.” Ông ta trả lời, nhưng tôi cắt ngang:

“Đừng gọi tôi là Ngài. Tôi không quen nghe!” Tôi nói mau và cảm thấy hơi xấu hổ.

“Thưa Ngài, à không, thưa Diêm Vương, con phải bày đặt ra cái gì mới, để thu gom quyền lực, để củng cố địa vị chứ? Phải lừa gạt nhân dân, lấy thợ thuyền làm sức mạnh mới cướp được chính quyền.”

“Xin đừng xưng con với tôi.” Tôi cảm thấy bực mình nói “Sau khi cướp được chính quyền rồi, sao còn độc tài, giết chóc, gây khổ đau cho toàn dân?”

“Thưa nếu không độc tài, không tù đầy, thanh toán thì làm sao giữ được quyền hành lâu dài. Bởi vì căn bản của chế độ dựa trên sự dối gạt, không gây sợ hãi thì bị lật đổ ngay. Xin Diêm Vương hiểu cho, và gia giảm tội hình!”

Trong lòng tôi chán ngán, nhưng ít nhất lão già cũng có phần thành thật, không che giấu tội lỗi. Mà có lẽ nơi đây, chẳng ai che

giấu được điều gì, nên phải nói thật chẳng? Tôi chỉ ông râu kẽm, tóc chải ngược, mặt vuông và mày rậm hời:

“Ông kia! Sau khi kế vị, sao ông giết hết bạn bè thân tín, giết hàng chục triệu dân Nga. Đầy ải hàng trăm triệu người, cai trị dân hà khắc, độc tài, đau khổ lấy chi đo lường cho được?”

Ông râu kẽm đập đầu binh binh xuống sàn, khóc lóc lạy lạy, xem bộ lão này tư cách kém lắm. Sau một hồi sụt sùi ông bảo:

“Thưa ngài, bạn bè tôi cũng toàn thứ tội lỗi đầy mình, khi nào cũng sẵn sàng giết tôi để tranh giành ngôi vị. Không giết họ, thì họ cũng giết tôi. Còn giết hại nhân dân, thì phải giết để củng cố chế độ. Đầy ải lên Tây Bá Lợi Á, để có dân lao động, và dần mặt những kẻ không tuyệt đối phục tùng. Thưa Diêm Vương, nếu ngài ở địa vị tôi, và muốn giữ ngôi vị, thì cũng hành động như thế thôi.”

Cựu Diêm Vương ngồi dậy, khoát tay nói lớn:

“Thôi thôi! Đừng nói thêm những lời bỉ ổi, nghe bẩn tai. Tăng cực hình cho nó thêm hai ngàn năm nữa cũng chưa xứng! À, mà thôi, bây giờ thì để tân Diêm Vương quyết định.”

Tôi hỏi ông mặt thịt, có nốt ruồi trên mặt:

“Này ông kia, tại sao sau khi thù gồm được nước Trung Hoa, ông bày đặt chi đủ thứ, nào là đại trại, nào là cách mạng văn hóa, hàng trăm triệu người chết tức tưởi, vì tư tưởng điên khùng của ông. Cả tỉ người tận cùng đau khổ. Đói và chết đói hàng chục triệu người. Trong lúc ông ăn chơi xa xỉ, gái và rượu vô độ. Lại còn hành hạ, giết chóc những kẻ thân tín, những bạn bè đã đưa ông lên địa vị đó?”

Ông già mặt xám ngất, chắc đã thấm những đòn nhục hình của lũ quỷ, ông không còn dáng dấp phong cách của một bạo chúa nữa. Ông lạy dài rồi quỳ xuống, hai tay che ngang trán, như dáng điệu trong phim Tàu:

“Muôn tâu bệ hạ. Thần đã biết tội lỗi của mình. Bệ hạ thử nghĩ cai trị cả một tỷ dân, thứ dân ưa xưng hùng xưng bá, nếu không độc tài, hà khắc thì làm sao giữ được ngôi vị. Năm bảy chục triệu người chết thì đã thấm gì so với tổng số dân. Phải bày đặt ra đủ thứ như cách mạng văn hóa chẳng hạn, để loại bỏ những kẻ có tư tưởng thiếu trung thành với tại hạ. Những kẻ thù tức của tại hạ mà bị loại bỏ, hành hình, cũng vì dám có tư tưởng phê phán tại hạ. Phần ăn chơi, thì xứ của tại

hạ, xưa nay vua chúa nào cũng vậy. Tại hạ được làm vua, mà không hưởng thụ cũng uổng lắm sao? Mấy chục năm nay bị hành hình không ngớt, tại hạ biết tội lỗi, đã ăn năn lắm rồi. Xin ngài khoan giảm tội cho. Nếu ngài tha, được đi đầu thai lại, xin được làm một nông dân bình thường, có chút ruộng đủ ăn, đủ mặc, có vợ, chỉ lo vui thú gia đình mà thôi, mộng bá đồ vương chỉ mua khổ lụy vào thân!”

Lão nói đến đây, thì có lời lao xao phản đối khắp nơi, hàng triệu tiếng kêu la, yêu cầu để lão đền tội ác đã gây ra. Những lời phản đối này toàn giọng Trung Hoa. Họ hỏi: “Trong thời lão cai trị, mấy ai có được cuộc sống thần tiên như lão mong ước: Có chút ruộng, đủ ăn, đủ mặc, có vợ con.” Lão già úp mặt khóc lóc, không nói nữa. Cự Diêm Vương cũng có vẻ bất bình, khịt khịt trong cổ họng. Tôi sực nhớ lời Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng viết rằng, những người cộng sản thường nói dối một cách tự nhiên, không biết xấu hổ! Nhưng trường hợp này tôi tin lão nói từ mong ước của tâm can.

Tôi kêu cụ già đồng hương, râu ba chòm, áo bốn túi, đội nón cối, đến trước bệ. Mắt ông cụ nhìn lắm lét, có vẻ sợ hãi, chân rách nát vì chông đâm, môi run run làm râu

rung động. Ông cụ bắt chước dáng điệu của ông già Tàu, cũng quỳ hai tay bưng ngang trán. Tôi yêu cầu ông cụ đứng dậy. Trong lòng tôi cũng còn ớn vì những đòn tàn độc mà ông cụ giáng xuống cho nhân dân, làm tôi cũng chung chịu. Tôi hỏi:

“Này, ông cụ! Sao ông nhẫn tâm đem dân tộc vào cuộc chiến khốc hại ba mươi năm? Hãy nhìn ra các nước Á Phi bị trị khác, có xứ không cần đổ một giọt máu cũng giành được độc lập. Tại sao ông đem chủ thuyết dối trá không tưởng về xứ làm đau khổ nhân dân. Phát động chiến tranh liên miên. Không lo xây dựng ấm no hạnh phúc hòa bình?”

Ông cụ đưa tay gạt nước mắt, trả lời với giọng nghẹn ngào.

“Muôn tâu Diêm Vương! Ban đầu tôi cũng chỉ muốn làm thầy thông thầy ký, có một cuộc sống bình thường. Nhưng hoàn cảnh xô đẩy, bố tôi say rượu đánh chết người, bị tước phẩm trật, bị đuổi về quê, tôi học chưa hết nửa lớp Ba phải lang bạt giang hồ. Chỉ mong được làm bồi bếp thợ thuyền yên thân. Gặp các nhà cách mạng Việt Nam ở hải ngoại, khơi dậy trong lòng tôi nỗi nhục mất nước. Tôi theo hoạt động và rồi cũng hoàn cảnh đưa đẩy tôi qua Liên Xô vĩ đại. Các ông này là thầy tôi đây” “ Ông cụ chỉ vào các ông trùm”

“ Các ông thầy đã dạy tôi đủ thứ mảnh khỏe bịp bợm, khủng bố, giết chóc, gạt gẫm, phá hoại, láo khoét, đại ngôn, tàn nhẫn, khoác lác. Những thứ này, luân lý cấm kỵ nhưng lại rất hiệu nghiệm trong việc tranh đoạt quyền hành. Tôi bị lún sâu, kẹt cứng vào cái vòng sai khiến của quan thầy. Không thể làm khác được. Phần chết chóc hàng triệu người thì đâu có thấm vào so với chết chóc ở Trung Hoa, Liên Xô. Dân Việt Nam đau khổ, đói khát, thoái hóa, thì cũng là một hy sinh cho chủ nghĩa cộng sản thế giới. Nếu cần thì cũng nên hy sinh. Mà không hy sinh thì cũng không được, các quan thầy bắt ép làm chiến tranh để gây suy yếu cho thế giới tự bản, gây chia rẽ, có lợi cho đại cuộc của quốc tế cộng sản.”

Nghe đến đây, tôi thấy ông phát khởi cộng sản ở Nga Sô trề môi dưới ra có vẻ chế giễu, còn ông trùm Trung Hoa thì nhếch mép khinh bỉ. Tôi hỏi tiếp ông già:

“Ông có còn tin là “ Không có gì quý bằng... tự do” không?”

“Thưa Ngài , tôi vẫn còn tin” Ông cụ nói mau. “Sông có thể cạn, núi có thể mòn, niềm tin đó không bao giờ thay đổi. Tự do quý lắm. Biết là quý, nên tôi lấy hết tự do của nhân dân, chỉ còn dành cho họ tí ti thôi, rất ít

thôi, để họ ngoan ngoãn tuân phục tuyệt đối. Nếu không, thì tôi lấy thêm mất cái tí ti còn lại, thì hoàn toàn hết tự do, khổ lắm. Những điều đó tôi học rất thuộc từ thầy truyền cho. Đại khái là “bạo lực cách mạng”, “chuyên chính vô sản”.”

Tôi hỏi thêm:

“Thật là vô sản không? Sao các ông lãnh tụ nào cũng sống đế vương, dâm dật, phung phí?”

Các trùm không được hỏi nhưng cũng nhao nhao lên đồng điệu:

“Phải nói thế để gạt những kẻ nhẹ dạ, gạt nông dân thợ thuyền ngu dốt, mới đưa họ vào tròng được. Khoâng thì ai theo mình?”

Tôi thở dài chán nản. Cụu Diêm Vương nói nhỏ với tôi rằng: “Bọn chúng có tiền thân là quỷ cả. Thứ quỷ dữ dần nhất. Được sai xuống trần gian gây tai họa”. Tôi nghĩ rằng, Thượng Đế bắt công khi dùng lũ quỷ này để trừng phạt nhân gian. Bọn họ gây khổ đau cho toàn dân, từ người tốt đến kẻ xấu. Những người có lòng, thì khốn đốn cơ cực sống với bọn chúng. Những kẻ xấu xa thì theo bè đảng quỷ, cho nên bớt cơ cầu hơn.

Tôi cho gọi ông già râu viết chủ thuyết quỷ đến hỏi tội. Ông phân trần:

“Tôi nguyên là một nhà báo, cảm được cái đau khổ của thợ thuyền bị bóc lột, viết lên những suy nghĩ cá nhân. Ước mơ xã hội được đổi thay. Những ý nghĩ của tôi thì đúng vào cái thời điểm tôi viết ra. Tôi không ngờ những điều tôi viết, đã được bọn quỷ sứ khốn nạn này dùng để lừa gạt thế giới, gây đau khổ cho nhân loại, làm đau đớn, chết chóc, âu lo, cơ cực cho cả tỷ người trên thế giới bao nhiêu năm. Dù sao tôi cũng vô tình tiếp tay cho chúng, tội lỗi của tôi cũng tày đình, khó tha thứ. Tôi xin hoàn toàn nhận tội và nhận hình phạt. Nhưng cúi xin Ngài, cho tôi được bớt cực hình. Đau đớn quá. Thảm khốc quá.”

Tất cả bọn họ đều nằm rạp xuống, đập đầu bình bình lên sàn, xin được bớt hình phạt. Rồi lại khóc rống lên thảm thiết. Tôi thấy phía dưới những ông trùm, là người đàn bà cầm đầu “Tứ Nhân Bang” trong cách mạng văn hóa ở Trung quốc, tôi định kêu lại hỏi mấy câu, nhưng sức nhớ bà đã vỗ háng trước phiên tòa xử bà khi bị truất phế. Tôi sợ bà làm ầu, mất mặt nên lờ đi.

Tôi nhìn quanh địa ngục, thấy nơi nào cũng đầy tiếng kêu la thảm thiết, đau đớn, khóc gào. Những hình phạt dã man, tàn bạo. Con người ở thế gian còn nhân đạo hơn gấp triệu lần. Con người ở thế gian dù có kẻ xấu,

người tốt, nhưng không có luật lệ nào cho phép tra tấn nhục hình. Tôi lớn tiếng truyền ngưng tất cả những hành hình, làm lũ quỷ ngờ ngác, và tội nhân cũng ngạc nhiên không kém. Tôi đứng dậy, và nói, tiếng của tôi vang khắp chín tầng địa ngục, vang khắp ra xa ngàn ngàn dặm:

“Ta là tân Diêm Vương! Truyền phán cho tất cả biết, luật lệ ở đây đã cũ cả triệu năm, không còn hợp thời nữa. Cần được thay đổi, sửa chữa. Trong khi chờ đợi, tất cả những cuộc hành hình đều tạm ngưng.” Nói đến đây thì tiếng reo vui khắp chín tầng địa ngục vang dội. “Tất cả quỷ đầu trâu mặt ngựa đều phải tụ họp lại ở tầng thứ chín để chờ lệnh mới. Tất cả tội nhân đều được tự do đi lại, thăm viếng nhau, gặp gỡ, chuyện trò. Ta tin rằng, không còn ai muốn gây rối nữa.”

Cựu Diêm Vương mặt mũi tái mét, chạy đến bên tôi, ông gào lớn:

“Phá hoại hay sao? Làm loạn? Xưa nay làm gì có chuyện như thế này? Người lãnh hết trách nhiệm đó!”

“Thưa cựu Diêm Vương”, tôi ôn tồn nói, “con người trên thế gian được tạo nên, gồm cả tốt và xấu lẫn lộn. Con người phải chiến đấu trường kỳ với cuộc xung khắc tốt xấu trong lòng. Khi cái xấu thắng, thì họ làm bậy.

Tội lỗi nào cũng có thể được tha thứ, không ai hoàn toàn xấu, mà cũng không ai hoàn toàn thánh thiện. Dùng cực hình để trừng phạt tội lỗi là một điều sai lầm. Cần được bãi bỏ.”

Tôi truyền quỷ sứ phá bỏ đồng chông, lấp hố vạc dầu, phá tan hỏa ngục, phá nát và đem chôn tất cả hình cụ, những thứ vũ khí của quỷ sứ địa ngục đều bể gãy, phá vỡ hết. Chỉ trong chớp mắt, toàn thể địa ngục đều thay đổi hẳn. Không còn tiếng đau đớn kêu gào, không còn hình phạt nào nữa cả. Không ai bảo, mà các nhạc sĩ làm đủ thứ nhạc cụ, đàn ca vang rân, thi sĩ làm thơ ngâm nga, những họa sĩ vẽ tranh và nơi các môn thể thao tràn ngập. Con người không cần lo cơm áo, mà quyền hành thì không ai dám tư tưởng nữa, vì đó là đầu mối của mọi hệ lụy, khổ đau. Cho nên tất cả đều lo vui chơi thôi.

Trên một sân rộng mênh mông, nhạc trống rập rình, nhạc công cả ngàn người, đủ các thứ nhạc cụ đang hòa tấu, thiên hạ nhảy múa theo nhịp điệu. Cựu Diêm Vương ở trần, mang xà lỏn dài đến đầu gối, lông ngực xồm xoàm, đang dẫn vợ nhảy một bản Tango ở cuối sân, mùi mẫn. Quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa cũng nhảy múa, chơi nhạc. Nhảy nhót mệt thì nằm nghỉ, xuống sông tắm, bơi lội,

chơi xuống, rồi nghe ngâm thơ, kể chuyện. Đàn ông, đàn bà rủ nhau tụ họp, chuyện trò, vui chơi không mệt mỏi. Nơi đây không còn sự sinh nở, không có ai chết, không đói rét, không khổ đau, không có tiền bạc, không có danh vọng để đua tranh, không có quyền hành để tham vọng. Ai ai cũng chỉ vui chơi thỏa thích. Không ai lo chuyện gì cả.

Tôi truyền phá hủy cả ngai vàng của Diêm Vương, và đốt luôn cái áo bào Diêm Vương thành tro bụi. Tôi ngồi xồm ở vực thẳm, nhìn thiên hạ vui chơi, và chợt nhớ vợ, nhớ con, nhớ bạn bè. Tôi chợt mừng, vì những người thân của tôi, nếu có chết đi, may về thiên đàng thì thôi, có xuống địa ngục cũng được vui chơi, khỏi bị hành hình đau đớn, cực khổ. Tôi ngồi nhìn rộng ra cả vương quốc địa ngục, thấy mấy ông bạo chúa, lãnh tụ, đang tùm năm tùm bảy đánh bài tây, người nào thua thì bị búng vào trái tai. Họ cũng vui cười thoải mái, không ông nào toan tính cuộc khởi loạn, cách mạng hoặc tranh giành. Xa hơn nữa, trên sân nhảy, hàng ngàn phụ nữ nhan sắc mỹ miều, người thì ăn mặc hở hang, phơi đùi, phơi ngực, đang ồng ẹo múa máy, người thì ăn mặc theo lối xưa mấy trăm năm trước, họ múa quạt, múa lụa. Cựu

Diêm Vương mệt thở hổn hển sau khi nhảy một bản nhạc “rock and roll”, đến ngồi bên tôi. Ông chỉ cho tôi biết bà nào là Tây Thi, bà nào là Bao Tự, Dương Quý Phi, Viên Viên, Cleopatre ... Tôi hỏi ông tại sao đàn bà đẹp ở địa ngục đông đảo? Ông cho biết không có bà nào đẹp mà được về thiên đường cả. Ở thiên đường toàn là đàn bà xấu xí hoặc có nhan sắc tầm thường. Tôi hỏi ông, có khi nào động lòng tà dâm hay không, khi đàn bà đẹp để vây quanh? Ông rùn vai lại và bảo rằng chán lắm, nhan sắc họ thì nghiêng nước nghiêng thành, nhưng khi đã biết rõ cuộc đời họ, thì cũng ớn tận cổ. Chỉ những tên ngu dại mới đắm vào lãnh đầu máu.

Một đám đông mấy ngàn người sắp đi về trần gian đầu thai, đến năn nỉ tôi xin ở lại địa ngục, khỏi về lại làm kiếp người. Tôi bảo ai muốn làm gì thì làm, muốn ở thì ở, muốn đi thì đi. Tất cả bọn họ vui vẻ xin ở lại với các cuộc chơi đang dang dở. Thực ra, thì tôi chẳng còn quyền hành gì nữa, mang cái hư vị mà thôi. Đám đầu trâu mặt ngựa quý sứ, xem như quân đội, đã được giải tán. Ngai vàng đã phá, áo bào đã đốt, ấn tín đã quăng bỏ.

Tôi được thông báo là có thiên thần do Thượng Đế sai xuống thanh tra địa ngục. Việc thanh tra định kỳ này, mấy trăm năm một lần. Hai ông thiên thần mặc áo trắng, ôm một cặp giấy tờ dày cộm và cầm một cái hộp nhỏ như bao diêm. Cái hộp này có thể ghi lại tất cả dữ kiện trong trời đất và phát ra mau lẹ chớp nhoáng. Một ông thiên thần da đen, một ông da trắng. Hai ông nhìn tôi và Cựu Diêm Vương với ánh mắt bất bình. Sau khi nghe tôi giải thích, vị thiên thần da đen ra sàn nhảy nhạc “rock” cùng với đám nam nữ đang nổi hàng dài, vị thiên thần da trắng thì xin ra nhập đội bóng đá. Họ vui chơi, tham gia từ nhóm này qua nhóm kia. Họ bảo ở địa ngục vui quá, không muốn trở lại trời nữa. Ở thiên đàng thì chỉ có thông thả, vô lo, nhàn rỗi, lơ lửng... nhàm và chán lắm. Địa ngục có đủ thứ vui chơi, rượu cũng ngon hơn, đàn bà cũng đẹp hơn, nhạc cũng sống động hơn, thơ văn cũng đa dạng hơn.

Hai vị thiên thần mừng vui chơi, cho tới khi nhận được công điện thứ tư của thượng đế, mới thu thập dữ kiện, và chào ra về với vẻ luyến tiếc, vừa đi vừa ngoảnh đầu trông lại.

Hai vị thiên thần vừa về không lâu, thì ầm ầm một phái đoàn từ Thượng Giới xuống

bắt tôi và Cựu Diêm Vương về hỏi tội. Cựu Diêm Vương mặt xanh như tàu lá, run run nói với tôi:

“Tất cả mọi chuyện đều do cậu đặt bày ra cả? Tôi không chịu trách nhiệm đâu! Cậu liệu sao mà trả lời với Thượng đế cho trôi chảy. Lần này thì chết cả đám.”

Thiên thần giục tôi mang áo bào, đội vương miện, mang hia để đi gấp. Tôi bảo áo mảo đã bị đốt hết. Thôi thì có sao mặc vậy. Tạm thời nhét cái áo nhàu nhò vào quần và đi đôi dép đứt quai. Còn cựu Diêm Vương thì chân đất mang xà lỏn, kiếm được cái áo cánh rách không tay khoác tạm. Chỉ thoáng chốc, chúng tôi đã đứng trước sân rồng của Thượng Đế. Tôi thấy Thượng Đế mặt phương phi đỏ ửng, có lẽ ngài cũng bị áp huyết cao, Thượng Đế có vẻ giận lắm, đến nỗi nói cà lăm mà xỉ vả chúng tôi:

“Kìa! Dơ dáy quá! Xấu hổ quá! Trông chẳng khác chi hai đứa không nhà lang thang ngủ đầu đình xó chợ. Áo mảo hia giày đâu? Ai cho phép các người xáo trộn trật tự đã bày ra từ thuở khai sinh trời đất? Tại sao?”

Cựu Diêm Vương run rẩy chỉ vào tôi. Đổ hết tội lỗi cho tôi. Phần tôi thì cũng lo lắng thật, nhưng cũng biết không thể làm gì khác. Tôi thông thả trình bày đại ý rằng, luật lệ đã

xưa cũ, không hợp thời nữa. Hình phạt quá tàn nhẫn, khổ khe, án quá nặng và quá lâu. Lỗi làm nào cũng có thể tha thứ. Đau đớn thể xác chỉ gây sợ hãi chứ không cảm hóa được ai. Những người đang ở địa ngục hôm nay, đều đã nhận ra tội lỗi của họ, và không ai muốn tái phạm nữa. Họ đang vui thực sự với đời sống sung sướng ở địa ngục. Thượng Đế vẫn chưa nguôi giận, hình như Ngài chẳng thèm để ý đến lời biện bạch của tôi. Ngài nhìn thấy cái vòng khâu trên trái tai của cừu Diêm Vương mà nhăn mặt khó chịu. Ngài lầm bầm:

“Dơ dáng dạng hình, còn bắt chước lũ nhóc khâu vòng tai! Chẳng còn cái thể thống chi cả. Nghe theo lời thẳng phản loạn làm đảo lộn trật tự.”

Thượng Đế ho một chuỗi dài, tiên nữ đứng hầu bưng cái ống nhỏ bằng ngọc, Ngài khạc cục đàm xanh lè, to tướng, nhỏ toẹt vào ống. Ngài khản giọng chỉ vào tôi phán:

“Thằng giặc con này! Phá rối trật tự trời đất. Tội người lớn lắm. Nếu địa ngục mà sung sướng vui chơi như vậy, thì lấy ai để trị tội những kẻ tội lỗi ở thế gian? Như thế thì sinh đại loạn. Mà thế thì bất công với những kẻ được rước về thiên đàng. Ngay cả thiên thần đi thanh ra, cũng ham vui muốn ở luôn địa ngục, không muốn về. Vui thế thì chính ta

cũng ham nữa, nói chi kẻ khác. Ta tuyệt đối cấm người lãng vãng cách địa ngục hai triệu dặm, mà... mà, dĩ nhiên người cũng không được phép ở thiên đàng. Ta cũng ngại người tuyên truyền phản động.”

Rồi ngài phán cấp phát áo mao giầy hia cho Cựu Diêm Vương, buộc trở về địa ngục, tái lập trật tự, xây dựng lại địa ngục y như cũ, không được đổi khác. Cựu Diêm Vương ra đi, còn quay lại nháy mắt với tôi. Đi một quãng xa, tôi thấy Cựu Diêm Vương đưa ống tay áo quẹt nước mắt.

Tôi nhìn qua bên đám thiên thần đang đứng xem, nhận diện được hai vị đã xuống đón tôi lần trước, và họ đã tranh nhau với quỷ sứ, tôi mỉm cười cúi mình chào, hai vị quay mặt đi, vờ như không quen biết, có lẽ hai ông cũng sợ liên lụy chẳng?

Theo lệnh Thượng Đế, mười hai thiên thần xốc nách áp tải tôi về trần thế! Chỉ nhấp nháy đã đưa tôi len qua cửa, vào nhà. Trong nhà vắng ngắt, đồ đạc bừa bãi. Cái xác của tôi cũng không còn nằm đó nữa. Vị thiên thần đầu đàn đưa tay lên mắt, như cầm ống dòm nhìn quanh, rồi ra dấu xốc nách tôi đi. Họ đưa tôi đến nhà đòn đám tang. Tôi thấy cái xác tôi

nằm trong hòm, mang kiếng cận, mặt mày tô son trát phấn, bà con và bạn bè tôi xếp hàng dài buồn bã, để đi qua nhìn tôi lần cuối. Vợ con tôi xanh xao phờ phạc mang áo tang. Hai vị thiên thần ném cái hồn tôi nhập vào xác.

Tôi lồm cồm ngồi dậy từ trong quan tài. Vợ con tôi, bạn bè, sợ hãi la hét đập nhau chạy. Vị sư tụng kinh cũng quăng chuông mõ chạy rách cả áo cà sa. Mấy ngọn đèn cầy bập bùng cháy. Tôi khát như cháy cổ, nhổ ra mấy hạt gạo và một khâu vàng. (Có lẽ gia đình đã nhét vào mồm tôi theo tục lệ cũ). Tôi lạng quạng bước xuống sà, đến vòi nước uống một hơi đã khát.

Chung quanh tôi vắng ngắt, mọi người đã cao chạy xa bay, dép rơi ngổn ngang trên sà. Tôi chóng mặt ôm đầu. Một lúc sau mười xe cảnh sát hú còi inh ỏi vây quanh. Mười mấy cảnh sát núp sau xe, mặt mày căng thẳng nghiêm trọng, chĩa mũi súng run run về phía tôi. Tôi đưa tay vẫy chào và toét miệng cười. Vài ông cảnh sát hết hồn làm cướp cò súng nổ. Tôi lẩm bẩm buồn bã: “Thiên đàng không nhận, địa ngục không dung, đâu có chuyện phải sống đời đời trên thế gian này?”

Xứ Khỉ Khộn

(Kể Chuyện Cho Đồi Sau Nghe)

(Dẫn Nhập: Thời cuộc đổi thay, nhiều chục năm nữa, không ai còn tin những chuyện vô lý đã xảy ra trên trái đất này. Đây là một câu chuyện truyền khẩu bí mật thích thú và đau khổ trong một thời gian dài)

Vào một đêm đã khuya, trăng sao lờ mờ, giữa mùa xuân năm 1975, đoàn thám hiểm Phi Châu gồm bảy nhà sinh vật học người Na Uy đang bị bộ lạc khỉ vây hãm tấn công mà không biết. Người canh gác uể oải ngồi cầm súng ngáp dài nhìn ra xa, ông cũng không ngờ hiểm nguy đang gần kề. Sáu người khác đang ngủ yên giấc trong lều sau nhiều ngày theo dõi sinh hoạt của bộ tộc khỉ đặc biệt này. Đây là một giống khỉ đã biết tổ chức thành một xã hội có sinh hoạt cộng đồng, phân công, thứ bậc và có tiếng nói

riêng của chúng. Khi đoàn thám hiểm đến cắm trại quay phim để quan sát sinh hoạt của giống khỉ, thì chính họ cũng bị quan sát, bị dòm ngó bởi nhiều con khỉ núp kín trong các tàn cây rậm rạp. Không có một hành động, một cử chỉ nào của đoàn thám hiểm mà không được đám khỉ ghi nhận và đem về báo cáo lại cho chúa khỉ ngồi trên ngai vàng, là một cây cổ thụ xum xuê. Chúa khỉ ngồi trên chạc ba của cây cổ thụ, lưng dựa vào cành lớn, chân co chân duỗi, tay gãi háng, miệng chu dài ra, nghe báo cáo và nhận xét về bảy nhà sinh vật học. Chung quanh chúa khỉ, trên các nhánh cây chung quanh, có mười hai con khỉ cao cấp nhất trong triều đình cũng đang nằm dã dượi, lắng tai theo dõi. Một con khỉ cầm đầu toán trinh sát, ho khạch khạch ri trình tấu:

“Thưa ‘đồng khỉ chủ tể’ đây là một giống khỉ lạ lắm, còn thấp kém, man rợ. Trí óc còn thô sơ ngu muội, chưa được khôn ngoan. Bọn chúng chưa biết kỹ thuật leo trèo. Chưa biết phải ngủ trên cành cây để tránh muông thú rắn rết. Chúng ngủ ngay trên mặt đất, rất nguy hiểm. Chúng chưa biết chống tay xuống đất mà đi bằng bốn chân cho thăng bằng, vững chắc. Đi thì loạng choạng trên đôi chân, trông tức cười và xấu xí vô cùng.

“Thưa chúng nó dùng da thú bó bàn chân lại nên ngón chân nhỏ tí xíu, ngắn ngắn, mất hết khả năng cầm đồ vật bằng chân. Không leo trèo được là phải.

Một giọng nữ the thé báo cáo tiếp:

“Bọn này mặt bẹt, miệng ngắn, môi mỏng, mũi nhô ra, trông vô cùng xấu xí dị hợm. Mới nhìn thấy là đã ghê tởm khiếp đảm. Răng chúng nhỏ tí xíu, xem bộ không cắn xé được ai.

“Chúng còn dùng vỏ cây, hay một thứ lá gì đó rất lớn, bao lấy thân mình, có lẽ vì vậy nên rụng hết lông, có nhiều nơi trên thân mình, da thịt trắng hếu đưa ra, trông thật ghê tởm như khi bị ghẻ lác nặng nề rụng hết lông lá. Nhìn vào ớn lạnh cả mình.

“Bọn này vô cùng dơ bẩn, hình như bọn chúng ăn thịt thú vật. Dã man như loài chó rừng, như loài beo, cọp. Khi ăn thì dùng nhánh cây và miếng đá mà khều thức ăn vào miệng.

Chúa khỉ chớp chớp mắt, rồi làm bầm trong miệng : "Lạ nhỉ, lạ nhỉ. Nhưng ta hiểu hết cả rồi". Tiếng báo cáo tiếp theo:

“Một điều ngu dại nhất của chúng, và nguy hiểm cho cả sinh mạng, là dám chơi với lửa. Bọn này không những đốt lửa nhiều lần mỗi ngày, mà còn ngu xuẩn bỏ thức ăn trên

lửa trước khi ăn. Làm mùi thối tha khét lẹt bay ra dơ bẩn cả bầu không khí trong lành. Ban đêm, bọn này còn nuôi một ngọn lửa nhỏ treo trên cây khô của chúng. Nếu cháy, thì chết cả bọn, và cháy cả khu rừng , rất nguy hiểm cho tất cả chúng ta nữa.

Mỗi buổi sáng, bọn này đứng cong lưng, dùng que khoắng liên tục trong miệng, cho đến khi phèo bọt mép ra, rồi nhổ phù bọt trắng xóa xuống đất. Không biết để làm gì.

Chúa khỉ bóp trán suy nghĩ, tìm lời giải thích, nhưng chưa tìm được, thì có lời báo cáo khác :

“Bọn này có đứa còn ăn khói, không biết làm sao mà có khi khói bay ra mù mịt trong miệng chúng. Bọn này đúng là còn man dã lắm. Một số trong bọn chúng, còn lấy dây và que, quàng buộc quanh mắt, không biết để làm gì, và khi nắng lớn, thì còn che mắt bằng hai miếng đá màu đen.

Trong lúc nghe báo cáo, mặt chúa khỉ nhăn lại như mặt khỉ. Nghe xong, thì ông động lòng trắc ẩn thương xót cho một giống khỉ tương cận ngu dại, dã man. Hắt hơi một tiếng, rồi chúa khỉ khóc ròng. Thấy chúa khỉ khóc, thì cả mười hai con khỉ trong bộ tham mưu cũng khóc theo, kêu gào thảm thiết. Sau đó, thì như một bệnh truyền nhiễm, tất cả đàn

khỉ trên các cành cây quanh vùng đều khóc, tiếng khóc chuyển đi từ cây này qua cây khác, và cả bộ tộc khóc theo chúa khỉ, dù chúng không biết nguyên nhân nào đã gây nên tiếng khóc. Khóc xong, miệng chúa khỉ còn nhe nhai nước bọt, nói giọng run run xót xa:

“Tội nghiệp thay cho chúng. Chúng ta phải tận tình giúp đỡ, tận tình giáo hóa cải tạo cho chúng.”

Mười hai con khỉ trong ban tham mưu triều đình đồng lặp lại lời chúa khỉ như hát điệp khúc:

“Tận tình giáo hóa cải tạo cho chúng.”

Tiếp theo đó, vang lên trong các cành cây xa gần: “... giáo hóa cải tạo cho chúng, giáo hóa cải tạo cho chúng ...”. Những con khỉ khác gào theo, có lẽ chúng không hiểu đầu đuôi câu chuyện, nhưng cũng lặp lại y lời chúa khỉ nói.

Chúa khỉ họp ban tham mưu bàn luận, để lấy quyết định tập thể về kế sách giúp đỡ bảy con khỉ man dã tội nghiệp kia. Có khỉ bàn rằng, chúng nó còn dã man quá, khó mà cải tạo được. Tốt nhất là đuổi chúng ra khỏi khu rừng, để cái hình dáng xấu xí của chúng khỏi làm bẩn mắt bà con, và cái sinh hoạt dơ dáy nguy hiểm kia khỏi ảnh hưởng đến con dân của xã hội này. Có ý kiến là nên tiêu diệt

chúng đi cho khỏe. Chúa khỉ bóp trán rồi một tay để lên ngực bên trái, chỗ trái tim mà nói:

“Thấy đồng loại khốn khổ ta không đành lòng. Ta muốn giúp chúng, học tập cải tạo theo nếp sống văn minh tiên tiến, thoát ra khỏi màn ngu tối dốt nát. Các 'đồng khỉ' nghĩ sao?

“Nhất trí. Nhất trí. Ý kiến của chủ tể là vô địch, là sáng suốt, là ánh sáng chân lý muôn đời.

Cả mười hai con khỉ trong ban tham mưu đồng thanh nói một lời trên như đã thuộc lòng từ trước. Và tiếp theo đó, những con khỉ đang đánh đu từ những cành cây xa, cũng đồng lập lại " ... ánh sáng chân lý muôn đời , ánh sáng chân lý muôn đời. "

Cuộc bao vây tấn công đoàn thám hiểm, được chúa khỉ đặt cho là chiến dịch tình thương. Vì tình thương mà hành động. Để cứu giúp bảy con khỉ còn man dã kia được ân sủng của chúa khỉ, ra khỏi đời sống hôn mê bất hạnh. Đám khỉ tấn công bò dần đến trại của các nhà thám hiểm, với những bước đi vô cùng nhẹ nhàng, không gây một tiếng động trên đất cỏ, lá mục, rồi bất thần xông lên, đè sập lều trại, đè cứng bảy con người yếu đuối, bắt họ dễ dàng. Người canh gác cũng chưa kịp nhìn ra kẻ tấn công, thì đã bị bắt

ngay. Bọn khỉ cũng không ngờ thành công dễ như vậy. Mà đám khoa học gia cũng không ngờ họ bị tấn công bất thần. Bọn khỉ la mừng vang dậy khu rừng già: "Hoan hô chủ tể. Muôn đời bách chiến bách thắng. Liệu việc như thần. Quyết định không bao giờ sai lầm" Câu hoan hô được lặp đi lặp lại nhiều lần vang dội trong đêm trăng mờ. Những con khỉ đang ngủ trên cây chợt tỉnh giấc cũng lơ mơ lặp lại: "...không bao giờ sai lầm." Đám khoa học gia khiếp đảm, và nghĩ rằng, họ không có một cơ may nào sống sót. Họ bị nhốt vào một hang đá đầy kín. Bên ngoài có nhiều khỉ canh gác kỹ càng. Tất cả lều trại bị phá tan, chúng đập bể những dụng cụ, máy móc, và thức ăn quăng bừa bãi trên mặt đất.

Sáng hôm sau chúa khỉ họp cùng quần thần dưới gốc cây lớn, trên một vùng đất khô ráo bằng phẳng, có nhiều bờ lầy khỉ, có nhiều vị khỉ được liệt vào hàng thông thái trong xã hội đó tham dự. Hàng ngàn dân khỉ quây quanh trên mặt đất, trên cành cây, trên tảng đá, để xem loài khỉ lạ. Lũ khỉ trẻ nít, không được bố mẹ bông ra xem, vì ngại chúng sợ cái xấu xí dữ dằn khủng khiếp của cái loài khỉ lạ này mà chết giấc. Bầy nhà sinh vật học được giải tù trong hang ra. Tóc tai họ bù xù, mặt mày hốc hác, áo quần xốc xếch. Ba phụ

nữ trong số bảy nhà khoa học này mặt xám ngoét, run sợ và ôm mặt khóc. Vợ của chúa khỉ ngồi bên cạnh chồng đưa hai tay bịt mắt, vì không muốn nhìn thấy bảy con sinh vật quá xấu xí, dị hợm. Bà lẩm bẩm cùng chồng:

“Không thể gọi giống này là khỉ được. Xấu xí như thế mà liệt vào giống khỉ, thì có tổn thương đến danh dự chung của loài khỉ chúng ta không? Thần thiếp nhất thiết không xem chúng là đồng loại được. Ai cho rằng giống hạ tiện đó cùng loại với chúng ta? Nói cho thần thiếp biết !

Chúa khỉ lườm mắt nhìn phu nhơn và nói nhỏ: "Bà căm cái mồm thối của bà lại không? Ai cho bà được bàn vào việc quốc gia đại sự". Nữ hoàng khỉ nhìn xuống không dám cãi, nhưng miệng còn lầu bầu những lời không rõ.

Một con khỉ lớn kệnh càng, mặt mày tay chân lông lá, khệnh khạng đi đến trước mặt một nữ khoa học gia, đưa tay chụp áo cô và xé một cái toạc, lột cô trần truồng trước đám đông triều đình. Cô thét lên một tiếng thất thanh, và nghĩ rằng không khỏi bị làm nhục. Khi thấy cô trần truồng, da thịt trắng toát, không lông lá gì cả, thì vua khỉ, hoàng hậu, quần thần cùng dân khỉ cười vang sảng sặc vì thấy cái xấu xí lạ lùng của loài người. Sau

một hồi lâu tiếng cười hạ dần. Một vị thông thái khỉ phán lớn:

“Đúng là những thứ lá cây bao bọc thân thể đã cọ xát, làm lông rụng hết. Chỉ ba nơi còn lông là trên đỉnh đầu, dưới nách và dưới háng lưa thưa mà thôi. Bọn này ngu xuẩn, không biết lông trên da để bảo vệ muỗi mòng, che mưa nắng, thời tiết nóng lạnh. Thế mà làm rụng hết, ngu như vậy thì cũng hết nước nói. Xem đây, da thịt trên thân thể trơn lu, ghê tởm, nhìn phát khiếp, còn hơn là bị bệnh ghẻ lác nặng nề. Tội nghiệp thay, tội nghiệp thay.

Vị thông thái nói đến đây, thì vua khỉ mũi lòng rơm rớm nước mắt xót thương. Sáu nhà sinh vật học còn lại, cũng bị giựt phăng áo quần, để giải phóng cho họ khỏi bị áo quần cọ xát làm rụng lông. Họ co ro vì lạnh, cánh tay xuôi xuống kẹp vào hai chân. Một chị khỉ đến vạch háng nữ khoa học gia ra mà nhìn, rồi lắc đầu, nhỏ toẹt một bãi nước bọt xuống đất, như ghê tởm lắm, bỏ đi. Chị khỉ nói: "Trông xấu xí, không giống cái gì cả". Một nhà khoa học, bị gỡ cái kiếng đeo mắt. Chúa khỉ cầm cái kiếng áp lên mắt, rồi nhăn miệng dưới trề ra dài thòng, nói lảm bảm:

“Ngu xuẩn thật, dùng cái này che mắt cho mờ đi, không thấy gì rõ cả. Tại sao lại ngu như thế được? Nếu ta không có lông

thương bao la, mà giải phóng cho, thì bọn mày còn sống trong u mê ám chướng mãi.

Nói xong, chúa khỉ để cái kiếng đeo mắt trên thân cây, rồi đập mạnh tay xuống, cái kiếng bể vụn, tan tành. Nhà khoa học bị gõ kiếng kêu ư một tiếng vì tiếc của. Một con khỉ đến cầm bàn chân của nhà khoa học đưa lên cao cho đám khỉ xem, rồi cầm từng ngón chân lắc lắc, nói lớn:

“Đây là kết quả tai hại của việc dùng da thú bó chân lại. Những bàn chân này vô dụng, vụng về, làm sao mà nắm vào cành cây, cầm nắm vật gì được? Loài khỉ này tiến hóa còn chậm lắm, có lẽ cả hàng chục triệu năm nữa, mới theo kịp chúng ta bây giờ.

Ông khỉ này, cầm mấy chiếc giày nằm ngổn ngang trên đất, mà xé toang tan tành thành từng miếng nhỏ. Ông bảo rằng phá bỏ, đào tận gốc, trốc tận rễ cái cội nguồn của thoái hóa ngu dốt may ra mới cứu được bầy con khỉ dã man này. Một con khỉ khác, lôi những thức ăn của các nhà khoa học ra trình với chúa khỉ. Nó lôi ra một hộp bơ, lấy cành cây mà khoắng, rồi chu mũi lại như ghê tởm lắm. Đưa cành cây còn dính bơ vàng khè lên cao, và nói:

“Bọn này phóng uế ra rồi ăn lại. Rõ ràng, phân lỏng vàng khè, hôi ớn óc. Các 'đồng khỉ' xem đây! Ặc, Ặc bắn thử.”

Tất cả bộ lạc khỉ đều rùn vai, ghê tởm, kêu lên nhiều tiếng khếch khếch. Con khỉ lôi ra một tấm kẹo sô cô la lớn, rồi dong lên cao, nói:

“Chúng còn ăn cả từng tảng đất bùn khô. Không những thế, chúng còn dự trữ rất nhiều thịt thú vật chết để ăn. Thật là dã man, ghê khiếp. Đây này, nhìn tận mắt, chứ nghe nói thì không ai tin đâu.”

Chúng lôi ra một bao kẹo lớn, đủ màu xanh đỏ vàng tím, và cho rằng đây là một loại đá vụn. Nói rằng lũ dã man này ăn cả đá. Chúng dâng lên để chúa khỉ xem xét. Chúa khỉ cầm mấy viên kẹo lật qua lật lại để xem là thứ gì, có vài viên ướt, làm nước đường chảy ra tay. Chúa khỉ lau vào mình cũng không sạch, bèn đưa tay lên miệng mà mút. Ông cảm thấy vừa ngọt, vừa chua, ngon miệng quá, ông lấy một viên kẹo, bỏ vào mồm. Ngon đến nhức răng. Trong đời ông chưa bao giờ được nếm mùi vị ngon ngọt như thế này. Chúa khỉ giả vờ nhè viên kẹo ra, nhăn mặt, phán xuống phía dưới:

“Đây là một loại đá có chứa rất nhiều chất độc, vô cùng nguy hiểm. Không ai được

cất giữ tàng trữ các thứ này. Hãy gom lại và đưa cho ta.”

Bọn khỉ gom các loại kẹo của các nhà khoa học dâng lên chúa khỉ. Ông cất vào hốc cây nơi ông ngủ, rồi tính chuyện chờ đêm xuống, không ai thấy, móc ra ăn dần. Còn những thỏi sô-cô-la mà chúng gọi là đất bùn, thì sau này bọn kiểm soát đem cất riêng rồi chia nhau ăn, không ai biết. Chúng còn ăn thử cả những viên thuốc mà các nhà khoa học đem theo để chữa bệnh, nên có một số khỉ bị phản ứng thuốc. Chúng quăng bừa bãi, đập tan nát đồ đạc dụng cụ của các nhà khoa học bên góc rừng.

Đang giữa buổi chiều, chúa khỉ chợt nhói dạ, làm một tiếng xì hơi từ mông rất lớn. Mùi thối tha xông lên nồng nặc qua cả mấy nhánh cây gần đó. Ba con khỉ tham mưu ngồi gần nhất, nghe tiếng trung tiện rõ nhất, và ngừng được mùi hôi nhiều nhất, đều đồng thanh hô to và sửa lại nét mặt vô cùng nghiêm trang:

“Thơm tho như hoa lan hoa quỳnh.
Tiếng du dương như chim sơn ca hát.

Bên dưới và chung quanh đều lặp lại vang dội núi rừng: "Thơm tho như hoa lan hoa quỳnh, du dương như chim sơn ca hát". Mặt chúa khỉ lộ nét hớn hở, miệng hơi cười

cười. Chỉ riêng bà vợ chúa khỉ ngồi bên cạnh ông thì chun mũi và đưa tay quạt quạt ngang mặt.

Buổi hội họp bế mạc khi xế trưa, với nghị quyết chung là đem tình thương cải tạo bảy con khỉ lạ cho theo kịp đời sống văn minh tiên tiến trong đất nước của nhân dân khỉ này. Một ủy ban cải tạo hùng hậu, với chỉ tiêu trong một thời gian ngắn, phải dạy dỗ cho bảy con khỉ dã man này biết thông tin với nhau bằng lời nói, biết đi bằng bốn chân cho vững vàng, biết ngủ trên cây cho an toàn tính mạng và tương lai dài sẽ được hòa nhập với xã hội khỉ hiện tại. Mỗi ngày bảy nhà sinh vật học được phát cho hai lần hoa quả, sâu bọ để ăn. Họ được dạy tiếng nói của loài khỉ. Khỉ thầy, chỉ từng đồ vật một, rồi nói tên, sau đó bắt bảy người lặp lại hàng trăm lần đến khàn cả cổ. Tiếng khỉ trong cổ họng, khó nói, nhưng họ tập mãi cũng thành quen. Mỗi khi nói sai, thì một con khỉ cầm viên đá gõ lên đầu học viên cốp cốp. Học theo lối nhồi sọ. Mỗi ngày từ sáng sớm đến khi mặt trời lặn, chỉ học chừng hai mươi chữ. Lặp đi lặp lại suốt ngày. Mấy ông thầy khỉ cho rằng bọn này ngu tối, là một loại khỉ đẳng cấp thấp, nên không thể dạy nhiều được. Một người sợ quên thì bị phạt, bị gõ đá lên đầu, bèn dùng

gai nhọn viết lên lá tươi, ghi lại các danh từ đã học. Khi thầy bắt được, vò nát lá, bảo là không lo học mà lo chơi. Học chăm và chậm, nên chỉ một thời gian ngắn, bảy nhà sinh vật học có thể hiểu chút chút và nói được một ít tiếng loài khỉ này. Họ bị bắt buộc đi bằng bốn chân, chống hông lên mà bò, không được đi thẳng người, vì đó là lối đi dã man, suy đồi, thiếu văn minh, thiếu vững vàng. Ban đầu bảy người cảm thấy rất khó khăn để đi đứng theo lối này. Nhưng khi mỗi lưng quá, họ đứng thẳng dậy vươn vai, thì bị thầy khỉ phạt bằng cách đánh bốp vào hông đau điếng. Tay khỉ to, sức khỉ mạnh, mỗi cái đánh là đau thấu trời. Mãi rồi cũng quen, bảy nhà sinh vật học bò, nhảy, lanh lẹ trên đất bằng. Không nhanh như loài khỉ, nhưng cũng khá lẹ làng. Mỗi ngày phải học cách leo cây, phải tập ngủ trên cành cao. Việc này là khó khăn lớn nhất đối với bảy người. Vì sợ khi ngủ quên trở mình, hoặc quên nắm cành mà rớt xuống là chết hoặc gãy tay, gãy chân. Chúng không cho ngủ trên các cành cây thấp, vì sợ không an toàn. Vài người phải kiếm dây nhợ, ban đêm bí mật buộc mình vào cành cây, như một loại dây an toàn. Phải làm lén, chúng nó thấy được thì cho là hủ hóa, thiếu năng lực, thiếu ý chí học tập, và bị trừng phạt. Một thời

gian, bảy con người cũng tìm cách thích nghi với cuộc sống, không đau khổ như lúc ban đầu. Họ bàn nhau tìm cách trốn ra khỏi khu rừng, ra khỏi sự kiểm soát của loài khỉ.

Tổ chức xã hội của loài khỉ này rất lạ lùng. Trên hết là chúa khỉ, rồi đến một hội đồng quan lại gồm có mười hai con khỉ già khôn ngoan, lo điều khiển một hệ thống kiểm soát, gồm nhiều con khỉ trung thành được kết nạp chọn lựa. Nhóm kiểm soát này, không phải đi kiếm thức ăn hàng ngày. Chúng chuyên lo theo dõi hoạt động của toàn dân khỉ, và thúc dục dân khỉ đi kiếm thức ăn trong rừng núi. Mỗi dân khỉ hàng ngày phải đi kiếm thức ăn từ sáng sớm cho đến xế chiều. Đem thức ăn về gom chung lại. Chúa khỉ và gia đình chọn những thứ ngon nhất, ăn trước thật no nê, kể đến là mười hai gia đình của bộ tham mưu triều đình. Còn lại thì chia các phần đặc biệt cho loại khỉ thuộc thành phần kiểm soát trước. Rồi chia đều cho toàn dân khỉ phần còn lại, già trẻ lớn bé, to gầy đều có phần bằng nhau. Không cần biết ai đói ai no. Tất cả đều tuân phục răm rắp, không ai kêu ca, không ai có ý kiến. Những dân khỉ đi kiếm thức ăn, được học tập cẩn thận về thành tâm thiện chí trong công việc, lấy niềm tin vào chúa khỉ làm tiêu chuẩn, tinh thần tự trọng

cao, để không ăn trước khi đưa về gom chung lại. Mỗi buổi, khi đem thức ăn về, đám khỉ kiểm soát banh miệng những con khỉ bị nghi ngờ ra xem, moi và cạy ở các kẽ răng xem có dính thức ăn không, ngửi miệng thử có mùi hoa quả không. Nếu nghi ngờ hơn nữa, thì dùng cây thọc sâu từ miệng xuống bao tử, xem ói ra thứ gì. Nếu bị phát giác là đã ăn trước một phần thức ăn kiểm được, thì sẽ bị hình phạt nặng nề, bị đem ra xỉ vả trước tập thể từ đêm này qua đêm khác, và bị xã hội khinh rẻ, mỉa mai, không ai dám tiếp xúc, mọi khỉ khác đều xa lánh. Hình phạt là cắt bớt phần ăn xuống tối thiểu, chỉ phát cho những thứ trái cây hư thối, hoặc bị bỏ đói nhiều ngày. Hình phạt bỏ đói rất hiệu quả trong xã hội này. Dân chúng khỉ đều sợ sệt và rấm rập tuân thủ. Hầu như đa số dân khỉ trong xã hội đều đói, thiếu ăn, vì họ không tận lực tìm thức ăn, và có tìm được, thì những khỉ chúa, khỉ quan hưởng trước, và bọn kiểm soát đông đảo, không làm gì cả, mà có nhiều thức ăn. Nhưng sau mỗi bữa ăn, thì toàn dân khỉ đều hô vang dậy cả núi rừng: "Chưa bao giờ no nề sung sướng hạnh phúc như đời sống hôm nay. Cả nhiều ngàn năm trước, và nhiều ngàn năm sau, sẽ không bao giờ có được đời sống đẹp như thế này." Bấy

nhà khoa học cũng gân cổ mà gào theo cái khẩu hiệu đó. Những con khỉ bị tội nhiều lần, thì không những bị bỏ đói nhiều ngày, mà có khi ngủ qua đêm thì biến mất trong xã hội. Không ai biết chúng đi đâu, và những con khỉ trong họ hàng, chỉ cúi đầu nhìn nhau len lét mà im lặng. Có khi chúng thì thầm là tìm thấy được xác con khỉ mất tích ở cuối dòng suối bìa rừng. Mọi khỉ đều cố giữ im lặng, cố gắng không bàn tán, và chỉ truyền khẩu nhau hạn chế. Cũng có khi một vài vị khỉ trong ban tham mưu bỗng nhiên biến mất, và các vị khỉ mới được chúa khỉ cắt cử vào thay thế. Cũng không ai biết lý do, và không ai dám hỏi han gì. Cũng có lúc khỉ chúa giải thích là các vị chức sắc kia được cắt cử đi công tác quan trọng đặc biệt theo tình hình mới và nhiệm vụ mới. Những nhà khoa học sống trong xã hội khỉ này cũng phải bắt chước y hệt lối sống của loài khỉ để sống còn. Mỗi lần chúa khỉ nói ra điều gì, là cả nước khỉ lặp lại lời nói với thái độ thành khẩn tin tưởng. Tin tưởng tuyệt đối. Lời chúa khỉ là mặt trời chân lý, là không bao giờ sai lầm. Dù hiểu hay không hiểu, cũng phải đồng thanh ca lại điệp khúc những lời phán của chúa khỉ. Lâu dần thành quen, các nhà khoa học không thấy tức cười, không thấy ngượng miệng bị bỏ theo đàn khỉ. Đôi

khi họ nói theo, mà cũng không cần nghĩ đến ý nghĩa của lời nói.

Vì không có áo quần che thân, nhiều nhà khoa học bị muỗi mòng tấn công làm thành những mụn ghẻ nổi đầy người. Bọn khỉ càng thấy chán lý của chúng được chứng nghiệm, là bao vỏ cây, lá cây quanh mình làm lông rụng hết là điều ngu xuẩn. Một trong bảy nhà khoa học kiệt sức, và lìa đời. Một người khác, bảo rằng không tội chi mà kéo dài cái kiếp cầm thú này, tự treo cổ chết. Những người còn lại, cố sống để tìm cơ hội và nuôi hy vọng. Các nhà khoa học cũng được sung vào lực lượng sản xuất, mỗi ngày đi kiếm thức ăn mang về. Ban đầu thì sợ nên không dám ăn bớt những thức ăn kiếm được, vì sợ bị thọc cây vào bao tử mà khảm. Nhưng về sau đói quá, họ cũng ăn liều. Ăn xong thì ra suối súc miệng, lấy dây rừng móc từng kẽ răng, và ngâm chút nước bùn khử mùi thức ăn trong miệng. Trong lúc đi tìm thức ăn, họ cố gắng nghiên cứu tìm đường đào thoát, nhưng lũ khỉ canh phòng quá nghiêm ngặt. Họ vẫn kiên nhẫn, thận trọng và hy vọng có ngày thoát ra.

Ba năm sống với loài khỉ, những nhà khoa học này đã nói và hiểu khá thông thạo ngôn ngữ của loài khỉ. Họ làm quen được nhiều

con khỉ hiền lành, nhiều con khỉ khá hiểu biết. Họ kể cho chúng nghe về xã hội văn minh của con người, nhưng chúng chỉ cười mà không tin. Vì chúng cho xã hội chúng đang sống là đỉnh cao trí tuệ của loài khỉ. Là tuyệt đối văn minh, không thể có một xã hội nào siêu việt hơn nữa. Có một con khỉ già bị cô lập, những đàn khỉ thường không con nào dám giao tiếp vì sợ liên lụy. Nhưng các nhà khoa học không biết điều này, cứ lui tới hỏi han. Cụ khỉ già ban đầu cũng nghi ngại, thận trọng, không dám nói nhiều, và trong khi nói chuyện thì luôn luôn ca tụng tài đức thông minh của khỉ chúa. Cho khỉ chúa là bậc tài đức xưa nay chưa từng ai sánh bằng, khỉ chúa là vô địch, là bách chiến bách thắng. Nhưng trong giọng nói của ông, có vẻ sợ hơn là thành thực. Một hôm, các nhà sinh vật học đem rượu trái cây đến cho ông uống. Rượu được bí mật chế biến trong hốc đá. Ông già ngà ngà say, và cho biết rằng, trước đây mấy mươi năm, dân khỉ vùng này sống trong an nhàn, no ấm, thông dong, không sợ sệt ai cả. Mỗi con khỉ tự làm lấy mà ăn, và không ai phải dâng bốc ngợi khen ai lố lằng như bây giờ. Nhưng từ ngày nhóm khỉ hiện tại cai trị, bày ra những luật lệ lạ lùng, nói là để đem hạnh phúc, bảo vệ no ấm cho toàn dân, thì ai

cũng đói, ai cũng sống trong lo âu sợ sệt, và nhiều kẻ đã chết, đã mất tích bí mật, cho nên ai cũng sợ. Toàn dân khỉ đều biết chủ trương láo khoét bịp bợm của tập đoàn cai trị, nhưng họ không làm chi được, vì chúng đàn áp dã man và không nương tay. Sau khi tỉnh rượu, ông cụ sợ bị tố cáo, sợ bị hành tội. Ông cụ khỉ đã dẫn năm nhà khoa học trốn đi theo con đường tắt bí mật ra khỏi khu rừng, vùng đất của bọn khỉ tự xưng là văn minh tiên tiến .

Phần kể thêm thay kết luận:

Người ta kể thêm rằng, vào đầu thập niên 1990, đoàn thám hiểm đã trở lại khu rừng già với một nhóm người võ trang , bắt được chúa khỉ cùng mười hai con khỉ tham mưu, đem máy bay chở gia đình chúng đến tái định cư chúng ở một vùng rừng già xa xôi, mà chúng không thể trở về chốn cũ. Đời sống và sinh hoạt của quốc gia khỉ dần dần trở lại bình thường. Ai làm nấy ăn, không còn bị bóc lột, bị bỏ đói, bị khủng bố dã man. Nhiều năm về sau, các thế hệ khỉ con cháu lớn lên, nghe bố mẹ kể chuyện xưa, chúng không tin đã có một thời đại lạ lùng như vậy, và cho rằng, các bậc cha ông bày ra chuyện vui kể cho con cháu nghe mà thôi. /.

Bạn Thơ

Bà Tư đứng ở cửa sổ nhìn ra vườn sau, thấy lá cây bắt đầu vàng, mây xám đục bay đầy trời. Bà thở dài, và nói vọng vào phòng khách, nơi ông Tư đang ngồi chăm chú nhìn lên màn ảnh máy vi tính, đọc thơ bạn bè qua liên mạng:

“Thế là đã qua năm thứ tư rồi, mà cái nhà kho vẫn không được sơn. Anh cứ lần lữa hứa hẹn mãi. Sơn tróc, pho gỗ mục nát bên trong, trông tồi tàn tội nghiệp quá. Mùa này anh không sơn kịp, thì em cứ cho một mẻ lửa cho yên chuyện. Để mỗi một ăn lan ra sụp luôn căn nhà chính, rồi vợ chồng dắt nhau ra gầm cầu mà ở.”

Ông Tư ngưng đọc. Nhìn qua bà và nói lớn:

“Ừ, em cứ cho một mẻ lửa đi. Rồi sẽ được sung sướng. Cháy lan nhà người khác, vào tù ngồi có cơm bưng nước rót hàng ngày, khỏi đi làm mà được nuôi nấng đàng hoàng tử tế. Suốt ngày đọc sách, xem truyền hình, tập thể thao, đánh cờ. Còn có cả máy vi tính

nữa. Ăn thì sang hơn là chúng mình đi ăn tiệm. Em có nhớ hôm trước xem phim không? Bữa ăn của tù, có một đùi gà hầm, bánh mì, khoai tây nghiền, xúp, một ly cốt sữa, một trái chuối, và cả bánh ngọt nữa. Mỗi đêm, còn có lính bông súng gác cho mình ngủ. Nước Mỹ chi tiêu cho mỗi người tù hàng năm từ ba mươi đến bốn mươi lăm ngàn đồng kia mà.”

Bà Tư quay lại nói:

“Ở tù mà sướng thế, nên không ai sợ, cứ làm càn, phạm pháp. Tù mà còn viết đơn kiện chính phủ vì nhà bếp nấu ăn không vừa miệng. Chỉ có nước Mỹ mới điên khùng như vậy thôi. Tại sao những khi thất nghiệp, mình không la toáng lên, yêu cầu nhà nước cho mình mỗi năm ba chục ngàn tiêu chơi. Nếu không thì mình cứ phạm pháp, cũng phải tốn hơn chừng đó tiền nuôi mình.”

Em làm anh phát ra sáng kiến, anh sẽ đề nghị chính phủ Mỹ ký khế ước, giao cho cộng sản Việt Nam giam giữ tù, để tiết kiệm ngân sách. Cứ cho lên Hoàng Liên Sơn, Cổng Trời, Thanh Liệt, Sông Bé cải tạo là xong hết. Hàng năm, Mỹ chỉ trả công nuôi và giáo dục mỗi người tù chừng năm trăm hay một ngàn đô, thì nhà nước Việt Nam chỉ chi ra chừng bảy chục đến một trăm đô là quá

thừa. Nuôi một triệu tù, thì Việt Nam thu lợi chừng nửa tỷ cho đến một tỷ đồng. Không cần dong tay nài nỉ xin xỏ tiền bạc của cộng đồng thế giới. Chính phủ Mỹ tiết kiệm được ba đến bảy tỉ đô la nuôi tù. Dư ra không biết bao nhiêu nhân lực đem sung vào lực lượng sản xuất. Phía Việt Nam, bắt tù đốn tre, chặt nứa, làm lán trại, trồng bắp, trồng khoai, ăn bo bo, khoai mì, thì chi phí ăn ở mỗi tháng chừng năm bảy đô là cùng. Còn cái lợi lớn khác, là khi mãn tù, anh nào cũng sợ xanh mặt, không bao giờ dám tái phạm nữa. Em cứ xem, mấy ông phi công Mỹ đã ở tù ngoài Bắc thì biết kết quả. Về rồi mới biết quý miếng cơm cháy, quý đời sống. Bởi vậy cho nên nhiều ông thành nghị sĩ, dân biểu, nhà ngoại giao, kỹ nghệ gia, thương gia triệu phú, nhiều lắm và nhiều lắm. Đó không phải nhờ công học tập cải tạo của bọn Bác Đảng sao ?

Bà Tư trở lại vấn đề :

“Này, anh đừng nói lãng qua chuyện khác. Em không tội chi đốt nhà để đi tù, rồi anh lén phéng với bà khác. Giao hẹn cho anh, tuần tới, phải sơn xong cái nhà kho. Nếu không thì em sẽ thuê người làm. Họ tính tiền công đến một ngàn rưỡi, rán mà trả tiền, đừng tiếc.”

“Được rồi. Thứ bảy này anh rước một ông Mễ ngoài phố về phụ sơn, chừng một hai ngày thì xong. Em đừng lo.”

“Làm gì thì làm, em không cần biết. Miễn sao sơn xong cái nhà kho thì thôi.”

Sáng thứ bảy, khi ông Tư còn ngủ nướng thì điện thoại đã reo vang. Bên kia đường dây, một ông bạn mời đến ăn sáng, và xoa mặt chược. Nghe đến mặt chược, ông Tư tỉnh táo hẳn, nói với vợ :

“Bác Thư mời chúng mình đến ăn sáng, em có đi không?”

“Không được. Anh đã hứa sơn cái nhà kho rồi. Hôm nay không đi đâu cả.”

Ông Tư tiu nghỉu, nói qua điện thoại với bạn:

“Tôi sắp ra phố rước một ông Mễ về phụ sơn cái nhà kho. Hôm nay bận, xin hẹn tuần sau.”

“Rước Mễ làm chi! Tôi có ông bạn mới tới Mỹ chưa được bao lâu, chưa có việc làm, rảnh rang lắm. Anh cho ông ta đến phụ sơn, kiếm chút tiền hút thuốc.”

Ông Tư ngần ngừ, rồi thở dài mà nói:

“Không phải là tôi chẳng muốn giúp đồng hương, nhưng khó lắm anh ơi. Hồi trước có người bà con tôi mới đến Mỹ, họ

năn nỉ tôi cho phụ cắt cây, làm cỏ trong nhà, rồi trả tiền công như trả cho người ngoài. Tôi cho làm và trả công cao hơn thuê người ngoài. Thế mà bây giờ, họ thi xong, hành nghề nha sĩ, đi đâu nó cũng nhắc chuyện hồi mới qua, đi làm công cho tôi, được trả lương tối thiểu. Mình nghe, cứ nhột và không vui. Người khác nghe, tưởng đâu mình lợi dụng, bóc lột sức lao động của người đó.. ”

Ông bạn bên kia đầu dây nói với giọng ép buộc và khấn thiết:

“Tôi bảo đảm cho, không có chuyện lẩn cán về sau. Đồng hương không giúp nhau, mà giúp người ngoài, nghe sao xuôi tai ? Hồi mới qua Mỹ, anh cũng mong có ai cho làm bất cứ việc gì, để kiếm chút tiền chứ. Sao mà mau quên hoàn cảnh khó khăn thế ? Chốc nữa, tôi chở anh ấy đến phụ sơn nhà nghe. Không từ chối được đâu.”

Ông Tư nghe mà chột dạ, và nhớ lại những ngày lao đao ban đầu. Đi đâu thấy ai làm việc gì, ông cũng nhìn và mơ ước được thuê vào làm. Không dám mơ được cái việc quý báu như mấy cô thư ký ngân hàng sang trọng, hoặc mấy cô tiếp viên ngồi ở bàn giấy, hay mấy ông gác gian bảo vệ cơ sở ăn mặc đồng phục oai vệ như sinh viên sĩ quan trong

quân trường. Thấy họ cao sang quá. Khi thấy mấy ông thợ làm nghề xây cất, lưng đeo dây da to bản lòng thòng hàng chục thứ búa kềm, đồ nghề, ông cũng tự hỏi, biết chẳng có ngày ông được như họ. Đọc tiếng Anh, thì ông không ngán, nhưng nghe và nói thì như cầm đũa. Mơ ước có công việc làm ăn như trẻ con mơ chuyện thần tiên. Ông ho khan rồi trả lời:

“Xong rồi, anh cứ đem ông bạn qua đây phụ tôi. Sau này ông ta có ghét bỏ, thì tôi rán chịu. Bây giờ không nhận cho ông ta làm, thì tôi thấy tự xấu hổ với riêng mình, và không yên tâm.”

Bà Tư cầu nài vì ông chấp nhận lời đề nghị của ông bạn. Ông nhẹ nhàng bảo vợ:

“Thôi, làm được điều gì đúng mình cứ làm, cho lương tâm yên ổn. Sau này có ai ghét bỏ thì cũng không sợ.”

“Anh thì hay tình cảm không đúng chỗ. Đi thuê Mễ về làm việc, lần nào cũng thuê mấy người không biết nói tiếng Anh, vì cứ nghĩ đến tình cảnh của anh ngày xưa. Rồi cứ ra dẫu, hiểu lầm nhau mãi. Xưa khác, nay khác rồi. Phải đặt quyền lợi của mình lên trên tình cảm yếu đuối.”

“Được trời cho như ngày nay, mình cũng không nên ôm hết lấy, mà nên chia sẻ

chút chút với những kẻ đang khó khăn quanh mình.”

Khi ông Tư chuẩn bị dụng cụ và vật liệu xong, thì người bạn đem ông Phi, người muốn có việc làm đến. Ông này đầu hói lảng, mày rậm, mang kiếng trắng, ăn mặc áo trắng, quần tây xanh sậm, dáng hoàng như sắp đi phố chứ không phải đi lao động sơn nhà. Hai bên chào hỏi giới thiệu nhau. Ông Tư cười, rào đón trước:

“Nước mất nhà tan. Chạy qua được đây, toàn cả thiên thần bị đọa xuống trần gian, phải đi làm những việc trái với khả năng, không đúng với sở nguyện. Chúng ta cùng lứa tuổi, cho tôi kêu nhau bằng anh em cho thân mật. Cám ơn anh đến giúp tôi sơn nhà, mai mốt anh mua nhà cần sửa chữa, thì anh thuê tôi làm phụ, đừng thuê người khác nghe.”

Ông Phi cười, nụ cười hơi gượng, và nhìn ông Tư bằng ánh mắt biết ơn vì lời nói tế nhị, tử tế. Ông Phi nói:

“Trong tù tôi cũng từng gánh phân người, làm đủ công chuyện nhọc nhằn. Bên nhà, tôi cũng đã làm đủ thứ nghề lao động chân tay. Sơn nhà thì nhẹ nhàng dễ dàng như húp cháo thánh.”

Sau khi uống xong tuần trà xã giao, ông Tư đưa ông Phi ra vườn sau, chỉ dẫn cách cạo sơn đã tróc lở trên tường nhà. Ông Tư vào nhà chuẩn bị thêm dụng cụ, để hai người cùng làm cho mau. Bà Tư đứng ở cửa sổ nhìn xuống nhà kho, thấy ông Phi vừa cạo sơn, vừa mấp máy môi, thỉnh thoảng đưa ngón tay chỉ chỗ vào quăng không. Bà lo lắng kêu chồng lại và nói:

“Anh xem, ông kia lắm bầm một mình, tự nói tự nghe. Không chừng ông ta bị bệnh tâm thần. Anh phải cẩn thận, lỡ ông ta lên cơn, lụy cho anh một dao thì khổn đó.”

Nghe vợ nói, ông Tư cũng hơi ngán. Khi ra cạo sơn, ông dè dặt đứng xa ông Phi, để có gì bất trắc thì còn kịp mà chạy. Ông Tư cố lắng tai nghe ông Phi nói gì mà môi ông cứ mấp máy mãi. Lâu lâu, ông Tư liếc mắt canh chừng, nhưng thấy ông Phi vẫn chăm chú làm. Chừng nửa giờ sau, dường như ông Phi quên có ông Tư làm việc bên cạnh, cất tiếng ngâm thơ sang sảng. Ông Tư giật mình hỏi:

“Anh ngâm thơ? Thơ của ai thế?”

Ông Phi hơi ngượng ngập trả lời:

“Thơ tôi làm chơi cho vui ấy mà. Thời buổi này, còn rất ít người thích thưởng thức thơ văn. Truyền hình, phim truyện, phim

nhạc tiến mau quá. Đời sống tốc độ, ít ai còn thì giờ mà ngâm nga thưởng thức cái đẹp trong văn chương. Tôi còn hủ lậu, nên cứ mang lấy cái nghiệp thơ vào mình. Cái nghiệp thiệt ông ạ. Bà con, bạn bè cứ cười tôi sống mơ mộng, không thực tế, thời buổi này, thơ văn không làm no bụng bằng bánh mì.”

Ông Tư cười ha hả và nói :

“Anh làm tôi sợ hết hồn. Bà xã tôi thấy anh lắm bầm một mình, tưởng anh có bệnh tâm thần, không dè anh ngâm thơ. Nãy giờ tôi cũng sợ không dám đứng gần anh. Anh là một thi sĩ mà tôi không biết. Tôi cũng khoái đọc thơ lắm. Tôi không nghĩ rằng yêu thích thơ văn là hủ lậu như anh nói. Ngày nào trái tim con người còn biết thổn thức, ngày nào con người còn dùng chữ viết, còn dùng tiếng nói để trao đổi tư tưởng, thì ngày đó thơ văn còn được ưa chuộng. Chỉ khi nào khoa học tiến bộ đến độ con người truyền thông cho nhau bằng làn sóng, chuyển và nhận qua ý nghĩ trong óc thôi, thì e rằng khi đó văn thơ mới có thể tàn lụi. Anh thấy đó, thơ ít ai đọc mà lại được xuất bản ào ào, ai cũng in thơ. Anh bỏ cái cạo sơn xuống, vào trong kho này, tôi cho anh xem.”

Ông Tư mở cửa nhà kho, bật đèn và kéo ông Phi vào cái kho bề dài tám thước, bề ngang sáu thước, bốn bên tường có kệ kệ đựng sách sát vách. Sách chất đầy kệ từ dưới sàn lên thấu trần. Ông Phi hớn hờ nhìn thấy mấy ngàn tập, toàn cả thơ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt. Nhiều cuốn đóng gáy da đã sạm màu, chữ thếp vàng đã nhạt, bìa sờn rách vì thời gian. Ông Phi lẩm bẩm:

“Thật là ‘Kho Thơ’. Tôi đoán chắc thư viện của thành phố này cũng không có nhiều thơ bằng.”

Ông Phi với tay lật một tập thơ chọn lọc, bên trong có chữ ký của người mua vào năm 1858 . Một thế kỷ rưỡi, từ khi phong trào tìm vàng dậy lên ở California. Cái bìa sách bằng da gài mũn, giấy vàng ố. Ông Phi đọc lướt qua một bài thơ ngắn rồi xuýt xoa:

“Người xưa làm thơ hay thật. Làm sao mà anh có được cả kho thơ nhiều như thế này? Toàn là thơ quý, nhiều cuốn thơ xưa cả vài trăm năm . Những cuốn gáy da, chữ vàng nhầy, không mua đâu ra nữa.”

Ông Tư cười sung sướng nói:

“Mọi chuyện đều có cơ duyên. Ban đầu, tôi chỉ mua một ít cuốn thơ hay mà đọc thôi. Rồi tôi khám phá ra những tiệm sách cũ, họ bán chừng nửa giá. Những sách xưa và

quý, thì họ bán đắt lắm, cả bạc trăm, mình không mua nổi. Họ khôn và kinh nghiệm khiếp lắm. Về sau, ngày nghỉ tôi đi chơi, lòng sách tại các nơi treo bảng bán đồ cũ trên sân cỏ. Nhiều cuốn sách quý, bán vài ba đồng. Rồi tôi đi chợ trời. Có nhiều cuốn sách rất quý, người bán không biết giá trị, chỉ mong tổng khứ đi cho đỡ chật chỗ. Mua chừng vài đồng là họ mừng hóm. Có cuốn mua chừng hai đồng, mà vào tiệm sách quý, thấy đề giá một hai trăm bạc. Anh nhìn hơn chục tập thơ của Omar Khayyam trên kệ này, hôm tôi đi xem triển lãm bán sách quý, có cuốn đề giá hơn năm trăm. Trị giá mấy tập thơ này cả mấy ngàn bạc chứ không ít đâu. Thường thì các chủ tiệm sách cũ họ đi lòng và thu mua hết, họ giỏi và thông thái lắm, sách quý ít khi đến tay mình. Về sau, tôi gặp được cơ duyên tốt, kết thân với hai ông Mỹ bán đấu giá tài sản của những người chết. Thỉnh thoảng tôi mời các ông đi ăn tô phở, tô bún bò. Khi nào có bán đấu giá, các ông thông báo cho tôi biết. Các nơi này, sách thơ vất bừa bãi như rác. Nhiều cuốn thơ, có lẽ khi còn sống, chủ nhân còn quý hơn vàng. Khi chết rồi, chẳng ai biết đến giá trị. Tôi cứ thế mà hốt với giá rẻ mạt. Người bán cũng mừng, vì tôi hốt bớt rác cho họ. Nhưng cũng có khi người bán tinh lắm,

biết sách quý, đề giá cao kinh khủng. Mười phần, thì có đến chín là không bán được, vì những người đi mua đấu giá tài sản người chết, đa số là dân phạm phu tặc tử, văn thơ đối với họ không đáng giá vài xu, cho họ cũng không lấy vì ôm nặng. Bán không được, họ vất vào đồng rác, những người thầu hốt rác, đem ra chợ trời, đổ xuống bán một đồng ba bốn cuốn. Nếu mình đến chợ trời đúng lúc, thì cứ hốt đầy xe, để mà về nhà nghe vợ cằn nhằn, bảo là tha rác về nhà. Có khi tôi bị cằn nhằn suốt cả một hai ngày, nhức đầu lắm ông ạ. Nhiều khi, mình đã có hai ba cuốn thơ đó rồi, mà thấy nó bán rẻ quá, thì cũng phải rước về thôi. Đây này, anh thấy tôi có bốn tập thơ cùng nhan đề “ Những Bài Thơ Tình Hay Nhất” và có ba cuốn “ Thơ Đọc Nhức Tim”, mười hai tập “Thơ Omar Khayyam” Nhưng các tập này xuất bản vào các năm khác nhau.”

Ông Phi như người say lạc vào mê hồn trận của kho thơ. Ông lật hết tập thơ này qua tập thơ kia. Rồi ông cầm một tập thơ, ngồi dựa ngửa ra trên cái ghế xếp mà đọc say sưa. Không cần nhớ đến cái việc sơn nhà mà ông đang được thuê làm. Ông Tư cười cười, lẳng lặng đi ra, cầm cái bay cạo sơn tiếp. Khi ông Tư chợt nhìn đồng hồ, thì

thấy đã gần mười hai giờ trưa . Ông vội vã vào lục tủ lạnh, lấy thức ăn, hâm lò vi ba. Lấy thêm một chùm bia, tôm khô, củ kiệu và vài thức nhắm , dọn ra cái bàn đặt dưới bóng cây buri có trái xanh tròn đu đưa theo gió. Ông nghiêng đầu vào cửa kho và nói:

“Trưa rồi, mời anh ra ăn, uống vài lon bia, mình nói tiếp chuyện thơ phú.”

Ông Phi ậm ừ vì đang đọc dở trang thơ, ông Tư phải kêu hai ba lần, ông mới lảo đảo bước ra, mắt nheo vì nắng chói. Hai người ngồi trên ghế thấp kê dưới bóng mát tàng cây buri. Ông Tư ép ông Phi uống bia, ăn thịt gà xối xì dầu, lòng heo xa xiu. Ông Phi như chưa tỉnh hồn ra khỏi miền thơ, mắt còn mơ màng. Ông nói:

“Thơ Omar Khayyam hay thật. Ông là người Ba Tư, xứ Hồi Giáo khắc nghiệt, mà làm được những bài thơ tuyệt diệu. Không có gì cao siêu, rất gần với đời sống. Làm xúc động lòng người. Tôi đọc, khoái quá, tôi có chuyển đoạn sau đây thành thơ lục bát, đọc anh nghe chơi. Ông Phi chạy vào nhà kho, lấy cuốn thơ, có trang xếp góc đánh dấu nói:

“Đây, đoạn này tạm dịch văn xuôi :

Họ đoan chắc với tôi rằng ở Thiên Đường có con gái nhiều vô số .

Họ cũng đoán chắc rằng, tôi sẽ tìm được rượu nho và mật ngọt trên Thiên Đường.

Nhưng kìa, sao ở trần gian lại cấm rượu và đàn bà.

Như thế, thì mai sau (chết lên Thiên Đường) phần thưởng dành cho tôi là rượu và gái phải không?”

Tôi diễn thơ như sau, anh nghe xem:

“Thiên Đàng hứa hẹn đông nhiều.

Rượu ngon, mật ngọt, yêu kiều gái xuân.

Trần gian cấm rượu, giai nhân.

Mai sau gái rượu thưởng phần phải chăng?”

Ông Tư khen ông Phi mau mắn, và giàu cảm xúc. Mới đọc qua mà đã diễn thành thơ liền. Ông Phi muốn mượn một tập thơ của Omar Khayyam về để diễn thành thơ Việt ngữ. Ông Tư cười và nói:

“Chậm mất rồi anh ơi. Học giả Nguyễn văn Hòa đã dịch tập thơ của Omar Khayyam rồi. Tôi chưa được đọc tập thơ do cụ Hòa dịch. Tôi nghĩ, cụ Hòa giỏi về ngữ pháp, nhưng cái năng khiếu vận dụng ngôn ngữ, năng khiếu gây xúc động trong lòng người đọc, thì mỗi người mỗi khác. Nếu thích thơ của Omar Khayyam, anh tìm bản dịch của cụ Hòa , rồi muốn diễn thơ theo lối anh, thì liên lạc với cụ Hòa mà bàn lại cho kỹ. Tôi nhớ anh

có nói là “cứ mang cái nghiệp thơ vào mình”. Anh có thể cho tôi biết hơn một chút về cái “nghiệp” đó như thế nào không?. Làm thêm lon bia nữa đi. Mỗi còn nhiều, vừa ăn vừa nói chuyện đời chơi. ”

Uống một hơi bia, gấp thêm lòng heo nhai, nuốt. Ông Phi mơ màng nói:

“Mới gặp anh lần đầu mà tôi tưởng như tri kỷ từ lâu. Sở thích cùng đồng điệu . Nói anh đừng cười, tôi tự xem mình như là đứa con của thơ. Bởi tôi được cấu thành do hai câu thơ của bố tôi. Dông dài một chút. Ông ngoại tôi là một người khoa bảng, văn hay chữ tốt, để lại nhiều tập thơ rất hay. Mẹ tôi là con út trong gia đình, nhan sắc mặn mà nổi tiếng, được ông ngoại tôi cho học cả chữ Pháp lẫn chữ nho. Mẹ tôi thuộc lầu lầu hàng ngàn bài thơ, hàng ngàn câu ca dao. Khi nào ông ngoại tôi làm được bài thơ đặc ý, thường bảo mẹ tôi ngâm cho ông nghe. Bố tôi con nhà nghèo, hồi đó học hành chưa tới đâu, yêu thầm trộm nhớ mẹ tôi. Một hôm bố tôi nghe có gia đình ông tham tá lục lộ đi coi mắt mẹ tôi. Anh nhớ thời xưa đó, ở Hà Nội có câu “ Phi cao đẳng bắt thành phu phụ”, nghĩa là không tốt nghiệp trường cao đẳng thì đừng hy vọng chi lấy được vợ đẹp, con nhà đảng hoàng. Bố tôi học chưa xong trung học,

không nghề nghiệp gì, nghe có người đi coi mắt mẹ tôi, ông quỳnh lên. Trăn trở nhiều ngày đêm, viết được hai câu thơ. Chờ đêm về, khi mẹ tôi đang ngồi học bên bàn, cạnh cửa sổ. Ông vén màn, ném lá thơ vào, rồi bỏ chạy như ma đuổi. Mẹ tôi bắt được mở ra đọc, chỉ có hai câu:

“Đừng ham xe điện tàu bay.

Bỏ xe tay mà tội!”

Thiệt tình, về cũng không phải mà thơ con cóc cũng không phải. Thế mà bố tôi đã trăn trở, mất bảy ngày đêm mới sáng tác được. Nhưng mà lại có hiệu quả mới lạ chứ. Mẹ tôi đọc xong, cảm động, con người gì mà khiêm tốn lạ lùng, tự ví mình với chiếc xe tay khốn khổ. Mẹ tôi trình lá thơ cho ông ngoại tôi xem, ông cười ngất, và khen bố tôi nhân hậu thật thà. Rồi nhất định gả mẹ tôi cho bố tôi, dù ông chưa có nghề nghiệp gì. Bố tôi lấy được vợ, không muốn nhờ nhà vợ để đi học tiếp, bỏ ngang, xin làm thơ ký bưu điện nuôi vợ, nuôi con. Anh xem, thế thì, nhờ thơ mà bố mẹ tôi kết hợp và sinh ra tôi. Tôi là đứa con của thơ, chứ còn gì.”

Ông Tư cười vang và nói:

“Tôi phục ông cụ của anh quá. Ngoài bài Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, và

Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư của Lý Thường Kiệt ra, tôi chưa thấy bài thơ nào mang kết quả tốt đẹp cho người làm thơ được đến như vậy. Bài thơ hai câu của ông cụ anh đáng đem vào văn học sử. Không phải thơ hay, không phải cao siêu bí ẩn, nhưng bài thơ đem lại kết quả tức thời. Không thiếu chi người phải vắt óc viết đến ba bốn tập thơ ca ngợi người đẹp, mà cũng chưa nên cơm cháo gì.”

Ông Phi cười và nói tiếp:

“Tôi cũng phục ông cụ tôi vô cùng, viết được hai câu thơ như vậy mà dám đem gởi cho mẹ tôi, một người con gái thơ phú đầy mình. Được vợ, nguồn thơ của bố tôi tịt ngòi từ đó. Không biết có phải vì bố tôi thấy tài năng và kiến thức về thơ của ông, so với vợ, cũng như vũng nước mưa bên đường so với đại dương mênh mông chẳng. May thay, ông không làm thơ thêm, nếu không thì chắc người đời cũng khổ lây, vì phải nhẩn mặt mà đọc thơ ông. Tôi lớn lên trong lời ru thơ của mẹ, những câu ca dao, những câu Kiều, những Chinh Phụ Ngâm, Tỳ Bà Hành, đến nổi khi vào trường, không học, mà tôi thuộc lầu nhiều tác phẩm thơ, từ câu đầu đến câu cuối. Lạ lùng, học bài thì không thuộc, nhưng đọc thơ qua một lần là tôi nhớ lầu lầu. Tôi

thuộc gần hết các bài thơ hay thời tiền chiến, thời hiện đại, và thuộc luôn thơ của bạn bè thân thiết. Thời nhỏ đi học, tôi viện có trời nắng, trời mưa, đòi ở lại buổi trưa tại trường, để nhịn ăn trưa, dành tiền mua sách, mua thơ. Thời đó tôi ốm nhom vì nhịn ăn mà mua sách. Mới học tương đương với lớp bảy, lớp tám bây giờ, tôi để cái đầu bù xù như tổ quạ, bạn bè kêu tôi là Chateaubrian, tên một thi sĩ danh tiếng của Pháp. Bố tôi đánh đòn đến mấy, cũng không hạ được cái đầu tóc bù xù của tôi. Tôi tưởng mình là nhà thơ lớn thật, vợ vẫn làm thơ, không chịu học bài. Có hôm làm luận văn, tôi viết theo lối văn vắn lục bát. Thầy giáo phê vào bài luận đó là “Nhảm nhí” và cho hai điểm trên mười. Thế mà cũng không làm tôi tỉnh ngộ. Tôi bị thi rớt trung học khi vào vấn đáp vì môn quốc văn. Cô giáo hỏi tôi về “ Ý nghĩa tiếng đàn trong truyện Kiều”, tôi nghĩ là mình trúng tủ, nói thao thao bất tuyệt. Cô ngắt lời tôi mấy lần, mà tôi cứ nói cho sượng miệng. Cô giận thẳng nhỏ ngông nghênh, bảo là lạc đề, cho tôi số không. Năm đó tôi ở lại lớp, phần chí, làm được tập thơ cả bảy tám chục bài. Tập thơ mất, tôi không còn nhớ bài nào, nhưng có lẽ không đến nỗi có thể so sánh với thơ của ông bố tôi. Đạo đó, vì đọc tiểu sử của các nhà

thơ, tôi nghĩ là phải có nàng thơ, thi sĩ mới có nhiều cảm hứng, làm thơ hay. Tôi quyết định chọn cô bé ở xóm trên làm nàng thơ của tôi. Và không ngờ, tôi đâm ra yêu thật cái cô gái có tay dài như tay vượn, và môi dày che cái răng khểnh đó. Tôi làm thơ ca ngợi nàng, xa gần tả tình tả cảnh. Làm thành một tập thơ, nhan đề là “Cánh Nhạn Bên Trời”. Bởi nàng tên là Yến. Tôi đưa tập thơ cho một anh bạn trong xóm đọc. Anh này lựa chừng hai chục bài ưng ý nhất, chép lại thành một tập thơ, lấy tên là “Gọi Yến Mây Ngàn”. Chữ anh này đẹp lắm, viết tay mà vuông vắn tròn trịa, đều đặn như chữ in. Cuốn thơ của anh cắt xén gọn gàng, thuê thợ đóng bìa cứng gáy da. Anh đem tặng cô Yến, và bảo là thơ của anh làm tặng cho cô. Tôi không biết chuyện này. Khi tôi rụt rè đưa tặng cô Yến tập thơ của tôi, cô cũng nhận. Một ngày sau, cô ném tập thơ vào mặt tôi mà mắng: “Đạo thơ của người khác, không biết xấu hổ”. Tôi xấu hổ vì bị ném tập thơ vào mặt, và thất tình, tôi xin đi sĩ quan Thủ Đức. Thấy tôi bỏ học, bố mẹ tôi buồn phiền lắm. Nhưng nhờ võ vẽ năm ba câu thơ, vào quân trường tôi được sung vào ban văn nghệ chuyên làm báo, khỏi đi học bãi, khỏi đi tập tành. Nửa khóa học đã qua, mà tôi chẳng bao giờ ra bãi tập cả, tôi sợ thi rớt ra

trung sĩ, một hôm trốn ban văn nghệ theo các bạn ra bãi tập. Khi học cận chiến, huấn luyện viên hô “Thủ thế”. Trong khi toàn thể khóa sinh nhảy ra, chân trước chân sau, hai bàn tay xòe ra, khuỷu tay co lại che ngang ngực, thì tôi rùn chân xuống, hay bàn tay nắm lại tựa vào hông theo thế thủ mà tôi biết. Khi thấy mình khác bạn bè, tôi sửa thế lại, thì huấn luyện viên đã hét lên: “Anh kia, vào đây đã nửa khóa rồi, mà chưa biết thế thủ. Sao mà đàn độn đến thế. Phạt anh hai trăm cái hít đất, chạy năm vòng sân”. Khi tôi vừa thi hành hình phạt xong, mệt muốn ngất người, đang nôn ọe xây xẩm, thì khóa sinh trực ra tận bãi tập, kêu tôi về trình diện sĩ quan trưởng ban văn nghệ. Ông chửi bới, tôi vượt mặt không kịp. Ông bảo tôi trốn làm văn nghệ, và phạt thêm hai trăm cái hít đất. Tôi xin trình bày, định nói với ông là không đi học, thì sau này làm sao mà thi cử, nhưng ông gạt đi, không cho tôi nói. Bạn bè cho tôi biết, các khóa sinh hoạt động thường trực cho các ban ngành, thì sẽ được các ông sĩ quan trưởng ban gọi gắm khi thi cuối khóa, khỏi lo làm bài được hay không. Nhưng số tôi mặt, trước khi thi thì vị sĩ quan trưởng ban văn nghệ bị chuyển về đơn vị khác. Không ai gọi gắm, chúng tôi may mắn, thi

đậu nhưng chót bằng. May mà không thi rớt, phải ra trung sĩ. Bởi vậy, bọn trong ban văn nghệ chúng tôi bị về trấn đóng những nơi khi ho cò gáy. Tôi bị đưa về Đông Hà, gần giới tuyến. Cũng nhờ gần đại học Huế, nên mấy năm sau, khi đã có tú tài hai, tôi ghi danh đại học văn khoa Huế. Lâu lâu chạy đi chạy về Đông Hà – Huế, hốt hoảng dự vài buổi học rồi về đơn vị. Trở lại đời sinh viên bán chính thức, tôi thấy lòng vui và yêu đời hơn. Bài vở tôi chỉ học qua loa, thi đậu hay rớt cũng không quan trọng, thế mà bốn năm, tôi lấy được cái cử nhân văn chương. Cũng vì thơ phú, mà tôi dính với một cô sinh viên bạn học, là vợ tôi bây giờ. Cô đọc được thơ tôi đăng trên báo quân đội. Thơ đúng là cái nghiệp của đời tôi. Bố tôi cũng nhờ thơ mà được vợ, tôi cũng vì thơ mà có vợ. Thật tình đạo đó, tôi cũng chưa dám lập gia đình, vì đời lính, sống chết chưa biết ngày nào, mà lương tiền cũng không dồi dào chi. Lấy nhau là đem nhau vào vất vả, âu lo. Cuộc sống khó khăn của thực tế sẽ chôn đi bao nhiêu thiên đường mộng mơ đẹp đẽ. Trước khi lập gia đình, tiền lương của tôi hầu như chỉ để ăn và cúng cho các tiệp sách. Đi đâu cũng lè kè mang theo mấy thùng sách như của gia bảo. Có khi hàm trú ẩn của tôi thành một cái thư viện nho nhỏ cho anh em

binh sĩ giải trí đỡ buồn nơi tiền đồn heo hút. Khi sách quá nhiều, thì gửi về nhà bố mẹ tôi. Sau khi có gia đình, thì lâu lâu mới lén lút mua được cuốn sách. Vì nếu vợ tôi biết được, thì ồn ào nhà cửa. Một điều lạ lùng nữa, vợ tôi vì thích thơ của tôi mà lấy tôi. Nhưng sau khi lấy nhau rồi, thì bà không muốn tôi làm thơ nữa. Mỗi lần viết thơ, tôi phải lén lút, dấu diếm như làm việc quốc cấm.”

Ông Tư mở thêm lon bia nữa, nài ép ông Phi:

“Làm thêm ít lon bia nữa, có sức mà kể chuyện xưa. Ăn nhiều vào, loại gà xì dầu này, mua ở tiệm đặc biệt, tận San Francisco đó. Chuyện anh kể vui quá. Rồi sao nữa trong cái nghiệp chương hệ lụy của thơ văn?”

Bốn năm lon bia đã nung mặt ông Phi đỏ bừng, hai mắt lơ lơ. Vừa nhai, ông Phi vừa kể tiếp:

“Cuộc đời lắm chuyện ly kỳ. Năm sáu năm sau, kể từ khi tôi thất tình bỏ đi lính, thì tôi gặp lại anh bạn đã ăn cắp thơ tôi, và cuồn luôn cả nàng thơ của tôi. Khi đó tôi đã là đại úy đại đội trưởng. Anh bạn là chuẩn úy mới ra trường được gửi đến đơn vị tôi. Khi trình diện tôi, anh bạn xanh mặt, vì sợ tôi trả thù. Tôi làm như không biết và không nhớ chuyện

xưa, vồn vã chào hỏi đón tiếp anh ấy. Cái hình ảnh nàng thơ xưa đã lu mờ hẳn trong trái tim tôi, đó chỉ là mối tình thầm kín vớ vẩn đại dột của tuổi mới lớn. Thất tình một cách ngu xuẩn, vì đã có tình ý chi với nhau đâu. Thế mà bỏ học, làm cha mẹ khổ buồn. Anh bạn cũng làm như không nhớ chuyện xưa. Sau này biết đời sống khốn đốn của anh bạn với nàng thơ xưa, tôi càng tử tế hơn, vì biết ơn anh đã lãnh dùm cho tôi cái cán búa. Nàng thơ xưa của tôi, nay trở thành bà chằn lửa dữ dằn, nạt nộ chồng con như tát nước. Không còn đẹp như trong lời thơ tôi khi trước: “Em hiền Thánh Nữ đồng trinh. Trái tim nhân ái, nuôi tình trăm năm.” Sau khi tôi lấy được cái bằng cử nhân, và nhờ một số thơ đăng rải rác trên báo quân đội, tôi được đưa về cục tâm lý chiến. Bởi vậy nên khi miền Nam thua trận, phải đi tù, chúng đày tôi ra miền Bắc. Trong tù, chúng tôi vẫn làm thơ và lén lút đọc cho nhau nghe. Bọn cai tù biết được, biệt giam tôi vào cái hầm kín, cái từng địa ngục này, ngày thì nóng như lò thiêu xác, đêm thì lạnh như hầm băng. Tôi sống sót được nhờ thơ. Ngày đêm tôi làm thơ, đọc thơ, nghĩ thơ, và thở ra hơi thơ để cầm giữ sự sống, để chống chọi với cô đơn, đói khát, đau đớn thể xác. Trong các hầm giam này, khó

ai sống sót qua một tuần. Thường thì thi thể tội nhân được khiêng ra, đã thành cái xác khô, thối hoắc. Thế mà tôi sống sót qua ba tháng. Xác tôi được kéo ra, chúng định ra lệnh đem chôn, nhưng có người nói tôi chưa chết. Tôi nằm thoi thóp thêm mấy tháng nữa ở nơi mà chúng nó gọi là bệnh xá. Bọn quản giáo nghĩ là tôi sắp chết, cho về nhà, để làm rạng đức khoan hồng của ‘cách mạng.’

Nhờ vợ con chăm nom thuốc men, tôi không chết. Nếu không được về, thì đã gửi thầy ngoài núi rừng Bắc Việt là chuyện chắc. Tôi bám lấy thành phố, dù công an đêm ngày thúc dục đuổi tôi đi kinh tế mới. Tôi hành nghề hớt tóc vỉa hè. Treo một cái gương, đặt một chiếc ghế trong hẻm của xóm Tấm Ngựa. Hớt tóc cho bà con quanh xóm. Ai trả bao nhiêu cũng được. Thời đó, mọi sinh hoạt đều được quốc doanh hóa, duy không có quốc doanh hớt tóc. Thế mà nhờ đó, tôi lại có cơm cháo qua ngày. Tôi vừa hớt tóc, vừa ngâm thơ cho thiên hạ nghe, ai cũng khoái, khách hớt tóc của tôi nườm nượp. Nhưng rồi tai họa tới, cũng vì thơ cả. Có người tố cáo tôi đọc và làm thơ “phản động”. Công an bắt tôi và soát nhà, lôi ra tập thơ cả mấy trăm bài, làm sao mà khỏi có thơ “phản động”. Tôi bị gán tội biệt kích văn nghệ, gián điệp Mỹ gài

lại, để làm cuộc chiến tranh văn hóa, tâm lý. Chúng gán cho tôi là kẻ sáng tác ra những bài ca dân gian chế giễu, mỉa mai chính quyền. Tôi không nhận tội. Chúng lại biệt giam tôi một lần nữa tại Chí Hòa. Một năm nằm trong phòng biệt giam. Không cho liên lạc gia đình, bà con. Nằm trong đó, tôi thêm đọc, thêm một miếng giấy có chữ, không cần nội dung, có chữ mà đọc cho đỡ ghiền, đỡ cô đơn. Mùa hè trời nóng nực, cứ sáu ngày chúng cho đi tắm một lần. Mỗi lần được ra tắm là sướng lắm, sướng hơn cả lần đầu tiên được hôn người con gái. Vì được thấy mặt trời, thấy ánh sáng chói chan, và nhất là được thở không khí trong lành đầy lồng ngực. Lại được tắm trong vòng năm phút, nước chảy trên người như xối cả hạnh phúc, xối cả sung sướng lên thịt da, lên đầu tóc, chảy len vào từng kẽ tay, khe chân. Sướng lắm. Thế mà có lần được ra tắm, tôi thấy một miếng giấy báo nhỏ, miếng giấy chùi dít có vệt phân khô của ai đó bay ra khỏi thùng phân khi đem đi đổ. Trên miếng giấy báo đó, tôi thấy loáng thoáng từng dòng như có một bài thơ. Tôi mừng run lên. Giả vờ làm rớt cái khăn lên miếng giấy, rồi cúi xuống lượm khăn, cặp luôn miếng giấy dẫu vào trong khăn. Thế là bỏ một lần tắm quý báu. Đem mảnh giấy báo

về phòng, tôi dùng khăn thấm nước nhẹ nhàng chùi vết phân trên giấy, kỹ lưỡng hơn các nhà khảo cổ lượm được di tích nhiều ngàn năm trước. Tôi đọc được, đó là bài thơ ca tụng lao động sản xuất của một gã bồi bút. Nhưng tôi thấy sung sướng, sướng khoái, và niềm cô đơn thêm khát chữ nghĩa được thỏa mãn. Tôi cất kỹ như một báu vật, lâu lâu đem ra đọc như để tự đãi mình. Cho đến ngày ra khỏi biệt giam, tôi không biết mình đã đọc tấm giấy kia được bao nhiêu ngàn lần. Kỳ lắm anh ạ. Cho đến bây giờ, mỗi khi ngồi bàn cầu, tôi cũng phải có cái gì để đọc mới đi cầu được. Nếu không thì cứ ngồi hoài. Có khi đến nhà lạ, không có sách vở báo chí trong nhà cầu, tôi phải cầm cái ống kem đánh răng, sắn soi mà đọc những dòng chữ in trên đó, để có thể đi cầu được. Đó là một thói quen không tốt, nhưng cũng là một thứ hạnh phúc nho nhỏ của cuộc đời tầm thường này. Nhà cầu bên mình, tối tăm, chật chội, ẩm thấp, hôi hám, ruồi nhặng vi vút oanh tạc, thế mà tôi cũng phải có cái chi đọc. Huống chi nhà tiêu bên này rộng như phòng ngủ, sạch sẽ như phòng khách, thơm tho, có nhạc mềm nhẹ ru đưa, thì cứ ngồi trên bồn cầu mà đọc sách, là sung sướng ngất trời. Hạnh phúc đơn giản thế, tội chi mà không hưởng.”

Hai ông Tư và Phi, mỗi ông đã cạn hết bảy tám lon bia, ăn gần hết con gà, đĩa tôm khô và lon củ kiệu. Mặt họ đỏ lửng, mắt mờ lim dim. Ông Phi nhớ đến công việc phải làm, đứng dậy nói lẽ nhe:

“Thôi, rán làm việc một chút. Bóng nắng đã xế. Chuyện trò mãi không bao giờ hết. Thơ với thần. Nợ với nần. Nghiệp với chướng.”

Ông cầm cái bay cạo lên tường, nhưng say quá, cái bay cứ rớt xuống đất mãi. Ông Tư cũng ngật ngù, loạng choạng đi vào nhà kho, kéo hai cái ghế xếp bật ra, kê dưới gốc bưởi và kêu ông Phi:

“Thôi anh ơi. Tội chi mà không nằm xuống đây chợp một giấc cho đã đời. Dễ chi có được một ngày vui như hôm nay.”

Ông Tư và ông Phi nằm dưới bóng mát cây bưởi mà thi nhau ngáy như kéo gỗ. Thỉnh thoảng ông Phi mấp máy môi, ngâm thơ trong giấc ngủ. Mấy con chim nhỏ trên cành, nghiêng đầu liếc mắt nhìn xuống hai ông bạn thơ nằm ngủ, rồi cất tiếng hót nhẹ nhàng như lời ru.

Khi hai ông thức giấc, thì nắng chiều đã nhạt và gác nghiêng nghiêng. Bầy ruồi và ong áo”cánh”vàng đậu đầy mấy đĩa thức ăn, chia phần ăn nhậu. Ông Tư đứng dậy vươn

vai, nhìn cái nhà kho mà lo ngại. Khi bà Tư về, thế nào cũng cần nhần, to tiếng gây gổ ồn ào, vì hai ông chỉ mới cạo được vài mẩu sơn nhỏ trên tường.

Ông Tư tuyên bố ngày làm việc đã mãn. Đưa ông Phi ra về. Ông Phi thì cứ nhìn lại cái kho, như ái ngại lắm. Khi ra khỏi cổng, ông Tư cầm tiền trả công đưa cho ông Phi. Ông Phi gạt đi và nói:

“Tôi có làm gì đâu mà trả công? Còn được ăn nhậu, đọc thơ, tâm sự dong dài. Đáng ra, nếu tôi có tiền, thì phải trả ngược lại cho anh là khác. Đừng làm tôi áy náy, không yên tâm.”

Ông Tư nài nỉ, nhét tiền dúm vào túi quần ông Phi, nói với giọng khẩn khoản:

“Thì cũng mất một ngày công của anh. Được quen biết, có thêm được một người bạn thơ như anh, và có được một ngày vui như hôm nay, thì bạc ngàn cũng mua không ra. Đòi có nhiều thứ còn quý báu hơn bạc tiền.”

“Vâng, tôi nhận cho anh vui lòng, nhưng để cái kho đó, tuần sau tôi đến sơn cho anh, làm cho xong mới thôi, không nhận thêm đồng tiền công nào cả. Chỉ cần cho tôi mượn vài cuốn thơ đọc chơi là được rồi.”

Hai ông bạn thơ cầm tay nhau cười
sung sướng./.

Tạo Nhân.

Khi còn trẻ, ông Tư là một người lý tưởng, cầu toàn. Bởi vậy, nên khi nào cũng tự dằn vặt khổ sở. Nhìn chung quanh, thấy toàn khuyết điểm, bực mình. Ngay cả đàn bà, con gái, ông chẳng thấy cô nào tạm gọi là đẹp. Cô nào cũng có cái khuyết điểm riêng. Cô thì dung nhan sáng sủa, nhưng dáng đi lúc lắc xiêu vẹo, cô khác giọng nói không được thanh tao, cô khác nữa thì hơi ngu. Ngoài xã hội, thì thấy bất công, tham nhũng, nhiều thiếu sót. Bởi vậy cho nên ông Tư thấy khổ tâm, nghĩ là mình 'sinh làm thế kỷ'. Đến khi ông Tư được sống chung với cộng sản tại miền Nam Việt Nam sau 1975, ông như người ngủ mê thức dậy, cảm thấy những dằn vặt nội tâm của mình trước đây là điều lố bịch, ngây thơ, tội nghiệp. Bởi sống trong chế độ mới chỉ mong cái xấu xa nó bớt phần xấu đi cũng đã quá mừng, đừng nói chi đến cầu toàn, lý tưởng. Như người tu nhìn thấy bến giác, ông Tư quay hẳn đường lối suy tư, cho hợp lý, hợp tình, nhìn sự vật bằng con mắt thực tiễn hơn, chấp nhận sự vật có mặt trái, mặt phải, có tốt có xấu.

Khi thoát ra được xứ tự do, ông Tư đón nhận cuộc đời với một tinh thần lạc quan, cởi mở, cho nên ông dễ dàng tìm được hạnh phúc chân thực trong cuộc sống mới.

Để được nhàn nhã, mỗi ngày ông Tư thức dậy sớm hơn một giờ trước khi rời nhà. Khi đồng hồ báo thức reo, ông cứ tự nhiên nằm nướng trên giường thêm chừng năm mười phút, và để đầu óc thanh thoi, nghĩ đến một chuyện vui trong ngày hôm trước, hoặc một câu chuyện tiểu lâm, nằm cười một mình, đôi khi ông lay bà dậy, kể cho bà nghe, hai vợ chồng cùng cười. Mở đầu một ngày bằng một niềm vui, bằng nụ cười, ông Tư thấy khỏe khoắn hơn từ tinh thần đến thể xác. Trong lúc thông thả làm việc vệ sinh buổi sáng, ông Tư mở nhạc êm dịu nhẹ nhàng từ chiếc máy hát nhỏ để trên bàn trong phòng tắm. Không việc gì mà gấp gáp, còn nhiều thì giờ chán. Mấy cuốn chuyện tiểu lâm để sẵn trong hộp tủ dưới bàn rửa mặt, bên cạnh bồn cầu, giúp ông ngồi vui vẻ mỉm cười với những câu chuyện dí dỏm, hóm hỉnh. Vợ ông thường nói: “Vua cũng không sướng bằng”. Ông Tư thấy vợ mình nói cũng có phần đúng, vì vua thì bận rộn, lo lắng trăm chuyện, còn phải lo những tên bất trung lăm le cướp ngôi, đâu có cái phong thái nhàn nhã khỏe khoắn

được. Lo sợ đến nỗi sau khi đi cầu xong, bắt bọn vệ hầu cận phải chôn dấu phân thật kỹ như loài mèo. Sau khi vệ sinh xong, ông ngồi vào bàn, điểm tâm nhẹ, vừa nghe tin tức buổi sáng, vừa uống trà, với tâm hồn thư thái, tự nhiên. Rồi ra xe đi đến sở. Cứ từ từ mà lái, không việc gì mà gấp gáp, nhanh được vài ba phút mà có thể trễ cả một đời nếu gặp tai nạn. Thói quen đi sớm hơn giờ làm việc chừng mười lăm phút, cho ông có cái nhàn nhã khỏe khoắn hơn những người khác. Cái nhàn và khỏe đó, nó lan tỏa., làm tinh thần cũng như thể xác cảm được cái sáng khoái của trời đất trong một ngày mới chớm. Trong lúc các xe khác nôn nóng, lo lắng trễ giờ, lách qua, chuyển lại, bấm còi, thì ông thản nhiên như ngồi thiền. Khí hậu thời tiết nào cũng làm ông vui vẻ, sung sướng. Hôm nay trời trong sáng, đẹp đẽ, khí hậu mát mẻ, thì ông mở lòng ra vui đón cái ân huệ của đất trời, ngắm nắng hồng đang ẩn hiện sau đám mây, trên nóc phố, đầu ngọn cây. Nếu trời mù mịt tối thui, mưa gió dầm dề, thì lòng ông cũng menh mang vui thú, thả cái lãng mạn ra mà hòa cùng mưa gió, ngâm một vài câu thơ, hát một đoạn nhạc. Thấy mưa giăng đẹp như kỷ niệm thơ ấu. Thấy tuyết trắng dễ thương như niềm ước mơ. Nắng cũng hân hoan, mưa cũng thú,

và bão tuyết cũng vui. Ông biết hòa mình với trời đất với cỏ cây, với hoàn cảnh, để tạo niềm vui cho mỗi ngày. Tiếng nhạc tượng bừng buổi sáng trong xe, như đổ thêm sức sống, tăng niềm tin yêu đời. Đến sớm hơn giờ làm việc, ông không tội gì mà khởi sự công việc ngay. Kệ nó, để đó, rồi đâu cũng vào đó, xong hết. Pha một ly cà phê thơm ngát, có khói uốn éo, ông vừa nhâm nhi vừa đọc báo, ăn chút bánh ngọt và ngồi dựa ngửa ra ghế. Có khi ông ra ngồi quán trên vỉa hè, nhìn sinh hoạt buổi sáng của thiên hạ, người người gấp gấp chạy, hốt hã như rượt đuổi thời gian. Những bà đầm da trắng, da đen, da vàng, ăn mặc sang trọng, đi giày cao gót, cong đuôi chạy vội vã, mất cả vẻ mỹ thuật, không có chút nào là “yếu điệu thực nữ”. Những ông áo quần sang trọng, lễ mễ, cũng học tốc, gấp gáp, mặt mày đầy ưu tư, như kẻ bị táo bón trong những buổi sáng, mà đáng ra, họ phải rạng rỡ cảm ơn trời đất cho họ thêm một ngày sống bình thường. Tự nhiên ông Tư thấy mình sung sướng hẳn trong cái thanh nhàn thoải mái, không âu lo, không vội vã. Cũng chỉ nhờ đi sớm chừng vài mươi phút thôi. Đúng giờ làm việc, ông Tư nhất định rời tờ báo, bắt tay vào việc. Dù hôm nay công việc có chất chồng, có gấp gáp đến đâu, thì

ông vẫn bình tĩnh, lập một bản kê khai thứ tự ưu tiên, việc nào cần làm trước, việc nào làm sau. Cứ từ từ theo đó mà làm, không việc gì phải hốt hoảng. Nếu có công việc khẩn cấp, thì liệu thì giờ mà làm, liệu phương pháp mà theo. Có thì giờ nhiều, thì làm kỹ càng hơn, ít thì giờ thì làm sơ sài hơn, ngắn gọn hơn, hoặc yêu cầu gia hạn thời gian hoàn tất. Không phải lo lắng, quýnh quáng. Cũng không chết chóc gì ai. Cũng không ai dám động đến sợi tóc mình. Nếu có ai hỏi tại sao thiếu chi tiết này, thiếu chi tiết kia, thì ông Tư cho biết thời gian giới hạn, chỉ cho phép chừng đó kết quả thôi, không ai có thể làm hơn được. Công việc làm thì cứ từ từ, bình tĩnh làm, hấp tấp thì có khi sai sót và càng mất nhiều thì giờ hơn. Trong lúc làm việc, nếu thấy mệt nhọc, ông nghỉ ngơi năm ba phút, đi một vòng, thở sâu vài hơi, nói vài câu khôi hài cùng bạn đồng nghiệp, hay đọc một trang khôi hài trong sách. Có thời ông phải chịu trách nhiệm phân phối và kiểm soát việc của một số nhân viên đồng sự, ông cố tạo ra cái không khí thoải mái, không làm áp lực thúc hối ai, nếu có người nào khó hoàn tất công việc trong thời hạn, thì ông phụ một tay, hoặc nhờ vài ba người khác giúp đỡ cho xong việc. Mọi người thấy thoải mái, dễ dàng, ai cũng

rán làm cho xong nhiệm vụ, không cần nhắc nhở, không gây áp lực, không làm mất lòng ai. Mỗi ngày có hai lần nghỉ xả hơi, mỗi lần mười lăm phút, ông Tư ra khỏi sở đi bộ vài vòng cho giãn gân giãn cốt, nhìn nắng lung linh trên đầu cây ngọn cỏ. Khi thì đi quanh đường phố, nhìn sinh hoạt thiên hạ, quan sát người này người kia, nhìn xuyên thấu những ưu tư, những rạn rỡ trên khuôn mặt từng người. Khi thì đi bộ quanh hồ, nhìn hoa nở muôn màu, nhìn nước xanh long lanh trong nắng, có những chiếc thuyền nhàn nhã bơi. Nhìn bầy chim trời ríu rít cả ngàn con chạy theo khách du xuân. Nắng trong lành ấm áp, khí trời dịu dàng mát mẻ thông qua buồng phổi, làm cho tinh thần và thể xác thấy mạnh khỏe, khoan khoái. Không một ưu tư lo lắng. Tâm trí thanh thoi. Mỗi ngày hai lần, mỗi lần mười lăm phút như thân thể được nạp thêm điện, thêm sinh lực. Có khi đi bên hồ, đón nhận một luồng gió mát hây hây, làm sống lại trong ông Tư một miền quê hương yêu dấu, tưởng như mình đang sống tại bên nhà, một ngày đi qua sông Tiền, sông Hậu. Những khi đó, thì trong lòng vang vọng niềm vui, yêu đời hơn, yêu nhân loại hơn, yêu những bạn bè, đồng nghiệp nhiều hơn, nhất là thấy công việc đang làm dễ dàng hơn, thích thú hơn.

Cũng có khi, ông dùng mười lăm phút xả hơi để cùng uống cà phê, bàn chuyện phiếm với bạn bè, ngồi quanh bàn, nói chuyện vui vẻ, cười đùa, trêu ghẹo nhau. Sau đó, về lại ngồi vào bàn giấy, ông Tư thấy mình sáng suốt và tinh tấn, giải quyết công việc mau hơn, dễ dàng hơn. Nhất là tinh thần, thấy thư giãn, khoan khoái. Cũng có khi còn một giờ nữa mới đến lúc quy định nghỉ xả hơi, mà ông Tư tưởng đã đến giờ, lững thững đi ra khỏi sở, thấy vắng vẻ lạ thường, ông đi loanh quanh, khoan khoái tận hưởng cái thú nhàn cư, đứng mười lăm phút sau trở về, thì biết mình lầm, lẳng lặng trở về phòng làm việc, và kể cho bạn đồng sự nghe mà cười. Khi gặp những công việc khó khăn, chưa có kinh nghiệm giải quyết vấn đề, ông Tư cũng không cần lo lắng hốt hoảng, ông để ra một thời gian ngắn suy nghĩ cách giải quyết. Rồi mang vấn đề ra hỏi ý kiến đồng nghiệp, ý kiến người chung quanh, ý kiến người chỉ huy, và sau khi thu thập được đầy đủ dữ kiện, thì bắt tay vào làm, cứ làm tới, không có gì phải lo lắng, không có gì phải sợ sệt. Sau khi làm xong, nhờ một người có kinh nghiệm xem xét lại, và sửa chữa những nơi họ khuyến cáo. Ông không cần ai khen, cũng không buồn khi bị chê. Không phải ông thiếu tự ái, nhưng ông chấp

nhận lời chê như một kinh nghiệm, để thấy mình, soi rọi mình. Mình dở thì người ta chê, cũng là sự thường, không thể dở mà mong được khen. Ông chấp nhận lời chê để thay đổi, để biết rõ mình hơn. Đối với bạn đồng nghiệp. ông không cần tranh đua hơn thua. Ai muốn tự coi là giỏi hơn ông, ông chấp nhận ngay, không việc gì phải tranh luận, giỏi hay dở là sự việc khá hiển nhiên, nhiều người thấy, không cần phải xác định. Theo ông, thì hơn cũng chẳng được cái gì, mà thua cũng chẳng thiệt hại chút gì. Việc chi mà tranh hơn thua, nếu có hơn người ta, thì chỉ bị thêm ganh ghét mà thôi. Thua thì không chừng người ta để yên, có ai muốn đá một con chó vô hại làm gì. Chung quanh bàn làm việc, ông Tư để vài cây xanh, vài chậu hoa. Đôi khi đang suy nghĩ công việc, nhìn sức đến cánh hoa màu sắc rực rỡ, trong ông thấy có niềm vui mới lạ. Đôi khi hương thơm thoang thoảng nhẹ nhàng lan tỏa trong không gian, gợi nhớ, và thấy lòng lâng lâng.

Mỗi buổi trưa, ông Tư hoặc đi bộ xuống phố, tìm một quán ăn mới, thưởng thức một món lạ miệng. Thường ông hỏi, và yêu cầu dọn cho ông món đặc biệt nhất của quán. Trong khi chờ nấu ăn, ông quan sát những nét đặc biệt của quán, cách trang hoàng xếp

đặt, ngắm các bức tranh trên tường, nhìn phong thái của các ông bà chủ quán, cách ăn uống của khách hàng, Trong mỗi thứ, ông tìm ra được những hình ảnh khôi hài, lạ lùng để cười một mình. Có những món ăn ngoại quốc, ông chưa hề thấy bao giờ, lúng túng không biết ăn cách nào, không biết ăn món nào với món nào. Những lúc đó ông chợt nhớ tới bà Mỹ già hiền lành như bà tiên, mà vợ chồng ông có dịp mời đi ăn tiệm Việt Nam. Mới bắt đầu bữa ăn, bà cầm cái chén mắm nêm lên húp ực cạn chén, mặt mày nhăn nhó. Vợ chồng ông không kịp cản lại, đã lỡ rồi thì im luôn cho bà đỡ ngượng. Nhớ lại chuyện đó, nên ông Tư không ngần ngại kêu người hầu bàn lại hỏi cách ăn các món cho đúng lối. Những món ăn lạ lùng, lạ miệng. Đôi khi ông Tư ráng nuốt, và cố gắng thưởng thức, cố gắng tìm hương vị ngon lành. Nhưng cũng có khi phải nhắm mắt mà nuốt, và biết chắc trăm phần, sau khi ăn xong thì phải đi gấp về sở để tháo dạ, vừa đi vừa đánh bom hơi vi vút, và phải nhẹ nhàng kéo gậy nên những âm thanh chẳng hay ho chi cho khách bộ hành nghe. Nhưng cũng cứ ăn, ăn cho biết, người ta ăn mà không chết, thì mình cũng ăn được. Có lần phải ăn thứ nước chấm làm bằng con bọ xít nghiền nát, ông cũng tự đặt mình vào

tâm trạng của một người Nam Mỹ, tự bảo rằng thứ này quý lắm, ngon lắm. Nhưng khi bỏ vào miệng, thì mùi hơi nồng, vị cay, làm ông muốn ọe ra. Nhưng ông cũng cố nuốt xuống, và tự khôi hài rằng, ngon quá mà. Dù vậy, ông không bỏ cuộc, cứ ăn tiếp cho hết. Không phải ông cố tự hành hạ cái khẩu vị, cũng không phải ông tiếc tiền nên rán mà ăn. Trong khi ăn, ông để ý quan sát chung quanh, từ thực khách đến chủ quán, tìm những đặc điểm, những kỳ dị, và thường thấy tội nghiệp cho nhân sinh, quay quắt trong đời sống, cả đến khi ăn uống cũng không được thanh thoi, tận hưởng hương vị. Khi chờ món ăn thì bồn chồn nhìn quanh, lâu lâu liếc mắt về phía bếp, hoặc thấy hầu bàn bưng món ăn ra, nhìn chăm chú, hy vọng là món ăn của mình. Khi ăn thì cũng gấp gáp, có người như nuốt vội ra đi cho kịp thì giờ, làm cho xong cái bổn phận với bao tử. Cũng có những buổi trưa, ông Tư ngồi quán có bàn kê bên hè phố, vừa ăn uống vừa nhìn thiên hạ đi qua, Nhìn những bà đầm mông vĩ đại như lừng lững tự, những cô con gái kiêu ắt ăn giữ gìn thân thể ốm o như ma đói lừng đặng, những ông Mỹ mông teo rí bụng thì thề lờ, trong lúc hai vai xuôi lơ, những bước chân lóc cóc vội vã, những khuôn mặt chảy xệ vì sức căng của đời sống.

Ông Tư muốn hét to lên với mọi người rằng: “Hãy thông thả, buông lỏng tâm trí, tạm gác qua các lo lắng muộn phiền, không tội chi mà phí đi một buổi trưa nắng tươi đẹp thế này. Quên đi và vui lên”. Ông chỉ nghĩ thầm, không dám hét to, vì sợ người ta cho rằng ông bị bệnh tâm thần. Ông ngồi thông dong nhìn mây bay trong đáy cốc, nhìn hơi cà phê uốn éo như khói sương, gỡ một cánh lá rụng trên bờ vai, nhìn vào xác lá mà như nghe được âm thanh huyền diệu của đất trời. Rồi lững thững ra về, nghe nhịp giầy nhàn nhã của mình vang vọng trên hè phố. Cũng có những hôm, ông Tư cùng bạn bè xuống phố ăn chung, gần chục người, kê một bàn ăn chừng chục món. Đôi khi còn ngon hơn tiệc tùng, hoặc ăn cưới. Vừa ăn, vừa bàn chuyện trời đất, nắng mưa, toàn chuyện phù phiếm, vui vẻ, mua được những phút thanh thản, quên đời. Có những buổi trưa, trời tốt, ông Tư mua một bao thức ăn, ra công viên, đi dạo cùng một vài bạn Việt Nam, bàn chuyện thời sự, chính trị, văn chương, có khi cao hứng ngâm sang sảng vài ba câu thơ đắc ý. Cứ ngâm to, mặc kệ thiên hạ qua lại, có ai hiểu gì đâu mà ngán. Cũng có khi ra bờ hồ, nằm ngửa dưới bóng mát tàng cây, vừa ăn vừa nhìn mây bay, nhìn vòm lá xanh ngắt, nhìn

những tàn hoa long lanh trong nắng, nhẹ rung gió vờn. Có khi những cánh hoa rụng bay bay, đậu nhẹ trên mặt, trên người ông. Lác đác tiếng chim ca líu lo. Cảm thấy cái thảm cỏ như tấm nôi êm ngập tràn hạnh phúc, trong lòng sáng khoái thênh thang. Có khi gió hây hây mát, làm mắt nặng trĩu mơ màng, và thiếp đi trong một giấc ngủ ngắn, thật say, thật ngon. Khi tỉnh dậy giật mình biết mình đang nằm trên thảm cỏ, chỉ có năm mười phút chớp mắt mà tưởng như đã ngủ được một giấc dài mấy giờ liền. Nằm lơ mơ nhớ đến giấc mộng mà sáng khoái, rồi lững thững ra về. Thấy mình nhàn như tiên, thanh thoi như thần thánh, nhẹ nhàng như có mọc cánh bay cao. Đời sống sao mà dễ thương và quý hóa quá. Tại sao sẵn đây, mà có nhiều người không chịu đón nhận, thụ hưởng, mà lại để cho những mối lo âu, phiền não ám ảnh, làm băng hoại cả một ngày vui. Có chi đâu, hãy tạm gác lại những việc chưa tới và quên đi những bực bội khó khăn đã qua. Gác quá khứ về cho quá khứ, để dành tương lai cho tương lai. Hiện tại không giải quyết được chuyện quá khứ, cũng chưa đến thời điểm để thanh toán chuyện tương lai, thì tạm quên đi. Có được một giờ vui, thì vui đi kéo uổng. Cũng có trưa, ông Tư ăn nhẹ miếng bánh mì

kep thịt, rồi đi một vòng quanh công viên, hoặc chạy bộ cho giãn gân cốt. Trong công viên, có nhiều toán người mặc áo quần ngắn, chạy chung nhau, chạy cả đoàn. Gồm đủ loại, đủ hạng người, có kẻ thì thân thể da thịt chắc nịch, người thì mập phịch phịch, nếu nói là mập như heo, thì heo nó buồn, vì heo cũng không thể mập bằng. Có lần ông Tư cũng chạy bộ, chạy sau lưng mấy bà ủn ỉn, trông mấy cái mông tục tĩu quá, ông phải đổi hướng chạy ngược qua chiều khác.

Buổi chiều tan việc, ông Tư buông bút, để lại công việc sờ tại sờ. Quên hết việc sờ, không chút vướng bận, không chút âu lo suy nghĩ. Ông có thói quen không đem việc nhà đến sờ, cũng không đem việc sờ về nhà. Rõ ràng, phân minh. Đi làm để kiếm sống. Về nhà để sống, để vui thú gia đình, để làm những việc mình thích. Về nhà thì xem truyền hình, nghe nhạc, vui với vợ, với con, hướng dẫn cho con học hành trong tinh thần thoải mái, dễ dàng.

Tình hình kinh tế tài chánh thăng trầm thường là mối quan tâm, lo lắng của đông đảo dân chúng. Biết rằng, có lo cũng không được, nên ông Tư không cần chú ý đến làm gì. Thị trường chứng khoán mặc sức mà lên xuống, ông Tư đứng dưng, chẳng liên hệ gì,

chẳng xôn xao bàn tán. Ông đã có con đường tiến thoái rõ ràng, không việc gì phải lo lắng mất công. Tiến, thì cứ cuộc sống này, mà thoái thì thu hẹp cuộc sống lại, bớt chi tiêu, ở cái xứ này, thì không phải sợ đói, sợ lạnh. Cùng quần lắm thì ăn cơm thịt gà kho, dưa mắm thì không chừng lại được mạnh khỏe hơn, vệ sinh hơn. Mạch máu bớt nghẹt ứ chất mỡ. Cứ nhìn gương người Lào sống trên đất Mỹ, họ sống chung cả mười mấy người trong chung cư một phòng. Cứ trải chiếu ra mà nằm ngủ trên thảm. Rau thì trồng xanh tươi trong vùng đất trống của chung cư. Nuôi gà làm thịt. Đi câu cá chất đầy thùng lạnh. Chỉ tốn tiền mua nếp và muối mà thôi. Mỗi tháng họ chỉ tốn mấy chục đô la là phong lưu không thua ai. Nhưng họ có cái ham là đi xe hơi đắt tiền, xe hơi sang trọng. Và ông Tư nghĩ rằng, ngày mới đến định cư, trên người chỉ có bộ áo quần sờn rách, nghề nghiệp chưa biết ra sao, ăn nói ầm ớ tiếng được tiếng mất, thế mà còn chưa ngán, nay thì đã ăn nói khá thông thạo, nghề nghiệp kinh nghiệm vững vàng, thì sao lại sợ. Người Mỹ có câu rằng, cửa này đóng, thì cửa khác sẽ mở.

Nhiều người lầm tưởng nhàn nhả là sự biếng nhác, trây lười. Tưởng cứ ỳ xác ra, không làm chi cả là nhàn. Nhàn là một trạng

thái tâm linh, cảm nhận được sự thanh thoát nhẹ nhàng trong ý nghĩ, trong hành động. Nhàn là cởi được sức căng, sức ép của đời sống tốc độ. Nhàn nhã muốn tìm là có, muốn có là được, nó tiềm tàng trong đời sống, sẵn đó, nhìn thì thấy, mà không để tâm nhìn, thì nó thành xa xôi. Như cụ Nguyễn Công Trứ viết, đại ý rằng, biết đủ thì thấy đủ, biết nhàn thì thấy nhàn. Không cần phải về hưu mới tìm được nhàn, có nhiều người về hưu rồi mà vẫn thấy bận rộn vô cùng, không có thì giờ để gặp bạn bè, họp mặt anh em, không rảnh rang để viết thơ cho ai. Thế thì về hưu làm chi cho bận rộn, cho khổ thân? Không cần vào núi xa vắng về mới tìm được nhàn. Sống ngay tại phố thị, và còn phải mưu sinh, nuôi vợ, nuôi con, bị vợ cần nhần, bị con đòi hỏi, muốn nhàn thì vẫn tìm được nhàn. Không cần vào chùa tu, đọc kinh kệ, cứ ở ngay giữa thế gian. Cứ tạo cho mình cái thanh thoát trong ý nghĩ, trong cuộc sống, trong sinh hoạt hàng ngày, sao cho đừng bận rộn với những chuyện chưa tới, và quên đi những bất bình trong quá khứ. Có được phút vui nào, có được thời gian ngưng nghỉ nào thì nắm chặt lấy mà khai thác, thì tự nhiên thấy được nhàn. Đối với công việc làm ăn, nhiều người ví von rằng, đi làm là “ trả nợ áo cơm”

hoặc là “đi cày”, chỉ mới có cái ý nghĩ đó thôi, dù là nói cho vãn vẻ hoặc pha chút khôi hài, thì cũng đã làm cho công việc trở nên nặng nhọc, khó chịu và mất vui. Phần ông Tư thì cảm thấy mỗi ngày còn có sức khỏe, còn có công việc làm thì đã là một nguồn vui lớn. Có khối người chạy vắt giò lên cổ để tìm cho ra một công việc làm mà không có.

Ngoại trừ những khi có hẹn, từ nhiều năm nay, ông Tư không đeo đồng hồ tay, để thấy mình thoải hơn, nhẹ nhàng hơn. Cứ thấy nắng lên, là trời sáng, thấy tối sập xuống, là hết ngày. Thông dong, khi buồn ngủ thì đi ngủ, ngủ không được thì nằm đọc sách cho đến khi rớt sách thì thôi.

Nếu ý nghĩa của đời sống là đi tìm hạnh phúc chân thực trong kiếp người, và nếu hạnh phúc là những niềm vui nho nhỏ gom góp lại, cộng với những sướng khoái của ngày tháng, thời gian, thì có thể nói ông Tư đã đạt được phần nào cái hạnh phúc chân thực mà không phải tốn nhiều công sức, nhiều tiền bạc.

Ai cũng có thể tìm được cái nhàn, cái hạnh phúc chân thực của kiếp sống như ông Tư, thế mà có khối người lãng phí thời gian, lãng phí cơ hội./.

Lang Vườn Bất Đắc Dĩ

Hồi còn nhỏ khi mũi nước chưa lau sạch, tôi đọc cuốn truyện nhan đề là "Cuộc Đời Bác Sĩ Arrowsmith", viết về một y sĩ tình nguyện đi làm việc thiện bên Phi Châu. Tôi quyết định sau này lớn lên sẽ đi học y khoa và theo bước chân giang hồ của người đi trước. Hai thằng bạn thân của tôi, cũng hẹn nhau sau này cùng học y khoa, và sẽ cùng đi Phi Châu phụng sự cho nhân loại còn đói, bệnh và khổ. Nhưng sau đó, tôi đổi ý, vì một lần tình cờ về quê, được chứng kiến một người đàn bà sinh con trên cánh đồng. Thấy tận mắt, đứa bé tím ngắt từ từ chui ra từ lòng mẹ, và thấy người đàn bà đau đớn quằn quại kêu la, tôi gằn ngất xỉu. Dù thời đó, khi nào tôi cũng tự xem mình như một tráng sĩ tí hon, sẵn sàng làm những chuyện động trời như những anh chàng cướp núi Lương Sơn Bạc trong truyện Thủy Hử. Thấy cảnh đau đớn của người mẹ sinh con, tôi nguyện hai điều, điều thứ nhất là sẽ không lấy vợ, vì lấy vợ thì sẽ phải sinh nở, và như vậy tức vô tình làm

khổ đau cho người khác, điều thứ hai là bỏ ý định học ngành y khoa. Phi Châu có khổ đau thì để người khác lo, mình không việc gì mà dây vào. Sau khi học xong trung học, hai bạn tôi nhắc ước vọng cũ, rủ tôi học chứng chỉ dự bị y khoa (PCB), tôi cười lắc đầu mà không giải thích. Hai bạn tôi sau này thành bác sĩ, và thỉnh thoảng chữa bệnh cho tôi. Dù không học y khoa, nhưng hình như tôi có mối liên hệ gần gũi với ngành này. Một số lớn bạn tôi là dược sĩ, nha sĩ, bác sĩ, và trong thời gian cư ngụ tại đại học xá Minh Mạng, tôi cũng ở chung phòng với hai anh học y khoa. Ngoài ra, trong gia đình tôi, cũng có nhiều người học các ngành y dược. Thời làm việc tại Sài Gòn, độc thân rảnh rang không biết làm gì, tôi nghe theo lời một anh bạn, cùng xin đi học nghề châm cứu do một vị danh sư thượng tọa dạy. Nhưng chưa học được bài nào, thì nghe vị danh sư kia có nhiều hành động sàm sỡ với các nữ bệnh nhân, tôi sợ mang tiếng lây, và chán ngán nên bỏ học .

Cho đến khi đi tù cải tạo cộng sản tại Long Thành, một lần tôi ngu xuẩn dùng răng mở cái nắp chai bằng kim khí, làm sút men răng mà không biết. Sau đó mấy tháng, sinh ra đau răng khủng khiếp, đau lẫn lộn cả tuần. Đau quá quên cả buồn, khổ và đói khát . Mỗi

bữa ăn, gói cơm vào bao ni lông, rồi bao thêm lớp vải bên ngoài, dùng tay nghiền nát cơm như bánh, xong bỏ vào miệng mà nuốt, chứ nhai thì động đến răng đau thốn không chịu được . Nhà tù thì làm chi mà có thuốc, chúng tôi cũng đã được hưởng cái "văn minh tiên tiến" của nền y học xã hội chủ nghĩa qua cuộc chủng ngừa bệnh cảm cúm. Mỗi tù nhân ngừa mặt ra để "y sĩ cách mạng" nhỏ mấy giọt nước tỏi vào mũi, như ngày xưa ở nhà quê người ta chữa bệnh cho gà bị mắc toi . Đau răng, thì cũng phải lao động, họp tổ, họp nhà, học tập chính trị, nhưng cái đau nó đeo đẳng không tha. Một anh bạn bác sĩ nguyên làm giám đốc bệnh viện, cũng là tù nhân, bảo rằng ăn uống thiếu thốn không đủ chất vôi, răng hư là việc không tránh khỏi . Trong lúc đang nói chuyện, thì một anh khác đến hỏi anh bác sĩ rằng, làm sao mà biết mình bị phù thũng? Anh bác sĩ nói, dễ lắm, cứ bấm vào chân như thế này, vừa nói anh vừa kéo ống quần lên và bấm vào chân, và anh chợt la lớn lên: "Chết rồi, tôi cũng bị thũng mất rồi." Tôi thấy trên ống chân anh bác sĩ có một lỗ sâu, anh bấm thêm vài nơi nữa, thì da thịt cứ nằm yên, không đàn hồi trở lại .

Một anh bày cho tôi buộc cái răng hư vào đầu một sợi chỉ thật chắc, đầu kia buộc

vào gốc cột nhà, rồi đứng mạnh dậy, thì dù có là răng cộp nữa, cũng văng ra ngoài. Túng quá, phải nghe theo. Hai người bạn tù giúp tôi buộc cái răng, nhưng răng mọc sát nhau quá, không cách nào buộc được, mà miệng mồm thì máu me chảy đầm dề . Cái răng thì còn chắc chắn lắm, và cũng không chắc chiếc răng nào là răng đau.

Mấy anh bạn khuyên tôi chờ thêm thời gian cho cái răng nó lung lay, thì khi đó dễ nhổ ra hơn .Ai mà chờ đợi được với cái đau đón như cực hình. Lúc này tôi ước mơ gặp được cái anh chàng nhổ răng dạo trên chợ Sài Gòn ngày trước thì đúng là trời thương. Không biết anh này làm sao mà chỉ thấm chút thuốc vào bông gòn, đắp lên răng. Chờ thuốc thấm chừng hai phút, rồi thò tay lấy cái răng ra nhẹ nhàng mà người bệnh cũng không hề biết là răng đã nhổ, chỉ khi đưa lưỡi rà hàm thì mới biết và toét miệng cười. Tôi đã tò mò thấy tận mắt hàng chục người được nhổ răng, với những cái răng cắm chân dài thông, cũng lấy ra nhẹ nhàng, dễ dàng. Tôi thấy mấy anh chàng nhổ răng này có cái gì không thật, vì mấy anh chỉ cho đám đông xem những "con sâu răng " đang vùng vẫy loăng quăng trên tấm kiếng. Nhiều đêm lăn lộn, không ngủ được, không dám kêu la . Ban

đêm hình như vắng lặng cho nên đau hơn ban ngày. Nhiều đêm đau răng quá, tôi muốn chấm dứt cái đau bằng cách chạy xông vào vọng gác, vừa chạy vừa la " Xung phong, xung phong ", thì lính gác hoảng hồn, chúng nó lia cho vài tràng AK, khi đó , đau nào cũng hết, mà tù nào cũng xong .

Một buổi chiều, tay bưng cái mặt méo xẹo vì đau đớn đang hành, tôi qua nhà số 7 thăm bạn, thấy tôi nhăn nhó, một tù nhân lớn tuổi hỏi han. Bạn tôi cho ông biết rằng tôi đang đau răng. Ông cười, bảo ngồi xuống, ông thử chữa cho, may ra bớt đau chẳng .Tôi dù không tin, nhưng cũng mừng vô cùng. Ông đốt nửa điếu thuốc, rồi xoa cù là nóng vào vài điểm trên mặt tôi, sau dùng điếu thuốc hơ bên ngoài, xong đưa ngón tay trở ấn ấn, xoay xoay vào các nơi vừa cứu xong. Chỉ trong vòng mười phút, cái đau của tôi dịu dần, và sau đó thì bớt hẳn. Như là thuốc tiên. Tôi cảm ơn rồi rít, và hỏi thăm, thì được biết ông nguyên là hội đồng thành phố tỉnh Bình Dương. Hai mươi mấy năm, tôi quên mất tên của vị ân nhân này. Chỉ có hai lần chữa thôi, mà tôi hết hẳn cái đau răng hành hạ .

Từ trước, tôi vẫn có thành kiến về đông y, vì thấy các vị lương y bốc thuốc bằng tay,

nhúm nhúm đong lường , không khoa học chút nào, và cây rễ làm thuốc thì mốc meo, thiếu vệ sinh. Đồng thời tôi cũng được một anh bạn kể cho nghe chuyện thời nhỏ, thời anh đang ở một tỉnh lị nghèo, hay lang thang trên phố . Một ông bán thuốc dạo cho anh gói kẹo tổ bố, yêu cầu anh đập dập gạch vụn và cà nát ra cho ông ta để chế tiên đan . Ông trộn bột gạch với than cà vụn, tưới axit trong bình điện, trộn đều, đem phơi khô . Xong gói thành từng gói nhỏ. Dem ra chợ chỗ đông người qua lại, đứng hát vài câu tiểu lâm cho thiên hạ cười chơi . Xong yêu cầu đồng bào đứng lại, xem biểu diễn thuốc tiên, do "Tây Vương Mẫu" đặc ân ban cho, để cứu độ chúng sinh . Ông cười khà khà nói :

"Thanh niên thú nữ, gặp người iu mà găng cổ dằng như đất sét, đen điu như đất bùn, thì ai mà cho hung đặng " .. (Thanh niên thiếu nữ, gặp người yêu mà răng cổ vàng như đất sét, đen điu như đất bùn, thì ai mà cho hôn được) .

Ông kéo một bác đàn ông trong đám người đứng xem, bảo nhe răng ra cho đồng bào coi. Thấy hàm răng bợn bẩn, vàng và đen điu vì khói thuốc, vì trà, vì cà phê. Ông hỏi, :

"Răng cở đẹp như dây thì liệu người iu có cho hung hay không? "

Đám đông cười ầm lên và la lớn :

"Không! Không !! "

Ông bảo rằng chỉ trong nháy mắt, phép lạ sẽ xảy ra mà không cần lặn lội đi đâu xa . Ông lấy một ít " bột tiên " để lên ngón tay, và chà qua lại vài lần trên hàng răng đen bọt, xong lấy cái khăn tay đen điu như cái khăn lau bát của các chị bán hàng rong, chùi qua răng, rồi bảo người đàn ông kia súc miệng và nhổ răng cho đồng bào xem . Hai hàng răng thành trắng bóng, bao nhiêu bọt đen, bọt vàng đều tan biến. Những người đứng xem đều ồ lên ngạc nhiên . Ông nói tiếp rằng, chắc đồng bào chưa tin lắm, vì cái ông bạn đây có thể là cò mồi của tôi đưa ra, yêu cầu đồng bào chọn cho tôi vài người khác, trong chốc lát thôi, sẽ thấy tiên được hiệu nghiệm. Ông biểu diễn thêm vài trường hợp nữa, quả thuốc công hiệu như thần. Đồng bào tranh nhau mua hết tức thì . Gói nhỏ mười đồng, gói lớn hai chục đồng. Thu về một nón tiền đầy nhóc tràn ra cả nền đường. Ông tuyên bố, thuốc cứu nhân độ thế, vừa bán vừa cho kẹo phụ lòng Tây Vương Mẫu. Nhiều người chậm tay mua không kịp, hỏi hôm nào có bán lại, ông nói chờ mùa trăng tròn tháng sau, ra lại

chợ này. Thuốc tiên, không phải dễ bào chế. Ông nhét vào túi bạn tôi mười đồng để ăn kẹo. Bạn tôi xin một gói thuốc tiên để dùng, ông cười bảo rằng mày còn nhỏ, dùng thuốc tiên không tốt.

Lại nữa, trước 1975, thời tôi còn làm việc tại trung tâm Sài gòn, mỗi ngày đi ăn trưa ngang qua đường Lê Lợi, thường bị mấy ông người Chàm đầu quấn khăn, mặc áo thụng trắng như đạo sĩ tả trong truyện Tàu, kêu lại . Các ông bảo :

"Này, này, cậu có bệnh gần chết rồi đó, nhìn cái sắc mặt thì biết, lại đây chúng tôi cứu cho . Phước lắm mới gặp được chúng tôi . Lại đây, lại đây ".

Tôi chỉ cười và cảm ơn, ngày nào cũng như ngày nào, tôi bị những người này kêu réo, thế mà tôi vẫn sống nhăn từ năm này qua năm khác, không uống một viên thuốc. Chắc mấy ông Chàm này cũng làm ăn được khá khá với những người yếu bóng vía, nên cả mười mấy năm dài, vẫn còn ngồi trên đường Lê Lợi, Hàm Nghi . Cũng trong những lần đi phát phơ trên phơ, chính mắt tôi thấy một người Thượng, lấy con dao nhọn đâm vào đầu một con gà, xuyên từ mòng xuống mỏ dưới, con gà nằm chết , lông lá rũ rượi, máu rỉ ra từ lưỡi dao . Một lúc sau, anh rút

con dao ra, lấy mấy cái vỏ cây xơ xơ như dây tơ , rịt vào vết thương trên đầu con gà. Chừng vài phút sau , con gà đã chết quắc quắc một chân, rồi đứng dậy nhìn quanh ngơ ngác . Những trò ảo thuật tương tự như thế này, tôi vẫn thấy dài dài nhiều năm trên đường phố Sài Gòn. Thành kiến về cái gọi là “thuốc ta” khó xóa nhòa trong tôi . Nhưng lần chữa đau răng trong tù này làm tôi nghĩ rằng đông y cũng có cái hay của nó mà mình không biết đó thôi. Tôi tạm giải thích cho trường hợp đau răng này là những huyết mạch bị bầm, đã cắt đứt hiệu lệnh đau đớn của dây thần kinh từ cái răng đau lên não bộ. Nghĩa là cái răng vẫn đau, vẫn hư, nhưng não bộ không nhận được tín hiệu đau đớn . Dù sao đi nữa, tôi cũng đã được cứu ra khỏi những cơn đau kinh hồn này.

Sau khi đi tù về, thỉnh thoảng cái răng cũng rêm rêm chuyển đau lại, tôi cũng theo lối cũ, bôi cù là và hơ nóng huyết mạch cùng bầm ấn các huyết đó. Thế là cái răng êm trở lại trong thời gian rất lâu. Có vài người bà con đau răng, khi họ đã không chịu nổi nữa, thì tôi cũng trở tài lang băm làm phước. Cứ trong 10 người bệnh, thì tôi chữa được 6 đến 7 người .

Sau 1975, tất cả sách xuất bản tại miền Nam đều bị tịch thu và đem đốt bỏ, từ những sách khoa học kỹ thuật, sách ngoại quốc, sách nghiên cứu, đến tự điển, đến truyện, thơ, đều là sản phẩm đồi trụy . Không ai đại chi tranh luận với anh cán bộ phường, khóm hay công an về ý nghĩa của cuốn sách, khi mà trình độ văn hóa của họ, có người chỉ mới đánh vần chưa thông, và khi ký thì khoa nhanh bút mấy vòng trong không khí, rồi đề bút xuống gần rách giấy, mà khi ký xong thì mệt đến mồ hôi rướm lấm râm trên trán . Nhiều người chảy nước mắt thấy cuốn sách kỹ thuật quý báu bị xé gói xôi, gói khoai mì . Văn hóa triết học khác với hệ thống Mác Lê bị liệt vào thứ đồi trụy, thì không ai dám chối cãi, nhưng sách y khoa kỹ thuật cũng không thoát khỏi số phận. Tuy bị cấm, nhưng hè phố Sài Gòn vẫn bày bán đủ thứ sách, mà chủ nhân muốn vớt vát một ít tiền còm, bán ra có lợi hơn là đem làm chất đốt nấu ăn .

Sau khi ra tù, thỉnh thoảng buồn tôi cũng lên phố tìm lại hương vị xa xưa, đi mà lòng trống vắng quặn thắt. Chỉ thấy những khuôn mặt lo âu, những đôi mắt thăm thẳm buồn, những nụ cười méo lệch trên đường phố Sài Gòn xơ xác. Tôi cũng dừng chân nhìn những đề tựa các cuốn sách vung vãi

trên vỉa hè . Tôi bắt gặp cuốn sách về chữa bệnh theo phương pháp xoa bóp, cũ mèm, đã rách nát bìa, bên trong mất nhiều trang. Tôi mò mua về đọc chơi, biết đâu cũng giúp cho tôi trị cho mình vài bệnh nhỏ nhặt mà khỏi gặp bác sĩ, nha sĩ. Tôi biết trong nhiều năm nay, và nhiều năm sắp tới nữa, thuốc men là thứ hiếm quý trên con đường quá độ lên xã hội chủ nghĩa , sẽ có ít ai đủ khả năng mua thuốc tây, và thuốc tây, thành một thứ xa xỉ giữa xã hội này. Cuốn sách mỏng, tôi đọc một mạch thì hết, nhưng tôi để đầu giường, lâu lâu đọc vài trang, và ghi nhớ vài ba huyết mạch chính yếu . Tôi chữa bệnh cho chính mình, đôi khi cũng chữa cầu may cho bà con, bạn bè thân thiết, khi thì hiệu nghiệm, khi thì không. Thế mà trong cái thời buổi "văn minh tiên tiến xã hội chủ nghĩa" đó, nhiều người nghe bạn bè đến nhờ tôi chữa bệnh. Tôi bắt đầu dĩ, không từ chối được, cứ làm đại theo sách, xoa bóp các huyết mạch, có chết ai đâu . Nhưng trước khi xoa bóp, lúc nào tôi cũng mào đầu bằng câu: " Tôi không chắc đâu, nhưng để tôi thử xem, may ra bớt bệnh". Con bệnh thì thấy cũng không mất tiền, cũng không nguy hiểm chi, cầu may xem . Bệnh đau đầu chữa mau và hiệu nghiệm nhất, chữa cho đông đảo người nhất . Chỉ bơi cù là

và xoa bóp các huyết nằm ở chân tóc ngay giữa trán, giữa hai mí lông mày, bóp hõ hẩu, bấm các đầu ngón tay . Mười người lành cả mười, không cần xông, không cần thuốc thang chi cả.

Bà con, bạn bè đưa đặt tên cho tôi là "Lang Cầu Kinh". Vì nơi tôi ở có cây cầu bắc ngang qua con sông đào, gọi là cầu Kinh . Nhiều người vô ra nhà tôi, làm công an khu vực chú ý và đến thăm dấn mặt tôi, bảo rằng một cái kim dấu trong khăn cũng không qua mặt cách mạng. Có lẽ họ tưởng tôi toan tính, liên lạc bạn bè làm việc chống phá họ. Tôi cũng không thể nói là tôi chữa bệnh cầu may cho bà con, điều này cũng nguy hiểm . Sợ bị bắt đi tù lại, tôi tránh mặt bà con. Dặn họ đừng ai đến nhà tôi mà vạ lây, chỉ thế thôi, là bà con sợ lắm, đôi khi gặp tôi ngoài đường, họ cũng nhìn lén mà không chào. Thế nhưng khi đến chơi nhà bạn bè, bà con, thì họ cũng bắt tôi chữa bệnh, tôi cũng không tin vào cách chữa của mình chút nào cả, nhưng vì tính cả nể, không từ chối được. Không biết nhờ mát tay thế nào, mà bà con xem tôi như một ông lang. Trong khi kiến thức về y học của tôi cũng mù mờ dốt nát như kiến thức khoa học của một anh cán bộ. Tôi cố tránh

nói và nghe chuyện bệnh hoạn để khỏi bị chèo kéo chuyện chữa trị .

Lần nọ, trong văn phòng có một cô đau bụng hành kinh hàng tháng, nằm lẫn lộn, khóc lóc, không có thuốc cầm đau. Mấy anh chị trong sở kêu tôi đến chữa, tôi từ chối, họ năn nỉ hết lời. Tôi nhớ lại câu chuyện ngày xưa, nghe bạn của chị tôi kể rằng, hôm đó chị đau nhức trong người, đến khám ông bác sĩ trong xóm. Ông bảo chị cởi áo quần ra và nằm lên giường. Vừa nghe xong, chị đỏ mặt và chửi thẳng vào mặt ông: "Đồ súc vật, đồ khốn nạn." Đạo đó, mỗi lần chúng tôi thấy ông bác sĩ kia, là cười và cho rằng ông ta là một thứ dê cụ. Nhưng thời gian giữa 1963, khi mà sinh viên Đại Học Xá bị chính quyền vây bắt, càn quét, không cần biết ai có tham gia biểu tình bãi khóa hay không, có người cho là âm mưu của các ông tướng, cố gây thêm mâu thuẫn giữa chính quyền và sinh viên, tôi chạy đi tị nạn, lưu động tạm trú tại các phòng ngủ của sinh viên y khoa nội trú trong các bệnh viện Đô Thành, Bình Dân, Chợ Rẫy ...thì tôi thấy họ bắt bệnh nhân nằm trần truồng, tòng ngồng, chỉ đắp tấm màn trắng, khi đó tôi chợt nhớ lại trường hợp người bạn của chị tôi với ông bác sĩ trong xóm, thì ra chúng tôi có thể đã hiểu lầm, gán

tiếng dè cụ cho ông trong bao năm qua .

Trở lại trường hợp cô gái bị đau bụng hành kinh mà anh chị em trong sở kêu tôi chữa trị. Sách chỉ rằng, trong trường hợp đó, thì xoa bóp nhiều và mạnh trên xương nằm dưới rốn một gang tay, trên chỗ đi tiểu. Có cho vàng tôi cũng không dám mạo hiểm. Dù có biết chắc chữa lành bệnh cũng không dám, chứ đừng nói, là mới thấy trong sách mà thôi. Tội chi mà mang tiếng oan vào thân . Khi bị cả sở thúc dục, và không còn từ chối được, tôi chọn một chị lớn tuổi có bàn tay gân guốc khỏe mạnh để phụ giúp tôi . Tôi cầm cây bút chì, vẽ lên giấy cái huyết đạo cần xoa bóp và làm mặt nghiêm nói :

"Sách nó dạy như thế này, xoa bóp mạnh tại chỗ này chừng vài chục phút, tôi không biết có hiệu quả hay không, nhờ chị thay tôi chữa giúp" .

Chị nhìn tôi cười mỉm ranh mãnh hỏi :

"Gì mà kỳ thế này, anh có đùa giỡn hay không ?

Tôi nghiêm mặt hỏi rằng xưa nay chị thấy tôi đùa giỡn sàm sỡ với ai bao giờ chưa.

Chị nửa tin nửa ngờ, vào nơi người bệnh đang khóc lóc, lẫn lộn . Nghe có tiếng

cười rúc rích bên trong. Chừng hơn hai mươi phút sau, hai chị đi ra, hết đau đớn, và cảm ơn tôi. Sau này, cái chị giúp tôi chữa bệnh, khoe rằng đã dùng cùng một phương pháp, chị đã chữa cho nhiều người đau bụng hành kinh rất hiệu nghiệm . Thế mà có lần, một người bạn gái đến thăm tôi, nàng cũng bị đau bụng hành kinh, tôi đành im lặng, và chạy quanh xin thuốc, chứ không dám nói ra cách chữa bệnh đó, sợ bị hiểu lầm . Và vợ tôi, trước khi thành hôn mấy tháng, cũng có lần tôi đánh bạo chữa cho nàng bằng cái lồi xoa bóp này mà chẳng có công hiệu chút nào. Lần đó, tôi cứ ân hận mãi vì nàng có thể nghĩ rằng tôi thiếu đứng đắn, giả vờ chữa bệnh mà nham nhở .

Tôi nhớ sau này ở Mỹ, một lần tôi ghé Spokane, Washington State, thăm người bạn cũ, anh rủ tôi đi xem văn nghệ Tết do cộng đồng tổ chức, và bảo vợ anh không đi được vì đang đau bụng hàng tháng. Tôi chỉ cho anh cách trị bệnh. Anh vào buồng, và tôi nghe tiếng la ới ới: "Kỳ quá, người ta đang đau thấu ruột gan, mà đùa giỡn tục tĩu thế này". Một lúc sau, chị vợ anh dụi cơn đau và dậy thay áo quần cùng đi xem văn nghệ. Chị cho

biết, bệnh đau này đã hành cả chục năm nay, uống thuốc tây không công hiệu.

Năm 1978 tôi đi xe lửa ra Nha Trang vượt biên, đi bằng giấy tờ giả nên rất lo lắng. Trên tàu công an chìm đầy rẫy dò xét từng hành khách. Tôi có linh cảm đang bị theo dõi, vì lâu lâu bắt gặp cái nhìn lén của người hành khách ngồi xéo bên kia. Tôi đứng dậy, giả vờ đi qua toa xe khác, để xem có đúng là đang bị theo dõi hay không, thấy hẳn đi theo qua hai toa . Tôi trở về ngồi vào ghế cũ và nhắm mắt quẹo đầu giả vờ ngủ để theo dõi lại gã công an chìm. Khi xe lửa đi qua rừng lá, thì một em bé ôm bụng kêu la, khóc vang cả toa xe, dù tiếng ầm ầm lắc lư của con tàu cũng không át nổi . Nhiều người nạt nộ khó chịu, bảo chú bé cầm mồm đi, đừng khóc nữa. Chú bé đau quá, lăn lộn ra sàn tàu nằm khóc la mãi đến cả khản tiếng vẫn không thôi . Mọi người đều nóng ruột xót xa, vợ tôi ghé lại bảo nhờ tôi thử xoa bóp cho chú bé xem có hiệu nghiệm chi không . Tôi lắc đầu, vì mình phải lặn chìm tối đa, không để ai chú ý là tốt nhất, và tôi đang có trách nhiệm dẫn đường cho cả nhóm người tản mát đó đây . Nhưng tôi cũng thấy không yên lòng, chờ cho mọi người ngủ gà gật, tôi ngồi xuống sàn tàu, vạch chân thẳng bé, xoa dầu vào huyết túc tam lý, phía dưới

đầu gối, bên hông chân, và xoa bóp một hồi, chuyển qua huyết nằm dưới rốn . Chỉ thế thôi, mà thẳng bé rên nhỏ dần và nằm yên .

Tên công an theo dõi tôi cũng nhắm mắt há mồm ngủ thiêm thiếp. Tôi vội vã cởi áo ngoài, và cất cặp kiếng cận thị vào túi, nhảy lên kệ để hành lý trên cao nằm . Một lúc sau, tên công an giật mình tỉnh dậy, nhìn ngơ ngác tìm kiếm, hẩn chạy qua toa khác, chạy lui chạy tới. Tôi biết hẩn đang tìm kiếm tôi, nhưng không nhận ra, vì tôi đã mang áo màu khác, và không mang kiếng cận .

Cũng chuyện đau bụng, hồi mới đến Mỹ, một buổi sáng thứ bảy, bạn tôi định chở toàn gia đình đi chơi Seattle và cho tôi đi theo cho biết đó biết đây. Vừa nổ máy xe, thì bạn tôi cảm thấy đau bụng, càng lúc càng đau, anh ngồi dựa ngửa ra mặt mày nhăn nhó. Anh tắt máy xe, ngồi chờ xem tình trạng ra sao, nhưng cơn đau cứ dồn đến . Tôi ngồi bên cạnh, hỏi bạn có muốn để tôi thử xoa bóp không, may ra bớt đau được chút nào chẳng . Bạn tôi đau quá, gật đầu . Tôi lật chân bạn ra, bôi dầu và xoa ấn mạnh vào huyết túc tam lý, chưa kịp xoa huyết ở dưới rốn, chỉ ba phút mà thôi , bạn tôi hết đau hẩn. Bạn tôi ngạc nhiên vô cùng, phần tôi thì nghĩ rằng, có thể

là sự trùng hợp vô tình, chứ chưa tác động đủ vào các huyết cần thiết .

Cũng vì đành hanh chữa bệnh mà đôi lần tôi bị nghi oan . Lần nọ tôi đến nhà một người bạn để bàn chuyện tổ chức vượt biên, cô em gái bạn tôi tóc tai rũ rượi, mặt mày nhảu nhó, tay ôm đầu, bảo rằng nhức đầu như búa bổ . Khi đó bạn tôi đi vắng, tôi đề nghị chữa bệnh cho cô em của bạn tôi. Trong lúc đang ngồi tại phòng khách, tay tôi xoa ấn các huyết trên trán, thì mẹ bạn tôi về. Bà té nhị đi thẳng lên lầu, chỉ nhìn liếc qua thật mau mà thôi, tôi vội vã chào. Khi bà đi xuống, thì miệng cười chúm chím, tôi phân trần là đang châm cứu chữa bệnh. Bà cười nói :

“Ừ bác biết chữa bệnh mà.”

Nhưng trong ánh mắt bà có cái nhìn tinh nghịch, như bảo rằng, bác biết hết rồi, chối quanh làm chi. Rồi bà nói tiếp:

“Từ sáng đến giờ nó kêu đau nằm bẹp, mà bây giờ anh đến thì mặt mày tỉnh như sáo sậu”.

Tôi sượng sùng ngồi nhịp nhịp móng tay xuống mặt bàn. Em bạn tôi, cần nhằn:

"Mẹ đừng hiểu lầm, kỳ lắm ".

Cũng có lần tôi bị hiểu lầm, vì chữa không công hiệu, trong khi xoa mặt, bóp tay cho một cô gái có đôi mắt ướt rượt, miệng

cười chúm chím. Cô nói với bạn bè là anh chàng này giả vờ chữa bệnh để cầm tay cầm chân các cô gái, như là mấy người giả vờ coi chỉ tay mà thôi .

Một lần khác, chúng tôi đi công trường xây cất khu kinh tế mới Lê Minh Xuân, một chị kỹ sư trẻ, cán bộ miền bắc cùng đi trên xe, bị "Ø trúng gió " phèo bọt mép nằm bất tỉnh nhân sự, hai tròng mắt trợn trắng dã . Nhiều người vạch áo, vạch lưng ra cạo gió mà chẳng có ăn thua gì . Tôi vốn ghét con mụ này lắm, vì nó tác oai, tác quái, gán cho chúng tôi đủ thứ tội tình từ trên trời rơi xuống, mà chúng tôi phải cắn răng im lặng vì làm dân miền bại trận trong những năm đầu tai biến đó . Thấy con mụ bạc trắng nhọt nhọt nằm đó mà không cứu, thì trong lòng tôi bất nhẫn, bởi tôi cũng đã có kinh nghiệm cứu người ngất xỉu vài lần rồi . Tôi dùng đuôi cây bút bi thay ngón tay, để bôi cù là và ấn vào các huyệt đạo trên trán, hai bên cánh mũi, khớp cằm, và khi tôi vừa ấn vào nhân trung, thì con mụ ú ớ mở mắt được, nhìn tôi . Cái nhìn đó làm tôi nhớ lại những hần học, những lời nói the thé chua lè, trong các buổi họp học tập chính trị. Một ý nghĩ tinh nghịch thoáng qua rất mau trong trí, mà tôi không đủ thì giờ để cầm giữ . Tôi đưa đuôi bút xuống ấn mạnh vào vùng

cầm, nơi huyết đạo dùng để chữa cho những người bí tiểu tiện, thì con mụ rừng mình và tiểu ra dầm dề lênh láng, loang cả mặt bàn, chảy xuống sàn nhà. Ngay khi đó, tôi cảm thấy xấu hổ với chính mình, vì tình nghịch thiếu tử tế trong lúc người ta bệnh hoạn . Chuyện này làm cho tôi còn thấy buồn trong nhiều năm sau . Sau khi về sở, nhiều người hỏi tôi sao không để cho thứ ác ôn đó đi theo bác Hồ của nó cho yên chuyện ? Thế mà về sau, con mụ này phê vào hồ sơ cá nhân tôi một câu độc địa: “Thiếu nhiệt tình cách mạng”. Con mụ phê trúng, vì làm sao nhân dân miền Nam lại có nhiệt tình với cái chế độ tự nhận là cách mạng được . Vì câu này, mà tôi bị phòng tổ chức của thành phố kêu lên hạch hỏi nhiều ngày, bắt làm kiểm điểm. Cũng may mắn cho tôi, tên bí thư đảng ủy của công ty tôi là một anh chàng người miền Nam tập kết, hẳn có anh em ruột là sĩ quan miền Nam đi tù cải tạo, nên không sắt máu, và đôi khi tỏ ra thông cảm hiểu biết. Hắn nói với tôi :

“Bọn tôi mà bị phê là thiếu nhiệt tình cách mạng, thì bị hạ tầng công tác, các anh mà thiếu nhiệt tình cách mạng, thì chỉ có đi lao động cải tạo mà thôi”.

Tôi hiểu, lao động cải tạo là đi tù. May mắn thay, giữa anh bí thư đảng ủy này với

con mụ kia có hiềm khích ngầm, nhờ đó mà tôi thoát vạ lớn. Nhưng tôi cũng bị đày đi công trường xa, xây cất một nhà máy gạch, nằm tận trong một xã quê mùa quận Hóc Môn, mỗi ngày đạp xe đi về khuya sớm, mà tiền lương thì cũng chưa đủ để ăn quà sáng. Việc xây cất tại công trường thì ị ạch vì thiếu vật liệu, cả thầy lẫn thợ đều rã rời, chơi cũng không ra chơi, mà làm cũng không ra làm.

Công trường tôi nằm bên cạnh phòng y tế của xã, trưởng phòng y" tế là một y sĩ cộng sản. Anh này nguyên là y công của một bệnh viện tại Sài Gòn, bị liên lụy, vì người em vợ là đặc công cộng sản nằm vùng. Anh sợ bị bắt oan, nên chạy về quê tạm tránh mặt, nhưng rồi bị Việt Cộng đưa ra bưng, và được theo học khóa huấn luyện y tế dần dần lên chức y sĩ. Chữ nghĩa của anh cũng chẳng được bao nhiêu, không đọc nổi một cái tên thuốc, và khi ký cũng ngoai bút mấy vòng vẽ bùa rồi mới hạ xuống ký. Anh này muốn nhờ vả, và xin chúng tôi vật liệu xây cất nên lân la làm quen, thỉnh thoảng đem rượu qua mời chúng tôi nhậu chơi. Chúng tôi cũng không tội chi mà từ chối. Ăn uống của anh nhiều quá, chúng tôi mang nợ, phải cho anh mỗi lần ít ki" lô xi măng thừa. Vì nhà xa, những hôm mưa gió, đi về cực khổ quá, tôi ngủ lại công trường.

Thỉnh thoảng anh trưởng phòng y tế này cũng ghé chơi và đánh cờ tướng .

Một lần anh bị bệnh vẹo cổ, cái đầu nghiêng nghiêng quay không được, mấy hôm liền . Tôi đề nghị, để tôi chữa thử xem. Rồi cứ theo sách chỉ, bôi dầu , ấn và hơ nóng vào các huyết ở màng tang, đầu lông mày, khoeo cánh mũi, chân đường chỉ từ mũi xuống miệng, mí mắt. Chỉ một lúc sau, anh quay cổ qua lại được. Anh nói đùa là núi thái sơn trước mắt mà không thấy. Chỉ chữa trong ba ngày là hết vẹo cổ. Từ đó, anh hay giới thiệu bệnh nhân qua công trường xây cất để nhờ tôi chữa bệnh. Ban đầu, cũng vì nhân nhã, tôi cũng theo sách mà chữa trị, như một lối giải trí và thí nghiệm chơi . Về sau, dân làng cứ đến thẳng công trường đòi trị bệnh, mà không đi qua phòng y tế. Tôi cũng kẹt, vì không từ chối được và phải chữa bệnh trong giờ làm việc của công ty xây dựng. Có ngày, tiếp con bệnh từ sáng đến chiều . Để trả ơn, dân làng đem cho trái cây, tôm cá, rần rùa, bánh trái, nhờ đó mà anh em tại công trường cũng đỡ đói, và có mỗi nhậu giữa thời khó khăn.

Mãi cho đến khi có mấy tên công đoàn muốn lập công, báo cáo về công ty, thì tôi bị khiển trách và phải làm tờ kiểm điểm. Anh trưởng phòng y tế hứa lên quận, xin tuyển

dụng tôi vào làm phòng y tế xã, và cho biết sẽ xin sở y"tế Thành Phố cấp cho tôi cái bằng y"sĩ. Nghe như chuyện khôi hài, nhưng thời đó đã có nhiều trường hợp xảy ra. Tôi từ chối, vì không thể bỏ thành phố mà về vùng quê, những bà con tôi từ miền Bắc về bảo phải bám lấy thành thị bằng mọi giá, và không thể bỏ cái sở trường là nghề kỹ thuật mà lấy cái sở đoản là chữa bệnh đoán mò, làm một lang băm.

Trước khi tôi bị gọi về và chuyển qua một công trường xây cất khác, thì tôi chữa cho một anh bị "trúng phong" nói theo ngôn từ nhà quê. Người ta vờn anh này đến công trường, anh bảo bị trúng gió. Lưng cong lại như con tôm đau đớn, không duỗi thẳng ra được, và không đi đứng được, bị đã hai hôm. Tôi lật sách tìm, không có bệnh nào tương tự. Tôi từ chối, nhưng bà cụ già mẹ anh níu tay tôi khóc lóc, làm tôi không biết làm sao mà giải thích. Khi nói thật với bà rằng tôi chữa bệnh theo lối đoán mò, nên có nhiều thứ tôi không biết. Nghe vậy, bà cụ càng không tin, và càng nắm chặt tay tôi, với cái nhìn cầu khẩn, làm lòng tôi đau nhói. Và chỉ trong thoáng chốc, tôi nhớ lại mấy chục năm trước, ông bác tôi đang đi xe gắn máy, ngã lăn ra, và lưng đau đứng dậy không

được, người ta kiêng về tận nhà . Ông thầy thuốc nam bảo trong nhà rang muối hột với trà, hạ thổ, rồi đem chườm lên lưng, chà quanh lưng, vòng quanh nơi đau, khi muối còn nóng. Nhờ thế mà bác tôi khỏi bệnh . Vì không từ chối được, tôi bảo bà cụ rằng, tôi sẽ cố gắng thử xem, nhưng không chắc. Sẵn bếp lửa của "chị nuôi" tại công trường, tôi rang trà cùng muối hột, và làm y như ngày xưa tôi thấy. Chừng nửa giờ sau, người bệnh từ từ thẳng lưng ra được. Ngày hôm sau, tôi làm thêm một lần nữa, và anh chàng bệnh đã đứng dậy đi lại. Không biết có phải tôi “ mát tay” hay không, mà chỉ toàn gặp may mắn.

Sau này tại Mỹ, tôi cũng chỉ cho một người bị cong lưng cách chữa bệnh này, và cũng hiệu nghiệm. Nhờ anh chàng bị bệnh cong lưng này, mà về sau tôi làm quen được nhiều mối tổ chức đi vượt biên, vì anh này chuyên nghề đưa taxi (tiếng lóng chỉ người lái thuyền nhỏ đưa kẻ vượt biên ra thuyền lớn).

Tôi bị kêu về công ty và phải làm tờ kiểm điểm vì không lo làm việc mà lo chữa bệnh. Đúng lúc đó, thì gã thủ trưởng công ty tôi bị bệnh nấc cụt cả hơn hai tuần mà không làm sao dứt. Nhiều người dục gã nhờ tôi chữa thử xem. Gã ngỏ lời, tôi từ chối, nói rằng tôi là kỹ sư chứ không phải là y sĩ,

bằng chứng là đang làm tò kiểm điểm sai trái, không lo làm việc kỹ thuật, mà lo chữa bệnh cho dân chúng. Tôi biết chắc, bệnh nắc cụt có thể chữa hết tức thì, bèn nũa đùa nũa thật nói :

"Tôi có thể chữa cho anh lành bệnh với một điều kiện, là đừng đày tôi đi các công trường xa xôi nữa."

Gã bảo rằng, đối với cách mạng, thì công tác nào cũng là công tác cả, đưa đi công trường xa không phải là đày, nói như thế là mất lập trường. Rồi gã thuận theo điều kiện của tôi. Thật ra thì gã cũng chẳng mất gì cả . Buổi trưa tôi ra chợ Thanh Đa gần đó, mua một quả cam, vắt lấy nước, lọc kỹ cho gã đừng biết là thứ gì . Đem cho gã uống, và bảo gã đừng sợ bị đầu độc. Gã vừa uống xong, thì hết nắc cụt liền. Tôi đã chữa bệnh nắc cụt bằng cách ăn cam, mười người hết cả mười.

Mười năm trước, về miền Nam California chơi, ghé thăm một anh bạn, thấy anh cứ nắc mãi mà không hết, anh cho tôi biết đã bị cả hai tháng nay, uống đủ thứ thuốc mà không hết. Tôi cười hỏi : " Đúng là thầy khoe thầy cứu được người, đến khi thầy ốm biết ai cứu thầy! Anh là bác sĩ , nhưng có chịu để cho lang băm nắc chữa bệnh không?" Tôi mở tủ lạnh lấy trái cam để lên bàn, múa tay

giả vờ làm bùa phép và đọc thần chú, tôi cắt ra và bảo bạn ăn. Vừa ăn xong hai múi cam thì bạn tôi hết nấc. Cả nhà mừng quá. Chị vợ nắm tay tôi hỏi anh học cái bùa phép này từ bao giờ, và học tại đâu? Tôi cười và bảo rằng, nấc cụt ăn cam thì hết, chẳng có bùa phép chi cả, tôi chỉ đùa chơi thôi, nhưng anh chị không tin .

Cũng một lần khác, đi dự đám cưới đưa cháu, cả nhà cho biết cô dâu cứ nấc cụt từ sáng đến chiều, khổ sở lắm . Tôi cho ăn một múi cam, hết ngay . Cháu rể là thằng cháu ghé tai bảo tôi: "Cám ơn chú cứu con, tưởng đâu đêm tân hôn mà hai đứa phải ăn chay thì uổng lắm."

Khi đi làm việc tại Mỹ, tôi biết rõ rằng có nhiều người tính tình rất kỳ cục, hay thừa gởi để đòi bồi thường, không cần biết đến phải trái, ân nghĩa . Như trường hợp một ông đang lái xe trên xa lộ, thấy xe khác lật và sắp bùng cháy. Bèn dừng lại, liều đến mở cửa ầm một bà mắc kẹt từ trong xe ra, để cứu cho bà khỏi chết cháy. Sau đó, người đàn bà được cứu sống đâm đơn kiện cái ông đã cứu bà ra khỏi xe, lý do là ông này không phải là bác sĩ, hay y tá, không biết cách ầm người thương tích, làm cho bà đau lưng . Truyền hình chiếu vụ án và phỏng vấn bà này, thấy mặt mày

nhơn nhơn và nói những lời bất nhân. Nhiều người dặn dò rằng, khi đi đường, thấy có người té, thì đừng có nổi máu hào hiệp mà đỡ họ dậy, họ kiện cho đổ nợ ra. Chứ không phải như bên nhà, thấy người té mà không đỡ dậy là bất nhân, thiếu lòng từ . Bởi vậy, tôi rất dè dặt để chỉ cho các bạn đồng nghiệp người Mỹ cách chữa bệnh theo lối lang vườn.

Nhưng có lần, một ông Mỹ già ngồi cạnh bàn tôi, bị dị ứng, cứ sứt sứt chảy mũi nước mũi, uống thuốc mà cũng không khỏi, ông xài cả hộp khăn giấy, hai mắt đỏ hoe, ông nói đùa với tôi là nếu có cách gì làm ông hết sổ mũi sáng nay, thì ông sẽ đãi cả nhóm đi ăn trưa một tuần, tôi hứng chí, bắt mọi người làm chứng. Tôi bảo ông rằng, sẽ không bắt ông uống thuốc, cũng sẽ không động đến người ông, mà ông sẽ hết bệnh. Tôi yêu cầu ông rót một ly cà phê thật nóng, rồi áp hai đường lằn ở cạnh bàn tay phía dưới ngón tay út vào thành cái ly, cứ áp vào dờ ra một hồi, rồi chờ cho ly bớt nóng, áp ly vào các huyệt trên mặt, bảo ông tự ấn vào các huyệt đó, còn tôi thì giả vờ đọc thần chú ‘úm ba la’ . Quả nhiên, nửa giờ sau ông hết sổ mũi. Cả sở ngạc nhiên.

Một lần khác, ông bạn kỹ sư gốc người Nga ngồi sau lưng tôi, ông này nguyên là "viện sĩ" bên Nga vào thời cộng sản, ông được di cư qua Mỹ vì có vợ gốc Do Thái . Ông thấy tôi dùng dầu "cù là", ông rồi rít hỏi tôi mua ở đâu, chỉ cho ông, vì vợ ông rất thích xài cái thứ dầu này. Tôi hỏi ông tại sao biết thứ này, ông cho nói rằng bên Nga, người ta bán dầu này trong hộp nhỏ bằng đồng xu và trên nắp hộp có hình ngôi sao màu vàng. À thì ra Việt Cộng đem dầu cù là Sao Vàng xuất khẩu bán cho anh cả vĩ đại Liên Xô . Nhiều lần, chúng tôi bàn thảo chuyện chính trị, chuyện tư bản chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa, và cũng xem ông như đồng hội đồng thuyền vì cùng là nạn nhân của chế độ Cộng sản . Lần khác, ông bị đau nhức, không nhúc nhích được cánh tay mặt, và phải viết bằng tay trái. Người ta cho ông uống thuốc giảm đau mà thôi, chứ không cho thuốc chữa bệnh, ông nhăn nhó và than vãn suốt ngày. Ông hỏi tôi, có biết thầy châm cứu nào giỏi không, chỉ giúp cho ông. Tôi trả lời là không biết, nhưng tôi biết vài huyệt đạo mà ông có thể dùng cù-là bôi vào đó, rồi hơ ấm, sau đó ấn mạnh bằng đầu ngón tay, cứ thử xem. Tôi dùng bút chấm vào bốn huyệt trên mặt, hai huyệt trên lưng, và hai huyệt ở ống chân. Chiều về, vợ

ông có thể giúp ông, và tiếp tục chữa, nếu thấy có hiệu nghiệm thì cứ làm tiếp. Sáng chủ nhật đó, ông gọi điện thoại cho tôi, báo là đã cử động được cánh tay rồi, và hỏi tôi có nên lái xe không ?

Có một lần chúng tôi họp nhau ăn uống, toàn cả bạn cũ thời ba mươi, bốn mươi năm về trước. Một anh bạn nguyên là thanh tra giám sát viện, bị đi tù cải tạo cộng sản bảy năm. Anh kể chuyện rằng, lần nọ vào rừng đốn cây vác về, trong vỏ cây có con bò cạp, nó cắn vào cổ một anh bạn tù. Anh này được bạn bè khiêng về trại, và mồ hôi đổ đầm dề, run lập cập. Không có thuốc thang chi cả, có người nói cứ chờ gà gáy sáng thì hết đau, có người nói nếu có chút nước miếng gà bôi vào, thì cũng cầm được cơn nhức nhối. Nhưng kiếm đâu ra gà trong trại tù. Anh bị bò cạp cắn run lập cập và nghiến răng, trợn mắt như sắp chết. Một anh bạn tù già thấy vậy, bảo rằng không cứu gấp thì có thể đứng tim mà đi thăm ‘Các Mác, Lê Nin’. Anh ấy bảo rằng, không chắc lắm, nhưng để anh thử. Anh ngồi xuống sát người bệnh, kéo quần ra, và dùng dầu dương vật rà vào vết bọ cạp cắn, quét qua, quét lại. Anh em tù nhân, người thì cười, người thì chế nhạo. Có người la lên là thấy người ta bị nạn, lợi dụng làm càn. Nhưng lạ

lùng thay, chỉ mấy phút sau thì khuôn mặt nạn nhân dần ra, và nét đau đớn biến dần, một lúc sau thì hé mắt lơ lơ nhìn anh em. Đêm đó nạn nhân ngồi dậy được, và sáng hôm sau lại bị đi lao động như thường. Anh em thán phục anh bạn tù chữa bọ cạp cắn bằng lối kỳ dị. Anh cho biết rằng, chữa bằng bộ phận đàn bà thì còn hiệu nghiệm hơn nhiều, và có thể chữa bất cứ loại côn trùng độc nào, đây là kinh nghiệm chữa độc của đồng bào thiểu số. Anh bạn cựu thanh tra giám sát viện kể xong, chúng tôi cũng nghi ngờ câu chuyện khó có thật, nhưng anh bạn này ít khi đùa giỡn, anh đứng đắn đạo mạo từ thời còn học tiểu học. Tuy không tin, nhưng một lần vợ tôi bị ong cánh vàng chích, bị dị ứng nên cánh tay sưng to màu đỏ . Đau quá chịu không nổi, nên dù đang ban đêm, cũng phải kêu đến bệnh viện hỏi. Y tá trực cho biết rằng, dù có đưa tới bệnh viện, cũng chẳng được gì, và yêu cầu đắp baking soda, và chườm nước đá . Chúng tôi làm theo, nhưng không bớt đau đớn. Thấy vợ đau đớn quá, tôi nhớ cách chữa bệnh khi bị bò cạp cắn . Tôi bảo vợ nhắm mắt lại, quay đầu về phía khác, và tôi cũng rà thử. Đang rà, thì vợ tôi quay đầu lại, kêu thét lên và nắm tôi thùm thụp, và khóc bảo :

"Trong lúc em đau đớn như thế này, mà anh còn nhẫn tâm đùa như thế được?"

Tôi giải thích cách nào, vợ tôi cũng không nghe và không tin.

Một chị bà con xa, có chồng làm nghề châm cứu tại một thành phố miền nam Vịnh San Francisco, một thành phố nhỏ mà cư dân toàn những người giàu có. Đại đa số bệnh nhân của anh là người da trắng già cả. Các cụ nhức mỏi, đau đớn khớp xương, đau đớn bắp thịt liên miên, khách hàng của anh đông đảo, và tha hồ mà hốt tiền của các cụ. Anh vừa châm cứu, vừa kể chuyện khôi hài, vừa giảng giải thiền, nói về lẽ vô thường của kiếp nhân sinh, xin các cụ bỏ mọi chuyện âu lo ra ngoài, xem lẽ sống và cái chết cũng tương đồng. Với cái vốn liếng tiếng Anh ba dọi, và ăn nói ngọng nghịu, anh cứ chậm rãi mà nói, từ từ mà giải thích, không cần các cụ có nghe và hiểu hay không. Nhưng các cụ thích lắm, và cảm thấy bớt bệnh rõ ràng, bớt âu lo, bớt mất ngủ. Thế đó, nhưng vợ anh thì mang chứng nhức đầu kinh niên từ thuở nhỏ, không ai chữa trị khỏi, chị uống thuốc đau đầu hàng ngày, ba bữa như ăn cơm, từ mấy chục năm nay. Một lần chị nghe có ông thầy võ dùng nội công chữa được trăm bệnh, cả bệnh AID, bệnh ung thư, theo như quảng cáo trên báo.

Chị kể rằng, chị đến xin chữa bệnh, ông thầy bắt viết cam kết là lỡ có chết cũng không kiện. Phải trả trước tiền khám bệnh, bằng tiền mặt, nửa giờ tám mươi đồng Mỹ kim. Sau đó định bệnh, và cho biết tổng cộng phải tốn kém bao nhiêu. Ông đưa chị vào phòng khám bệnh nhỏ, bảo nằm sấp xuống, ông cưỡi lên mông chị, nhún nhún mấy cái rồi hỏi bằng tiếng Anh:

"Are you feeling good?". (Tạm hiểu là chị có thấy sướng không?)

Chị vừa xấu hổ vừa giận, dùng tiếng Bắc đặc giọng chửi lớn, tru tréo lên rằng :

"Bố tiên sư nhà mày, xuống ngay, đồ khốn nạn ".

Có người nghe chuyện, cho rằng có lẽ cách nói của ông thầy võ làm chị hiểu lầm mà thôi. Cũng hôm ấy, một chị khác kể về ông thầy võ đó rằng, chị đến khám bệnh vì thấy báo chí đăng quảng cáo là chữa bệnh cứu đời. Chị giả khám bệnh để làm quen, hỏi thăm cho một người bà con bị bệnh nan y. Cũng nạp tám mươi đồng khám bệnh, cũng làm giấy cam kết chết không kiện. Ông thầy võ trông tráng kiện đẹp trai lắm, ông bóp tay, nắn chân chị, và bảo tìm được bệnh rồi. Muốn chữa thì phải tốn bốn mươi lăm giờ, tổng cộng bảy ngàn hai trăm đồng đô-la Mỹ,

phải đóng ba ngàn sáu trăm đồng tiền mặt trước mà không trả lại. Ông sẽ dạy chị những thể luyện công, chị sẽ về nhà tập. Chị nói hỏi thăm cho trường hợp người bạn không có lợi tức. Ông thầy từ tốn giải thích rằng :

"Mỗi người có một nhiệm vụ, tôi có nhiệm vụ chữa bệnh, người bệnh có nhiệm vụ trả tiền, không nên lẫn lộn việc này với việc kia."

Theo chị nghĩ, thì ông thầy nác chữa bệnh có hiệu quả cho nhiều người thật, nhất là những người già cả thiếu vận động. Vì ông lấy tiền công đắt quá, con bệnh tiếc tiền, nên về nhà chuyên cần tập những động tác mà ông gọi là "luyện nội công", vận động tay chân, cơ thể, và từ đó thân thể khỏe mạnh và bớt bệnh khác. Tôi đem áp dụng lối "luyện công" để chữa bệnh cho mẹ một người bạn thân. Bà đau lưng, nhạt miệng, tay chân bải hoải, mất ngủ, không muốn cử động. Bạn tôi năn nỉ mẹ tập thể dục, loại nhẹ nhất như phát tay mỗi ngày, nhưng bà làm được vài lần thì bỏ. Không thuyết phục mẹ được, anh bạn nhờ tôi. Bà vốn sẵn thương tôi như con từ thời còn nhỏ, tôi đi chợ trời mua được một tượng Phật khá nặng, đóng vào hộp, dán nhãn và ghi giá hai ngàn rưỡi đồng Mỹ kim. Nói dối là thỉnh từ Nepal về, đem đến để bác

mượn chữa bệnh. Tôi nói là tượng này hấp thụ được khí âm dương của trời đất, ai ôm nó thì khí trời đất sẽ thấm vào người mà khỏe mạnh, trường thọ. Mỗi ngày ôm tượng đi quanh sân bốn mươi chín vòng niệm chú, thì rất có công hiệu. Nếu muốn có công hiệu hơn, thì ngoài việc bế tượng đi quanh sân, để tượng lên bàn Phật, đánh chuông niệm Phật, cứ mỗi tiếng chuông, thì nằm sấp lạy một lạy và đọc một câu kinh. Khi nào làm được bốn mươi chín lạy là lúc tất cả bệnh hoạn được khai trừ. Bà vốn sẵn có niềm tin tôn giáo, cứ thế mà làm theo. Chỉ một thời gian ngắn, ăn được, ngủ được, thân thể khỏe ra, có thể đi chơi xa được.

Từ ngày biết chữa một ít bệnh theo ngoại khoa, tôi cũng bớt được những bệnh nhức đầu, sổ mũi thông thường. Cứ thấy hơi mệt là xoa bóp các huyết đạo chủ yếu cho máu huyết lưu thông, cho cơ thể thêm sức kháng bệnh, do đó mà qua được những cảm cúm hàng năm. Đồng thời, có thể tạm cầm đau trong vài trường hợp để được chữa trị tận gốc, nhưng nhiều lúc cũng gặp không ít rắc rối. Những trường hợp bất đắc dĩ chữa bệnh, và may mắn có hiệu quả, tôi chỉ tin là gặp may, hoặc trùng hợp tình cờ như trăm ngàn tình cờ khác. Nhưng những lỗi chữa

bệnh ngoại khoa, thì tôi tin chắc là công hiệu, tuy vậy, không giải thích được . Tôi rất ít tin tưởng về những đường kinh mạch, âm dương, ngũ hành tương khắc, hàn nhiệt, vì nó mơ hồ chứ không rõ ràng mạch lạc như Tây y, có thí nghiệm, có chứng minh đàng hoàng, có thống kê, có giải thích .

Tuy vậy, nền y học dân gian đã có từ ngàn năm, và nhiều cách trị bệnh cũng rất hiệu quả mà chúng ta chưa giải thích được. Đôi khi vẫn tự chữa bệnh cho mình, nhưng trong lòng tôi không một tin tưởng nào, và làm với tính cách cầu may. Có ai mách bảo một cách chữa mẹo mới, thì tôi cũng thờ ơ bỏ ngoài tai, cho đến khi cần lắm, thì đem ra thí nghiệm, chứ không hề quan tâm. Ở nước Mỹ mà làm lang vườn, thì rất có nhiều cơ hội bán nhà đèn tiền sạt nghiệp ./.

Đi Tìm Hơi Ấm Đồng Hương

Con sông Illinois bốc khói mịt mù như có đám cháy lớn trong mấy ngày liên tiếp, rồi đá cục nổi lều bều, lổn nhổn trông rất hỗn độn. Sau đó thì mặt sông băng thành đá cứng phẳng lì, yên lặng, và phủ đầy tuyết màu trắng.

Mùa đông năm 1981 đó, sở khí tượng tiểu bang Illinois ghi nhận mức độ lạnh kỷ lục trong vòng năm mươi năm. Hàn thử biểu tụt xuống đến trừ tám mươi độ F khi có tác dụng của gió. Tuyết bay mịt mù trời đất. Tuyết được dồn thành những đống cao ngút bên hai lề đường. Sở Công Chánh của thành phố vất vả đêm ngày, gọi xe cào tuyết xúc dọn những con đường chính của thành phố, để xe cộ có thể lưu thông. Những con đường phụ, thì tuyết ngập cao, không biết đâu là lòng đường, lề đường, băng phẳng như một góc của thảo nguyên miền địa cực.

Thở ra mịt mù như đang thổi khói thuốc lá, tôi thử khạc một bãi nước bọt, nhổ lên tường nhà xem có tạo thành tiếng kêu “cong” như người ta thường nói dóc hay

không. Ông bạn tôi nói: “Lạnh như thế này, thì có lẽ khi tiểu tiện ngoài trời, nước đóng thành một cái cây đá cong cứng, nổi từ dưới đất lên bụng”. Tôi nói đùa: “Thôi thôi, áo quần bảy tám lớp, làm sao mà tiểu tiện ngoài trời được. Có kéo ra được, thì e gió lạnh thổi, nó đóng thành băng và gãy mất thôi.”

Tay tôi, mang vớ len dày, bên ngoài trùm thêm vớ da. Thế mà hai bàn tay cũng tê buốt, mấy ngón tay cứng lại, khó cử động. Chân tôi mang hai lớp vớ bông, đi giày tuyết, thế mà cũng nhức nhối cả bàn chân khi bước ra đường. Bên trong nhà, hơi thở ẩm làm tuyết đóng dày, trắng xóa, làm thành cái gờ to bao quanh thành cửa sổ. Chúng tôi tưởng cái lạnh này là bình thường ở các xứ tuyết, nên khi nghe các ông bà Mỹ than lạnh quá, thì tôi cũng ngạc nhiên.

Vợ tôi nói, còn một tuần nữa là Tết Nguyên Đán. Tôi không trả lời nhưng trong lòng cũng thấy xao xuyến. Chỉ có trợ trợ hai gia đình Việt Nam trong cái thành phố Morris nhỏ bé với dân số bảy ngàn người này. Thành phố nằm về phía Tây Nam của thành phố Chicago, khoảng cách gần hai giờ lái xe. Chỉ hai gia đình thôi, thì ăn Tết

với ai đây. Vui gì mà Tết nhất. Tôi nói với vợ:

“Hay là em thử kêu điện thoại cho anh chị Hy xem, họ có tính chuyện Tết nhất gì không. Họp nhau lại ăn Tết cho đỡ buồn.”

Vợ tôi kêu điện thoại, chị Hy bên kia giây nói:

“Sắp Tết rồi mà chúng tôi đâu biết, nếu anh chị không nhắc, thì có lẽ nó qua đi lúc nào chẳng hay. Tết rồi sao? Đây là cái Tết đầu tiên của tôi trên đất Mỹ. Anh chị có tính gì không, cho chúng tôi theo với.”

Với chúng tôi, tuy không là Tết đầu tiên, nhưng trong lòng cũng không yên, nghe đâu đó có chút gì xôn xao, chờ đợi. Mấy cái Tết đầu, khi chúng tôi còn ở miền Tây nước Mỹ, vợ tôi chờ cho đến giao thừa, bốc điện thoại kêu chúc mừng năm mới bà con, bạn bè. Kêu điện thoại đường dài. Đánh thức bà con bạn bè dậy lúc nửa đêm. Nhiều người đang ngái ngủ, bực mình, nói chuyện lạt lẽo qua loa rồi gác máy. Cái hờn hờ của vợ chồng tôi bị cụt hứng nhiều lần. Ông anh vợ tôi, đi du học và ở lại Mỹ làm việc đã nhiều năm, ở tận miền đông, cách chúng tôi ba múi giờ, ông hỏi rằng:

“Có việc gì khẩn cấp không? Sao mà dựng cổ anh dậy lúc ba giờ sáng để chúc Tết. Có khùng chưa? Sao không đợi đến sáng mai rồi kêu?” Vợ tôi ngần ngừ đáp:

“Bây giờ là giao thừa!”

“Giao thừa. Hừ, giao thừa. Ở Mỹ cũng có giao thừa sao? Ha ha ha. Thôi, cô đừng kêu điện thoại cho ai khác nữa mà làm phiền họ.”

Nhờ anh, mà vợ chồng tôi dè dặt hơn, và sau này biết mình làm cái việc chúc mừng năm mới hơi lố.

Thế nhưng trong lòng chúng tôi chưa nguôi lạnh được với cái tục lệ Tết đã ăn sâu vào trong tiềm thức từ thuở nào. Chúng tôi nhất định năm nay phải ăn Tết cùng gia đình anh Hy. Tôi nói:

“Tết mà không có bánh chưng, mứt, hạt dưa thì chẳng có mùi vị Tết. Có khác chi hộp mặt ăn bình thường. Nhưng thôi, có hộp nhau ăn Tết, còn hơn là quanh năm không có ngày nào Tết cả. Mình không có đạo, nên ngày Chúa giáng sinh cũng không đèn đóm, không cây thông, không bánh trái. Giáng sinh Mỹ thì nhà nhà đóng cửa, như lén lút ăn với nhau, không cho thiên hạ biết. Đường sá vắng hoe, không rần rần đi dạo phố nữa khuya quanh nhà thờ như bên mình. Không

mời bạn bè, tiệc tùng đông đảo lúc nửa đêm. Mình không là Mỹ, thì Tết Tây cũng lạt phèo, không có chi vui, vợ chồng nằm nhà xem truyền hình.”

Chúng tôi bàn chuyện Tết với gia đình anh Hy. Vợ chồng anh mừng lắm, và hẹn sẽ cúng ông bà theo lối tập thể. Bàn bàn thờ cúng chung. Anh Hy sẽ xin nghỉ việc một ngày, đưa chị Hy và vợ tôi về Chicago, xuống phố Tàu, mua nếp, hạt dưa và các thứ cần thiết để mừng xuân.

Sau khi đi Chicago về, anh Hy rồi rít báo cho tôi biết là có gặp anh Sáu Nạc, anh này đang ở trong một tu viện tại thành phố La Salle, cách thành phố tôi chừng bốn mươi lăm phút lái xe. Sáu Nạc đề nghị tổ chức ăn Tết chung cho dân Việt Nam tị nạn trong vùng. Anh sẽ mượn hội trường của tu viện để tổ chức Tết. Anh liên lạc với những gia đình Việt Nam tị nạn rải rác trong các thành phố hẻo lánh của tiểu bang. Kêu điện thoại cho họ, và hẹn ngày giờ tụ họp làm một cái Tết nhớ quê hương. Qua niên giám điện thoại, anh đã liên lạc được mười mấy gia đình trong tám thành phố khác nhau. Chưa quen biết nhau, nhưng thấy có cái tên Việt Nam là kêu liền, và khi liên lạc được, họ rồi rít đón mừng, cảm động. Anh

bảo những người này tìm kiếm thêm đồng hương, và nhấn nhau về La Salle ăn Tết. Có gia đình ở dưới miền nam, tận tỉnh xa cũng hẹn về họp mặt.

Tôi nhớ rõ, nhờ cuốn niên giám điện thoại mà quen biết anh chị Hy. Khi công ty chuyển tôi từ California lên đây để gia nhập đoàn chuyên viên đang lo xây cất một nhà máy năng lượng hạt nhân trong vùng. Loại nhà máy này thường xây tại các nơi dân cư thưa thớt, để tránh sự chống đối của các nhóm bảo vệ môi sinh, và nếu lỡ có tai nạn, thì cũng bớt ảnh hưởng đến đông đảo dân chúng. Nằm trong khách sạn Holiday Inn, tôi dở cuốn điện thoại, tra tìm từ họ Nguyễn, họ Trần, họ Lê, họ Phan và qua các họ lớn khác, không thấy một ai tên Việt Nam. Lật lui lật tới mãi nhiều lần, tôi tìm được cái tên Dong Hy. Tôi thầm nghĩ, không chừng ông này người Tàu, là hậu duệ của ông Đồng Trác. Thử gọi điện thoại xem sao, nếu không phải Việt Nam thì xin lỗi, có mất gì đâu. Qua phút đầu tiên ngỡ ngàng, khi anh Hy biết tôi đang ở trong thành phố này, anh vui mừng ríu rít, dù là đã chín giờ đêm, anh đòi đến khách sạn gặp tôi ngay. Anh đem cả bà mẹ già, vợ và hai con còn ẵm trên tay đến thăm xã giao. Hai vợ chồng cười vui ríu rít,

mừng như anh em trong nhà lâu ngày mới gặp lại nhau. Bà mẹ anh nắm tay vợ tôi mà nước mắt rưng rưng vì mừng. Chị Hy cho biết, trong thành phố này chỉ có gia đình anh chị là người Việt Nam nên rất thèm gặp đồng hương. Mỗi khi đi Chicago qua phố Tàu, thấy những cái đầu đen, thì lòng chột ảm lại và nghe hân hoan. Gia đình anh chị Hy được nhà thờ bảo lãnh đến đây. Nhà thờ rất tử tế. Buổi đầu họ cung cấp nhà ở, trả luôn tiền điện nước. Mỗi tuần đưa đi chợ hai lần, và trả luôn tiền chợ. Sau mấy tuần, họ kiếm việc cho anh Hy làm trong một cơ xưởng tu bổ tàu thuyền. Phần việc của anh là cạo sét vỏ tàu. Treo mình tòn ten bên ngoài thành tàu mà gõ sét. Mùa hạ thì nắng nóng đốt cháy da thịt, khát nước liên tục, mùa đông thì gió tuyết quật, rét cắt da, gió hú ào ào. Nhưng anh Hy rất sung sướng và thỏa mãn với công việc đang làm. Lương đủ nuôi vợ, hai con nhỏ và một bà mẹ già. Chị Hy thì thỉnh thoảng đi lau chùi nhà cửa cho các ông bà già trong thành phố kiếm thêm tiền. Bà mẹ anh Hy là người Tàu chính gốc. Bà lưu lạc đến Việt Nam lúc mới mười lăm tuổi, và xem Việt Nam như quê hương. Mỗi lần nói chuyện, bà thường nói “bên mình” để chỉ cái quê hương Việt Nam

của bà. Anh chị Hy khẩn khoản yêu cầu chúng tôi ở lại thành phố này, dù cái nhà máy chúng tôi đang xây nằm bên thành phố La Salle. Chúng tôi cũng mừng vì có đồng hương, chị Hy cùng vợ tôi chạy quanh tìm nhà thuê mà không có, phải nhờ bà bảo trợ của gia đình chị hỏi giúp. Bà vào nhà thờ, rao báo lên. Cuối cùng tìm được cho chúng tôi thuê nhà ông John. Ông ở tầng dưới, và tầng trên có cầu thang riêng, đầy đủ bếp núc, phòng khách, phòng ngủ, phòng tắm để cho thuê. Mỗi chủ nhật, chúng tôi ra nhà anh Hy chơi, có khi cùng ăn cháo trắng buổi sáng với cà na. Bà cụ thường lên rưng rưng nước mắt với vợ tôi, bảo là chị Hy không tốt, vì có lúc chị đánh thẳng cháu nội của bà, và chị biết bà đau nhức xương cốt mà bắt ăn cà na, nhức xương thêm. Vợ tôi làm cho bà một hộp thịt chà bông lớn. Bà cảm động lắm. Thấy bà cô đơn, chúng tôi thường chở bà đi chơi, đưa bà vào quán Mỹ, mời bà ăn vài món lạ, cho bà uống sữa quây nước dâu. Bà vui mừng và nói líu lo như đứa bé. Vợ chồng tôi cũng vui lây.

Anh Sáu Nạc dặn mỗi người đem một món đến ăn Tết. Tôi lãnh phần nấu bánh chưng theo lối cấp tốc. Cứ nấu riêng nhân đậu, thịt heo, và ba nồi xôi lớn có trộn phẩm ăn màu

xanh lá chuối. Xôi phải nấu thật khô. Tôi dùng cái hộp sắt hình vuông làm khuôn. Cắt đáy hộp, lát giấy nhôm, bỏ xôi vào chừng nửa hộp, sau đó bỏ nhân đậu xanh và thịt heo vào, phủ thêm một lớp xôi nữa. Gói lại, dùng tấm gỗ mà nén thật chặt. Dùng cái búa nện cho chắc hơn. Vợ tôi bảo đừng nện chặt quá, cơm nếp nát ra thành bánh dày, khi mở ra thấy kỳ lắm. Cột thêm dây bên ngoài. Tôi đặt tên là “bánh chưng mạo hóa”. Trong một buổi tối, tôi làm được tám cái bánh chưng lớn. Vợ tôi lo ngại sẽ không tiêu thụ hết mấy cái bánh này, rồi đem bỏ đi thì tội của trời. Những năm nào, chúng tôi không bao giờ dám phí phạm thức ăn. Vì chúng tôi đã từng đói ăn trong thời đất nước đang “tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa”. Chúng tôi đã gần chết đói khi thuyền chết máy trôi dạt trên biển khơi. Mấy cái bánh chưng tôi làm vuông vắn, cứng và đẹp hơn cả bánh chưng thật. Đồ giả thường đẹp hơn đồ thật. Vợ chồng anh Hy xuyết xoa khen mấy cái bánh chưng của chúng tôi. Tôi dấu không cho họ biết cách nấu bánh chưng giả này.

Ngày họp mặt ăn Tết được chọn vào thứ bảy, vì chủ nhật nhà thờ làm lễ. Tuyết bay ngập trời, đan dày kín, thu ngắn tầm

nhìn trước mặt. Quạt nước quay liên tục gạt tuyết. Tôi lái xe chạy trước, xe anh Hy bám theo sau. Phải chạy cách nhau một quãng dài, để kịp thắng khi cần. Gió hú ào ào như ma quỷ kêu gào dọa dẫm. Hai bên đường tuyết đóng thành những cánh đồng trắng xóa ngút ngàn. Có khi tuyết ngừng rơi, nhìn xuống cuối chân trời, trước mặt và hai bên, không thấy bóng cây, nhà cửa, nông trại. Tuyết mênh mông, trời đất trắng mênh mông, không có đường chân trời, hai chiếc xe lầm lũi đi tìm hơi ấm đồng hương, chờ những con người còn nặng lòng thương nhớ nước non. Con đường liên tỉnh, mỗi chiều có một dòng xe, vắng hoe, như một con rạch chạy dài uốn khúc, hai bên tuyết đóng ụ cao. Những bầy chim nhỏ màu đen đói khát, đậu trên mặt đường tìm chút hơi ấm của khói xe còn vương đọng lại, chúng bay vù lên khi tránh xe đi qua, rồi đáp xuống lại trên đường. Vợ tôi thắc mắc không biết tuyết mênh mông trời đất như thế, thì lũ chim này ăn cái gì mà có thể sống qua suốt mấy tháng mùa đông. Trời lạnh cần nhiệt lượng, bụng mau đói, mà chỉ có tuyết trắng bao phủ dày đặc, đâu có ăn tuyết mà sống được. Từ tỉnh lộ, chúng tôi bắt qua xa lộ, xe cộ đông đảo hơn. Hai

ven đường, năm bảy chiếc xe vận tải hàng, lớn như những căn nhà, bị trượt bánh, lật nằm ngả nghiêng. Những ông tài xế đường dài kia, chạy xe bất kể ngày đêm, đi bằng qua lục địa Mỹ, đi từ bờ Thái Bình Dương qua đến bờ Đại Tây Dương và ngược lại. Chuyên chở hàng hóa, thực phẩm, và phải giao hàng đúng hạn kỳ vì sợ bị hư thối, hoặc chậm trễ công việc thương mại. Các ông sống với sương gió nắng mưa dọc theo xa lộ nhiều hơn sống trong nhà, họ thiếu ngủ thường trực. Xe thì lớn cồng kềnh, dài lòng thòng, chỉ cần một sơ xuất nhỏ là gây tai nạn dính chum. Tôi nhìn những chiếc xe ngổn ngang chổng gọng nằm giữa tuyết ở hai ven đường mà cảm thương cho người, và sung sướng cho mình, không phải cực nhọc vất vả như cuộc đời của những người tài xế kia.

Đi qua khỏi cánh đồng tuyết mênh mông, thì thấy cái tháp chuông nhà thờ nhọn, nhú lên lơ mờ ở chân trời. Cứ nhắm hướng đó mà đi tới. Tuyết lại đổ mịt mù, che mắt không gian trước mặt. Từng vờ tuyết lớn úp chụp vào kiếng xe. Con đường trơn trượt, tôi chạy chậm lại chờ xe anh Hy. Thấy xe anh Hy dừng, tôi lái xe thụt lùi lại hỏi. Anh Hy quay kiếng xuống nói vọng qua:

“Tuyết đổ dày quá, không thấy đường mà lái. Dừng lại chờ cho bớt cơn bão tuyết rồi đi.” Tôi nói lớn trong gió gào:

“Không được. Dừng lại thì tuyết nó phủ dày, ngập bánh xe, không lái ra khỏi ụ tuyết đâu. Vả lại, dừng xe mà nổ máy, khói xe độc lắm, có thể chết người.”

Chúng tôi chạy xe thật chậm, cẩn thận trên con đường vắng hoe. Cuối cùng, cũng đến nơi. Tu viện lớn như tòa lâu đài cổ, nhiều căn nhà ngang dọc. Sân tu viện trắng xóa mênh mông. Trong bãi đậu xe đã có gần chục chiếc, đa số là xe cũ, kèn càng, móp méo. Đúng là xe của những người tị nạn, thừa hưởng được từ lòng nhân ái của các hội nhà thờ đem tặng. Tôi và anh Hy xốc nách dìu bà cụ của anh, đi qua cái sân đầy tuyết. Bà cụ không đi, mà xìa chân ra trượt trên tuyết và cười hăng hắc vui vẻ.

Trong hội trường đã xôn xao tiếng người. Đa số đến trước giờ hẹn. Họ nôn nao quá, phải đi cho sớm để gặp đồng hương. Hai dãy bàn dài có trải khăn trắng, đã bày sẵn nhiều loại thức ăn khác nhau. Phía cuối tường có kê một cái bàn, làm bàn thờ tổ quốc, bên sau treo lá cờ lớn. Anh Sáu Nạc chạy lui chạy tới, tíu tít bận

bịu. Mọi người đều góp tay vào việc sửa soạn. Không có ai là chủ, ai là khách.

Thế mà có gần đủ các món Tết của Việt Nam. Hạt dưa, mứt, dưa món, củ kiệu, bánh dày, bánh chưng, bánh da lợn, bánh đúc, bánh bò, thịt kho nước dừa, có cả một nồi bún bò, và một thùng phở. Mọi người hớn hờ vui cười nói chuyện hàn huyên. Tất cả có mười lăm gia đình, được bốn mươi sáu người. Gia đình anh Hy đông nhất, có bà cụ, hai vợ chồng và hai đứa con nhỏ. Có nhiều gia đình chỉ độc nhất một người như anh Sáu Nạc, Chị Nha, bà Trang, ông Phú và mấy người thanh niên khác nữa. Họ đến từ nhiều thành phố khác nhau trong các vùng phụ cận : Rochelle, Morris, Peru, Kewanee, Streator, Chillicothe, Pontiac, Peoria. Mười lăm gia đình ở chín thành phố khác nhau. Tất cả đều dọn áo quần năm bảy lớp, làm cho thân thể sưng phồng lên tròn vo, trong lúc mặt mày còn xương xẩu, gầy còm, khắc khổ. Chứng tích của những ngày thiếu thốn trong trại tị nạn, và đậm nét hơn của những năm hòa bình, bữa khoai sắn, bữa bo bo, bữa cháo, bữa cơm.

Họ cười cười, nói nói hân hoan, nhưng trong ánh mắt họ chan chứa sâu thẳm

nỗi buồn, không ai dấu được ai. Một anh lớn tuổi nhận xét:

“Trong một đám đông Á Châu, thì người ta có thể nhận ra ai là Việt Nam ngay, vì trên mặt họ không che dấu được nỗi buồn sâu kín.”

Có người hỏi lại:

“Tại sao mà buồn? Đã tìm được tự do, đã sống trên miền đất mơ ước còn buồn cái gì?”

“Anh nói lạ chưa. Nước mất, nhà tan, gia đình ly tán khắp năm châu, kẻ tội tù, người bị đày đoạ. Bạn bè, anh em, kẻ chết chìm đáy biển, người chết khô trên rừng, và người ở lại thì không thấy bóng tương lai. Họa là sắt đá mới không biết buồn. Ngay cả những nụ cười khi lòng hân hoan, cũng có cái buồn phảng phất đâu đó trên môi, trong ánh mắt.”

Tôi nhìn sâu vào mắt những người đồng hương thờ dài. Có lẽ cũng phải mười năm, mười lăm năm nữa, may ra họ mới quên lãng và hết buồn. Gặp gỡ, họ xoắn lấy nhau chuyện trò, như những người bạn thân thiết lâu ngày. Đủ thứ chuyện trời đất mưa nắng. Nhưng nhắc nhở nhiều nhất là chuyện quê nhà ngày xưa, những êm đềm hạnh phúc trong quá khứ, và những gian nan

cay cực đã qua trong xã hội mới, những hiểm nguy khi đi tìm tự do.

Sáu Nạc nói với tôi rằng quê anh ở Rạch Giá. Trước năm 1975, anh mơ ước hòa bình bằng mọi giá. Quốc gia hay cộng sản anh không cần, chỉ cần được sống yên bình, không còn chiến tranh, chết chóc. Anh đã né tránh tham gia vào cuộc tương tàn bằng cách trốn đi lính. Trốn chui nhủi như một con thú. Khi nào cũng sợ bị bắt. Hòa bình đến, mừng như cất được gánh nặng ngàn cân. Nhưng nổi vui mừng tắt ngay và nhận ra, thà có chiến tranh mãi mãi, để còn chút không khí tự do, còn hơn là thứ hòa bình khủng khiếp lạ kỳ này. Anh vượt biển với hai đứa em, một trai một gái. Hai đứa đã bỏ mạng trên biển, chỉ còn mình anh đến được bến bờ tự do. Anh được tu viện bảo trợ đến đây. Cho một căn phòng để ở, cơm nước có các Bà Chị nữ tu nấu nướng cho toàn viện. Áo quần cũng được các chị giặt giúp. Công việc hàng ngày của anh là ngồi trên xe cắt cỏ, cắt từ đầu này đến đầu kia khu vườn của tu viện rộng mênh mông này. Khi cắt đến cuối vườn, thì đầu kia cỏ cũng đã mọc vừa cao, quay trở lại cắt nữa. Cứ thế mà ngồi trên xe suốt cả mùa xuân mùa hạ. Đến mùa thu thì vừa cắt cỏ vừa thổi và hót lá

vàng, liên tục từ sáng cho đến chiều. Mùa tuyết đổ, thì suốt ngày ngồi trên xe xúc tuyết, ủi sạch tuyết cho xe lưu thông trong khuôn viên tu viện. Trong tu viện, ai cũng làm việc, không việc này thì việc kia, chẳng ai ngồi không. Nhà thờ rất công bằng và tử tế, trả lương cho anh theo số giờ làm việc. Bởi vậy nên anh háng hái hơn và thấy vui hơn trong khi làm. Ở đây rất tự do, muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm, không ai bó buộc. Miễn sao công việc hoàn tất thôi. Mỗi thứ bảy, chủ nhật anh chạy xe về Chicago chơi, thăm viếng bạn bè, vào khu phố Tàu ăn uống, mua các thức cần dùng, rồi lang thang trong các phố Tàu để có cảm giác như gần gũi với quê nhà hơn. Anh thấy được yên ổn sống trong tu viện này là quá hạnh phúc, quá sung sướng. Anh nghĩ rằng, ngày xưa, ông Ngô Đình Diệm khi qua Mỹ lánh nạn, sách viết rằng, ông cũng được sống trong một tu viện, có lẽ cái tu viện đó tương tự như tu viện này. Và có lẽ, ông cũng được nhà thờ cho công việc làm để có chút tiền tiêu và quên ngày tháng buồn bã nơi đất khách quê người. Trong thành phố La Salle này, chỉ có anh Sáu Nặc là người Việt Nam thôi. Gia đình Việt Nam ở gần anh nhất, là anh chị Trương, ở một thành phố phía Bắc, cách nhau chừng

bốn mươi dặm. Anh Trương trước là quan tòa, ngồi xử án thiên hạ. Sau năm 1975 thì đi tù. Nhờ có thân nhân làm lớn trong ngành công an, móc nối với chỉ huy trưởng trại cải tạo, đút lót tiền bạc, được về sớm hơn bạn bè. Anh đóng tiền đi vượt biên bán chính thức theo người Tàu. Anh Trương trắng trẻo như một thư sinh. Anh cho biết đang làm nghề hái nấm cho một nông trại trong tỉnh. Nấm trồng trong nhà lồng lớn, có giàn kệ cao, nhiều lớp chồng lên nhau. Suốt ngày anh đứng chàng hảng, đập chân lên hai cái giàn kệ cạnh, lua tay vào bên trong nhặt nấm. Theo anh, thì công việc cũng nhẹ nhàng. Ai chăm có thể làm một ngày mười hai tiếng, và nếu muốn, thì làm luôn cả thứ bảy, chủ nhật. Vợ chồng anh đều làm cho nông trại trồng nấm này. Đứa con được xe trường đưa rước tận nhà mỗi ngày. Anh cho rằng, đây là thiên đường tìm thấy, không cần đi tìm đâu xa xôi. Tiền lương tiêu không hết, đời sống an bình hạnh phúc. Căn nhà ba phòng, có vườn rộng mênh mông, thuê rất rẻ. Chị Trương thả gà, trồng hoa quả, rau ráng trong mùa nắng ấm. Mùa đông thì họ rút vào phòng, đốt lò sưởi, xem truyền hình, nghe nhạc. Mỗi tháng, họ lái xe về Chicago một lần mua các thức ăn khô Á Đông. Tôi gợi ý cho anh Trương tìm

cách ghi danh vào các đại học, kiếm một nghề chuyên môn, để đời sống khá hơn. Anh Trương cười và nói với giọng vui vẻ:

“Mình đi tìm tự do. Có được tự do là quý rồi. Lại được thêm ấm no hạnh phúc nữa. Đòi hỏi thêm làm gì. Tôi đang có sự an bình, thanh thản, sung sướng. Bỏ cái đang có, đi tìm cái chưa có, e thêm khổ thân mà thôi. Trong trại năm này, tôi thấy công việc dễ dàng, tốt đẹp, thế mà rất nhiều người đến đây, làm vài tuần, vài tháng, rồi bỏ đi, uổng quá.

Họ không thấy được cái hạnh phúc của đời sống an bình, thì đi đâu họ cũng không tìm được cả.” Tôi ngần ngại nói thêm:

“Ở đây cô quạnh. Anh chị không thấy buồn? Vả lại, anh chị lại có trình độ sẵn, đi học cũng mau” Anh Trương cười ha hả:

“Học! Chính vì cái học mà bị đi tù ba năm. Khi tôi đi tù, thì bố tôi thường than rằng, nếu tôi chịu ở nhà làm ruộng như mấy ông anh, đừng đi học, thì đâu đến nỗi tù tội cho khổ cái thân. Còn cô quạnh, thì cũng có chút chút. Nhưng tôi nhớ khi còn ở trong nước, tôi và bạn bè thường mơ ước được ra sống ngoài hoang đảo, để khỏi bị phiền nhiễu, lo âu trong chế độ mới. Bây giờ, ở đây, một

xứ văn minh, có thành phố, có con người, thì cái cô quạnh này có đáng gì.”

Nói xong, anh Trương quay qua hỏi một ông đứng bên cạnh:

“Tôi nghĩ như thế có đúng không anh Dương?”

“Đúng hoàn toàn. Ở đâu tìm được an bình hạnh phúc, thì nơi đó là thiên đường hạ giới.”

Anh Dương trả lời, y hết giọng điệu anh Trương. Anh Dương chừng trên dưới bốn mươi tuổi. Khi ở Việt Nam, anh hành nghề bác sĩ, vợ anh là dược sĩ. Hai vợ chồng đang làm công nhân cho một chợ tạp hóa Mỹ. Ngày ngày sắp xếp rau cải, trái cây lên quầy, phun tưới nước, dọn dẹp bên trong, bên ngoài. Anh chị có hai đứa con đang học trung học. Nhiều bạn bè rủ anh chị về California để học thi, trở lại nghề cũ, nhưng anh cảm thấy tạm bằng lòng với đời sống hiện tại, và tìm được an bình trong đời sống đơn giản nơi đây, không muốn đi đâu cả. Vả lại, anh chị không muốn làm xáo trộn việc học hành của con cái. Anh cũng từng đi tù. Cũng từng trở lại nghề cũ, nhưng chán ngấy với những gò bó, ép buộc. Anh đã bỏ nghề, theo vợ chạy ngược xuôi chợ trời buôn bán thuốc tây, áo quần cũ, đồng hồ, máy móc. Vắt giò lén lút chạy quanh

chợ trời, mà anh thấy vui và thoải mái hơn là đến nhà thương nghe chỉ thị, học tập, đường lối, chính sách. Anh đi vượt biển không tốn tiền, vì được mời làm bác sĩ cho chuyến tàu hơn hai trăm người, trên tàu có những gia đình giàu có, họ cần bác sĩ để phòng khi bất trắc. Nhưng ra biển, anh say sóng nằm dài. Cả thuyền cũng không ai chăm sóc được ai. Gia đình anh được một họ đạo bảo trợ về thành phố nhỏ hẻo lánh này. Anh có ý định, viết một tập hồi ký, gọi là lịch sử dân gian. Anh sẽ không viết về những trận đánh, những hiệp ước, những chính quyền. Mà chỉ viết lại trung thực về đời sống trong dân gian của một giai đoạn khổ đau trong lịch sử. Viết với sự bình tĩnh, khách quan, không để tình cảm thương ghét, căm giận xen vào sự kiện. Anh sợ người đời sau quên, con cháu quên, rồi lại dẫm lên vết xe đổ cũ. Anh sợ những bóp méo lịch sử làm sai lệch sự thực, đời sau không ai còn biết đến những điều kỳ lạ đã xảy ra trong xã hội của thời đại qua. Và nếu không ai viết, thì đời sau làm sao còn có những tài liệu để truy tìm sự thực.

Trong đám đồng hương, người rầu rĩ ít nói nhất là ông Nguyễn. Vợ và bảy đứa con nhỏ của ông đã chết trên biển. Ông cười mà

cái miệng méo xệch như đang khóc, và tiếng cười nghẹn trong cổ họng càng giống tiếng khóc hơn. Ông may mắn sống trong thành phố có đến ba gia đình Việt Nam. thỉnh thoảng họ ghé thăm nhau cũng đỡ buồn. Có người nói, ông đang dự tính dời nhà về vùng Hoa Thịnh Đốn, nhưng nghe nói mãi mà chưa thấy ông ra đi. thỉnh thoảng, ông được chị Hòa cho mượn mấy tờ báo Việt Nam đọc, ông quý và trân trọng giữ gìn cẩn thận. Chị Hòa tốt nghiệp kỹ sư hóa học, qua Mỹ từ hồi 1975, được hãng Du Pont thuê, và đang làm việc cho một nhà máy biến chế hóa học trong vùng. Chị là một trong ba gia đình Việt Nam của thành phố mà ông Dương đang ở. Bố mẹ chị thỉnh thoảng gửi sách báo Việt nam cho chị đọc, như một món ăn tinh thần. Chị thường than, là nếu làm việc mãi nơi đây, thì làm sao mà có chồng được. Tuổi tác chị cũng đã trên dưới ba mươi rồi.

Đúng mười một giờ, cụ Trần, người lớn tuổi và chững chạc nhất, dâng hương lên bàn thờ tổ quốc. Cụ thắp hương và vái ba lạy về hướng Tây Nam, nơi mà cụ nghĩ là quê hương Việt Nam nằm về phía đó. Anh Sáu Nạc bắt nhịp, cùng tất cả đồng hương hát quốc ca Việt Nam. Lần đầu tiên nghe lại bản quốc ca sau nhiều năm dài, trái tim tôi

nhói lại, lòng xúc cảm dạt dào. Nhiều người không cầm được lòng, để nước mắt chảy xuống hai dòng tràn trề trên má. Nhiều bà thút thít khóc, vừa khóc vừa hát. Khi hát xong, bà cụ anh Hy hỏi nhỏ:

“Sao không ca cải lương cho vui, mà ca cái bài gì lạ hoắc, làm nhiều người buồn khóc?”

“Đây là bài quốc ca” Vợ anh Hy nói nhỏ.

Bà cụ nói lại với giọng miền Nam run run:

“Uất ca! Uất chết được đi chớ. Đang sống yên lành, họ từ ngoài Bắc vô, cấm đủ điều, cấm buôn bán, cấm làm ăn, ngăn sông cấm chợ, xô người ta ra biển, bỏ cả mồ mả cha ông mà chạy. Phải rồi, hát ‘uất ca’ là đúng”

Sau bản quốc ca, là một phút mặc niệm cho những đồng bào đã bỏ mình trên biển khơi khi đi tìm tự do. Vừa nghe xong, thì ông Nguyên, người có vợ con chết biển, úp hai tay vào mặt và chạy mau ra khỏi hội trường. Anh Sáu Nặc vội vã đuổi theo ông Nguyên.

Sau nghi thức, mọi người nhập tiệc. Tôi hơi ngượng khi nghe có bà nào đó nói:

“Bánh chưng ngon tuyệt. Ai nấu bánh chưng đây? Ngồi canh lửa nấu bánh

ngày tết thật là vui. Ở đây mình mất cái thú đó rồi”

“Bánh đầy hơi cứng. Hay là vì trời lạnh làm bánh khô, ăn như ăn cơm nếp.”

Vợ tôi nói:

“Bánh này do ông xã em nấu đó. Ông nấu một..”

Tôi vội vã đá vào chân vợ tôi dưới gầm bàn, và nói mau, nhỏ nhỏ:

“Thôi, em đừng nói thật làm bà con mất vui. Cứ để họ thưởng thức cái hương vị bánh chưng của họ trong quá khứ. Bật mí ra làm chi.”

Mấy người mang tô nhựa đến nồi phở, đứng chờ thành hàng dài. Chị chủ nhân nồi phở hớt hở trưng lại bánh phở, múc nước lèo, gắp thịt thái sẵn, bỏ hành ngò, mùi phở thơm tho bốc lên trong cái hội trường đóng kín.

“Ngon không thua gì phở Pasteur. Cho em thêm cái hành trần đi. Trời lạnh, ăn phở nóng là lên thấu thiên đàng.”

Mấy người khác, đưa tô cho chị người Huế múc bún bò. Trên mặt nồi bún bò, nước ớt màu đỏ lờm đong váng. Một anh nói:

“Bún bò có cả giò heo nữa, thật là đúng điệu. Chị cho thật nhiều nước cay vào. Không cay, thì bún bò mất đi một phần ngon.

Bún bò mà không cay, thì cũng như đàn bà con gái không trang điểm nhan sắc. Vừa ăn vừa khóc cũng không sao.”

Dù cho bánh phở và bún được biến chế từ các loại mì dẹp và mì sợi của Ý, thứ mà người Mỹ gọi là pasta và spaghetti, nhưng mọi người đều tận tình thưởng thức, hết lời khen các chị nấu ngon, có tài xoay xở trong hoàn cảnh khó khăn.

Lúc quá trưa, thì có hai xe của các gia đình Mỹ bảo trợ đến chung vui. Trời bão tuyết, mà họ cũng lặn lội đến ủng hộ tinh thần, mới thấy tấm lòng tử tế của họ. Hai ông bà Mỹ già trên dưới sáu mươi, và hai vợ chồng trẻ khác.

Tôi hỏi chị Hoa:

“Bà bảo trợ của chị phải không? Thật là quý hóa. Bà tên gì để tôi ra chào?”

Chị Hoa đỏ mặt nói lí nhí:

“Tên kỳ lắm, khó nghe, nói ra mắc cỡ cái miệng. Bà A-Địch đó (Adith). Lần đầu tiên nghe tên bà, em cười đến đau cả ruột.”

Tôi cười và nhớ đến câu “Ăn thích dịch, ngựa thích, dịch thơm mùi mịch” của mấy ông bạn ngày xưa hay trêu ghẹo nhau.

Hai cặp vợ chồng người Mỹ bảo trợ, được bà con tiếp đãi ân cần. Họ là đại diện cho những ân nhân, cho nhà thờ, đã mở

rộng vòng tay nhân ái, vòng tay tình thương, tiếp đón những con người trôi sông lạc chợ, gạt nước mắt lìa bỏ quê hương ra đi đến phương trời vô định, tương lai vô định. Các ông bà bảo trợ ăn thử từng món, món nào cũng khen ngon, cũng hít hà rồi rít. Không biết họ có khen thiệt tình, hay chỉ khen vì tội nghiệp cho cái đám người tị nạn nhếch nhác lồi thoi ngơ ngáo đó. Khi ăn một miếng bánh da lợn, bà Mỹ già hỏi:

“Bánh gì đây?”

Vì vốn liếng Anh ngữ còn loạng quạng, một anh trả lời bằng cách dịch từng chữ của bánh da lợn ra tiếng Anh: “Pig skin cake” (Bánh da heo) Bà Mỹ già quát lên:

“Cái gì ? Da heo?”

“Đúng”

Bà Mỹ già như ghen trong hòng với miếng bánh đang ăn. Bà ngậm miếng lại, với vẻ mặt bối rối, như muốn nhổ ra, mà vì lịch sự không dám nhổ ngay. Bà Mỹ trẻ thì rùn hai vai lại, há miệng thè lưỡi ra sợ hãi. Hai ông chồng thì cười hóm hỉnh. Sau đó mấy ông bà Mỹ được mời ăn món phở, mỗi người một tô nhỏ. Các ông bà khen ngon, và hỏi cách nấu phở ra làm sao. Tội nghiệp chị Hương, mệt phờ, đổ mồ hôi hột, dùng tay chân, và cái vốn Anh ngữ đơn sơ của

chị để dạy mấy bà Mỹ nấu phở. Có lẽ hai bà Mỹ không hiểu chị muốn nói gì, nhưng cũng gật đầu vui vẻ như sẽ nấu được phở ngay. Chị người Huế ngồi bên nồi bún bò thấy phở được khen rồi rít, chị kêu tôi mời mấy ông bà Mỹ ăn bún bò. Tôi chào và kéo mấy ông bà qua nồi bún bò, nói:

“Món này cũng ngon đặc biệt, phát xuất từ cố đô Huế của chúng tôi, nơi vua chúa ngự trị mấy trăm năm.”

Chị nấu bún bò vui cười, sung sướng, tôi dặn chị cho ít ít nước cay mà thôi. Chị nói rằng, trời lạnh mà ăn bún bò giò heo này, thì phải nhớ một đời. Chị lựa mấy cái giò heo vừa dài, vừa lớn bỏ vào từng tô. Tôi đưa ra mời, mấy ông bà Mỹ vui cười, mỗi người cầm một tô. Chưa ăn thì bà Mỹ trỏ chỉ vào cái chân giò, có lông lún phún hỏi:

“Cái gì đây?”

Tôi chưa kịp đáp, thì anh Sáu Nặc đã nói lớn, dịch chữ móng giò heo ra là “pig leg nail”. Hai bà Mỹ tròn tròn mắt cùng thét lên:

“Móng chân heo?”

“Vâng, ngon lắm, ăn đi.”

“Không không, chúng tôi no lắm rồi, không ăn thêm được đâu.”

Ông Mỹ già lịch sự nói. Cả bốn người đều đặt những tô bún bò xuống bàn. Mặt

mày họ lộ vẻ khiếp đảm. Sau đó , họ không dám ăn thêm một món nào nữa. Chị nấu bún bò người Huế ngơ ngác mở to mắt hỏi tôi. Tôi giải thích cho chị rằng, có lẽ họ chưa quen ăn móng giò heo nên sợ. Chị chíp miệng, tiếc mấy người khách kia chưa kịp nếm thử bún bò mà đã từ chối không ăn.

Mấy chị tụ họp kể chuyện xưa bên nhà, những kỷ niệm vui, những ngày Tết, những loại cây trái, bánh mứt. Rồi kể đến một thời khó khăn trong xã hội mới, những cay cực phải chịu, những gian nan khi liêu thân ra biển. Một chị rưng rưng nước mắt khóc, nói rằng không biết giờ này cha mẹ bên Việt Nam đang làm gì. Nước mắt của chị như làm mờ cho những chị khác. Máy chị cũng méo miệng khóc thút thít, rồi khóc to thành tiếng, nhiều chị khác không cầm được lòng, khóc theo. Tiếng khóc vang như có đám ma. Mấy người đàn ông cũng đỏ hoe con mắt.

Anh Sáu Nạc run run nói : “ Lạ chưa? Việc chi mà khóc! Có tự do, có cơm áo hạnh phúc rồi, sao còn khóc?”.

Nói mạnh thế, nhưng trông mắt anh cũng nhạt nhòa ướt. Anh lấy khăn giấy lau mắt, và cắn môi lại cho khỏi khóc thành tiếng.

Mấy ông bà Mỹ bảo trợ, ngạc nhiên hẳn khoản hỏi tôi có chuyện gì xảy ra? Tôi đáp gọn: “Họ khóc vì thương nhớ quê hương”. Bà A-Dịch nói nhỏ: “Hình như các người trăm cay ngàn đắng mới trốn thoát ra khỏi quê hương. Sao còn thương nhớ mà khóc lóc đến thế?”. Tôi muốn trả lời với bà rằng, bà không là người mất quê hương, làm sao hiểu được tấm lòng chúng tôi, nhưng tôi sợ mất lòng không dám nói ra./.

Vợ Đại

Ông An bực mình gắt vợ:

“Đổ xăng từng lít thế này làm sao mà đi xa được. Bà đưa thêm tôi năm đồng nữa, chứ đổ xăng chạy từng đoạn một, ai mà chịu nổi”.

Bà An ngồi nhìn ra phía trước, mặt lạnh lùng bảo:

“Chạy hết thì đổ thêm, đổ làm chi cho nhiều, không chừng nó bay hơi đi, phí phạm”.

Ông An bực lắm, nhưng không lẽ gây gổ làm cho ngày mất vui. Mới đổ xăng xong, mà cái kim chỉ mức xăng xuống lơ chỉ xuống hướng tám giờ, gần vết đỏ báo động. Bị hai chiếc xe ém hai đầu, ông chưa tiện ra, thì bà An đã nói:

“Anh chờ chi nữa mà chưa cho xe ra? Khoảng cách rộng thế mà không ra xe được sao? Tôi thấy mấy người khác làm cái vèo là xong. Anh lái xe dở như hạc”.

Ông An thôi bực mình vì những lời chê bai của vợ, vì nghe quá thường. Ông chậm rãi giải thích:

“Lái xe cần nhất là cẩn thận để tránh tai nạn, nóng nảy gây tai nạn phiền phức và tốn kém lắm”.

Bà vợ chêm vào:

“Có gì thì bảo hiểm nó đền, việc gì phải lo”.

Khi ông đang lái xe trên đường, bà la lối:

“Tôi bảo chạy xe trên làn bên phải, sao anh ra làn ngoài hoài vậy?”.

Ông An ậm ừ:

“Tôi lái xe hay bà lái đây? Xe bên trong nó đậu chặt như vậy, làm sao đủ chỗ mà không lái ra ngoài. Này, bà để tôi lái, làm rộn, phân tâm dễ sinh ra tai nạn”.

Im lặng được vài phút, bà An quay qua chồng hỏi:

“Sao cái quạt gió trong xe hồi này nó yếu, hơi mát không ra nhiều. Chắc anh để ông thợ sửa xe kỳ trước làm hư mà không bắt đền. Chỉ có một chiếc xe thôi mà không biết giữ gìn cho tốt. Rồi phải tốn thêm tiền nữa đây”.

Ông An không thèm trả lời câu hạch hỏi của vợ, đưa tay kéo cần điều chỉnh hơi

quạt từ vị trí phá mù qua vị trí hơi gió thổi vào lòng xe. Hơi gió mát thổi vù vù, bà cười bảo:

“Ừ, có thể chứ, tưởng đâu anh không lo giữ gìn, để chúng làm hư mà không biết”.

Xe đang chạy ngon trớn, bà An la lên:

“Queo trái, queo trái vào ngõ trước mặt”.

Ông An không kịp đổi lần, không kịp nhìn xe bên hông để xem có an toàn hay không, cho nên chạy thẳng và tìm cách quay lui. Bà An nói:

“Chưa thấy ai lái xe dở như anh. Phản ứng chậm chạp như ông cụ già. Thế mà khi nào cũng khoe là lái giỏi, chưa bao giờ bị tai nạn”.

Bị chê nữa, ông gằn giọng:

“Có giỏi thì lái đi. Lái cho chết sớm, cho què cụt, đi xe lăn sớm”.

Khi đèn xanh vừa bật, ông chờ các xe hướng khác dừng hẳn, cho an toàn, mới quay đầu ngược lại, thì bà tru tréo lên:

“Đèn xanh rồi mà không đi. Anh chờ ai? À thì ra thấy con nhỏ lái xe bên kia trẻ đẹp thì anh nịnh đầm, nhường đường cho nó chứ gì? Tôi biết mà, anh thấy đàn bà thì tối mắt”.

Ông An bức trong lòng, ông đâu có biết người lái xe bên kia là đàn ông hay đàn bà, chứ đừng nói thấy được đẹp xấu. Bởi thường bị vợ gây gổ trong lúc lái xe, ông An đã tập cho bà biết lái, để bà hiểu thêm về luật lệ, và khi cần, bà có thể đi một mình, không cần nhờ vả ai. Nhưng bà lái xe quá chậm, như chạy chiếc xe hư. Mỗi lần ông nhắc bà chạy nhanh hơn, thì bà cáu bẳn, la lối rằng bà thấy không cần chạy mau. Bà chạy trong làn xe của bà, ai muốn mau thì qua làn xe khác mà chạy. Không việc gì mà than phiền, không việc gì mà bức bối vô lý. Cho đến khi bà bị cảnh sát phạt vì tội lái xe chậm, cản trở lưu thông. Bà cãi nhau với ông cảnh sát:

“Lái xe chưa quen thì phải chạy chậm chớ. Ngày trước khi mới tập lái xe, ông cũng phải chạy chậm như tôi, tại sao lại phạt tôi?” .

Ông cảnh sát lịch sự nói:

“Nếu chưa lái xe quen, thì tập cho quen, rồi hãy ra đường. Làm cản trở lưu thông thì phải bị phạt”.

Bà không bằng lòng, và nhất định không chịu nộp phạt, vì bị xử ép. Mấy lần ông An định viết ngân phiếu trả tiền phạt, nhưng bà cản lại và làm ồn ào. Bà nói:

“Tôi không nộp phạt, xem chúng nó làm gì tôi. Ưc hiếp người ta vừa thôi chứ ?”.

Ông An giải thích:

“Không nộp tiền phạt thì tòa án ra trát truy tầm, và khi tìm gặp, thì có thể bị còng tay, ở tù”.

Bà sùng sộ:

“Làm gì mà còng tay, đây là xứ tự do, đâu phải là xứ cộng sản, mà muốn bắt tù ai cũng được sao?”.

Biết không giải thích cho vợ được, ông An nhờ bạn bè giải thích, nhưng bà An cũng nghe, cười chứ không tin. Ông An phải dấu bà, mà ký ngân phiếu trả tiền phạt. Sau này, bà biết được, bà khóc lóc và nhiếc mắng ông:

“Thứ chết nhất, thế mà cũng từng chỉ huy, từng ra trận. Chắc ngày xưa ra trận nghe súng nổ là chạy dài, bỏ cả quân sĩ”.

Nghe vậy, ông An nóng mặt, chỉ thẳng vào bà mà nói:

“Bà im đi, vừa phải thôi. Hết chịu nổi rồi, tôi cho mấy đám rồi ra sao thì ra” .

Bà An sợ, bỏ đi và làm bầm:

“Đừng dở thói vũ phu, không được đâu. Kêu cảnh sát còng tay cho mới tởn”.

Ông An nóng giận mà nói, nhưng nói xong thì ông thấy mình lỡ lời, và biết có nói dịu dàng thì bà cũng chẳng nghe. Ông chỉ thờ dài.

Suốt thời trai trẻ, ông An mãi lo việc chinh chiến, vào sinh ra tử, không có thì giờ nghĩ đến việc lập gia đình. Tốt nghiệp trường sĩ quan chuyên nghiệp, gia nhập binh chủng nhảy dù, chỉ huy một tiểu đoàn thiện chiến. Nơi đâu chiến sự nóng bỏng, chết chóc, nguy hiểm, khó khăn, thì nơi đó tiểu đoàn của ông được vận chuyển đến tham chiến. Kỷ luật là sức mạnh quân đội, ông tin thế, và thi hành kỷ luật như một tín điều sùng bái. Nhờ đó mà quân sĩ dưới quyền bớt hao hụt, bớt chết chóc vì sơ sót, chênh mảng. Ông An vui vẻ, nhưng khó tính, và khi nói chuyện thì như gầm gừ, như ra lệnh cho thuộc cấp thi hành chỉ thị.

Khi miền Nam thua trận sắp sụp đổ thì ông đang nằm dưỡng thương tại bệnh viện. Chưa bình phục, nhưng ông cũng xin ra tiền tuyến chiến đấu. Rồi may mắn, ông chạy thoát được ra biển sau khi Tổng Thống tân nhậm của miền Nam tuyên bố đầu hàng. Ông đến Mỹ, ngoài nỗi buồn tha hương, ông còn ám ức vì cuộc chiến thất bại như một trò chơi ngu xuẩn lạ lùng.

Không đánh mà bỏ chạy tán loạn rồi tan hàng, thua trận. Nhiều đêm, ông không ngủ được, ngồi bên thềm hút thuốc lá trong sương lạnh cho đến khi trời sáng, thay áo quần đi làm luôn. Ở sở, ông làm việc chăm chỉ, giỏi, năng suất cao, và sản phẩm có chất lượng. Nhưng ông chủ thì thích ông lắm, vì làm ra tiền cho họ, nhưng những người chỉ huy trực tiếp thì ghét ông cay đắng, vì ông sẵn sàng gây gổ nếu thấy bị ép, sẵn sàng thôi việc nếu không bằng lòng cách đối xử. Nhiều người bà con, bạn bè khuyên ông nên lập gia đình, cho đời sống tha hương bớt cô đơn buồn tẻ, và có niềm an ủi trong cuộc đời. Người anh rể nói đùa:

“Có gia đình, thì không còn thì giờ nghĩ đến chuyện đại sự, chỉ lo đối phó với bà vợ thôi cũng đã hết thì giờ, hết tâm trí, thì giờ đâu mà nghĩ đến nỗi đau thất trận chạy dài. Có gia đình là yên ổn hết. Chuyện đã qua rồi, không lật trở lại được, thì quên đi mà sống”.

Nhiều người giới thiệu các cô gái của bà con, bạn bè cho ông. Ông không chọn nhan sắc, ông không chọn giỏi dang, cũng không chọn người ăn nói khôn ngoan khéo léo. Ông chọn một cô hiền lành, vui vẻ. Cô này khi nào cũng nhắm mắt cười và tin cả những điều ngây ngô. Ông An lý luận rằng,

người ngu một chút thì dễ dàng có hạnh phúc, dễ hòa thuận và ít lý sự. Vợ khôn quá, thì chỉ tổ cho vợ chồng tranh đua, cãi nhau suốt ngày, khẩu chiến dằng dai, chẳng được gì. Theo kinh nghiệm ông biết qua gia đình bạn bè, thì có rất nhiều bà tìm cách lấn lướt chồng, nay lấn một chút, mai lấn thêm chút nữa, và lấn mãi, lấn mãi cho đến khi ông chồng mềm như con bún thiêu, như tấm mền rách, không còn sức đối kháng. Bà vợ cứ thế mà chỉ huy, mà gay gắt sai bảo, mà quyết định nhiều điều phi lý, không cần ý kiến ai. Khi đó, chồng không còn chút quyền hành nhỏ nhoi nào trong cái gia đình “chuyên chính” ấy cả. Những người chồng yếu đuối ở thế hạ phong này, thường được bên nhà vợ khen là hiền lành, dễ thương, và con gái họ tốt phước, lấy được chồng hiền khô. Nhưng bên gia đình của chính các ông, thì ông bị chê bai là sợ vợ, bạc nhược, hèn nhát, đội vợ lên đầu, không đáng làm đàn ông. Cùng một người, mà mỗi bên đánh giá mỗi cách, hoàn toàn khác biệt. Với suy tư và kinh nghiệm trong cuộc sống, ông An chọn cho ông một người bạn đường ‘hơi quê một chút, hiền lành và hơi dại một chút’, thì sẽ hợp với cái tính quen chỉ huy của ông. Nhưng ông lầm.

Mỗi năm sau khi làm tờ khai thuế xong, là ông An phải năn nỉ, thuyết phục ráo riết để bà ký vào mà gởi đi .

Có lần bà không chịu ký, ông phải làm đơn xin gia hạn. Bà thường lên giọng hạch hỏi:

“Mục này là mục gì? Ở đâu ra? Có giấy tờ gì chứng minh không?”.

Ông phải dở bản hướng dẫn khai thuế, tìm, và chỉ cho bà cái con số bà muốn biết ở đâu ra. Thế nhưng có khi bà cũng cho rằng, ông không hiểu hết ý nghĩa của đoạn hướng dẫn này. Ông chịu thua. Bà thường đưa lý do:

“Mọi người đều lấy lại tiền thuế rất nhiều, mà tại sao mình không lấy về được. Anh không biết khai thuế. Khai thuế dở . Anh khai làm sao lấy được nhiều tiền thuế về, thì tôi mới ký” .

Bà xem chuyện ký vào tờ khai thuế là một ân huệ dành cho ông. Ông An cố gắng giải thích, nhưng bà không chịu hiểu, và cố tình không hiểu. Ông chỉ ôm đầu mà than:

“Ngu quá trời ơi. Sao mà ngu đến thế được?”.

Nghe thế, bà An chồm lên gậy gõ ồn ào như vợ chồng sắp đến hồi ly dị, xa nhau. Một lần, bà nghe theo lời bạn, bảo ông chở

qua thành phố lân cận nhờ khai thuế, trong buổi chiều ngày cuối cùng của hạn nộp thuế, ông chở bà đến cơ sở khai thuế, ngồi xếp hàng chờ, có cả chục người, chờ cho đến khuya. Ông khai thuế đọc sơ tờ nháp của ông An rồi nói:

“Khai được như thế này thì cần chi phải nhờ đến tôi?

Tôi đâu có làm chi hơn được cho ông đâu”.

Ông An nói :

“Nhờ ông nói cho bà xã tôi rõ”.

Bà An nói lớn:

“Ông nhà tôi không biết khai thuế, người ta ai cũng lấy thuế về nhiều, còn chúng tôi có năm phải đóng thêm, thế thì không tức sao được”.

Từ đó, ông An tìm ra phương sách tránh rắc rối, là không tự khai thuế nữa, dẫn vợ đến các nơi dịch vụ khai thuế, tốn mấy chục đồng, mà được yên ổn. Thế mà cũng có khi bà Hoa không chịu, bà tìm đến nơi khác nữa, nhờ khai lại, xem có lợi thêm được chút nào không, khi tốn thêm tiền, bà lại cáu bẳn và gắt gỏng ông:

“Chỉ tại anh dở, không biết khai thuế đúng cách nên phải tốn tiền. Người ta ai

cũng lấy về khối tiền thuế, trong lúc mình lại phải trả thêm.”

Mỗi khi xe hư hay trong nhà điện nước có vấn đề, là ông An khổ tâm lắm. Dụng cụ như búa, kềm, khóa mở đinh ốc không có. Bà không chịu để cho ông mua. Những lúc này, ông phải dùng dao, dùng kéo để cạy, để vặn mà sửa chữa, vừa khó khăn vừa không làm được. Ông chỉ giận và than một mình:

“Ngu quá, ngu quá” .

Bà lấy lý do là điện nước và xe không phải hư hỏng thường xuyên, và những thứ dụng cụ đó không cần thiết để phí tiền mua. Một lần ông lén mua một hộp dụng cụ, gồm một ít đồ tối thiểu, bà biết được, bèn khóc lóc, gây gổ, nhin ăn, và buộc ông phải đem trả lại. Thái độ bà khẳng khẳng làm ông phải nhượng bộ cho yên nhà yên cửa. Ông cũng buồn, vì không có dụng cụ, không tự sửa chữa được những hư hỏng vặt vãnh trong nhà. Và dù thuở nhỏ học trung học kỹ thuật, ông cũng dần dà trở nên kém cỏi, vụng về, ít hiểu biết về bệnh xe, sửa chữa điện nước thông thường. Ông anh bà An biết em mình đại mà không khuyên bảo được, mua tặng cho ông An một hộp đồ nghề trong mùa giáng sinh, gồm các loại khóa mở đinh ốc, kềm, búa. Ông An mừng như bắt được thùng

vàng. Những khi ông An sửa chữa hư hỏng lật vật trong nhà, thì bà đứng bên cạnh xem, và bảo ông phải làm thế này, phải làm thế kia. Vặn ốc chiều nay, dùng cây kèm kia. Dù bà không biết, không hiểu, nhưng cũng chỉ chỗ hướng dẫn và ra lệnh. Khi ông không làm theo lời bà, thì bà bảo rằng:

“Anh hay chống đối, hay làm ngược lại những ý kiến của tôi”.

Đôi khi bực quá ông gắt:

“Không biết thì để tôi làm. Không biết mà cứ ưa làm thầy người khác, ưa dạy điều tào lao. Mười chuyện không làm theo lời bà một chuyện là chống lại bà. Chống bà thì tôi được cái gì ? Bà biết làm thì xắn tay vào làm đi”.

Ngay cả rửa chén bát, bà cũng đứng bên cạnh để chỉ huy, phải rửa cái này trước cái kia sau, phải vặn nước nóng, nước lạnh. Ông bực lắm, hai môi bặm lại, mặt cứ găm găm như sắp đánh đấm với ai.

Những khi vợ chồng vui vẻ, ông kể chuyện vui cho bà nghe, có khi bà hiểu lầm ông ám chỉ bà. Thế là khóc lóc, cãi vả, và phun ra nhiều câu hỗn láo khó nghe. Những khi gặp khó khăn phiền toái của ông ở sở, ông cũng không hề dám kể lể, tâm sự cùng bà để chia sẻ, để bàn cãi. Nói cho bà

biết, thì chỉ có bị xỉ vả nặng lời, bị cho là đại, kém, ngu. Nhiều lúc ông giận càn hông, đập tay vào tường rầm rầm. Ông có khẩu súng mua từ khi chưa lập gia đình, ông tháo ra, và đem quăng xuống hồ sâu. Ông sợ có ngày không kèm được cơn giận mà bắn ầu. Mỗi lần bà xem được quảng cáo trên truyền hình hoặc trên báo, thấy hàng bán rẻ là bà yêu cầu ông chở đi mua. Chỉ vì lợi được một đồng bạc cho mấy cuộn giấy đi cầu, mà phải lái xe xa cả tiếng đồng hồ, tốn hết cả chục bạc tiền xăng, chưa kể hao mòn xe, chưa kể mất luôn cả nửa ngày công, nhưng bà cũng quyết đi cho được, và hớn hờ vì tiết kiệm được một vài đồng. Ông cố gắng giải thích cho bà nghe, mà bà không chịu hiểu, và không muốn hiểu. Riết rồi ông không cần giải thích nữa, cứ phí thời gian, phí tiền bạc, nhưng khỏi phải lý giải, trình bày khó khăn.

Từ ngày lấy vợ, ông mất dần gần hết bạn bè. Bà cho rằng đàn ông gặp nhau nói toàn chuyện trên trời, dưới đất, không bổ ích gì, không lợi lộc gì. Bà ngăn cản ông gặp bạn bè, và bạn bè đến nhà ông, thì chỉ vài lần thôi, thấy thái độ của bà, họ không đến nữa. Ông An cũng tự an ủi mình, hạnh phúc gia đình là ưu tiên chính yếu, làm sao giữ cho êm ấm,

phẳng lặng. Bà hạn chế tối đa việc đi ăn đám cưới. Bà thường nói:

“Tại sao phải đi đám cưới con bạn bè? Chúng nó có biết mình là ai đâu mà có biết đi nữa, thì việc gì mà phải tốn tiền cho chúng. Chúng nó lấy chồng lấy vợ cho chúng nó, mình mắc mớ gì mà phải đi và cho tiền mừng” .

Ông nói với bà:

“Mai đây, con mình nó lấy vợ lấy chồng, thì ai mà đi đám cưới đây?” Bà bảo:

“Tôi không cần ai cả. Con mình còn nhỏ, chuyện ấy còn xa vời” .

Ông mượn cho bà một sổ sách dạy về xã giao, cách sống ở đời, bà không đọc mà nói :

“Những thứ này, ai không biết, mà phải viết sách cho tốn kém, mất thì giờ”.

Những khi đi ăn tiệm, bà tiếc tiền không ăn, và chỉ ăn một phần do ông sốt cho. Thường ông kêu món gì, bà cũng bảo là đừng ăn món đó, vì dở, và bà ép ông phải ăn theo món bà đề nghị. Ông bực mình hỏi:

“Thứ nhất, anh ăn món này hay em ăn, thứ hai là em đã ăn món này tại đây chưa mà cho là dở? Thứ ba tại sao em bắt anh phải ăn món mà anh không ưa thích?”.

Bà giận nói:

“Anh chỉ thích kêu món đắt tiền mà chưa biết là ngon hay dở. Anh thường ưa phung phí tiền bạc.”

Khi mua bảo hiểm xe, thì bà nhất định chọn loại bồi thường thấp nhất, và khi xe có một vết trầy trụa nhỏ, thì bà dục ông kêu bảo hiểm yêu cầu bồi thường. Ông giải thích là hư hỏng dưới mức chi phí mình phải chi ra. Bà giận dữ nói:

“Thế thì mua bảo hiểm làm chi. Tôi sẽ kêu bảo hiểm, và anh sẽ thấy họ bồi thường cho anh xem”.

Bà kêu điện thoại báo cho công ty bảo hiểm, họ giải thích, và bà nhất định không chịu hiểu, cho rằng hãng bảo hiểm lừa gạt. Bà dọa sẽ kiện ra tòa, và buộc ông An đi tìm hãng bảo hiểm khác, thật thà hơn.

Một lần ông An đọc báo, viết về những người trúng số độc đắc, kể cho bà nghe làm vui. Có câu chuyện một ông làm ở Đại học Berkeley, trúng năm triệu đồng, ông cho nhà trường một triệu, mua cho bà vợ một món nữ trang 50 ngàn đồng. Năm năm sau, hai vợ chồng ly dị. Bà An chồm lên mà xỉa xói:

“Trúng 5 triệu lại cho trường đại học hết một triệu, mà chỉ cho vợ món nữ trang 50 ngàn thôi. Trúng là phải chia đôi chứ.

Con người bần tiện như thế, thì bỏ đi là phải.”

Rồi bà đi theo ông mà mắng mỏ, cắn nhằn mãi. Ông bỏ ra vườn xới mấy gốc cây cho khỏi bực cái con ráy. Bà chạy theo ra, và tiếp tục than thở. Ông nhìn bà mà nói :

“Có phải anh trúng năm triệu đâu mà em cứ hành hạ anh mãi thế. Anh mà trúng năm triệu thì e em giữ hết, không biết anh có giữ lại được năm trăm để thù tiếp bạn bè không. Em có muốn than vãn, cắn nhằn, thì nhờ người đưa lên Berkeley mà cắn nhằn ông kia. Rồi ông ta kêu cảnh sát còng tay cho vì tội mạ lỵ vô cớ.” Bà An bỗng quay lại hỏi:

“Kỳ này anh có mua một vé số phải không? Đâu rồi? Đưa cho tôi xem.”

Ông An bảo là để trong ví, bà muốn xem thì vào lục quần ông mà xem. Bà nằng nặc đòi ông phải đi lấy tấm giấy số cho bà xem. Ông An nói là đang lờ tay làm đất, nó còn đó, không mất đâu mà sợ. Bà cứ nằng nặc quấy rối, ông phải rửa tay, đi lấy tấm giấy số giao cho bà. Xem tờ vé số, bà khóc gào lên:

“Anh định nếu trúng thì lãnh lấy một mình, hay bỏ trốn mẹ con tôi phải không? Tại sao mặt sau tấm vé số không ghi tên anh và

tên tôi. Tôi biết mà, đàn ông bội bạc lắm. Giàu đổi vợ sang đổi bạn. Âm mưu của anh không dấu được tôi đâu.”

Rồi bà khóc lóc, kể lể, gán cho ông những lời khó nghe. Ông đến gần bà bảo:

“Đâu, em đưa tấm vé số đây, anh ghi tên vào.”

Ông lấy tấm giấy số trên tay bà, xé vụn, ném vào gốc cây. Bà thét lên:

“Anh không có quyền xé đi. Tiền này là tiền chung, anh không có quyền gì cả”.

Bây giờ thì đã muộn, ông An mới hiểu rằng, vợ hiền và vợ dại hoàn toàn khác nhau. Người hiền không chắc đã dại, người ta có thể vô cùng khôn ngoan hiểu biết, nhưng hiền lành. Còn người dại thường bị xét đoán lầm là người hiền. Dại, và thiếu hiểu biết, cộng lại thành một loại người khó thông cảm, khó hòa đồng cùng nhân quần xã hội.

Quá trễ rồi, ông An đành chịu thua tất cả, để giữ cho cái hạnh phúc gia đình mong manh này. Để cho các con khỏi phải khổ. Mặc gia đình, bà con bạn bè chê trách ông không biết cách cư xử với vợ. Họ không dám dùng chữ “dạy vợ”, sợ các bà nghe được, nổi máu tam bành lên thì lời thôi lớn. Một người bạn trêu ông An sửa câu nói “Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới

về” thành câu “Lạy con thuở còn thơ, lạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”.

Ông An rán giữ sao cho gia đình càng ít sóng gió càng tốt. Ông không có hy vọng chuyển hóa được bà, chịu thua, và tự quy lỗi cho mình, đã xét đoán sai. Bây giờ thì chỉ cố gắng làm sao cho gia đình yên ổn, cho con cái yên tâm sống trong hạnh phúc ít ỏi đó. Ông thường nói với những đứa cháu nhỏ sắp lập gia đình:

“Đừng vì một khuôn mặt đẹp mà lấy nhầm bà vợ ngu. Khốn đốn và bất hạnh như xuống thấu địa ngục vậy”. /.

Mục Lục

Triết Lý Củ Khoai	4
Phiên Phiên Tuổi Già	25
Ơn Đời Chứa Chan	48
Mài Dao Dạy Vợ	62
Tấm Lòng Cậu Chó	78
Biết Đâu Là Khởi Cuộc Rong Chơi	93
Ngộ Đạo Đất Trời	113
Tuổi Già Là Thời Sung Sướng	141
Vợ Hiền	164
Mặc Áo Diêm Vương	190
Xứ Khỉ Khôn	225
Bạn Thơ	245
Tạo Nhân	274
Lang Vườn Bất Đắc Dĩ	290
Đi Tìm Hơi Ấm Đồng Hương	325
Vợ Dại	353
Mục Lục	371